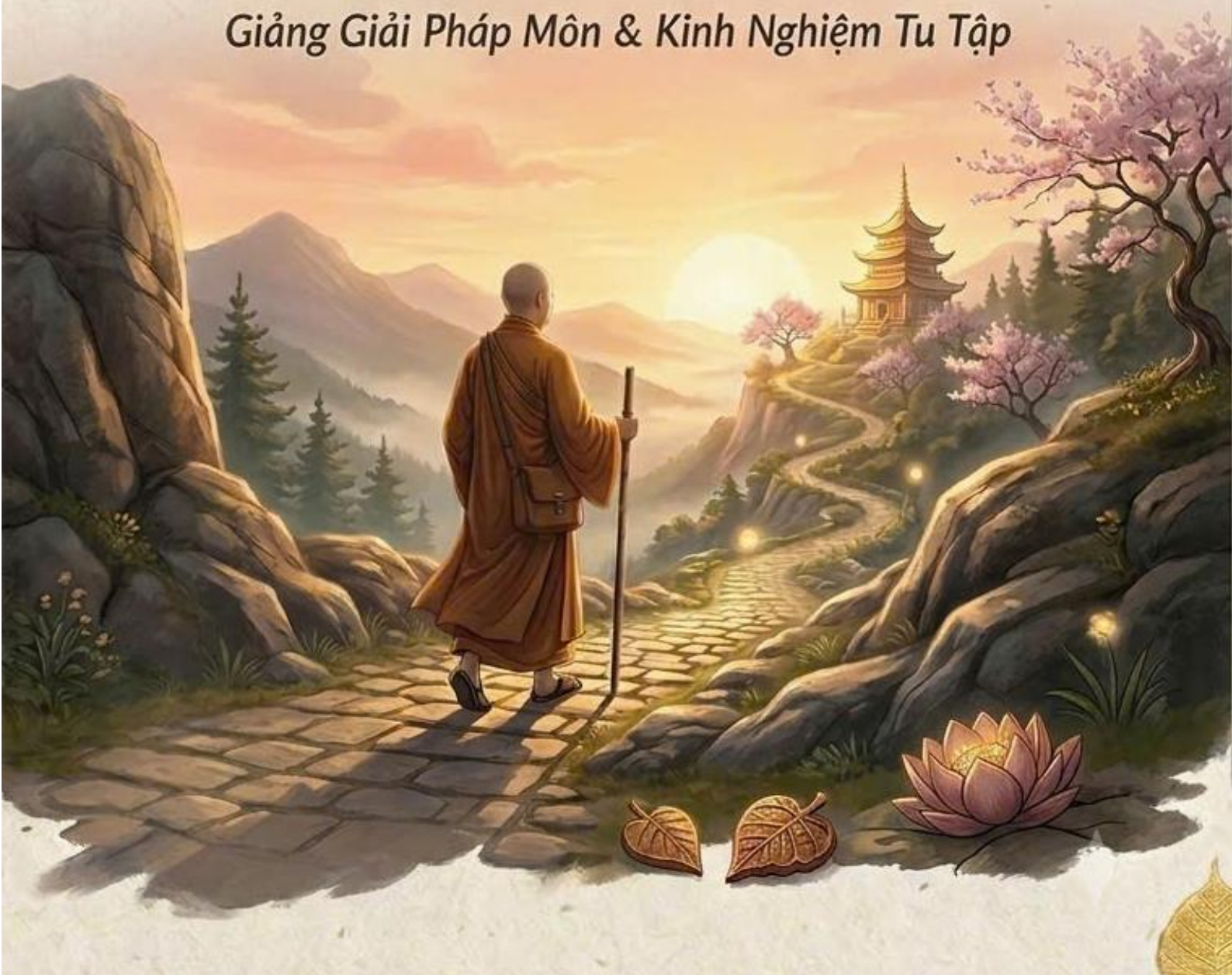


Thiền Sư THÍCH THANH TỪ



HÀNH TRANG NGƯỜI TU

Giảng Giải Pháp Môn & Kinh Nghiệm Tu Tập



HÀNH TRANG NGƯỜI TU

MỤC LỤC

Phụ Lục Thiên Tông Việt Nam Cuối Thế Kỷ Xx.....	3
Thiên Tông Là Gì ?	4
Bổ Túc Đề Tài Thiên Tông Việt Nam Cuối Thế Kỷ Xx	20
Đến Nhà.....	36
Ý Nghĩa Bài Thơ Về Quê.....	44
Con Đường Phía Trước	51
Vô Niệm Vi Tông	60
Hai Chữ Huyền Không.....	64
Pháp Yếu Tu Thiên.....	72
Bệnh Của Người Tu Thiên	80
Bốn Loại Ma Khi Ngồi Thiền	82
Quên Mình Theo Vật.....	90
Chấp Bóng Quên Đầu	102
Đầu Mối Của Luân Hồi Và Giải Thoát Sanh Tử	113
Nói Rõ Đường Lối Tu Hành	117
Mục Đích Tọa Thiền	121
Tròn Đồng Thái Hư	127
Hư Thực Khó Phân.....	133
Hòa Thượng Dạy Ni Chúng Thiên Viện Linh Chiếu	150
Hòa Thượng Dạy Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu - Năm 2000.....	153
Hòa Thượng Dạy Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu - Năm 2001	158
Hòa Thượng Dạy Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu - Năm 2002.....	165

PHỤ LỤC THIỀN TÔNG VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XX

GIỚI THIỆU

Lúc Hòa thượng nhập thất thì quyển Thiền Tông Việt Nam cuối thế kỷ XX được xuất bản, Hòa thượng cho gọi quý vị có trách nhiệm dạy chúng trong các thiền viện vào thất Hòa thượng, để xác định rõ đường lối tu thiền mà Hòa thượng đã hướng dẫn tăng ni Phật tử tu từ năm 1971 tới nay, nhưng chưa được công bố chánh thức. Tuy nhiên, Hòa thượng đã viết trong quyển Thiền Tông Việt Nam cuối thế kỷ XX. Đồng thời Hòa thượng nhắc cho tăng ni trong Thiền viện ý thức trách nhiệm của mình, là phải nắm vững đường lối tu và khéo thực hành đúng pháp, để tránh sự hiểu lệch, thực hành sai, tự mình tu không tiến mà còn gây hoang mang cho người khác.

Chúng tôi nhận thấy những lời chỉ dạy của Hòa thượng trong lúc này rất cần cho người đang hành thiền.

E nghe qua một lần không nhớ hết, nên xin ghi lại để cùng tham cứu trong giai đoạn dụng công tu hành khỏi bị chướng ngại.

Sau khi ghi xong, chúng tôi trình lên Hòa thượng xem, để phổ biến trong học chúng. Hòa thượng có dạy nên cho in những bài này trong phần phụ lục của quyển Thiền Tông Việt Nam cuối thế kỷ XX. Vì vậy mà các bài:

1- Thiền tông là gì?

2- Bỏ túc đề tài Thiền tông Việt Nam cuối thế kỷ XX

3- Đến nhà

Được in chung trong quyển Thiền Tông Việt Nam cuối thế kỷ XX trong kỳ tái bản này.

Thường Chiếu 17-06-1993

Kính ghi,

THUẦN GIÁC

THIÊN TÔNG LÀ GÌ ?

Quyển *Thiền Tông Việt Nam cuối thế kỷ XX* vừa mới in xong, sắp phổ biến, nên hôm nay có buổi nói chuyện bất thường này, để quý vị thấy rõ tầm vóc quan trọng của quyển sách đối với các Thiền viện. Đây tôi nói về tầm quan trọng của quyển sách. Tựa sách đề tên là *Thiền Tông Việt Nam cuối thế kỷ XX* sẽ gây cho nhiều người thắc mắc: “Ai là người hướng dẫn và nhóm nào tu theo đường lối này?” *Thiền Tông Việt Nam cuối thế kỷ XX* chỉ cho đời sống các Thiền viện; trước hết là Chơn Không, rồi tới Thường Chiếu và các Chiếu hiện nay.

Sở dĩ tôi nói quyển sách này quan trọng là vì những năm 1970, 1971, 1972, tôi có viết bài đăng trên báo Hoàng Pháp, trong đó tôi nói về Thiền tông Việt Nam, chủ yếu là làm sao cho Thiền tông Việt Nam sống lại trên đất nước Việt Nam và trong Phật giáo Việt Nam. Ước nguyện đó chúng tôi mãi nuôi dưỡng cho tới ngày nay, quyển *Thiền Tông Việt Nam cuối thế kỷ XX* ra đời, là chúng tôi được mãn nguyện. Tại sao vậy?

Vì Thiền tông Việt Nam bị mai một ngót cả trăm năm, chẳng ai biết Thiền tông là gì. Ở các chùa, quý Hòa thượng lớn vẫn là người tu Tịnh độ, ít khi nói tới Thiền. Nếu có người tu Thiền thì đa số tu theo Thiền ngoại đạo, phát cuồng loạn, rồi mang tiếng tu Thiền điên, làm cho đa số tăng ni Phật tử sợ tu thiền. Hơn nữa, khi đề cập tới Thiền tông thì đa số quý Hòa thượng đều nói thiền dành riêng cho người căn cơ bậc thượng, người căn cơ bậc trung bậc hạ khó mà ứng dụng tu được. Nên nói tới Thiền tông thì ai cũng nghĩ mình không có phần. Chúng tôi khôi phục Thiền tông, mà Thiền tông lại là cái mà đa số người sợ tu theo điên và đa số người nghĩ rằng mình căn cơ thấp không tu theo được, vậy thì ai tu? Do đó sự khôi phục Thiền tông là một việc làm rất cay đắng không phải dễ dàng. Nhưng hôm nay quyển *Thiền Tông Việt Nam cuối thế kỷ XX* ra đời, coi như sự khôi phục đã thành công trên mặt danh nghĩa. Vì được Giáo hội chấp nhận cho in và nhà nước cấp giấy phép. Như vậy, hiện tại Thiền tông Việt Nam đã có mặt trong Phật giáo và trên đất nước Việt Nam. Đó là danh nghĩa đã được công khai thừa nhận.

Còn phần thực hành tu tĩnh, thì qua bao nhiêu năm, số thiền sinh có mặt trong các Thiền viện từ khóa I ở Chơn Không là mười thiền sinh và một số người dự thính. Rồi dần dần mấy mươi người ở khóa II, tới bây giờ số thiền sinh ở các Thiền viện tất cả khoảng mấy trăm người. Như vậy số người tu theo Thiền tông cũng đáng kể. Kế đó là hàng cư sĩ có tâm ủng hộ, không những ở trong nước mà cả ngoài nước. Những Phật tử này ngoài việc ủng hộ cho tăng ni tu, chính các vị ấy cũng tu tập theo đường lối của Thiền tông. Như vậy hai mặt danh nghĩa (lý thuyết) và thực hành tạm gọi là thành tựu. Hôm nay quyển

Thiền Tông Việt Nam cuối thế kỷ XX ra đời là nói lên bốn nguyện khôi phục Thiền tông, mà tôi ôm ấp từ bấy lâu nay đã thành tựu.

Tâm vóc quan trọng kế nữa là quyển *Thiền Tông Việt Nam cuối thế kỷ XX* ra đời, coi như công khai hóa đường lối tu hành của các Thiền viện, chứ không còn mơ hồ như những năm về trước. Cái mơ hồ thứ nhất là đường lối tu. Vì đa số tăng ni ở trong Thiền viện vẫn chưa biết mình đang tu theo tông phái nào và đang tu theo pháp thiền nào. Chính mình đang tu mà không biết rành rõ về tông phái và đường lối, nên nói đường lối tu dường như mơ hồ. Cái mơ hồ thứ hai là tăng ni tu như thế nào, chỉ ở trong Thiền viện biết thôi, còn người ngoài nhìn vào chỉ biết đây là Thiền viện tu Thiền, chứ không biết tu Thiền như thế nào, đường lối ra sao? Quyển sách này ra đời là công khai nói lên đường lối tu của các Thiền viện. Đường lối tu này đã có từ năm 1970, mãi đến bây giờ mới nêu lên rõ ràng qua quyển *Thiền Tông Việt Nam cuối thế kỷ XX*. Như vậy, quyển sách này có tầm vóc quan trọng đối với các thiền sinh trong các Thiền viện. Nếu thiền sinh không hiểu không nắm vững đường lối tu của mình, làm sao ứng dụng để tu? Nếu có người hỏi cũng không biết để trả lời. Đó là cái lỗi rất lớn.

Vậy, hôm nay quyển *Thiền Tông Việt Nam cuối thế kỷ XX* ra đời, tôi yêu cầu quý vị học và hiểu cho thật rõ đường lối tu của chính mình, chứ không thể chần chừ. Quyển sách này ra đời có cái lợi lớn, mà cũng là cái khó cho tất cả tăng ni trong các Thiền viện. Vì từ đây về sau không còn mơ hồ nữa, bởi đường lối tu đã xác định rõ ràng. Sở dĩ từ lâu nay đường lối tu có vẻ như mơ hồ, là vì tôi chủ trương hơi lạ một chút: Khi lập Thiền viện cốt là hướng dẫn tăng ni tu theo Thiền tông. Nhưng vì hai điều mà tôi đã nêu ở trước là tu thiền điên và Thiền tông quá cao, dành cho người căn cơ bậc thượng tu. Nếu tôi nói quý vị tu theo Thiền tông, quý vị sẽ nghĩ: con thuộc hạng hạ cơ hạ căn làm sao tu nổi? Ai cũng thối lui hết! Nên tôi không nói dứt khoát là chúng ta tu theo Thiền tông, mà tôi đem kinh, luận, sử ra giảng cho quý vị nghe, nghe rồi hiểu, hiểu rồi tự tin, thâm nhận từ từ. Bây giờ tôi thấy quý vị đã đủ lòng tin rồi, nên công khai nói lên đường lối tu của mình. Ngang đây quý vị không còn lạ gì về đường lối tu, không còn sợ tu thiền điên và không còn nghĩ Thiền tông chỉ dành cho người bậc thượng, hàng trung căn hạ căn không tu được. Vì vậy mà trong quyển *Thiền Tông Việt Nam cuối thế kỷ XX* trang 55, đoạn viết về Thiền tông Việt Nam cuối thế kỷ XX, tôi nói như thế này: “Nói đến Thiền tông Việt Nam cuối thế kỷ XX là nói đường hướng tu Thiền của Tu viện Chơn Không (1970-1986) ngày trước, hay của Thiền viện Thường Chiếu... hiện nay (1974-1991..) do chúng tôi chủ trương hướng dẫn.” Như vậy, quyển sách này là quyển sách nêu lên chủ trương đường lối tu thiền rõ ràng, chứ không còn mơ hồ nữa. Đó là tầm vóc quan trọng thứ nhất của quyển sách.

Tâm quan trọng thứ hai là phần khó mà quý vị sẽ phải đối diện, vì sách đề tựa là Thiên tông Việt Nam, giả sử có người hỏi: Thế nào là Thiên tông? Quý vị sẽ trả lời sao? Nếu trả lời không được thì người sẽ nghĩ thế nào về việc tu hành của mình? Ở trong sách tôi đã nói, song e quý vị không thấy rõ, nên ở đây tôi phải nhấn mạnh lần nữa. Trong bài Cội Nguồn Thiên Tông trang 18-22, tôi viết đoạn:

“Đối trước một cảnh thấy được các pháp tu.

Cùng một cảnh mà nhìn thấy khác nhau tùy theo pháp tu. Chủ yếu phá vô minh dẹp ái thủ, đức Phật dạy mỗi trình độ có lối quán sát khác nhau. Như một hôm thiền sư Vân Môn thượng đường, đưa cây gậy lên bảo chúng: “Phàm phu gọi nó là thật, Nhị thừa phân tích nó là không, Duyên giác gọi nó là huyễn có, Bồ-tát thì đương thể tức không, Thiền gia thì thấy cây gậy là cây gậy, đi chỉ đi, ngồi chỉ ngồi, không được động đến.”

Phàm phu thấy cây gậy cho là thật nên khởi tâm phân biệt đẹp xấu, đẹp thì ái (yêu), xấu là tắng (ghét). Nếu ái thì muốn được về mình, là thủ; có ái có thủ là nhân sinh ra hữu và sanh lão tử của đời vị lai. Hẳn đây là gốc mầm của sanh già bệnh chết. Để dứt cái ái thủ này, đức Phật dạy hàng Nhị thừa phải dùng trí quán sát thấy cây gậy là vô thường, ngày nay nó như thế, mai kia nó sẽ cũ, sẽ mục, rồi trở thành không, biết rõ như vậy thì lòng tham ái cây gậy sẽ dứt. Đây là dùng trí quán sát sự vật trôi theo dòng thời gian biến hoại để dứt ái thủ.

Cũng mục đích phá dẹp ái thủ, đức Phật dạy hàng Duyên giác quán sát cây gậy do nhân duyên sanh. Do đất nước gió lửa chung hợp sanh ra cây gậy, cây gậy đợi duyên hợp mới có, tức cái có này không thật, như huyễn như hóa. Hàng Duyên giác thấy cây gậy như huyễn hóa thì đâu còn tâm tham ái. Thế là ái thủ dứt, dòng sanh tử cũng dừng ngang đây. Bồ-tát đã thấy tột lý nhân duyên không cần quán sát nữa, thấy cây gậy biết rõ không thật tánh, nên nói *đương thể tức không*. Bởi thấy không thật tánh nên Bồ-tát đâu còn tâm luyến ái cây gậy, do đó dòng sanh tử dứt.

Đến Thiền gia thấy cây gậy là cây gậy. Tại sao? Bởi vì người thấu đạt lý thiên, tâm không còn chạy theo cảnh, đối cảnh tâm như như, nên nói *cây gậy là cây gậy*.

Hơn nữa, thấy cây gậy chạy xuôi theo dòng thời gian quán sát từ có biến hoại đến không, là khái niệm khuôn theo lời Phật vạch sẵn. Nhìn theo khái niệm định sẵn của mình, chối bỏ sự hiện hữu của cây gậy. Chính khái niệm lệ thuộc theo thời gian khiến hàng Nhị thừa dễ bị quan. Tuy đó cũng là trí thấy xa, song nó vượt hẳn thực tế. Đến Duyên giác thấy cây gậy do duyên sanh, tuy có mà không thật, như huyễn hóa. Đây cũng là lối nhìn theo khuôn cũ lối mòn Phật định sẵn. Khái niệm này nhìn theo sự tập hợp của nhân duyên trong không

gian. Đã tập hợp thì không có chủ, không chủ thì làm sao có thật. Thế cũng phủ nhận sự hiện hữu của cây gậy. Khái niệm nhân duyên là do huân tập lời Phật dạy, cũng là tướng sanh diệt. Bồ-tát không cần quán sát, vì tâm đã thuần thục, thấy cây gậy liền biết tức không. Song, đây cũng là khuôn đúc đã thành hình, ráp từ những lời Phật dạy.

Thiền gia không thế, nhìn cây gậy là cây gậy, không bị khái niệm nào chen vào, không bị khuôn cũ lối mòn nào định sẵn. Nhìn thẳng sự hiện hữu của cây gậy bằng tâm như như của mình. Cảnh và tâm, tâm và cảnh không có gì gián cách. Tâm không khởi niệm, làm gì có thấy thật thấy giả; đã không thật giả còn gì tham ái hay chán ghét. Nếu không ái thì đâu có thủ, đây là giải thoát sanh già bệnh chết chứ gì. Chủ yếu của Thiền gia là trực diện đối cảnh, cốt tâm không khởi niệm. Cho nên câu chót bài kệ Cư Trần Lạc Đạo của Sơ tổ Trúc Lâm nói: “*Đối cảnh vô tâm mặc vấn thiền*” (Đối cảnh không tâm, chớ hỏi thiền). Quả là định nghĩa thiền một cách cụ thể. Cái cao siêu tuyệt vời của thiền là trút sạch khái niệm, dù khái niệm đúng như lời Phật dạy, lột hết mọi kiến giải đã huân tập, nhìn sự vật như sự vật, không vì một lý do gì mà thêm bớt vào. Đây là một con người tự do tự tại không bị kiến thức nào trói buộc. Bởi vậy nên nói: *Sanh không thích thiên đường, tử không sợ địa ngục. Buông tay đi ngang ngoài tam giới, mặc tình vươn bóng nào buộc ràng* (Thiền sư Đạo Giai).”

Qua đoạn này quý vị thấy định nghĩa thiền rõ ràng chưa? Tất cả người tu chúng ta ai cũng trung thành với đức Phật, vì trung thành với Phật nên mượn pháp của Phật để làm cái khuôn ứng dụng tu hành. Điều này rất tốt vì thực hành đúng như lời Phật dạy. Song, đây tôi nhắc cho quý vị nhớ: Khi Phật mới thành đạo, ngài ngần ngại không ra giáo hóa liền. Trong kinh A-hàm hoặc kinh Hoa Nghiêm có ghi rõ. Về điểm này lúc bấy giờ tôi có chút nghi vấn: Phật đại từ đại bi mong tu hành sau cứu độ chúng sanh, tại sao thành đạo rồi không chịu đi giáo hóa? Song khi đọc kỹ lại thấy Phật nói: “Những điều ta thấy biết nói ra chúng sanh không thể hiểu, không thể tin”, nên ngài do dự không nói.

Khi Phạm thiên thỉnh ngài đôi ba phen ngài mới quán xét căn cơ chúng sanh, và phương tiện giáo hóa. Cũng như chư Phật đời quá khứ cũng phương tiện giáo hóa, nên Phật dùng phương tiện giáo hóa.

Như vậy, tất cả pháp Phật nói đều là phương tiện, chứ không phải chỗ Phật thấy, chỗ Phật chứng. Nhiều khi chúng ta học thấy đó là chân lý là cứu cánh rồi kẹt trong đó. Trong các kinh thường nói: “Giáo pháp Phật là ngón tay chỉ mặt trăng, ngón tay không phải là mặt trăng.” Muốn thấy được mặt trăng phải thoát khỏi ngón tay chứ không kẹt ở ngón tay. Vậy chỗ Phật ngần ngại không muốn nói là chỗ nào? Có phải chỗ Thiền gia thấy hay không? Thiền sư Vân Môn dạy tu bằng cách đưa cây gậy lên bảo chúng: *Phàm phu gọi nó là thật,*

Nhị thừa phân tích nó là không, Duyên giác gọi nó là huyễn có, Bồ-tát thì đương thể tức không, Thiền gia thấy cây gậy là cây gậy. Đi chỉ đi, ngồi chỉ ngồi, không được động đến. Hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát đều được giải thoát sanh tử do quán theo lời Phật dạy bằng những phương tiện được ghi ở kinh luật. Thiền gia thì thấy cây gậy là cây gậy. Nếu thấy cây gậy mà còn khởi niệm quán sát quán chiếu, đều là theo sự hướng dẫn của Phật hoặc của Bồ-tát, hay của vị thầy nào đó, chứ chính mình không nhìn thẳng vào thật thể của cây gậy. Bây giờ nhìn cây gậy là cây gậy, không dây tâm động niệm, không có kiến giải nào phụ theo cái nhìn, đó mới là cái nhìn thẳng vào thật thể của cây gậy. Nếu nhìn trên kiến giải quán chiếu thì kiến giải là của thầy, của vị giáo chủ (Phật) dạy mình, chứ không phải của mình. Thiền gia bắt mình sống thật với mình, trở về “con người chân thật” của mình. Chính *con người chân thật* trong nhà thiền thường gọi là “Tịnh khỏa khỏa” rồi “Xích sai sai”. Nói theo tiếng nôm na là trần trụi không có cái gì che kín hết, hoàn toàn lột trần sự vật. Tâm không có một khái niệm nào cả, nhìn sự vật với sự vật thôi.

Điểm đặc biệt của Thiền gia là chỗ không lệ thuộc. Nếu còn một khái niệm hay một kiến giải là còn lệ thuộc, hoặc lệ thuộc Phật hay lệ thuộc người khác. Hễ còn lệ thuộc thì chưa phải thật là mình, mà chưa thật là mình thì không thể giải thoát được, nếu có giải thoát thì cũng chỉ giải thoát trong cái khuôn cố định. Vì vậy mà Thiền tông dẹp hết mọi kiến giải (kiến thức, tư kiến, định kiến, thành kiến, tà kiến...). Tất cả mọi tri kiến sẵn có đều loại bỏ hết, không còn mảy may dính dáng với mình, chỉ là con người chân thật của mình thôi. Ví dụ như chúng ta nhìn cây bách tán, thấy cây bách tán là cây bách tán, không có một ý niệm nào khác. Còn nếu chúng ta có kiến thức về thuốc thì nhìn cây bách tán, nghĩ cây bách tán có những vị thuốc trị bệnh này bệnh kia... Nếu chúng ta biết chơi cây kiềng, thì thấy cây bách tán có hình dáng đẹp **xấu** như thế nào đó. Nếu chúng ta là thợ mộc, thấy cây bách tán thẳng cứng sẽ làm được vật này vật kia... Chúng ta nhìn cây bách tán theo kiến thức huân tập của mình. Nếu không huân tập thì thấy cây bách tán là cây bách tán không có gì quan hệ với nó để rồi biến nó thành cái này thành cái kia. Thế nên Thiền tông lột hết mọi kiến giải huân tập. Vì kiến giải là do huân tập từ bên ngoài vào, không phải là cái của mình. Cái mà mình sẵn có, nó ở đâu? Như hồi nãy tôi nói, chúng ta nhìn cây bách tán bằng mắt, ngay nơi mắt thấy rõ ràng cây bách tán là cây bách tán.

Từ lâu chúng ta cho rằng cái biết là cái suy nghĩ. Như ngài Văn Hỷ đến động Kim Cang viếng Bồ-tát Văn-thù, gặp Bồ-tát Văn-thù mà không biết đó là Văn-thù, đàm đạo một lúc Bồ-tát Văn-thù mới mời ngài Văn Hỷ uống trà. Bồ-tát Văn-thù cầm chung trà đưa lên hỏi ngài Văn Hỷ: Phương Nam có cái này

không? Ngài Văn Hỷ trả lời: Không. Bồ-tát Văn-thù hỏi: Nếu không thì lấy cái gì uống nước?

Nghe qua ai cũng tưởng không là không có cái chung quý để uống trà. Nhưng chúng ta không ngờ Bồ-tát Văn-thù đưa cái chung hỏi “có cái này không?”, là ngài muốn chỉ cái thấy. *Thấy* tức là *biết*, *biết* là tâm. Khi nghe hỏi có cái này không, tức ngài Văn Hỷ cứ nghĩ là hỏi cái chung, nên trả lời *không*. Nếu không có *biết* mà có cái chung cũng không làm sao uống được, phải có *biết* mới uống được. Chúng ta thường có cái quên lớn là khi ăn không nhớ cái miệng cái lưỡi, hai hàm răng, chỉ nhớ thức ăn ngon và ngồi nói chuyện đông chuyện tây... không nhớ mình đang ăn, biết ăn.

Thiền tông chỉ tâm (biết) đang hiện ở mắt, ở tai, ở mũi, ở lưỡi, ở toàn thân chúng ta; nó luôn hiện hữu ở sáu căn nhưng vì kiến thức, phong tục tập quán chúng ta đã huân tập ở gia đình, học đường, xã hội... nó trôi dạt che khuất cái chân thật của mình. Tu là dẹp sạch những kiến thức ấy, vì nó không phải là mình, cái thật là cái biết thì lại quên đi. Thế nên Thiền tông chỉ cho chúng ta nhận và sống với con người thật của chính mình, không chấp nhận những kiến giải bên ngoài, dù kiến giải đó của Phật hay của Tổ. Đã là kiến giải thì không phải là mình. Đó là điểm kỳ đặc của Thiền tông, được gọi là Tối thượng thừa, người căn cơ bén nhạy mới nhận ra. Thông thường người tu chúng ta căn cứ theo lời Phật để quán, để tư duy chứ không dám bỏ lời Phật. Theo cái thấy của Thiền tông dù là lời Phật dạy, nếu chúng ta lấy đó làm khuôn sáo làm mẫu mực thì chúng ta vẫn còn lệ thuộc. Lệ thuộc là không tự do, vì còn có kiến giải che khuất bản tâm. Do đó mà Thiền tông không chấp nhận bất cứ cái gì che khuất bản tâm chân thật của mình. Như vậy tâm như cảnh như; thấy cái gì là cái nấy, thấy cây gậy là cây gậy, không thêm một niệm nào hết. Nếu còn quán cây gậy là vô thường, là duyên hợp, là tánh không v.v... đó là còn quán tướng, chưa thấy đến chỗ cứu cánh. Thiền tông dạy người thấy đúng như thật, vật như thế nào thấy như thế ấy, không thêm một niệm nào.

Người mà thấy được như thế thì sao? Ngài Đạo Giai đã nói: *Sanh không thích thiên đường, tử không sợ địa ngục*. Thấy có thiên đường có địa ngục là do chúng ta có huân chủng tử đó... Nếu tất cả mọi chủng tử, mọi kiến thức sạch hết không còn, thì nghiệp thức cũng hết thì đâu có bị nghiệp thức dẫn, như vậy thì địa ngục thiên đường đối với mình không có quan hệ gì. Nên ngài nói: *Buông tay đi ngang ngoài tam giới*. Nghĩa là thanh thoi không có gì trói buộc, *mặc tình vươn bóng nào buộc ràng*. Tất cả mọi kiến giải vọng tưởng đã sạch rồi, chỉ còn là con người chân thật tịnh sáng hiện hiện qua sáu căn, không lúc nào thiếu vắng.

Khi Thiền tông chỉ thẳng con người chân thật cho chúng ta nhận, thì chúng ta thấy hơi huyền bí khó hiểu. Cho nên lời dạy tu của Thiền tông khác hơn các

pháp tu khác. Ví dụ nhìn cái nhà, quán cái nhà mai một nó sẽ cũ, cũ rồi nó sẽ mục, mục rồi nó sẽ hoại thành không. Hoặc quán cái nhà này do các duyên như gạch, ngói, cát, ciment, công thợ... hợp lại mà thành, nên cái nhà không thật. Tu như thế có đề mục để suy gẫm quán xét. Bây giờ thấy cái nhà là cái nhà không quán xét không vọng tưởng, nên khó. Vì vậy nói người căn cơ bậc thượng mới tu được. Đó là cái khó của người tu thiền. Tuy nhiên, ai cũng tu được, khéo biết thì không lựa người bậc thượng hay bậc hạ. Đức Phật thành đạo tức là cái chân thật của ngài đã hiển hiện tròn sáng. Bây giờ ngài muốn nói thẳng chỉ thẳng cái chân thật đó, e người không hiểu không tin, nên buộc lòng ngài phải dùng ngôn ngữ, để giải thích những lẽ thường của thế gian cho người thấy, rồi dạy người quán xét để gỡ những ái nhiễm buộc ràng. Đó là chỗ phương tiện độ sanh của Phật, còn cái chân thật là cứu cánh không thể dùng ngôn ngữ mà có thể nói đến. Chỗ này, có Thiền sư nhắc lời bà Võ Tắc Thiên người mà thiên hạ chê nhiều, nói rằng: “Muốn biết con người thật của mình là khi vào trong nhà tắm.” Bà nói nghe có vẻ phàm tục, nhưng nói lên được sự thật, vì con người tô vẽ, che kín bởi nhiều lớp y phục, mũ nón, giày vớ... chỉ khi nào vào nhà tắm gỡ hết ra mới thấy rõ con người thật của mình. Cũng vậy, Thiền gia gỡ hết mọi kiến giải, con người thật mới hiển hiện, còn kiến giải là còn lệ thuộc, không tự do chưa giải thoát. Vì vậy mà Thiền gia tôn trọng chỗ cứu cánh đó, trong khi chúng ta lại dùng nhiều từ ngữ để đặt tên. Như Lục Tổ hỏi trong chúng:

- Ta có một vật không đầu không đuôi không tên không họ. Vậy các người nói nó là vật gì?

Sa-di Thần Hội nhanh nhẩu thưa:

- Bạch Hòa thượng, đó là bản nguyên của chư Phật, là Phật tánh của Thần Hội.

Lục Tổ nói:

- Ta đã nói không tên không họ mà ông còn gọi là bản nguyên là Phật tánh, ông đã lấy tranh che đầu rồi.

Gọi là bản nguyên là Phật tánh là còn khái niệm, còn bị che khuất, chưa thấy được cái chân thật. Chủ yếu của Thiền gia là lột hết mọi khái niệm để nhận ra cái chân thật. Nếu còn khái niệm là có đẹp có xấu, có tâm ái thủ nhiễm ô, không thấy được lẽ thật. Đó là điều quan trọng trong Thiền gia. Tôi trích một đoạn nữa trong bài Cội Nguồn Thiền Tông:

“Một ví dụ nữa, đóa hoa hường ở trước mặt, phàm phu nhìn thấy liền khởi niệm so sánh đẹp xấu, so sánh là lời cái hoa hường ở hiện tại đối chiếu với bóng dáng những hoa hường ở quá khứ còn ghi trong ký ức, xem cái nào đẹp hơn. Nên hoa hường hiện tại thua bóng dáng hoa hường quá khứ liền cho nó là

xấu, hơn bóng dáng quá khứ liền cho nó là đẹp. Làm việc so sánh này luôn luôn phải chạy lùi về quá khứ, lục lạo moi móc trong ký ức những bóng hình để đem ra đối chiếu. Nếu kết luận là đẹp thì tâm yêu thích dấy lên đuổi theo, nếu là xấu thì tâm chán ghét xua đi. Yêu thích là Ái, do yêu thích muốn mình được là Thủ. Đây là nhân sanh già bệnh chết ở đời sau. Thấy hoa hường là Xúc, nhận đẹp xấu là Thọ, yêu thích muốn được là Ái, Thủ.

Đẹp tan ái thủ, Phật dạy hàng Nhị thừa khi thấy hoa hường (xúc) liền quan sát theo thời gian, ngày nay nó nở tròn, ngày mai nó héo dần, ngày một nó rơi rụng lả tả, ngày kia trụi cành. Thế là từ có, theo thời gian biến hoại thành không, có gì đâu là thật mà nói đẹp xấu (thọ). Không đẹp xấu thì làm gì có yêu ghét (ái). Đã không yêu ghét thì chấp giữ làm gì (thủ). Đây nhờ quán vô thường dứt được ái thủ, cũng là dứt được manh mối sanh tử đời sau.

Hàng Duyên giác thấy hoa hường (xúc) cũng theo Phật dạy đứng về không gian phân tích. Hoa hường đang nở tròn không có thật, từng cánh hoa ráp lại, nhiều chấm nhụy điểm thành, không có chủ thể hoa hường, do nhiều nguyên nhân hòa hợp. Đã do duyên hòa hợp mà có, nên không thật như huyễn như hóa. Bởi thấy hoa hường không có thật nên không phân biệt đẹp xấu (thọ), không đẹp xấu làm gì có yêu ghét (ái), không yêu thì chấp giữ làm gì (thủ). Nhờ quán nhân duyên hòa hợp mà có, nên dứt tâm yêu mến (ái), không yêu mến nên không chấp giữ (thủ), nhân sanh tử đời sau ngang đây cắt đứt.

Bồ-tát quán pháp nhân duyên đã thành thực, một phen nhìn thấy hoa hường (xúc) liền biết không tự tánh, đương xứ tức không; đã không tự tánh thì cái gì làm chủ mà có đẹp xấu (thọ), không đẹp xấu nên không yêu thích (ái), không yêu thích thì không chấp giữ (thủ), cũng dứt ngang được dòng sanh tử.

Qua bốn cái nhìn trên (phàm phu, Nhị thừa, Duyên giác, Bồ-tát) đều không thấy được bản chất thực tại của hoa hường. Hoặc thấy theo ảo tưởng quá khứ mà phân định là phàm phu, hoặc thấy phóng theo thời gian vị lai mà phân định là Nhị thừa, hoặc thấy bằng cách phân tích chia chẻ từng mảnh vụn trong không gian mà phân định là Duyên giác, hoặc nhìn theo thói quen đặt sẵn mà phân định là Bồ-tát. Tất cả cái nhìn sự vật theo lối này, tuy mê giác có khác, song không thoát khỏi khuôn cũ lối mòn đã định sẵn, làm mất đi bản chất thực hữu của sự vật.

Đến cái nhìn của Thiên gia không phải thế, thấy hoa hường là hoa hường, không khởi tâm so sánh, quán sát chi cả. Hiện thân hoa hường thế nào, thấy đúng thế ấy. Không khởi niệm so sánh thì đâu có đẹp xấu (thọ), không đẹp xấu thì làm gì có yêu ghét (ái), không yêu ghét thì đâu có lấy bỏ (thủ), dòng sanh tử do đâu lôi cuốn được. Thấy có đẹp xấu là thấy hai, yêu ghét là hai, thủ xả là hai; còn có hai bên là nguồn gốc sanh tử. Thiên gia khi nhìn sự vật không dấy

tâm khởi niệm, nên thấy mọi vật đều chân. Như khi vua Lý Thái Tông đến viếng Thiền Lão thiền sư, vua hỏi:

- Hòa thượng trụ núi này được bao lâu?

Sư đáp:

Đản tri kim nhật nguyệt

Thùy thức cự xuân thu.

Chỉ biết ngày tháng này

Ai rành xuân thu trước.

Vua lại hỏi:

- Hàng ngày Hòa thượng làm gì?

Sư đáp:

Thúy trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh

Bạch vân minh nguyệt lộ toàn chân.

Trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác

Trăng trong mây bạc hiện toàn chân.

Đẹp dễ thay nếu chúng ta thấy sự vật đúng với bản chất của nó. Nhìn sự vật với tâm lặng lẽ thanh tịnh, mọi phàm tình không có chỗ xen vào, còn gì là thật giả, đẹp xấu, khó dễ..., đến đây không còn gì để nói. Cho nên cô Linh Chiếu đúc kết quan niệm của ông bà Bàng Uẩn bằng hai câu: “Cũng không dễ cũng không khó, đói đến thì ăn mệt ngủ khò.” Hằng sống với tâm như như thanh tịnh, khi gặp cảnh thì hành xử tùy duyên, không so sánh không phân chia, không áp đặt bất cứ một khái niệm nào, nên nói *đói ăn mệt ngủ*. Cái nhìn đúng thực tại này, gọi là *Như thị tri, như thị kiến*.”

Đó là ví dụ thứ hai. Quý vị thấy cái nhìn của Thiền gia khác hơn cái nhìn của các vị tu theo Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, thuộc tam thừa Phật giáo. Thiền gia không thấy sự vật là vô thường, sự vật do duyên sanh hay đương xú tức không, vậy Thiền tông thuộc thừa nào? Cái nhìn của Thiền gia vượt ngoài phương tiện quán chiếu mà Phật thường dạy, gỡ hết mọi kiến giải để tâm giải thoát hoàn toàn; chẳng những không lệ thuộc vào người khác mà Phật cũng không lệ thuộc nữa. Thiền sư Quảng Nghiêm nói:

Ly tịch phương ngôn tịch diệt khứ

Sanh vô sanh hậu thuyết vô sanh

Nam nhi tự hữu xung thiên chí

Hưu hướng Như Lai hành xử hành.

Ly tịch phương ngôn tịch diệt khứ nghĩa là lìa tịch diệt mới nói tịch diệt. *Sanh vô sanh hậu thuyết vô sanh* tức là sanh ở chỗ vô sanh mới nói đến vô sanh. Khi còn chìm trong đó thì khoan nói tới. Như vậy, người tu cần phải vượt qua chỗ thực hành của mình chừng đó nói lại không sai. Khi còn đang ở trong phạm vi thực hành mà nói, e không đúng, vì ngày nay như vậy ngày mai sẽ khác đi.

Nam nhi tự hữu xung thiên chí, hưu hướng Như Lai hành xứ hành tức là chí xông thấu trời của người con trai (nữ nhi đừng mặc cảm, nam nữ gì cũng có chí xung thiên) thì chớ có giẫm theo lối mòn của Như Lai đã đi. Lối mòn đó là những pháp tu, những pháp quán mà Phật đã dạy từ xưa, nếu còn khép mình trong cái khuôn cũ ấy là chưa thoát khỏi kiến giải. Vậy, không lệ thuộc theo lối mòn của Phật thì theo lối nào? Như tôi đã nói Thiên tông gỡ hết mọi kiến giải, để con người chân thật hiện tiền. Nhìn thẳng sự vật không qua lăng kính của bất cứ ai, dù của Phật. Đó là thiên! Điều mà tôi muốn nói ở đây. Câu cuối của bài Cư Trần Lạc Đạo, Trúc Lâm Đầu-đà nói về thiên rất rõ: *Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên*. Đối cảnh mà không khởi niệm phân biệt đó là thiên, chớ hỏi thiên là gì?

Tại sao thiên không định nghĩa được? Nếu dùng danh từ để đặt tên tức là “lấy tranh che đầu” bị Lục Tổ quở. Vì có từ ngữ là có khái niệm, có khái niệm là bị che khuất. Thế nên chư tổ khai ngộ cho đệ tử, dùng cách này hoặc thuật kia chỉ thẳng, chứ không dùng ngôn ngữ định nghĩa. Bây giờ chúng ta giảng dạy định nghĩa lung tung là trật rồi. Đó là chỗ cao siêu của thiên. Như vậy, thiên cao quá làm sao tu? Quý vị có tu thiên chưa? Nếu quý vị nói chưa tu thiên là quý vị bị tôi gạt rồi. Bao nhiêu năm nay tôi dạy quý vị tu thiên mà quý vị không biết. “Vọng tưởng dấy khởi, biết đó là vọng tưởng không theo” có phải tu theo Thiên tông không? Đây là chỗ cần phải nhận định cho thấu đáo.

Tôi đã nói trong quyển *Thiên Tông Việt Nam cuối thế kỷ XX*, theo dòng lịch sử truyền bá Thiên tông từ Ấn Độ sang Trung Hoa đến Việt Nam, tôi y cứ vào ba vị tổ: Huệ Khả, Lục tổ Huệ Năng và Trúc Lâm Đầu-đà làm trọng tâm cho đường lối tu thiên của thiên viện Chơn Không. Tuy nói ba chứ thực tế thì tổ Huệ Khả là chính, vì tôi y cứ vào giai đoạn ngài đang thực hành công phu. Còn Lục tổ Huệ Năng và Trúc Lâm Đầu-đà là phụ, vì công phu tu hành của hai ngài gần như đã rồi. Khi nói chuyện đã rồi tôi nhắc lại câu chuyện:

Ngài Ngưỡng Sơn đến thiên sư Trung Ấp hỏi: Bạch Hòa thượng, thế nào là nghĩa Phật tánh?

Thiên sư Trung Ấp nói một ví dụ: Một con khỉ được nhốt trong lồng có sáu cửa. Ở ngoài lồng có một con khỉ chạy quanh lồng tới cửa thứ nhất kêu “chéo chéo”, con khỉ trong lồng ứng ra “chéo chéo”. Khỉ ngoài lồng chạy lại

cửa thứ hai kêu “chéo chéo”, khi trong lòng ứng ra “chéo chéo”. Cửa thứ ba thứ tư... cũng vậy.

Thiền sư Trung Ấp nói tới đó thì ngài Ngưỡng Sơn thưa: Bạch Hòa thượng, nếu con khi trong lòng ngủ thì sao?

Thiền sư Trung Ấp từ trên tòa bước xuống nắm tay Ngưỡng Sơn nói: Chúng ta đã thấy nhau rồi.

Các ngài thấy cái gì? Phật tánh của mỗi người ứng ra sáu căn. Khi mê, cảnh đến liền chạy theo cảnh. Khi ngộ, Phật tánh vẫn hiện ở sáu căn, nhưng không phân biệt chạy theo cảnh. Cũng giống như con khi khi ngủ, tuy nó không ứng theo tiếng khi ở ngoài, nhưng nó vẫn có đó không mất. Thiền sư ví tâm thanh tịnh như con khi ngủ, nên đối cảnh mới vô tâm. Vô tâm không phải là không có tâm, không có tri giác. Vô tâm là không chạy theo ngoại trần phân biệt. Để thấy rằng khi vọng niệm lóng lạng thì Phật hiện tiền. Thật ra các ý niệm nghĩ suy mà chúng ta gọi là vọng tưởng, nó là dụng của tâm đầy khởi. Như tôi thường dụ, sóng từ nước đầy khởi làm mặt biển động. Tuy nói là sóng như kỳ thật đó là nước. Nhớ, vọng tưởng lóng lạng, chứ không phải hết, vì vọng tưởng không ngoài tâm. Thế nên nói “diệt cho hết vọng tưởng” là sai.

Tới đây tôi nói về những tên mà người ta đặt cho Thiền tông. Tên thứ nhất là Tối thượng thừa. Sở dĩ có tên này là lối tu của Thiền tông không nằm trong ba thừa Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát mà Phật đã dạy. Tên thứ hai là Phật tâm tông, tức là tông tu về tâm Phật như Lục Tổ nói: Phật tức tâm, tâm là Phật. Tên thứ ba là Như Lai tự tánh thanh tịnh thiền. Tức là thiền chỉ tự tánh mình thanh tịnh là Phật. Tên thứ tư là Thiền đôn ngộ, là thiền dạy người tu chứng ngộ, ngay trong thời này được giải thoát. Các thiền sư thuộc tông Tào Động hay nói là “điều đạo”. Điều đạo là đường chim, đường tắt. Thông thường chúng ta nương một pháp tu, tuần tự chuyển từ pháp thấp lần lên cao. Chẳng hạn chứng Sơ thiền rồi thì chuyển sang Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền... Thiền tông lột hết kiến giải phủ che thì Phật hiện tiền. Còn bị kiến giải che phủ thì gọi là chúng sanh, lột hết kiến giải là Phật. Vậy, Phật và chúng sanh khác nhau ở chỗ bị kiến giải che phủ hay không bị kiến giải che phủ. Tu như thế là tu tắt nên gọi là đường chim.

Bây giờ tôi đặt câu hỏi: Biết vọng không theo, có phải tu theo Thiền tông không? Đây là điều quan trọng của chúng ta. Thông thường pháp tu nào cũng có phương pháp để nương, tu tuần tự từ thấp lên cao, ở đây chúng ta *Biết vọng không theo*, thì không có một đề mục một pháp để nương. Ngài Thần Quang khi thưa với tổ Bồ-đề-đạt-ma: Tâm con không an, xin Hòa thượng dạy con phương pháp an tâm. Tổ bảo: Đem tâm ra ta an cho. Ngài nói: Con tìm tâm không được. Tổ bảo: Ta đã an tâm cho ngươi rồi. Như vậy, xưa ngài Thần

Quang đã thấy pháp tu và ngày nay chúng ta cũng biết pháp tu. Tại sao ngài Thần Quang tìm tâm không được mà Tổ nói an tâm? Vì nếu niệm tưởng lạng xãng thật có thì tìm thấy. Khi nhìn lại tìm nó, không thấy tức nó hư dối, biết nó hư dối, không còn dấy động lạng xãng tức là an chứ gì. Tôi căn cứ chỗ vào của ngài Thần Quang mà hướng dẫn cho quý vị tu.

Ngài Huệ Khả ngang qua đây chưa ngộ được “bản lai diện mục”. Ngài ứng dụng tu từ đây, đến sau này ngài mới thừa: Con đã bật hết các duyên. Tổ bảo: Coi chừng rơi vào không. Ngài nói: Rõ ràng thường biết, làm sao không được! Tổ hỏi: Tại sao không rơi vào không? Ngài trả lời: Rõ ràng thường biết, nói không thể đến. Tổ nói: Đây là chỗ Phật tổ trao truyền, ông như thế, ta cũng như thế. Tổ nói như vậy là ấn chứng cho ngài Huệ Khả rồi. Chúng ta biết vọng tưởng là hư dối không theo, vọng tưởng lạng chỉ còn “cái rõ ràng thường biết” qua mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; chỗ nào cũng có. Chúng ta chỉ sống với cái *rõ ràng thường biết* tức là sống với ông Phật của mình.

Như vậy, lời tu *Biết vọng không theo* gốc từ Ấn Độ do tổ Bồ-đề-đạt-ma dạy cho tổ Huệ Khả ứng dụng, lâu nay tôi hướng dẫn cho quý vị tu. Tuy quý vị tu mà không biết mình tu theo thiền nào. Hôm nay tôi nói rõ là tôi hướng dẫn quý vị tu theo Thiền tông. Có vọng tưởng thì biết, không theo; không vọng tưởng cũng biết không vọng tưởng. Ngồi một giờ không vọng tưởng, đi đứng ngồi nằm, không vọng tưởng thấy biết rõ ràng không làm không lộn, đó là *Đối cảnh vô tâm*. Tâm lạng lẽ nhìn sự vật là sự vật, không dấy niệm thủ xả; không phải Thiền tông là gì? Đó là lời tu của Thiền tông mà chúng ta đã ứng dụng bao nhiêu năm rồi, lâu nay tôi dè dặt không nói sớm cho quý vị biết, e quý vị hoang mang nghĩ rằng mình không phải người thượng căn không dám tu theo Thiền tông rồi thôi tâm.

Bây giờ đối chiếu lời *Biết vọng không theo* với những pháp tu khác như thiền Nguyên thủy quán Tứ niệm xứ. Trước hết là quán thân bất tịnh. Hành giả quan sát thân tứ đại này gồm ba mươi sáu vật bất tịnh, khi còn sống đã bất tịnh, đến khi chết sinh trướng, nứt da chảy nước, hôi thối... Quán tới quán lui như vậy, cho đến khi ghê tởm, không ái nhiễm thân nữa. Đó là Thiền quán. Tu như vậy có cái năng quán và cảnh để quán.

Tới thiền Đại thừa, theo pháp Tam quán của ngài Thiên Thai thì quán Không, quán Giả, quán Trung. Hành giả nhìn sự vật, quán sự vật này do duyên hợp nên không có tự tánh cố định (quán Không), vì do duyên hợp nên giả có (quán Giả). Không và Giả cũng không thật, buông xả luôn (quán Trung). Thiền Đại thừa cũng nương pháp Phật dạy quán chiếu lần lần, để rồi buông xả hết đến chỗ trung đạo. Còn thiền *Biết vọng không theo* thì không có cảnh để quán, chỉ dùng trí dụng để thấy vọng tưởng không thật, buông! Vọng tưởng gồm kiến

thức thể gian và kiến giải về Phật pháp cũng buông luôn, chỉ còn tâm thể thanh tịnh sáng suốt.

Thiền Thoại đầu cũng của Thiền tông, thiền *Biết vọng không theo* cũng của Thiền tông. Vậy hai lối thiền này quan hệ nhau như thế nào? Thiền *Biết vọng không theo* là y cứ hướng tu của Thiền tông ở buổi đầu, tổ Bồ-đề-đạt-ma từ Ấn Độ sang Trung Hoa dạy cho tổ Huệ Khả. Còn thiền Thoại đầu mãi đến đời Tống mới xuất hiện từ tông Lâm Tế, cách tổ Huệ Khả hai ba trăm năm. Lối tu thiền Thoại đầu là phải đề khởi nghi tình, để đánh bạt hết những vọng niệm khác. Khi nghi tình thành một khối nó bùng vỡ thì ngộ đạo. Tu Thoại đầu được coi là lấy độc trừ độc. Vì nghi là một trong mười món phiền não. Bây giờ phải tạo thành một khối nghi lớn, để đánh bạt tất cả những vọng tưởng phiền não khác, không phải lấy độc trừ độc là gì? Như vậy tu Thoại đầu không giản dị mà lại còn nguy hiểm. Vì đề khởi nghi tình lâu ngày không bùng vỡ ngộ đạo, thì phát đau đầu, cả đời tu sống trong độn công phu. Hơn nữa tu thiền Thoại đầu dễ chuyển sang Tịnh độ, vì khán Thoại đầu lâu ngày không ngộ đạo đầu quá, bèn chuyển sang niệm Thoại đầu hoặc niệm Phật cho dễ. Chẳng hạn đang khán câu “Niệm Phật là ai?” thì chuyển sang niệm Phật. Chính vì vậy mà các chùa tu Thiền chuyển sang tu Tịnh độ.

Còn tu Tịnh độ thì sao? Theo người xưa nói pháp tu Tịnh độ là “đạp gai lấy gai lẻ”. Những cây gai niệm tưởng làm đau nhức con người, bây giờ muốn nhổ những cây gai tà niệm ra, thì phải dùng câu niệm Phật làm chánh niệm, lấy chánh niệm dẹp tà niệm. Vì câu niệm Phật cũng là niệm nên được coi như cây gai sau lẻ những cây gai trước. Nhưng, nếu những cây gai trước đã nhổ rồi thì cây gai sau cũng bỏ luôn. Vì vậy niệm Phật phải niệm tới chỗ vô niệm. Vô niệm cũng giống như thiền không khác. Nhưng vì mọi người niệm Phật chưa tới chỗ nhất niệm, thì làm sao đến vô niệm được. Tuy nghe nói niệm Phật dễ tu, nhưng chỉ dễ ở lúc đầu, chứ tới nơi tới chốn thì không dễ. Pháp tu nào cuối cùng cũng gặp nhau ở chỗ vô niệm, nên không pháp nào dễ hết. Ở Nhật Bản có vị thiền sư hỏi một tu sĩ Tịnh độ: Năm nay anh bao nhiêu tuổi? Tu sĩ Tịnh độ đáp: Tuổi tôi bằng tuổi Phật A-di-đà. Thiền sư hỏi tiếp: Đức Phật A-di-đà bao nhiêu tuổi? Tu sĩ Tịnh độ đáp: Đức Phật A-di-đà bằng tuổi tôi. Thoạt nghe, chúng ta thấy tu sĩ Tịnh độ có vẻ phách lối.

Nhưng sự thật thì nếu tu tới chỗ vô niệm rồi thì “tức tâm là Phật”. Vì vậy mà nói: “tự tánh A-di-đà” - Di-đà tự tánh là tánh của mình, ngộ được tự tánh của mình thì Phật là mình chứ gì? Tại sao? Vì A-di-đà là vô lượng thọ, vô lượng quang. Vô lượng thọ là sống lâu vô lượng, sống lâu vô lượng là chỉ cho Phật tánh bất sanh bất diệt và Phật tánh thì hằng giác nên nói là vô lượng quang, Phật tánh ấy có sẵn nơi mình. Vậy tu Tịnh độ hay tu Thiền đến chỗ cứu cánh thì không khác.

Pháp tu nào chưa viên mãn còn ở giữa chừng cũng chưa giải thoát, nên Thiên gia thường nói: Mạt vàng tuy quý mà rơi vào con mắt cũng bị xốn. Dù cho câu niệm Phật cũng là niệm, mà còn niệm thì tâm chưa hoàn toàn tự tại. Cũng giống như con mắt sáng, nếu có chút mạt vàng rơi vào thì xốn, bệnh rồi. Vì vậy nên ở đây chúng ta ứng dụng lối tu *Biết vọng không theo*, không có một đề mục để nương hay để buộc tâm. Đó là căn cốt của Thiên tông, chứ không phải tự chúng ta đặt ra như một số người đã lầm tưởng.

Trọng tâm của Thiên tông là không để cho tâm bị vướng mắc hay che khuất bất cứ một pháp nào, mà phải được tự do tự tại. Có nhiều người hỏi: Thầy tu lâu, Thầy chúng được cái gì chưa? Quý vị có nghe tôi nói chúng cái gì không? Nhiều người trong đây chắc cũng hơi chán, sao tu lâu quá mà không chúng cái gì hết. Người tu theo thiền Nguyên thủy lâu lâu chúng Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền chẳng hạn. Còn chúng ta tu theo Thiên tông chẳng nghe ai nói chúng cái gì cả. Không chúng tại sao dám dạy người tu? Quý vị trả lời sao? Đây tôi giải thích cho quý vị thấy rõ, lối tu *Biết vọng không theo* không có cấp bậc, không có sở chúng sở đắc. Tại sao? Vì người còn kiến giải che phủ là còn vô minh nên gọi là phàm phu, sạch hết kiến giải thì tánh giác thanh tịnh trong sáng hiển hiện đó là Phật. Nên gọi Phật tâm tông; tức tâm là Phật, là chỗ đó. Còn thứ bậc chúng đắc là còn phương tiện, đa số chúng ta thì hay kẹt trên thứ bậc phương tiện. Thí dụ ở thế gian người ta đi học cốt là để mở rộng kiến thức, khai sáng trí tuệ, có khả năng chuyên môn giỏi. Để khuyến khích cho trẻ em ham học, học giỏi, nên nhà giáo bày ra lớp một, lớp hai... rồi cấp một, cấp hai, cấp ba, rồi cấp cử nhân, cao học, tiến sĩ. Kỳ thật nơi đầu óc con người không có chia cấp bậc nào cả, càng học càng mở rộng càng hiểu nhiều, chứ không có cấp bậc, chia cấp là phương tiện hình thức ở ngoài. Như vậy, những gì phương tiện giả lập đặt ra nó không thật. Nên Thiên tông không trọng cấp bậc giả lập.

Chúng ta thấy hành giả chứng Sơ thiền rồi bỏ Sơ thiền lên Nhị thiền, bỏ Nhị thiền lên Tam thiền, bỏ Tứ thiền quán Tứ đế, sạch hết vô minh lậu hoặc, trí tuệ sáng, Niết-bàn hiện. Hoặc tứ quả Thanh văn: Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, hay Bồ-tát đạo cũng trải qua năm mươi mấy cấp bậc. Đó chẳng qua là từng bậc phương tiện để cho hành giả bước qua. Chứ chỗ cứu cánh là hoàn toàn thanh tịnh trong sáng không dính một vết tích kiến giải nào. Đó là Phật. Vì vậy Thiên tông nhắm thẳng đến chỗ cứu cánh, cốt làm sao thực hiện được cái chân thật cứu cánh, mà ngày xưa đức Phật đã thực hiện được, và bây giờ chúng ta tu cũng phải thực hiện được như ngài. Chúng ta tu không có chia ra cấp bậc, nên không có chỗ chúng đắc, chỉ biết khi mới tu vọng tưởng nhiều, nay vọng tưởng thưa bớt vậy thôi. Bao giờ vọng tưởng lắng sạch thì tánh giác tròn sáng hiển hiện, đó là Phật. Không tìm kiếm ở đâu khác, tánh giác

có sẵn ở nơi mình, hiển hiện qua cái biết không phân biệt ở mắt, ở tai v.v... Nếu mắt thấy tai nghe... liền khởi phân biệt đẹp xấu thủ xả, đó là cái biết của thức. Cái biết chân thật ban đầu, biết rõ ràng đúng như thật không có vọng niệm dấy khởi.

Tới đây, tôi cũng nhắc, trong giới tu thiền của chúng ta, có nhiều Thiền sư giả hiệu, chỉ nói thiền ngoài miệng mà tâm chưa thật là thiền. Nói thì rất hay nhưng sống thì chưa được, tâm lăng xăng lộn xộn, đối duyên xúc cảnh vẫn dao động, phiền não như mọi người không hơn. Nếu là Thiền sư chính hiệu thì phong độ sống như Trúc Lâm Đầu-đà:

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên

Cơ tắc xan hề khốn tắc miên

Gia trung hữu bảo hựu tâm mịch

Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền.

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên là ở trong đời bụi bặm này, hằng vui với đạo thì hãy tùy duyên. Tùy duyên bằng cách nào? *Đối đến thì ăn mệt ngủ liền.* Tùy theo nhu cầu của sự sống mà hành sự, không theo niệm phân biệt khen chê ngon dở hay nhớ chuyện quá khứ vị lai. *Đối* thì cứ ăn, *mệt* thì cứ ngủ. Đó là thái độ của vị thiền sư chánh thống đang ở trong cõi trần. *Gia trung hữu bảo hựu tâm mịch.* Nghĩa là trong nhà có của báu sẵn đó là tánh giác hằng hiện hữu nơi mình, chớ có đi tìm kiếm ở đâu xa, mà phải làm sao cho nó hiện ra. *Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền* tức là đối duyên xúc cảnh tâm không động đó là thiền, là nhận được của báu trong nhà chứ gì? Nếu đối cảnh mà còn điên đảo thì chưa phải là thiền sư, rõ ràng như vậy.

Để kết thúc buổi nói chuyện hôm nay, tôi dẫn câu chuyện mà lúc trước ở Chơn Không, tôi nhập thất ra, Phước Hảo đại diện chúng hỏi: Thưa Thầy, Thầy ở trong thất ba tháng, có gì lạ xin kể cho chúng con nghe. Tôi kể câu chuyện:

Có một anh chàng nọ, để trong nhà hai cái lọ: một lọ phấn một lọ mực. Đi ra anh lấy mực quẹt bên mặt trái, đi vô anh lấy phấn quẹt bên mặt phải, anh cứ làm như vậy độ năm mười năm, thành ra mặt anh một bên đen một bên trắng. Bỗng một hôm anh gặp người bạn cũ, người bạn hỏi anh:

- Mặt anh sao lạ vậy?

Anh trả lời:

- Sao lạ?

- Bên trắng bên đen.

Anh xác nhận:

- Mặt tôi bên trắng bên đen chứ sao?

- Không phải, mặt không có trắng đen. Trắng đen đó là do anh mới phết vô. Bây giờ anh chịu khó tẩy hết lớp trắng đen, thì mặt thật của anh sẽ hiện.

Anh nghe lời bạn, lấy khăn nước rửa tẩy năm bảy tháng thì mặt anh sạch. Nhìn vô gương anh không còn thấy trắng đen nữa.

Vậy, trắng đen là lớp tô điểm ở bên ngoài; mặt thật thì không có trắng đen. Sau đây tôi dẫn lời Lục Tổ để kết thúc. Bài pháp đầu tiên ngài nói cho Huệ Minh là: “Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, ngay khi đó cái gì là bản lai diện mục của thượng tọa Minh?” Phấn trắng tôi dụ cho thiện, mực đen tôi dụ cho ác. Đen trắng chùi sạch thì mặt thật anh ấy hiện. Cũng vậy, thiện ác không còn, thì bản lai diện mục hiện tiền chứ gì? Vậy, mặt thật của con người là không có tô trét ở bên ngoài. Còn tô trét thì không phải là mặt thật. Tất cả mọi kiến giải tô phết bên ngoài quá đậm, nên rửa hơi cực và lâu. Chúng ta tu thiền là chùi rửa mọi kiến giải muôn đời cho sạch. Kiến giải sạch rồi thì bộ mặt thật có sẵn nơi mình hiện ra. Đường lối tu thiền là như vậy.

Quyển *Thiền Tông Việt Nam cuối thế kỷ XX* đã ra đời, nên mới có buổi nói chuyện này để cho quý vị thấy rõ đường lối, vững chí tu và ai hỏi cũng trả lời được. Không còn ỡm ờ nửa tin nửa nghi: không biết mình tu theo pháp nào, tu như vậy sẽ tới đâu và ra sao? Hôm nay tôi nói thẳng nói thật, để cho quý vị rõ. Đây cũng là hoài bão mà tôi ôm ấp hơn hai mươi năm, nay chúng ta đã thực hiện được một phần rồi, phần còn lại mong tất cả chúng ta phải cố gắng thực hiện cho được trọn vẹn.

BỔ TÚC ĐỀ TÀI THIỀN TÔNG VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XX

I- Đường lối tu của Thiền viện

Gần đây có một nghi vấn lớn được đặt ra: Thiền ở Trung Hoa có năm phái như: Lâm Tế, Tào Động, Quy Ngưỡng, Vân Môn, Pháp Nhãn; ở Việt Nam có bốn phái là Tỳ-ni-đa-lưu-chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường, Trúc Lâm. Vậy hiện tại chúng ta tu theo Thiền tông, y cứ vào pháp nào, tông nào để tu?

Nghi vấn này hôm nay tôi giải đáp một cách rõ ràng cho quý vị rõ. Chúng ta không y cứ theo năm phái thiền ở Trung Hoa, cũng không y cứ theo những phái thiền Việt Nam: Tỳ-ni-đa-lưu-chi, Thảo Đường, Vô Ngôn Thông. Mà tôi y cứ vào ba vị tổ: Huệ Khả, Lục tổ Huệ Năng, Trúc Lâm Đầu-đà làm chỗ tựa để vạch ra lối tu cho Thiền viện chúng ta.

Tổ thứ nhất là Huệ Khả. Điều này từ lâu quý vị đã biết, ngài là vị tổ thứ hai của thiền tông Trung Hoa và là vị tổ đầu tiên người Trung Hoa. Câu chuyện tổ Bồ-đề-đạt-ma và tổ Huệ Khả tôi đã kể nhiều lần. Câu chuyện quan trọng ở chỗ: Thần Quang đang bán khoán thao thức cầu xin tổ Đạt-ma dạy cho pháp tu:

- Bạch Hòa thượng! Tâm con chưa an, xin Hòa thượng dạy con “pháp an tâm”.

Tổ Đạt-ma nhìn thẳng bảo:

- Đem tâm ra đây, ta an cho.

Thần Quang sững sốt, quay lại tìm tâm không thấy, thưa:

- Con tìm tâm không thể được.

- Ta đã an tâm cho ngươi rồi.

Thần Quang nhân đây được khế hội, liền biết đường vào và được đổi tên là Huệ Khả. Ngài Huệ Khả biết đường vào là ngài ngộ đạo hay biết hướng tu? Chỗ này là chỗ mà chúng ta phải lưu ý. Ngài Huệ Khả đang bán khoán về đường lối tu hành của mình, tức là phương pháp tu để cho tâm được an. Khi được Tổ chỉ dạy thì ngài nhận ra cách làm cho tâm an, ngài nhận ra cách làm cho tâm an không có nghĩa là ngài đã ngộ đạo. Tôi nêu lên dữ kiện này để cho quý vị thấy ngài Huệ Khả “biết đường vào”, chưa phải kể “đến nhà”, nên còn phải trải qua thời gian lâu để tu, sau mới đón ngộ. Ngài trình với tổ Bồ-đề-đạt-ma rằng:

- Con đã bật hết các duyên.

Tổ Đạt-ma bảo:

- Coi chừng rơi vào không.

Huệ Khả thưa:

- Rõ ràng thường biết làm sao không được!

Tổ Đạt-ma hỏi:

- Tại sao không rơi vào không?

Huệ Khả thưa:

- Rõ ràng thường biết, nói không thể đến. Khi đó tổ Đạt-ma mới nói:

- Đây là chỗ Phật tổ trao truyền. Ông như thế, ta cũng như thế.

Đó là Tổ ấn chứng ngài đã đại ngộ. Chúng ta thấy ngài Huệ Khả đại ngộ sau khi biết đường vào, chứ không phải khi được Tổ bảo *đem tâm ra ta an cho* ngay đó mà ngài đại ngộ. Lúc ấy ngài chỉ thấy được đường vào, tức là ngài đã biết cách làm cho tâm an định. Cách an tâm của tổ Huệ Khả rất hệ trọng đối với chúng ta bây giờ. Vì hiện tại đa số người tu chúng ta chưa đốn ngộ, mà đang còn tiệm tu, như vậy chúng ta phải làm sao? Nương vào đâu để tiến? Tôi thấy pháp tiệm tu của tổ Huệ Khả rất thích hợp với chúng ta bây giờ, nên tôi căn cứ vào đây để hướng dẫn tăng ni tu. Tôi lập lại chỗ này cho quý vị thấy rõ pháp tu.

Xưa ngài Thần Quang tìm tâm, ngài dùng cái gì để tìm? Dĩ nhiên là dùng trí chiếu soi lại mình. Vì vọng tưởng khởi từ tâm mình, chứ không khởi từ chỗ nào khác. Dùng trí chiếu soi lại mình gọi là *Phản quan tự kỷ*. Hiện tại chúng ta nhìn vọng tưởng, dùng cái gì để nhìn? Dĩ nhiên cũng dùng trí tuệ để nhìn. Vậy, pháp tu của chúng ta, tôi y cứ nơi tổ Huệ Khả là vị tổ Trung Hoa đầu tiên, được truyền dạy từ tổ Bồ-đề-đạt-ma ở Ấn Độ sang. Đây là cội nguồn phát xuất ra thiên tông Trung Hoa. Lối tu của ngài thông thả từ chỗ chưa ngộ, tiến đến chỗ ngộ. Vì vậy mà nói tiệm tu, và khi ngộ thì triệt ngộ. Đó là chỗ y cứ thứ nhất.

Chỗ y cứ thứ hai là Lục tổ Huệ Năng. Lục tổ Huệ Năng tu và hướng dẫn người sau tu như thế nào? Đây là điều mà chúng ta cần phải biết. Sau việc trình kệ thì cư sĩ họ Lu được Ngũ Tổ gọi lên phương trượng, giảng kinh Kim Cang đến câu “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, ngài liền đại ngộ thấy tất cả pháp chẳng lìa tự tánh, mới thưa với Ngũ Tổ rằng:

Đâu ngờ tánh mình vốn tự thanh tịnh,

Đâu ngờ tánh mình vốn không sanh diệt,

Đâu ngờ tánh mình vốn tự đầy đủ,

Đâu ngờ tánh mình vốn không dao động,

Đâu ngờ tánh mình hay sanh muôn pháp...

Trong kinh Kim Cang có đoạn ngài Tu-bồ-đề hỏi Phật: Người phát tâm cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác làm sao hàng phục tâm và an trụ tâm? Phật dạy: *Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm. Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.* Sau này người ta chỉ nhớ *Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm* mà không nhớ *Bất ưng trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm.* Nếu không có đoạn này chúng ta không biết không trụ cái gì? Phật dạy chúng ta không nên trụ sáu trần sắc thanh hương vị xúc pháp thì ngộ được tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Hàng ngày chúng ta quen để sáu căn duyên theo sáu trần, rồi phân biệt tốt xấu hay dở, cho cái biết đó là tâm mình. Bây giờ sáu căn không duyên theo sáu trần mà vẫn thấy biết. Cái thấy biết đang hiện hữu chính là tâm thể chân thật của chúng ta.

Cư sĩ họ Lư khi nghe Ngũ Tổ giảng kinh: “Không trụ ở sắc thanh hương vị xúc pháp thì sanh tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác”, ngay đây ngài thấy rõ ràng là khi sáu căn không dính với sáu trần thì tâm thể thanh tịnh sáng suốt hiện hữu. Đó là chỗ ngộ của ngài. Song khi phương tiện dạy người sau trong kinh Pháp Bảo Đàn, ngài có nêu lên ba pháp vô:

Vô trụ vi bốn, vô tướng vi thể, vô niệm vi tông.

Vô trụ vi bốn: là không kẹt không dính mắc làm gốc. Rõ ràng ngài nêu lên chỗ ngộ của ngài là sáu căn không dính với sáu trần thì nhận ra tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vì vậy chủ yếu của sự tu hành là phải *lấy vô trụ làm gốc.*

Vô tướng vi thể: là lấy không tướng làm thể. Ngài căn cứ vào đâu mà dạy như thế? Chúng ta đâu quên bốn câu kệ mà ngài trình với Ngũ Tổ, trong đó có câu: “Bản lai vô nhất vật.” Phạm vật thì có hình tướng, không vật thì không có hình tướng. Tại sao nói *Không có một vật?* Vì tâm thể hoàn toàn không có tướng mạo. Phạm vật có tướng mạo là bại hoại, là vô thường, là duyên hợp hư dối. Tâm thể của mỗi người xưa nay không có một vật nên không có tướng, do không có tướng nên không sanh không diệt, vì vậy mà nói *Vô tướng vi thể.*

Vô niệm vi tông: là lấy vô niệm làm chủ; chủ yếu của người tu là phải đến chỗ vô niệm. Thông thường chúng ta khởi niệm là duyên theo sáu trần, dính kẹt với sáu trần. Không bao giờ khởi niệm mà không có sáu trần; không có năm trần trước thì cũng có pháp trần. Thậm chí chúng ta ngưng hoạt động, xếp chân ngồi yên, mà vẫn có pháp trần hiện hành, ý thức duyên theo. Vì vậy đối với sáu trần, khởi vọng niệm duyên theo là còn dính mắc, mà còn dính mắc là còn nghiệp, còn nghiệp là còn luân hồi sanh tử. Thế nên *lấy vô niệm làm tông chủ.* Chủ yếu của giải thoát phải vô niệm.

Xưa Lục Tổ dạy vô trụ vi bốn, vô tướng vi thể, vô niệm vi tông, bây giờ tôi đổi lại vô niệm ở trước, vô tướng ở sau. Tại sao tôi đổi như vậy? Vì đúng

về mặt tu thì phải lắng dừng vọng niệm trước, còn thể thì khi hết vọng niệm mới hiện hiện tròn sáng, đó là cái quả. Vì vậy mà tôi đổi “vô niệm vi bản” trước rồi tới “vô tướng vi thể”, sau cùng là “vô trụ vi tông”. Đó là chỗ ngộ của Lục tổ Huệ Năng đem ra ứng dụng giáo hóa ngài cho là gốc mà tôi đã trình bày. *Vô tướng vi thể* tôi thấy thật tuyệt vời, vì trong hướng dạy của ngài có đường lối liên hệ rõ ràng. Ví dụ như ngài thấy *Bản lai vô nhất vật*, thì khi thiền sư Hoài Nhượng đến, ngài hỏi:

- Ông từ đâu đến?
- Ở Tung Sơn đến
- Mang vật gì đến?
- Nói in tuồng một vật tức không trúng.

Nếu nói là một vật thì có hình tướng, phàm cái gì có hình tướng thì hoại diệt vô thường. Cái thể rỗng lặng sáng suốt có sẵn ở mỗi người không hình không tướng, nói nó là một vật thì không đúng. Lục Tổ hỏi tiếp:

- Lại có tu chứng chăng?
- Tu chứng chẳng phải không, niêm ô không thể được.

Tuy bản thể thanh tịnh sáng suốt có sẵn ở mỗi người, nhưng vì vô minh vọng tưởng che khuất, nên phải có tu để dẹp hết vô minh vọng tưởng, thì bản thể mới hiện hiện, nên nói *tu chứng chẳng phải không*. Và vì bản thể không hình tướng, thì không có cái gì làm cho nó dơ được, nên nói *niêm ô không thể được*. Chúng ta thấy thầy trò có mối quan hệ nhau qua sự chỉ dạy rõ ràng, đâu phải chuyện ngẫu nhiên.

Thiền sư Minh Chánh có làm bài kệ nói lên ý nghĩa này, tôi dẫn bốn câu sau đây cho quý vị thấy chí lý vô cùng.

*Công danh cái thể màn sương sớm,
Phú quý kinh nhân giấc mộng dài.
Chẳng biết bản lai vô nhất vật,
Công phu luống uổng một đời ai.*

Người công danh tột đỉnh không ai sánh kịp, có đó rồi mất đó, giống như màn sương sớm, sáng thấy mờ mờ chốc lát tan đi. Giàu sang cho đến người nghe nói giạt mình hoảng sợ, cũng như giấc mộng dài thôi. Nếu không thấy được bản thể *xưa nay không một vật* thì công phu khó nhọc chỉ luống uổng một đời thôi. Công phu đây có hai mặt: Mặt đời thì người chịu khó nhọc gầy dựng nên tài sản sự nghiệp ở thế gian, rốt cuộc rồi bị vô thường phá hoại tiêu tan, uổng đi một đời. Mặt đạo, người tu hành chỉ căn cứ trên tướng, trên hình thức

mà không thâm nhập được bản thể chân thật sáng suốt của mình (bản lai vô nhất vật), thì công phu đó uổng cả một đời tu hành. Như vậy, tu mà không ngộ đạo, không nhận ra bản tánh bất sanh bất diệt của mình thì sự tu hành không tới đâu hết. Vì vẫn còn ở trong vô thường sanh tử, chỉ hơn là đi đường thiện, những chúng sanh khác thì đi đường ác. Thấy được *bản lai vô nhất vật* mới là chỗ cứu cánh giải thoát. Đây là chỗ hệ trọng, vì vậy mà chúng ta tu là phải nhận cho ra bản thể ấy. Đó là chỗ y cứ thứ hai.

Chỗ y cứ thứ ba là tổ Trúc Lâm Đầu-đà. Là người Việt Nam tu thiền, mà không có sắc thái Việt Nam thì chưa phải là Thiền tông Việt Nam. Vì vậy mà Thiền tông Việt Nam có khuynh hướng đi theo các vị tổ Việt Nam. Ở Việt Nam vào đời Hậu Lê, Nguyễn có các phái thiền Lâm Tế, Tào Động được truyền sang, những phái thiền này còn khuôn mẫu của người Trung Hoa, nên tôi y cứ tổ Trúc Lâm, người khai sáng ra phái thiền Việt Nam là Trúc Lâm Yên Tử. Trong sử không có ghi rõ ngài tu theo pháp môn gì và cơ duyên ngộ đạo ra sao. Nhưng, chúng ta thấy lúc nhỏ ngài đã được Tuệ Trung thượng sĩ giáo dục, dĩ nhiên là ngài đã nhận ra đạo lý, nên khi lên ngôi vua, tuy ở địa vị ông hoàng, mà ngài vẫn mang tâm trạng của một người tu. Đến khi truyền ngôi vua cho con, đi tu, trong thời gian tu ngài có làm nhiều bài kệ, qua những bài kệ của ngài chúng ta thấy ngài chịu ảnh hưởng lối tu Thoại đầu. Chẳng hạn như bài Cư Trần Lạc Đạo tôi trích đoạn đầu:

Miễn được lòng rồi,

Chẳng còn phép khác.

Gìn tánh sáng, tánh mới hầu an;

Nén niềm vọng, niềm đừng chẳng thác.

Miễn được lòng rồi, chẳng còn phép khác. Chữ lòng ở đây là tâm. Người tu thiền nhận được bản tâm mình rồi, là đã thực hiện được nền tảng cơ bản, không còn có một pháp nào khác hơn nữa. Câu này chứng tỏ ngài đã ngộ được tâm. *Gìn tánh sáng tánh mới hầu an.* Khi ngộ được bản tâm rồi, phải sống với ánh sáng trí tuệ của tâm thì mới an. Ngài nói khi đã ngộ được bản tâm rồi phải gìn giữ bảo nhậm đừng để cho nó mất. *Nén niềm vọng, niềm đừng chẳng thác.* Những ý niệm vọng tưởng, không cho dẫn khởi thì niệm tưởng dần dần hết không lằm. Qua những câu phú trên, chúng ta thấy ngài không tu theo Thoại đầu, rõ ràng ngài nhận nơi mình có bản tâm, rồi sống với ánh sáng của bản tâm đó, nếu có vọng tưởng khởi, ngài ném nó nên được an lạc.

Đó là bốn câu trong bài Cư Trần Lạc Đạo, tôi dẫn cho quý vị thấy đường lối tu của ngài đã ứng dụng. Và sau đây là bài Hữu Cú Vô Cú. Nói lên tinh thần không kẹt dính hai bên của ngài, mà tôi tâm đắc ở bốn câu:

*Câu có câu không,
Hỏi hồ hay không,
Nón tuyết giày hoa,
Ôm cây đợi thỏ.*

Người thấy hai bên hoặc có hoặc không, hoặc phải hoặc quấy... Tất cả những cái đối đãi đó do hồ tương nhau mà lập thành. Hỏi hồ là hai pháp hồ tương nhau, pháp này nương pháp kia, pháp kia nương pháp này mà có.

Ví dụ “sáng” là từ “tối” mà lập, “có” là từ “không” mà lập. Nếu không có *tối* thì không lập ra *sáng*, hoặc không có *cái có* thì không lập ra *cái không*... Pháp có và không do hồ tương nhau mà thành, nếu chấp nó là thật thì không đúng. Tại sao? Vì các pháp đối đãi nương nhau mà lập thì không thật nên ở đây ngài mới dùng hình ảnh *nón tuyết giày hoa*. Nón bằng tuyết đội trên đầu được bao lâu? Giày bằng hoa chân mang được bao lâu? Nón tuyết giày hoa nói lên tương đối đãi tạm bợ, có trong chốc lát rồi tan hoại. Phạm pháp tương đối thì giả dối tạm bợ không lâu dài. Nếu người chấp nó là thật là lâu dài thì giống như kẻ *ôm cây đợi thỏ*. Ngàn năm một thuở, thỏ mới chạy đụng nhằm gốc cây chết. Chỉ có kẻ ngu mới tới ôm gốc cây chờ nhặt xác thỏ chết. Ở đây chúng ta có ai ngu như thế không?!

Vậy, chỗ mà ngài thấy, có liên hệ gì với người xưa không? Tổ tăng Xán kết thúc bài Tín Tâm Minh qua cái thấy không hai:

Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm.

Tin tâm thì không có hai, không có hai mới là tin tâm. Như vậy, nếu còn thấy hai là thật thì chưa tin tâm. Lục tổ Huệ Năng ngài di chúc cho đệ tử, nên dùng ba mươi sáu pháp đối nhau để trả lời khi có người hỏi. Nếu hỏi “có” lấy “không” đáp, hỏi “sáng” lấy “tối” đáp... Vì tất cả cái đối đãi không có định nghĩa thật, do có cái này nên có cái kia, do có cái kia nên có cái này, không có pháp nào cố định cả. Chúng ta định nghĩa nó để thành cố định là không đúng. Nên Tổ không cho chúng ta định nghĩa. Như vậy, cái gì còn đối đãi là cái đó không thật. Nếu người đã tin được tâm mình thì không còn thấy, còn kẹt trong đối đãi nữa. Đó là chỗ mà tôi y cứ vạch ra hướng tu.

Sau đây là bốn câu kết của bài phú Cư Trần Lạc Đạo, chứng tỏ ngài Trúc Lâm Đầu-đà đã ngộ đạo không nghi ngờ:

*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc xan hề khốn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên.*

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên, cơ tắc xan hề khốn tắc miên. Ngài nói ở ngay trong cảnh đời bụi bặm trần lao này tùy duyên, đói thì ăn, mệt thì ngủ. *Đạo* đây là chỉ tánh giác hay tâm thể có sẵn nơi mỗi người. Tức là nhận ra tánh giác của mình rồi thì ở ngay trong cõi trần lao này tùy duyên, đói thì ăn, khát thì uống, mệt thì ngủ, lạnh thì mặc áo ấm, nóng thì mặc áo mỏng... Vì đó là nhu cầu cần thiết cho sự sống của con người, tùy theo nhu cầu mà xử sự, không có tâm tìm kiếm đòi hỏi. Đói ăn cơm hẩm cũng vui, ăn gạo thơm cũng vui, khát uống nước lã cũng được, uống nước trà cũng xong, không kén chọn đòi hỏi. Đó là tùy duyên, chứ đừng hiểu đói ăn mệt ngủ rồi cứ tìm cầu cao lương mỹ vị, ăn uống cho sung sướng khi đã no đủ thì tìm chỗ êm mát ngủ cho thỏa mãn, thức dậy thì rong chơi không làm gì hết! Như vậy là bệnh.

Gia trung hữu bảo hựu tâm tịch, đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên. Trong nhà mình có của báu, đừng đi tìm kiếm ở đâu, hàng ngày đối duyên xúc cảnh tâm không chạy theo không dính mắc, chớ hỏi thiên. Như vậy, ngài đã thấy rõ nơi ngài có cái thể chân thật, nên ngay trong cõi đời này mà vui với nó, rồi tùy thời đói ăn mệt ngủ, không tìm kiếm ở đâu xa, đối duyên xúc cảnh không dính không mắc, đó là thiên. Thiên ở đây không phải là cái gì màu nhiệm lạ kỳ như: hào quang chiếu sáng rực rỡ, hoặc bay lên hư không hay lặn xuống đáy biển... mà thiên là lẽ sống rất thật tế, hàng ngày vẫn sinh hoạt bình thường sống an nhiên trước mọi hoàn cảnh, không khởi tâm tham sân chạy theo cảnh như kẻ phàm phu. Chúng ta thấy đường lối tu của tổ Trúc Lâm Đầu-đà bao hàm cả pháp tu của hai vị tổ Huệ Khả và Huệ Năng. Đó là chỗ y cứ thứ ba.

Như vậy, từ đường lối tu của ba vị tổ: Huệ Khả, Huệ Năng, Trúc Lâm, tôi dung hợp thành ra đường lối tu của Thiền viện chúng ta. Chỗ này quý vị đọc kỹ trong sách sẽ thấy rõ. Ở đây tôi chỉ nói phần cô đọng. Đường lối tu mà tôi dung hợp của ba vị tổ trên, tôi chia ra làm bốn:

1- *Biết vọng không theo.*

2- *Đối cảnh không tâm.*

3- *Không kẹt hai bên.*

4- *Hằng sống với cái thật không theo cái giả.*

Đó là bốn điều cô đọng thành ra đường lối tu của chúng ta, nó rất thiết yếu đối với trình độ của chúng ta hiện tại. Từ ngày thành lập tu viện Chơn Không tới bây giờ, tuy đường lối tu của chúng ta có là *Biết vọng không theo*, và quý vị đang ứng dụng tu. Phần quý vị khi ứng dụng tu, có người thì tiến suôn sẻ, có người thì bị trục trặc. Phần tôi thì không có thời giờ rà soát lại coi có chỗ nào cần phải bổ túc thêm không. Gần đây tôi được cái duyên làm người thiếu sự, nhờ có thời giờ rảnh nên tôi rà soát lại, thấy có những điểm cần phải chỉ rõ cho quý vị để ứng dụng tu không bị sai, không bị chướng, để có kết quả tốt.

1- Biết vọng không theo

Trước kia tôi chỉ nói khi nhìn lại mình thấy niệm khởi thì biết nó là vọng tưởng, không theo. Tôi chỉ nói lý do: tâm niệm là hư ảo. Chưa nói phải tu bằng cách nào, y cứ vào chỗ nào mà nhìn. Nên có người thì y cứ trên trán mà nhìn, có người y cứ trên đỉnh đầu mà nhìn... Vì vậy lâu lâu có người than đau đầu, có người than thở không thông, tu bị trục trặc. Lại có nhiều người nói ở ngoài vừa làm việc vừa tu thì thấy vọng tưởng ít, khi ngồi lại tu thấy vọng tưởng liên miên, nhiều hơn lúc làm việc. Đây tôi nhắc lại chủ trương tu thiền, nhất là Thiền tông. Tu không phải chỉ trong giờ ngồi thiền, mà tu trong mọi hoạt động, tức là hành động nào cũng phải tu, không đợi ngồi thiền mới tu. Nhớ như vậy, nếu chỉ tu trong giờ ngồi thiền thì thật là thiệt thòi. Vì một ngày một đêm hai mươi bốn giờ, buổi tối và khuya ngồi thiền chỉ có ba giờ thì những giờ còn lại không tu sao?

Vậy, tu trong mọi hành động thì phải tu như thế nào? Và trong khi ngồi thiền thì cái gì hoạt động? Chúng ta dạy tu phải có một đường hướng trước sau nhất quán, chứ không được dạy trước thế này sau thế kia không có sự liên hệ, như thế là tai hại. Các vị có trách nhiệm ở các Thiền viện có biết tôi dạy cho người mới xuất gia và cư sĩ tu bằng cách nào không? Hôm nay tôi trình bày thật rõ để quý vị có trách nhiệm làm thầy nghe, rồi hướng dẫn đệ tử tu cho đúng. Người mới xuất gia họ chưa biết gì hết, vào Thiền viện, đương nhiên là phải dạy tu thiền. Nhưng dạy thẳng *Biết vọng không theo* thì họ thực hành không được, nên tôi dạy quán số tức. Số là đếm, tức là hơi thở. Số tức quán là quán sát hơi thở ra vô, đếm một, hai... mười. Số tức quán có hai cách: nhật và khoan. Nhật là hít vô cùng đếm một, thở ra sạch đếm hai, tức là hơi thở vô đếm một, hơi thở ra đếm hai. Khoan là hít vô cùng thở ra sạch đếm một, tức là hơi vô hơi ra đếm một, đếm tới mười, bỏ. Tôi bắt phải làm hai việc: việc thứ nhất là biết hơi thở ra vô đi từ đâu tới đâu, việc thứ hai là nhớ số từ một tới mười. Như vậy là làm hai việc một lượt, vừa biết hơi thở ra vô vừa nhớ số. Tôi chưa bao giờ dạy đếm ngược hoặc đếm xuôi, vì đếm như thế là rắc rối. Có nhiều người: “Tại loạn quá nên phải dạy đếm ngược xuôi như thế để đừng nghĩ bậy.” Nhưng nếu tu như thế làm sao tiến lên bước thứ hai được? Nên tôi chỉ dạy biết hơi thở vô cùng đếm một, biết hơi thở ra sạch đếm hai. Khi đã bớt loạn không lộn không quên, tôi bảo bỏ đếm số, chỉ biết hơi thở ra vô, hít hơi vô tới đâu biết rõ, thở hơi ra tới đâu biết rõ. Như vậy, trước làm hai việc một lượt, bây giờ bớt đi một việc còn một việc. Nếu đếm ngược đếm xuôi khi bỏ đếm theo hơi thở thì lúng túng. Đó là dạy tu không nhất quán. Vì vậy, lúc đầu loạn nhiều nên dạy họ vừa biết vừa đếm hơi thở. Khi bớt loạn thì bớt một việc làm một việc. Tới chừng *Biết hơi thở* thuần thục rồi thì dạy *Biết vọng không theo*.

Tôi thấy lời dạy *Biết vọng không theo* lâu nay có chút sơ sót là chỉ nói “Biết vọng không theo”, mà không nói làm cách nào để biết vọng tưởng. Có trụ chỗ nào, có nương ở đâu không? Nên mỗi người làm mỗi cách thành ra sanh bệnh sanh chướng. Lời đó lẽ ra không có, mà lại xảy ra, là do không có rà soát lại kỹ. Bây giờ nếu ai đã khéo nhìn thấy vọng tưởng không theo mà không bị đau đầu, không bị nghẹt thở, không bị chướng ngại thì cứ tiếp tục thực hành; còn nếu ai bị chướng thì nên sử dụng như thế này: vẫn tiếp tục mượn hơi thở để tu, vẫn biết rõ hơi thở ra vô, không đờ, không kìm, không trụ. Cầm kị ba điều này, vì đờ, kìm, trụ, kẹt cái nào cũng là bệnh. Đa số người ngồi thiền hay vấp phải cái lỗi đờ, đờ vọng tưởng dầy dặc khởi. Vọng tưởng ở đâu mà đờ? Đờ thì nặng nề không đứng. Lại có người ngồi thiền kìm giữ cứng sững, không cho vọng tưởng dầy dặc khởi cũng là bệnh. Có người trụ chót mũi, có người trụ trên trán, trụ chỗ này trụ chỗ nọ đều là bệnh. Như vậy chúng ta phải làm sao? Chúng ta nương mũi để biết hơi thở ra vô. Nghĩa là hơi thở ra biết hơi thở ra, hơi thở vô biết hơi thở vô. Khi biết hơi thở ra hơi thở vô, ở bụng có động theo hơi thở phình lên xẹp xuống nhẹ nhẹ, cũng biết rõ, chứ không phải không biết. Nhớ là nương nơi mũi để biết hơi thở ra hơi thở vô, không phải trụ nơi mũi. Nương là gá tạm, còn trụ là chấp cứng một chỗ. Nương mũi biết hơi thở ra hơi thở vô rõ ràng, khi nào có vọng tưởng khởi lên biết nó là vọng tưởng, nó tan mất, tâm yên lặng.

Đó là lời tu ứng dụng có hiệu nghiệm, để cho người tu dễ dàng khi dụng công. Chúng ta thực hành như thế không bệnh. Tu là tu trong mọi hoạt động. Khi ngồi thiền, toàn thân từ đầu, mình, tay chân đều yên không động, chỉ có hơi thở ra vô là động thì chúng ta nương hơi thở ra vô, khi vọng tưởng khởi biết nó là vọng tưởng, vọng tưởng liền tan. Vừa biết hơi thở ra vô vừa biết vọng tưởng khởi, vậy có phải có hai “cái biết” không? Ví dụ mục đồng cho trâu ra đồng ăn cỏ, tay nắm sợi dây giàng, khi trâu ngoái cổ qua bên này bên kia ăn lúa mạ, thì chú mục đồng kéo lại. Vậy nắm dây giàng và kéo dây giàng là một tay hay hai tay? Thấy có hai động tác, nhưng chỉ một cái tay thôi. Cũng vậy, biết rõ hơi thở ra hơi thở vô và biết vọng tưởng khởi, thấy dường như có hai việc khác nhau, nhưng cái biết không hai.

Có người cho rằng hơi thở ra hơi thở vô là động, mình thấy biết cái động mình cũng động theo. Đó là điều lầm lẫn. Tại sao? Vì chúng ta nhìn thấy người khác chạy, chúng ta đâu có chạy. Hơi thở ra hơi thở vô là động chứ “cái biết” đâu có động. Quý vị mới thấy cái nhất quán của pháp tu. Từ khi đếm hơi thở là đã có “cái biết” theo dõi hơi thở ra vô rồi, tới khi bỏ đếm thì còn “cái biết” theo dõi hơi thở ra vô. Bây giờ đừng không theo hơi thở nữa, mà tạm nương nơi chót mũi để biết hơi thở ra vô và khi nào vọng tưởng khởi, biết nó là vọng tưởng, không theo. Như vậy, quý vị thấy trên hơi thở chúng ta đi tuần tự: theo

hơi thở từ khi mới hít vô cho tới cùng và từ khi bắt đầu thở ra cho đến sạch, rồi đếm. Kế đó là bỏ đếm, theo hơi thở. Tới đây chúng ta chỉ còn biết (mượn) hơi thở để an tâm. Vậy, biết (mượn) hơi thở có lỗi gì trong lối tu thiền không? Có chỗ nào trái với Thiền tông không? Không trái. Vì thiền là tu trong mọi hoạt động, khi ngồi thiền hơi thở là cái động, nên tu trên hơi thở. Chúng ta biết rõ hơi thở ra vô, vọng tưởng không khởi, là bật hết các duyên. Các duyên bật hết thì còn cái gì? Còn cái *thường biết rõ ràng*, chỗ mà ngài Huệ Khả trình với tổ Bồ-đề-đạt-ma đó. Tu như vậy, chúng ta tránh được cái lỗi vô ký và cái lỗi rơi vào không mà Lục Tổ thường nhắc.

Chúng ta *thường biết rõ ràng*, đi biết đi, đứng biết đứng, nằm biết nằm, ngồi biết ngồi, làm biết làm, nghỉ biết nghỉ, ăn biết ăn... Nương nơi động tác để tu, vọng tưởng vừa khởi liền biết, vọng tưởng tan... Như vậy, không có hành động nào mà không tu, tu trong bốn oai nghi, bốn oai nghi đều là thiền. Tu như vậy, chẳng những bản thân mình được lợi ích, mà cả xã hội quốc gia cũng được ảnh hưởng tốt. Chẳng hạn như người lái xe, tâm không loạn động, ngồi mắt nhìn tới trước, tay chân hoạt động đúng công tác lái xe, nếu có việc gì xảy ra, liền thấy biết đáp ứng kịp thời, tránh khỏi tai nạn. Còn người đang lái xe, nhớ chuyện nhà, chuyện thiên hạ, miệng nói chuyện không ngừng, tâm loạn động, điều khiển tay lái lệch, có việc xảy ra không thấy, không thích ứng kịp, dễ xảy ra tai nạn. Người làm bếp không biết tu trong việc làm, tâm chạy đi hàng xóm, thay vì xắt gọt rau trái thì cắt vào tay chảy máu, hoặc quên để lửa cháy nhiều cơm khét... Quý vị hiện có mặt ở đây, hầu hết là giáo thọ dạy chúng. Khi dạy học, quý vị có tu được không? Và chúng nghe dạy có tu được không? Nếu là chúng, khi nghe giảng, lắng tâm nghe, biết rõ ràng từng lời từng câu của người dạy; vừa phóng tâm khởi niệm, liền biết không theo, tiếp tục nghe giảng nữa... Đó là người đem hết tinh thần để học, học như vậy mau hiểu mau nhớ. Còn người dạy nắm vững và thấu suốt ý nghĩa của bài giảng, khi giảng thì thông thả nói, nói rõ ràng, thấy rõ từng nét mặt chăm chú hay lơ đãng của học trò, vừa phóng tâm khởi niệm, giảng sai liền biết; nên giảng đúng. Như vậy, dạy cũng chu đáo mà học cũng kết quả.

Pháp *Biết vọng không theo*, trong tất cả trường hợp chúng ta đều ứng dụng tu được. Từ lâu có sự hiểu nhầm cho rằng “nhìn biết vọng tưởng, không theo” đó là chánh, nhưng kỳ thật “theo dõi và biết rõ từng động tác” của mình trước, sau đó nếu có vọng tưởng khởi, liền biết, không theo. Cái *Biết rõ từng động tác* là thường hằng, là chánh, còn vọng tưởng lâu lâu khởi là phụ. Quý vị nhớ cho thật kỹ chỗ này, kéo nhầm. Vì *Biết rõ từng động tác* mới gọi là *thường biết* (liễu liễu thường tri). Còn vọng tưởng thì khi duyên cảnh này khi duyên cảnh khác, nên khi có khi không; khi có, chúng ta phá nó bằng cách “biết nó là vọng tưởng, không theo”. Đó là pháp tu của chúng ta có quan hệ

với đời sống con người và xã hội. Nghĩa là chúng ta tu, chẳng những thân tâm chúng ta được an ổn sáng suốt, mà việc làm còn chu đáo không sai sót, kết quả tốt, đem nhiều lợi ích cho xã hội. Người đời đa số đều mắc chứng bệnh phóng tâm tức là lo ra, đang làm chuyện này nhớ chuyện kia, đang làm chuyện kia nhớ chuyện nọ. Nếu đang làm chuyện này mà nhớ chuyện kia, thì chuyện đang làm không chú ý, sẽ sai trật. Nên tu trong mọi hành động, làm việc gì biết rõ việc đó, vừa phóng tâm liền biết, dừng; vậy là làm cái gì cũng tu được. Việc làm được chu đáo, kết quả tốt, sống trong xã hội này, ở đâu và lúc nào, cũng tu.

Chính vì pháp tu này có hai điểm cần thiết. Một là hướng dẫn người đang tu chưa ngộ bản tâm, tiến dần. Vì ở đây đa số chúng ta chưa ngộ, ứng dụng pháp này rất thông dụng. Hai là sống trong xã hội này ứng dụng pháp tu này rất thích hợp, trước là lợi ích thiết thực cho bản thân sau lợi ích cho gia đình và xã hội. Vì có lợi ích như thế nên tôi lấy làm trọng tâm và đặt vào hạng thứ nhất. Song, tôi thấy nếu chỉ có một lối tu này, e có những người ở những trường hợp khác ứng dụng không được sẽ lúng túng, nên tôi nêu lên pháp thứ hai là:

2- Đối cảnh không tâm

Đó là đứng trên quả mà nói. Vì khi tâm lặng lẽ như như thì mọi sự vật tốt xấu nên hư ở trước mắt chúng ta đều không dính mắc. Nếu tâm chưa như thì duyên cảnh nào cũng kẹt cũng dính. Ở đây chỉ nêu lên cái quả, mà không chỉ bày cái nhân tu thì làm sao thực hành? Chúng ta ứng dụng theo lời dạy của Lục Tổ là lấy “không trụ làm gốc” (vô trụ vi bản), không trụ là không dính mắc. Tức là sáu căn tiếp xúc với sáu trần không kẹt không dính. Song, tiếp xúc như thế nào không dính? Ví dụ mắt nhìn cây liễu xanh lá rủ xuống, thấy đẹp, tâm ưa thích, đó là dính mắc. Bây giờ nhìn cây liễu ứng dụng pháp quán trong kinh Kim Cang: Cây liễu này do hạt giống, đất, nước, hơi, âm, công người trồng... nên có cây liễu, cây liễu này do duyên sanh, tạm có, không thật. Thấy cây liễu như thế thì tâm không dính không kẹt.

Lối tu này được thiền sư Duy Tín đời Tống ở Trung Hoa ứng dụng cụ thể qua đời tu của ngài. Ngài nói: “Trước ba mươi năm, tôi thấy núi sông là núi sông. Gặp được thiện hữu tri thức chỉ dạy, tôi thấy núi sông không phải là núi sông. Sau ba mươi năm, ngày nay tôi thấy núi sông là núi sông.” Qua lời nói của ngài, chúng ta thấy rất rõ pháp tu của ngài. Trước khi gặp thiện hữu tri thức, còn là phàm phu thấy cái gì cũng thật, thấy núi thật thấy sông thật. Khi gặp thiện hữu tri thức chỉ dạy, quán các pháp do duyên hợp huyễn có, không có tự thể cố định, núi cũng do duyên hợp tạm có, sông cũng do duyên hợp tạm có, núi sông chỉ là huyễn tướng, không thật. Quán suốt ba mươi năm như vậy mới thuần thực. Bây giờ thì không còn quán nữa, tâm lặng lẽ như như, thấy cái gì là cái nấy, tâm không dính không mắc. Đó là *Đối cảnh không tâm*.

Quý vị thấy pháp tu này ảnh hưởng cả đường lối tu của Lục Tổ và hướng tu của ngài Trúc Lâm Đầu-đà. Hồi xưa tôi có nói với quý vị: Nếu chúng ta tu *Biết vọng không theo*, cảm thấy hơi nặng đầu thì nên quán các pháp như huyễn hóa, như trò chơi, không bận tâm. Như vậy là dùng hai pháp tu hỗ trợ nhau. Bây giờ nếu quý vị nương mũi để biết hơi thở ra vô, có niệm khởi liền biết, không theo, không đau đầu thì khỏi quán. Nếu người nào vì lý do không ứng dụng được pháp *Biết vọng không theo* thì ứng dụng pháp *Đối cảnh không tâm* cũng có kết quả tốt, cũng đi tới chỗ vô tâm. Pháp thứ ba là:

3- Không kẹt hai bên

Là không dính mắc hai pháp tương đối, như: có không, thiện ác, tốt xấu... Trong bài Tín Tâm Minh, tổ Tăng Xán có nói: “Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm” nghĩa là tin tâm thì không thấy hai, không thấy hai mới là tin tâm. Quý vị đã tin tâm chưa? Ở đây tổ Tăng Xán nói nhẹ, ngài không nói ngộ, không nói kiến tánh, chỉ nói tin tâm thôi. Tâm mà ngài tin là tâm nào? Tâm không phân biệt, không thấy hai bên tương đối. Tâm phân biệt thấy hai bên tương đối là tâm loạn động, là vọng tưởng. Hiện tại đối với tâm bất nhị mà tổ Tăng Xán nói ở đây, tôi có niềm tin rất vững. Xưa khi Phật sắp Niết-bàn hỏi các thầy Tỳ-kheo đang có mặt:

- Đối với lý Tứ đế của ta, các ông có còn chỗ nào nghi ngờ hãy mau thưa hỏi.

Ngài Anuruddha đại diện chúng thưa:

- Mặt trời có thể lạnh, mặt trăng có thể nóng, giáo lý Tứ đế của Thế Tôn nói không thể nào đối khác được.

Đó là lòng tin vững chắc của các vị Tỳ-kheo đối với lý Tứ thánh đế mà Phật đã dạy. Bây giờ, đối với tâm, tôi có thể nói: nước đá có thể nóng, lửa than có thể lạnh, tin tâm của tôi không thay đổi. Tôi tin tâm như vậy đó. Điều này quý vị cũng nên biết, tuy tôi tin tâm vững chắc như thế, nhưng lâu lâu vọng niệm cũng còn dậy khởi. Mỗi khi niệm khởi, tôi nói: “Hai bên.” Nếu nói hai bên mà niệm không lặng, thì tôi nói: “Nón tuyết giày hoa.” Nói như thế mà niệm vẫn chưa lặng, thì tôi nói: “Ôm cây đợi thờ.” Tôi nói như vậy có ý nghĩa gì? Nghĩa là vừa dậy niệm, tôi liền biết là hai bên. Nếu là niệm nhẹ, nói “Hai bên” là nó lặng mát. Nếu là vọng niệm hơi thô, tuy đã biết nó là hai bên, nhưng nó vẫn còn, nên phải nói “Nón tuyết giày hoa” đó là lối nói theo Trúc Lâm Đầu-đà, nghĩa là đối đãi giả dối. Đã nói đối đãi giả dối mà nó còn, nên nói “Ôm cây đợi thờ”. Quở là kẻ ngu.

Đó là tôi ứng dụng mấy câu kệ trong bài Hữu Cú Vô Cú của Trúc Lâm Đầu-đà mà tôi tâm đắc. Hiện tại tôi tu như thế. Quý vị đừng nghĩ rằng tin tâm

rồi là hết vọng niệm, là khởi tu. Tôi vẫn còn tu, tu bằng cách tự nhắc như vậy đó, nhẹ nhàng lắm. Nếu không như thế, thì cổ đức đâu nói:

Đốn ngộ tuy đồng Phật,

Đa sanh tập khí thâm,

Phong đình ba thượng dưng,

Lý hiện niệm du xâm.

Nghĩa là đốn ngộ được tâm mình giống như tâm Phật, nhưng vì tập khí nhiều đời sâu dày cũng giống như gió đã dừng mà sóng vẫn chưa lặng. Tuy thể tánh đã hiển hiện mà vọng niệm vẫn còn lặn tẩn. Hình ảnh này tôi thấy rất rõ nơi tôi. Như vậy, quý vị đừng cho rằng kiến tánh hay tin tâm mình là xong việc, rồi thả lỏng rong chơi hoài là họa, mà phải luôn dò chừng nó. Tu tới đây rồi thì ngồi thiền cũng tốt, mà đi ra ngoài cũng tốt, nhớ phải canh chừng nó, chớ để nó hiện hành. Tới đây chúng ta mới thấy ngài Trần Tôn Túc nói rất thấu đáo: “Việc lớn chưa sáng như đưa ma mẹ, việc lớn đã sáng cũng như đưa ma mẹ.” Chưa nhận ra lý đạo, lúc nào cũng thao thức thiết tha tu hành cho đạo được sáng. Khi đã nhận ra lý đạo cũng vẫn phải nỗ lực tu hành cho đến khi viên mãn, chứ không thể buông thả, để cho tập khí huân làm mờ tối lại.

Đó là trường hợp niệm còn khởi, thì tu như thế, trường hợp niệm không khởi thì sao? Tôi trả lời rằng: Đã tin tâm, khi niệm không khởi, còn hỏi chi nữa! Đó là chỗ bí yếu. Như vậy, nếu niệm không khởi thì nhàn biết mấy, và nếu niệm còn khởi thì cũng phải xem chừng nhắc nhở nó. Người đã tin tâm như vậy, thì tu cách này tốt, nếu chưa tin tâm thì khoan ứng dụng, cách tu này hơi nhẹ, không có chỗ nương, khó thực hành. Đó là lỗi tu *Không kẹt hai bên*.

4- Hằng sống với cái thật không theo cái giả

Mới nghe qua chúng ta thấy mỗi pháp như giống nhau. Thật ra thì mỗi pháp có một vị trí của nó. Phạm ngôn ngữ nói ra không diễn tả hết lý nghĩa. Nói như vậy, chúng ta có cái thật và cái giả, lấy một cái, bỏ một cái. Đúng ra thì phải nói thế này: nhận cái chân thật làm bản mạng của mình. Khi đã nhận cái chân thật làm bản mạng, tức là hằng sống với cái chân thật. Tu đến chỗ này thiền sư Đại An nói như sau:

Sở dĩ Đại An này ở tại núi Quy ba mươi năm. Ăn cơm núi Quy, đại tiện núi Quy, mà không học thiền núi Quy, chỉ coi chừng con trâu. Nếu có lạc đường hay vào trong cỏ, bèn lôi nó lại. Nếu nó ăn lúa mạ của người, liền đánh đập điều phục nó. Đáng thương đã lâu chịu người rầy rà, hiện giờ nó đổi thành con trâu trắng đứng trước mặt, trọn ngày hiện sờ sờ đuổi cũng chẳng đi.

Con trâu hiện sờ sờ đuổi không đi là chỉ cho cái chân thật hiện tiền. Khi cái chân thật hằng hiện tiền, thì tất cả cái giả không chi phối được. Tại sao ngài

Đại An ở núi Quy, ăn cơm, đại tiện, tiểu tiện... đều ở đó hết mà không học thiền tại đó, chỉ chăn con trâu thôi? Chăn trâu tức là thiền còn dùng từ ngữ thiền chỉ cho thừa. Như vậy, chúng ta mới thấy người tu tới nơi rồi, hằng sống với cái chân thật (con trâu hiện sờ sờ, đuôi không đi) thì có cái hư giả nào làm nó dính mắc? Tới đây là chỗ triệt ngộ, tức là đã đạt đạo, nên ngoại cảnh hư giả không làm phiền lụy các ngài. Đây là chỗ cuối cùng, ít người đạt tới. Người mà tới chỗ này thì ít nói tới chuyện tu, vì nói tu với các ngài là thừa.

Vậy, bốn pháp tu tôi vừa nêu quý vị đã nắm vững chưa? Còn chỗ nào nghi ngờ hãy trình bày, để tôi giải thích cho hiểu. Vì tu là cả một công trình mấy mươi năm, cả đời người, nếu chúng ta thực hành sai, kết quả xấu thì uổng cả đời tu, không lợi ích. Thế nên quý vị phải hiểu cho rõ, nắm cho vững, ứng dụng đúng, kết quả tốt, hướng dẫn cho người sau tu tập được lợi ích.

II- Cốt tủy kinh điển

Từ lâu, có nhiều người nói pháp tu của Thiền tông rất cao siêu, nên gọi là Tối thượng thừa. Chỉ có người căn cơ bậc thượng mới có thể tu được, còn người căn cơ bậc trung bậc hạ không thể với tới. Nếu Thiền tông chỉ dành cho người căn cơ bậc thượng, thì hiện giờ có mấy người bậc thượng? Có ai tự thấy căn cơ của mình bậc thượng không? Không ai là người căn cơ bậc thượng cả, chỉ có trung căn với hạ căn thôi. Nếu chỉ có người trung căn và hạ căn thì ai tu theo Thiền tông? Như vậy tôi đề xướng tu theo Thiền tông, mà không có người ngang trình độ để tu, thì sự đề xướng của tôi chỉ là những lời nói trong hư không thôi, không có người hưởng ứng. Vậy, tại sao quý vị dám tu theo Thiền tông?

Hai pháp tu mà tôi thường đề cập là *Biết vọng không theo* và *Đối cảnh không tâm* đều có quan hệ với giáo điển. Ứng dụng pháp *Biết vọng không theo* chúng ta tạm nương hơi thở để thấy vọng tưởng. Nương hơi thở để dẹp vọng niệm trong kinh Nguyên thủy Phật dạy quá rõ ràng, đó là giáo; còn *Biết vọng tưởng không theo* là thiền. Pháp *Đối cảnh không tâm* đó là đứng trên quả mà nói. Nếu tu nhân là phải ứng dụng giáo lý kinh Kim Cang, quán các pháp như huyễn không có tự thể cố định là giáo. Khi thấy các pháp như huyễn không có tự thể cố định, thì sáu căn đối với sáu trần không chạy theo không dính mắc là thiền. Đó cũng là thiền giáo song hành. Còn pháp *Không kẹt hai bên* thì tất cả kinh, từ Nguyên thủy đến kinh Đại thừa đều không thừa nhận cái thấy hai bên; chấp có chấp không đều là bệnh. Khi không còn thấy hai bên thì tâm chân thật hiển hiện tròn sáng tức là tín tâm. Không chấp hai bên là giáo, tâm chân thật hiển hiện hay tín tâm là thiền. Đây cũng là thiền giáo song hành. Vì vậy mà chúng ta học giáo để rõ thiền và nhờ thiền để thấy được giá trị của giáo điển.

Tôi nhắc lại, nếu cho rằng người thượng căn mới tu thiền được, còn người trung căn và hạ căn thì tu không được! Nói như vậy quý vị chấp nhận không? Bây giờ tôi nói quả quyết rằng: Người thượng căn, trung căn hay hạ căn đều tu thiền được. Tại sao? Vì với con mắt của nhà thiền thấy ai cũng có sẵn *bản lai diện mục* (Phật tánh), tại sao chỉ người thượng căn mới tu được, còn người trung căn và hạ căn vô phân? Điều này quý vị nên nghiệm xét kỹ. Tôi ví dụ có một gia đình cha mẹ giàu sang có nhiều đứa con còn thơ dại. Cha mẹ muốn chia của cho các con, ngại đưa sớm nó xài bậy, nên chia của quý ra từng phần và vô hũ chôn mỗi chỗ cho mỗi đứa, trên mỗi tủ có đồ bê-tông thật kín. Cha mẹ già gần chết kêu con lại dặn: Thằng A, ba má cho con một hũ vàng chôn ở dưới chân bàn. Thằng B một hũ chôn dưới chân tủ... Khi ba má chết các con hãy lại ngay đó đào lấy hũ vàng lên mà xài. Nhớ là hũ vàng được chôn sâu, trên có đồ bê-tông cứng chắc phải khéo đào mới lấy được. Nghe cha mẹ chỉ dạy như vậy, những người con cần mẫn bền chí cố gắng đào, cuối cùng họ lấy được hũ vàng. Còn những người con lười nhác bới xới gặp bê-tông cứng họ cảm thấy quá nhọc nhằn, chán không đào nữa, nên không lấy được hũ vàng.

Mỗi người con ai cũng được cha mẹ cho một hũ vàng chôn dưới đất, người siêng năng bền chí thì đào lấy được hũ vàng, còn người lười nhác thì không được. Cũng vậy, trong nhà thiền thường nhắc người dụng công tu hai điều: một là phát tâm kiên cố, hai là phát tâm trường viễn. Nếu đã phát tâm kiên cố và trường viễn thì ai tu cũng được hết. Chỉ có người lơ là nay tu mai nghỉ, muốn tu làm sao trong vòng năm bảy tháng là xong! Những người này không bao giờ được đạo.

Như vậy thì ai là người thượng căn, ai là người hạ căn? Chỉ có biết mình rồi siêng năng bền bỉ thực hành, không thôi chuyển thì đạt đạo. Tất cả mọi người ai cũng có của báu, mà người nhận được và người không nhận được là do người siêng năng bền bỉ thực hành và người lười nhác không chịu tu. Không ai là không làm được. Như vậy, tu thiền không phải là chuyện khó mà cũng không phải là chuyện dễ. Nếu cái không có, bắt phải tìm cho có, mới là khó. *Bản lai diện mục* (Phật tánh) ai cũng có sẵn, chẳng phải đi tìm kiếm ở đâu nên không khó, chỉ siêng năng bền bỉ thực hành là kết quả tốt. Vậy thì đừng ai mặc cảm rằng mình hạ căn, trung căn tu thiền không được.

Tôi nói như thế có nghịch với người xưa không? Tổ Huệ Khả tới cầu đạo nơi tổ Bồ-đề-đạt-ma, dám chặt một cánh tay để nói lên ý chí thiết tha cầu đạo của ngài. Tổ Huệ Khả thuộc căn cơ bậc thượng hay bậc hạ mà tu pháp biết vọng? Tất cả quý vị ở đây nghe tôi giảng mấy năm nay đều biết mình vốn có bản tâm thanh tịnh sáng suốt mà không chịu tin. Biết có mà không dám tin; nếu có tin cũng không dám tin lâu dài, chỉ tin trong giai đoạn thôi. Thành ra tu không tới đâu hết. Như vậy, việc tu hành chúng ta cần phải có đủ những yếu tố

mà tôi vừa nêu thì chúng ta sẽ đạt được kết quả tốt, chứ không phải người này tu được người kia tu không được.

Phần cuối cùng là tôi nhắc tất cả quý vị có mặt ở đây: Chúng ta có trách nhiệm rất là nặng, nhất là những vị ở Thường Chiếu. Trong quyển Thiền Tông Việt Nam cuối thế kỷ XX tôi có giới thiệu đường lối tu của Tu viện Chơn Không. Bây giờ thì Chơn Không qua rồi, Thường Chiếu thì đang hiện hữu, quý vị là người chịu trách nhiệm lãnh đạo, giảng dạy. Mọi người muốn tìm hiểu Thiền tông, tu theo Thiền tông thì họ sẽ tìm tới Thường Chiếu, còn Viên Chiếu và Linh Chiếu thì phụ. Trách nhiệm của quý vị rất là nặng vì đã ra mặt với thiên hạ, tự nhận mình tu theo Thiền tông, hướng dẫn người tu theo Thiền tông, mà quý vị tu không ra trò trống gì hết, trong Thiền viện toàn là những chú tiểu nhóc nhóc, thì nguy làm sao! Vì vậy, quý vị phải tận lực đào bới cho được “kho báu” của mình, để người tới mình cho, chẳng lẽ nhận mình là con trưởng giả mà không có của cải để bố thí cho người sao? Như vậy mới xứng đáng với danh xưng mà mình đã có. Đó là điều rất thiết yếu. Tôi mong rằng quý vị có trách nhiệm lãnh đạo phải thấy rõ bốn phận và trách nhiệm của mình, vừa nỗ lực tu, vừa hướng dẫn huynh đệ tu đúng đường lối, tiến từng bước vững vàng. Nhớ tiến chứ không được dừng, vì dừng lâu sẽ lùi, là điều không thể chấp nhận. Được như vậy, mới làm tròn bốn phận và trách nhiệm của mình. Tôi đã hướng dẫn cho quý vị tu hành có đường lối rõ ràng và giới thiệu quý vị với quần chúng, mà quý vị không làm tròn bốn phận và trách nhiệm, thì đó là lỗi của quý vị và là cái lỗi rất lớn. Vì tất cả các Thiền viện tôi đã hướng dẫn tu có đường lối hẳn hoi, cơ sở thì cũng đầy đủ, chúng đông đảo. Đã có đủ ba điều kiện: chúng tăng, cơ sở và đường lối tu, bây giờ chỉ còn một việc là phải tu cho sáng đạo. Người tu phải sáng đạo. Người đến Thiền viện hỏi xin là hỏi xin đạo, chứ đâu có xin cái gì khác. Nếu người đến Thiền viện, trụ trì khoe tôi có cả trăm chúng, cơ sở rất quy mô vững vàng. mà đạo thì không sáng, đó chỉ là cái rỗng. Bởi vậy, tôi mong tất cả quý vị hiện có mặt hôm nay phải ý thức điều đó để làm tròn bốn phận và trách nhiệm của mình. Điều mà tôi thiết tha mong mọi nơi quý vị.

ĐẾN NHÀ

Trong quá trình tu hành, khi phát minh được điều gì mới, tôi luôn muốn chia sẻ cùng tăng ni và Phật tử. Tuy nhiên chỗ thấy của tôi không thể giải thích bằng lời, tôi chỉ có thể kể cho quý vị biết mình đã thấy như thế nào và cái nghi được vỡ lẽ ra làm sao. Người sáng suốt ngang đây sẽ thâm nhận được chỗ vào.

Như thường lệ, tôi ngày hai mươi hai tôi cũng ngồi thiền. Đầu hôm bình an không có gì lạ nhưng khuya ngồi thiền tới khoảng bốn giờ bỗng dưng tôi cảm nhận khác. Trước đây thấy tâm mình tròn đầy trong sáng, vừa dấy niệm là hai, bây giờ nhận ra tâm cảnh bất nhị, tức là tâm mình và ngoại cảnh không hai. Đó là chỗ đặc biệt.

Khi biết khởi niệm là hai, bật niệm là tâm tròn sáng thanh tịnh, tôi tin tâm tròn sáng thanh tịnh ở hẳn nơi mình. Đến thời điểm này tôi thấy tâm trùm khắp chứ không còn giới hạn nữa. Điều này chuyển hết tất cả sự tu của tôi, ôn lại những điểm còn nghi trước kia đều được vỡ lẽ, một niềm an vui tràn ngập trong tâm.

Thiền sư kể, một hôm vua Lý Thái Tông đến thăm thiền sư Thiền Lão, nhà vua hỏi:

- Hòa thượng trụ núi này đã được bao lâu?

Thiền sư đáp:

Chỉ biết ngày tháng này,

Ai rành xuân thu trước.

Đản tri kim nhật nguyệt,

Thùy thức cự xuân thu.

Vua hỏi:

- Hàng ngày Hòa thượng làm gì?

Ngài đáp:

Trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác,

Trăng trong mây bạc hiện toàn chân.

Thúy trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh,

Bạch vân minh nguyệt lộ toàn chân.

Ngày trước tôi rất nghi chỗ này, tại sao trăng trong mây bạc lại hiện toàn chân, cái chân này nơi mình chứ đâu ở trên trời trên mây? Bất thần đêm đó tôi giải nghi được và không còn ngờ vực nữa. Rõ ràng trăng trong mây bạc hiện

toàn chân, tôi nhận mình bà con với ngài. Tuy nhiên tôi vẫn còn đi sau ngài, bởi vì câu đầu tôi còn “thức cụ xuân thu” nên chưa được *đản tri kim nhật nguyệt*.

Cái nghi thứ hai trong đoạn đối đáp giữa ngài Tuệ Trung thượng sĩ và học tăng. Học tăng hỏi:

- Bạch Thượng sĩ, lời xưa nói: “Xanh xanh trúc biếc thảy là pháp thân”, có đúng chăng?

Ngài đáp:

*Sa-di ăn măng rừng bữa trước,
Đâu phải pháp thân người hôm nay.*

Tăng lại hỏi:

- Còn câu nói: “Rậm rậm hoa vàng đều là Bát-nhã” là ý nói gì?

Ngài đáp:

*Hoa đào đâu phải cây Bồ-đề,
Sao lại Linh Vân nhập được đạo?*

Trước đây tôi nghi câu nói của chú Sa-di nếu *xanh xanh trúc biếc thảy là pháp thân*, thì ăn măng tre là ăn pháp thân rồi, cổ đức nói không lẽ sai? Sau khi giải nghi được rồi, tôi nói “ngoài tâm không một vật, mà vật chẳng phải tâm”. Ăn măng tre không phải ăn pháp thân vì măng tre là vật, không phải tâm. Đó là lý do người xưa thường nói “tâm hay sanh muôn vật”. Chính chỗ này, ngày xưa tôi nghĩ Thiên tông dường như duy tâm cực đoan vậy, cái gì cũng tâm sanh hết. Nhưng bây giờ tôi thấy ngoài tâm không một vật, tâm trùm hết và vật không phải tâm. Cũng vậy, ngoài hư không không một vật và vật không phải hư không.

Chỗ này gần với câu “Bản lai vô nhất vật” của Lục tổ và hai câu thơ của thiền sư Minh Chánh: “Chẳng biết bản lai vô nhất vật, công phu luống uổng một đời ai.” Thật hay tuyệt! Lục tổ thấy thể tánh rỗng lặng, không phải vật tượng có hình tướng nên ngài xứng đáng vào được cửa. Khi nghe Ngũ tổ giảng kinh Kim Cang đến câu “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, ngài triệt ngộ thốt lên rằng:

*Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh,
Đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt,
Đâu ngờ tự tánh uốn tự đầy đủ,
Đâu ngờ tự tánh vốn không dao động,*

Đâu ngờ tự tánh hay sanh muôn pháp...

Lúc trước ngài thấy thể của tâm không một vật, nếu có vật tức thuộc về hoại diệt. Nghĩa là ngài mới thấy được cái thể chứ chưa thấy tội sự bao trùm của tâm chân thật. Đến đây ngài thấy thật thể của bản tâm hay sanh muôn pháp, bao trùm tất cả. Nói sanh là một phương tiện chứ không phải như cha mẹ sanh con, cây này chết sanh cây kia. Trong nhà Phật dùng danh từ pháp thân, chân tâm, Phật tánh để chỉ cho tâm chân thật không hai, trùm khắp pháp giới. Như vậy đối với câu ngài Tuệ Trung thượng sĩ bẻ, tôi đã thấy rõ không còn nghi ngờ.

Trong thiền sử kể về câu chuyện gia đình ông Bàn Uẩn thật thú vị. Một hôm đang ngồi trong am, ông chợt nói:

- Khó khó mùi tạ dầu mè trên cây vuốt.

Bàn bà đáp:

- Dễ dễ trên đầu trăm cỏ ý Tổ sư.

Linh Chiếu tiếp:

- Cũng chẳng khó cũng chẳng dễ, đói đến thì ăn, mệt ngủ khò.

Tôi không nghi lời ông Bàn Uẩn và cô Linh Chiếu nói, chỉ nghi lời của bà thôi. Xưa nay học trong kinh sách mình chỉ thấy ý Tổ sư là chỗ không khởi niệm, vô tâm chứ chưa thấy ý Tổ sư đầy trên đầu trăm cỏ bao giờ.

Nhưng bây giờ tôi đã giải nghi đối với bà Bàn Uẩn và có thể nói khác đi một chút: “Vạn vật thượng đầu Tổ sư ý.” Nghĩa là không chỉ trăm cỏ mà tất cả các loại cây khác như dừa, mít, ổi... đều có ý Tổ sư.

Kể đến là đoạn đối đáp giữa thiền sư Nham Đầu và thiền sư Tuyết Phong. Trên đường đi hành cước, hai ngài gặp tuyết xuống quá nhiều nên tìm chỗ dừng lại ngủ. Ngài Nham Đầu ngày ngày lo ngủ, còn ngài Tuyết Phong một bề ngồi thiền. Một hôm ngài Tuyết Phong gọi:

- Sư huynh! Sư huynh! Hãy dậy.

Ngài Nham Đầu hỏi:

- Dậy làm gì?

Ngài nói:

- Đời nay chẳng giải quyết xong, lão Văn Thúc đi hành cước đến nơi chốn, bị y chê cười, từ ngày đến đây sao chỉ lo ngủ?

Ngài Nham Đầu nạt:

- Ngủ đi! Mỗi ngày ngồi trên giường giống như thổ địa, ngày sau bọn ma quỷ nam nữ vẫn còn.

Ngài chỉ trong ngực nói:

- Tôi trong ấy còn chưa ổn, không dám tự dối.

Thiền sư Nham Đầu bảo chỗ nào thấy chưa ổn cứ nói ra ngài giải nghi cho. Khi ấy ngài Tuyết Phong kể đầu đuôi gốc ngọn chuyện ngộ đạo của mình. Chẳng đầu ở chỗ thiền sư Diêm Quan ngộ lý Sắc Không tức lý Bát-nhã. Chẳng thứ hai ở chỗ thiền sư Động Sơn ngộ bài kệ qua cầu. Chẳng thứ ba ở chỗ thiền sư Đức Sơn ngộ được thùng thông lưng đày, không một pháp cho người. Đến đây ngài Nham Đầu nạt:

- Ông chẳng nghe nói “Từ cửa vào chẳng phải của báu trong nhà”.

Ngài Tuyết Phong hỏi lại:

- Về sau làm thế nào mới phải?

- Về sau nếu muốn xiển dương Đại giáo, mỗi mỗi từ trong hông ngực mình lưu xuất, sau này cùng ta che trời che đất đi!

Từ hông ngực lưu xuất thì tôi chấp nhận nhưng *che trời che đất* tôi còn nghi, làm sao có thể che được? Thật khó hiểu! Tới đây tôi phá được cái nghi này, không có gì ngoài tâm chân thật, nghĩa là che trời che đất rồi. Lời người xưa nói chân thật không rỗng, chỉ vì chúng ta chưa tu tới đó nên không hiểu đâm ra nghi ngờ.

Tất cả việc làm của người xưa đều muốn đem lòng chân thật chỉ bày cho người sau. Có những chỗ chúng ta chưa hiểu nên dễ sanh hoài nghi. Cái nghi này không do đề khởi, nếu tiếp tục công phu đến thuần thực, phút giây nào đó cái nghi tan biến, thấy được lẽ thật.

Trước đây khi giảng đến chỗ tâm trùm hết là tôi suy lý theo lời Phật tổ dạy. Phàm cái gì có hình tướng đều giới hạn, dù lớn như quả núi cũng vậy, còn cái gì không hình tướng như hư không thì không có giới hạn. Tâm chân thật giống hư không không hình tướng nên nó trùm khắp. Đây là suy lý chứ thực sự tôi không thấy cái trùm khắp thật của nó. Đến giai đoạn này tôi đã thực thấy một cách rõ ràng tường tận không nghi ngờ. Diêm trọng yếu này đòi hỏi người tu Phật phải nhận thấu được, tôi chỉ kể cho quý vị nghe thôi, chứ không giải thích tại sao nó trùm khắp. Mỗi người ráng tu tới đây sẽ tự hiểu.

Sau khi giải hết nghi ngờ, sự tu hành của tôi cũng theo đó chuyển sang một hướng mới. Trước thấy tâm thể lạng lẽ tròn sáng, nếu dấy niệm tâm sẽ mờ tối nên cần phải bỏ hết niệm. Bây giờ tôi thấy tất cả các pháp không ngoài tâm mình. Thân này giống như bọt nước ngoài biển, vọng tưởng là những ngọn sóng

lăn tăn trên mặt biển và tâm thể của mình là biển cả bao la. Tôi đặt câu hỏi “Phải loại bọt và gợn sóng lăn tăn đi đâu?” rồi tự trả lời “Hết chỗ loại”.

Ngày xưa tôi ứng dụng lối tu thiền bằng hai cách loại ra và thu vào, tới đây hết loại được vì không còn gì để loại và không có chỗ để loại. Vọng tưởng là những gợn sóng lăn tăn nằm trong biển tâm trùm khắp. Chỉ cần vọng tưởng lắng xuống, biển tâm hiển hiện tròn đủ cho nên vọng tưởng cũng thuộc về tâm, chứ không phải cái bên ngoài. Đến đây sự tu của tôi nhàn hơn một chút. Chỗ này quý vị cần thận đừng hiểu lầm rồi bắt chước làm sai. Nghe nói tu nhàn nhàn, ngồi chơi nhiều ngồi thiền ít, coi bộ dễ quá. Không phải! Muốn được nhàn như tôi phải đợi chừng nào thấy và sống với chỗ trùm khắp kia, chưa thấy mà làm theo là sai.

Thời tiết trên Đà Lạt rất lạnh nên tôi không thường xuyên ra ngoài chơi và nằm rất ít. Tôi thích ngồi thiền nhiều cho ấm, do ngồi thường xuyên nên tôi gọi mình là ông đạo ngồi. Nhưng khi về Thường Chiếu, tôi gọi mình là ông đạo nằm. Bởi vì ngồi một hồi mồ hôi ướt hết áo, thành ra tôi hay nằm võng hơn. Tùy theo trình độ sai biệt mà sự tu có những ứng dụng thích hợp. Nếu tâm xao xuyến nhiều mà hay đi ra ngoài thì càng xao xuyến hơn. Khi thấy tất cả các pháp không ngoài tâm mình, không có gì phải loại ra hay trừ bỏ thì đứng đâu cũng là chỗ tu. Hiện giờ thân này và vọng tưởng không còn giá trị gì đối với chỗ thấy của tôi. Nhẹ nhàng, thanh thoi.

Có thể nói ngày trước tôi chưa xong việc nhưng vẫn dám dạy quý vị tu. Tôi từng nói, người tu giống kẻ đi lạc đường, nhất là lúc bị lạc trong rừng, lẫn quần tìm không ra lối thoát. Trong khi mình đang lo lắng khổ sở, một người bạn xuất hiện chỉ lối mở đường cho mình thoát nạn. Bấy nhiêu đó thôi cũng xứng đáng cái ơn quá lớn rồi. Chư tổ trong nhà thiền từng nói, người giải ngộ có thể làm thiện tri thức hướng dẫn người khác tu. Giải ngộ tức là thấy và nhận được tâm mình cho nên tôi rất thật thà, thấy sao nói vậy.

Tôi từng tuyên bố mình là kẻ biết đường về chứ chưa tới được nhà. Bởi biết đường về nên mới hướng dẫn lại cho quý vị. Tôi đi trước, quý vị theo sau, chúng ta cùng trở về nhà. Trải qua hai chục năm, kẻ đi trước nắm níu người theo sau, quý vị đi chậm tôi cũng không mau lẹ gì. Năm nay tôi quyết định gỡ tay, giao quý vị tự đi vì thế tôi được nhẹ nhàng thanh thoi, bước đi một cách nhanh chóng. Cuối cùng tôi đã về đến nhà.

Tuy nhiên tới được nhà chưa phải vô nhà ngồi tréo chân uống trà. Bởi vì cái nhà bỏ hoang lâu ngày, nào là nhện giăng bụi phủ, đủ thứ dơ tạp cho nên phải quét dọn lau chùi. Xong xuôi, sạch sẽ rồi mới dám lên bộ ngựa giữa uống trà. Tới đây chúng ta mới thông cảm ngài A-nan. Trong kinh Lăng-nghiêm nói, sau khi nghe đức Phật chỉ cho thấy rõ tất cả năm ấm, mười hai xứ, mười tám

giới cho đến bảy đại đều từ Như Lai tạng lưu xuất, ngài A-nan liền đại ngộ. Nhưng khi đức Phật nói đến nhân duyên và tự nhiên, ngài cũng lại như trước nghi nó là thật. Bởi vậy đức Phật phải một lần nữa giải thích cho ngài A-nan thấy nhân duyên và tự nhiên đều không thật. Lúc này ngài mới tin chắc mình có cái chân thật quý báu, tuy nhiên vẫn không biết làm sao để vào. Giống kẻ nghèo cùng lang thang chợt được nhà vua tặng cho ngôi nhà đẹp mà chưa biết vào bằng cửa nào, xin Phật chỉ bày phương tiện. Do đó, về tới nhà chưa phải xong việc mà còn ra sức dọn dẹp mới được thanh thoi. Đó là những điều thiết yếu trên con đường tu hành.

Gần một tháng trời tôi đắn đo không muốn nói ra những điều này vì e sợ một số người hiểu lầm, mình tu còn khoe khoang. Nhưng kết một điều, giả sử trong hàng môn nhân có người nào túc duyên sâu dày, hôm nào đó thấy được chỗ tâm cảnh không hai, nhớ lại lời tôi dạy tâm thể tròn sáng đầy niệm là hai, họ sẽ sanh tâm ngã mạn thấy thầy thua mình một bậc. Nghĩ như vậy là tổn phước nên buộc lòng tôi phải nói ra. Hoặc sau này nếu có những thiện khách đến được chỗ tâm cảnh không hai, họ sẽ phê phán tôi khiến quý vị dễ thối tâm. Bởi hai lý do đó nên bất đắc dĩ tôi phải chia sẻ những điều mình thấy hiểu chứ không thể làm thinh. Đó là ý nghĩa buổi nói chuyện hôm nay.

Hôm trước tôi hứng thú làm một bài thơ mang tên Tặng Bạn, nội dung như sau:

*Bạn biết chăng cuộc đời đầy đau khổ?
Bởi con người mãi gieo rắc hận thù.
Gây đau thương, gây tang tóc, ngực tù,
Rốt cuộc chỉ còn là con ác mộng.
Nào lợi danh, nào tài sắc,
Từ xa nhìn chúng óng ánh lung linh.
Bọn mình đua nhau tranh giành đuổi bắt,
Nắm được rồi, nhìn lại chỉ tay không.
Chúng vốn là những chum bọ trên sông,
Còn chi đâu, chỉ toi công nhọc sức.
Trời trong, mây trắng, gió mát, trăng thanh,
Vườn cây xanh rờn, khóm hoa cười mỉm.
Nhạc để nhẹ nhàng, giọng chim thánh thót,
Chính nơi này đã hiện rõ chân nhân.*

*Hận ngàn năm đều tan nát trong mơ,
Đâu còn nữa những khổ đau buổi trước.
Muốn thấy nó bạn đừng theo vọng tưởng,
Niệm lãng xảng chìm lãng biển thanh bình.
Đến đây rồi, hạnh phúc khó thừa trình,
Chỉ xem thấy, nụ cười luôn hé nở.*

Tựa đề bài thơ mang ý nghĩa tặng bạn đồng hành trên con đường tu tập, chứ không phải bạn thường ngoài thế gian.

Đoạn thứ nhất gồm bốn câu đầu. Sở dĩ cuộc đời tràn trề đau khổ vì con người không ngừng gieo rắc hận thù, hết gây đau thương lại gây tang tóc ngục tù, cuối cùng nhìn lại chỉ là cơn ác mộng. Tất cả khổ vui trên cõi đời này đều là mộng ảo không thật. Chẳng ai muốn mình mơ phải ác mộng, dù biết mộng không thật nhưng vẫn muốn mơ thấy mộng lành. Làm sao giật mình thức dậy còn cười được chứ đừng nước mắt ràn rụa. Người học đạo chân chánh phải biết tường tận mộng lành mộng dữ đều là mộng, đau khổ của cuộc đời không ngẫu nhiên có và mọi sự chỉ là cơn mộng ảo.

Đoạn thứ hai gồm sáu câu tiếp theo. Đứng từ xa nhìn lợi danh tài sắc óng ánh lung linh tuyệt đẹp nên thích thú đua nhau tranh giành đuổi bắt. Tuy nhiên, hạnh phúc nắm được cũng trở thành không, giống y như người vỡ mộng. Lợi danh tài sắc tuy đẹp nhưng không thật có, chúng chẳng khác nào những chùm bọt nổi trên sông nước. Trời nắng sáng, nhìn xuống mặt sông thấy chùm bọt óng ánh dễ thương, nhưng khi lấy tay vớt nó liền tan biến. Lợi danh tài sắc cũng như vậy, mãi mê đuổi theo nắm bắt rốt cuộc chỉ uổng công nhọc sức mà thôi.

Đoạn thứ ba gồm sáu câu tiếp theo. Đây chính là chỗ tôi trình kiến giải:

*Trời trong, mây trắng, gió mát, trăng thanh,
Vườn cây xanh rờn, khóm hoa cười mỉm.
Nhạc để nhẹ nhàng, giọng chim thánh thót,
Chính nơi này, đã hiện rõ chân nhân.
Hận ngàn năm đều tan nát trong mơ,
Đâu còn nữa những khổ đau buổi trước.*

Mọi thứ xung quanh chúng ta đều là con người chân thật của chính mình, hiện hữu đầy đủ, không vắng thiếu. Đến đây, những hận thù khổ đau trong muôn năm cũng tan biến như giấc mộng đêm qua.

Đoạn thứ tư gồm bốn câu kết. Muốn đến được chỗ chân thật, trước tiên phải đừng theo vọng tưởng. Tất cả niệm lăng xăng giờ đây lắng đọng trong biển tâm phẳng lặng trong trẻo. Chỗ này không thể dùng lời nói diễn tả, chỉ riêng mình nhận được chứ người khác khó có thể hiểu nổi. Niềm vui đó thâm thâm nhưng vô cùng an lạc. Trong bài kệ Bốn Núi, vua Trần Thái Tông nói về tướng sanh:

Vĩnh vi lãng đẳng phong trần khách, Nhật viên gia hương vạn lý trình.
Lang thang làm khách phong trần,

Quê nhà ngày một cách xa muôn trùng.

Làm khách phong trần tha phương, càng đi càng xa quê nhà. Cũng vậy, mỗi lần chúng ta sanh ra là một lần tạo thêm nghiệp và càng xa rời bản tâm chân thật. Người tu thức tỉnh trở về quê hương phải làm sao mỗi ngày tiến gần hơn với chính mình. Về tận nhà mới xong việc. Đời này nếu chưa chấm dứt dòng sanh tử, ít ra cũng bớt khổ nhiều. Muốn được vậy thì đừng chạy theo vọng tưởng, danh lợi, tài sắc của thế gian. Vọng tưởng chỉ là cái áo phong trần nhiều bụi bặm, ngang đây rũ sạch để trở thành con ông trưởng giả ngồi trong nhà cai quản sự nghiệp.

Mong tất cả quý vị nghe hiểu và lãnh hội những điều tôi chia sẻ. Chúng ta cùng cố gắng tiến tu lợi mình lợi người, xứng đáng bốn nguyện người xuất gia tu hành cầu giác ngộ giải thoát và cứu độ chúng sanh.

Ý NGHĨA BÀI THƠ VỀ QUÊ

Năm 1992

Nhân tôi đọc bài Tứ Sơn Kệ của vua Trần Thái Tông, hai câu kết thúc ngài nói:

Vĩnh vi lãng đãng phong trần khách,

Nhật viễn gia hương vạn lý trình.

Đọc qua chữ Hán tôi rất thấm, nên có cảm hứng liền làm bài thơ Về Quê. Các vị không biết chữ Hán, nghe qua khó hiểu nên có lẽ không thấm như tôi. Hai câu ấy tạm dịch sang tiếng Việt là:

Lang thang làm khách phong trần,

Quê nhà ngày một muôn lần cách xa.

Ngài Trần Thái Tông nói, cứ mỗi một lần sanh ra là chúng ta cách xa quê hương của mình một chút. Trong dòng luân hồi đó, sanh tử miên man vô tận, cứ thế càng nhiều lần sanh thì càng xa cách quê hương. Quê hương đó nói theo đạo Phật là Phật tánh hay chân tâm, nói theo từ ngữ của Thiền tông là bản lai diện mục v.v...

Tại sao càng đi càng cách xa? Vì bởi những tâm niệm vọng tưởng dấy khởi làm mình cách xa. Chúng ta khởi niệm duyên theo ngoại cảnh rồi chạy theo ngoại cảnh đó, hết cảnh này dẫn đến cảnh khác, cứ thế mà chạy mãi miết trong sanh tử. Mỗi lần chết đi rồi sanh lại, sanh lại rồi chết đi, chết chết sanh sanh... mãi mãi không cùng tận, nên nói dòng luân hồi không biết bao giờ hết.

Tất cả chúng ta, mỗi lần được sanh ra là mừng lắm. Nhưng kiểm điểm lại xem, từ hồi mình có mặt ở thế gian này cho tới bảy tám mươi tuổi rồi đến tắt thở, mình được cái gì? Sanh ra thân này lo nuôi dưỡng cho nó được mau lớn, đến trưởng thành lập gia đình, rồi lo con cái v.v... cứ thế lo lắng đủ thứ, loay hoay thì già, chết.

Sanh ra để tử, sống để rồi chết, không ai thoát được lẽ đó. Mỗi lần sanh là mỗi lần đưa tới cái tử, vậy mà mình cứ thích sanh. Sanh tử liên miên như thế, đương nhiên mỗi đời mình sẽ tạo thêm không ít nghiệp. Đường sanh tử càng dài, nghiệp chồng chất càng nhiều, càng nặng. Do đó trôi mãi trong dòng sanh tử, không biết tới đâu là cùng.

Dòng sanh tử có khi tốt, có khi xấu. Không phải ai sanh tử cũng tốt, có người gặp cảnh tương đối nhẹ nhàng ấm no, có người ra đời bị tật nguyền yếu đuối hoặc thiếu thốn... Người được an ổn cũng là an ổn tạm thời thôi, vì bản chất của nó là không thật.

Ngài Trần Thái Tông nói sanh, tức là cất bước ra đi từ quê hương của mình, lần đi lần xa. Tôi thì nói ngược lại, về quê tức là trở về quê hương của mình. Bởi còn tiếp tục đi trong sanh tử là người không biết tu, nên mới thả trôi theo sanh tử. Càng thả trôi thì càng ngày càng xa. Từ trên nguồn trôi lần lần xuống sông, từ sông dần ra biển rồi tan mất, không còn gì nữa.

Cho nên còn đi trong sanh tử thì dòng đau khổ triền miên không dứt, nếu quay trở về quê tức là trở về chỗ hết sanh tử, thì sẽ chấm dứt đau khổ. Quê hương này là chỗ chân thật, ai ai cũng có chứ không riêng một cá nhân nào. Có mà không biết, hoặc biết mà không cố gắng quay bước trở về thì quê hương tuy còn đó mà không thể nào về tới được. Nhờ trong thời gian ngồi yên tu hành, tôi cảm thấy quê hương của mình mà tôi quyết định trở về. Về được rồi tôi cảm thấy có nguồn an lạc, nên mới làm ra bài thơ này.

Bài thơ có hai phần: phần đầu nói về dòng trầm luân của con người khi ra đi, phần thứ hai là con đường trở về quê mình. Tôi đọc từng đoạn và giải thích:

Nhân loại ơi! Chúng ta lầm lẫn,

Bỏ quê nhà, cất bước tha phương.

Tôi thấy rằng không phải chỉ cá nhân mình lầm lẫn mà cả nhân loại đều lầm lẫn, ở trong cái lầm lẫn đó tạo nghiệp sanh tử không dừng, không tỉnh. Bởi chúng ta lầm lẫn nên bỏ quê nhà cất bước tha hương. Quê hương là chỗ an lành mà mình lại bỏ đi, càng đi càng tới chỗ xa lạ thì càng khổ.

Mỗi bước đi, xa cách cố hương,

Trước mắt thấy, đầy đây nguy hiểm.

Mỗi bước mình đi thăm dụ cho mỗi đời mình sanh ra. Mỗi đời sanh ra là tạo thêm nghiệp nên xa cách với quê hương cũ, tức là chỗ chưa từng sanh diệt. Ra đi rồi thì trước mắt đầy đây nguy hiểm, không thể kể xiết.

Bốn câu mở đầu cho thấy hình ảnh người bắt đầu rời quê hương đi xa. Ké đến tả cảnh khổ trong lúc ra đi.

Giông tố thổi, thuyền con khó vững,

Trên đường rừng, cọp sói chực hờ.

Núi cheo leo, hổ sâu thăm thẳm,

Sẩy chân liền mất mạng tan thân.

Giông tố thổi thuyền con khó vững. Khi chúng ta ra đời không làm chủ được mình, giống như một chiếc thuyền con thả trôi ra biển. Không một ai biết mình ra đời để làm gì, cho tới cuối đời sẽ ra sao? Trong biển lớn mênh mông, thuyền con ra khơi bị giông tố dập dòn, sóng gió thổi trôi không làm chủ được.

Có khi trôi chỗ này, có lúc lạc hướng kia, mất phương hướng không biết lối để trở về. Đó là sự hiểm nguy của người đi sông.

Người đi bộ thì sao? *Trên đường rừng cọp sói chực chờ.* Nếu đi bộ thì cọp sói chực chờ muốn ăn thịt mình. Con người sống ở nhân gian chịu không biết bao đau khổ, nên Phật nói đau khổ của chúng sanh không làm sao lường hết được. Một hôm tôi thấy con kỳ nhông ở trên bụi kiếng chực kiếm mồi, bất thần con chim mỏ sà sà xuống đớp ngang hông rồi bay mất. Tưởng kỳ nhông nằm trên bụi kiếng kiếm mồi thông thả, không ngờ sau một tiếng kêu nó đã bị tha tới đâu không biết.

Cũng vậy, nhân loại này có ngày nào không giết hại nhau đâu, hết nhóm này hại nhóm kia, đến nhóm kia hại nhóm nọ, cứ thế mà tàn sát lẫn nhau. Trong cuộc sống có những người sẵn sàng giúp đỡ mình, có những người lúc nào cũng muốn hại mình. Thế nên cuộc sống của chúng ta là cả một sự đau khổ, giống như người đi trong rừng cọp sói chực chờ sẵn, lúc nào cũng hồi hộp lo âu. Người thế gian đa phần đặt quyền lợi của mình lên trên, mong được phần mình chứ ít nghĩ cho người, mà được phần mình tức nhiên phần người phải thiệt thòi, đó là một sự thật rõ ràng. Vì vậy dù đi thuyền hay đi bộ đều gặp nguy hiểm, không yên ổn.

Núi cheo leo, hố sâu thăm thẳm,

Sảy chân liền mất mạng tan thân.

Chúng ta sống trong cuộc đời này giống như người leo núi, trên là vách đá cheo leo, dưới là hố sâu thăm thẳm, nếu sảy chân rớt xuống thì tan thân mất mạng. Nói gì đến leo núi, gần nhất là mình đang ngồi trên xe, nếu lái xe sảy tay lạc bánh thì “Rầm!” Nát thân. Cuộc sống của chúng ta không có gì bảo đảm hết, mà người ta cứ tưởng là mình sống đến bảy tám chục, chín chục năm. Nhưng bất ngờ không lường trước được, giờ này đang bình yên, giờ sau chưa chắc đã bình yên. Cái chết chực sẵn bên mình mà ít ai thấy, chỉ cần một chút sơ sảy là mạng sống không còn nữa.

Đó là tả cảnh khổ của con người sanh trên cuộc đời. Bây giờ nói đến tình người. Tình người ở đây gồm cả tình đồng đạo, tình bạn bè thân thuộc.

Bạn đồng hành phản trắc, khó lường,

Mới thân đó, thành thù sau đó.

Câu này tôi đặc ý nhất. *Bạn đồng hành* tức chỉ cho những người cùng đi chung đường với mình, thí dụ như bạn cùng tu hoặc bạn thân ngoài thế gian. Ngày nay thấy đó là bạn thân, nhưng mai kia trở thành thù, không sao lường được. Khi giúp đỡ được thì thân, hết giúp đỡ thì hết thân. Lúc có tiền của nhiều thì thân, lúc suy sụp thì hết thân. Nhờ cậy được thì thấy là người tốt, nhờ cậy

không được thì coi như kẻ xấu, oán giận thành thù. Nên nói *mới thân đó thành thù sau đó*.

Hận nhau rồi, dao súng sẵn chờ,

Giết hại được không lòng thương xót.

Oán hận rồi thì không còn lòng thương xót nhau nữa. Thù rồi thì dao cũng được, súng cũng được, làm sao giết được người đó thì thôi. Ngay cả người thân cùng sống trong một gia đình, như vợ chồng bình thường thương yêu nhau, nhưng nếu người chồng hoặc vợ phản trắc hay trái ý thì liền giết chết, không chút thương xót. Anh em ruột thịt trong nhà, tiền của chia không đều dẫn đến thừa kiện giết nhau, bà con thân thuộc vì chút lợi tham cũng có thể tìm cách giết hại để chiếm đoạt.

Tóm lại, bốn câu này nói lên hai phần: phần thứ nhất là lòng người phản trắc không lường được, phần thứ hai là khi phản trắc thù hận rồi thì không còn lương tâm nữa. Chuyện bình thường của thế gian là vậy.

Trước mắt bữa giăng đầy cạm bẫy,

Ngưỡng đầu chờ, chông nhọn chịt chằng.

Lao lách giỏi, chân sầy máu đổ,

Kẻ lơ là mất mạng như chơi.

Trước mắt bữa giăng đầy cạm bẫy. Trong cuộc sống này không biết bao nhiêu là cạm bẫy giăng sẵn cho mình, ít ai tránh khỏi. Những cạm bẫy đó có cái giải thích được, có cái không dám giải thích, vì cạm bẫy của thế gian rất vi tế, khó nói hết.

Cạm bẫy lường gạt rất nhiều hình thức, đời hay đạo đều có. Như một số người mang hình thức người tu đi vận động cất chùa, tới chỗ này chỗ nọ xin quyên góp, rốt cuộc thì chùa không có. Như vậy có gạt không? Hoặc trường hợp khi người thân mất, nhờ thầy coi ngày giờ giùm, thầy nói tuổi đó chết như vậy phải đọa địa ngục ngạ quỷ, phải có bao nhiêu tiền để lập đàn chay cầu cúng mới cứu khỏi. Như vậy có lường gạt không? Trong đạo mà vẫn còn lường gạt hướng nữa ở ngoài đời. Ngoài đời thì nhiều vô kể.

Sống tới tuổi này, tôi nhìn lại thấy cạm bẫy đầy hết, đủ thứ mảnh khóc để lường gạt nhau. Như muốn cho người ta làm một việc khó thì đặt phần thưởng theo thứ họ thích. Phần thưởng đó thấy như công bằng, mà sự thật là vì việc khó làm quá, mình không thể làm được. Nghe thưởng người ta ham nên lao vào làm, khi gặp nguy hiểm họ phải tự chịu. Phần thưởng là gợi lòng tham của người, họ lao vào nguy hiểm và gánh chịu hậu quả.

Trên thế gian này nếu ngẫm kỹ thì thấy người ta lườm gạt nhau đầy đây, nên nói đầy cam bẫy. Thế nhưng đâu phải chỉ có cam bẫy thôi, mà còn *ngưỡng đầu chờ chông nhọn chịt chằng*. Mình bước đi từng bước mà chông nhọn chờ chực sẵn, không khéo giẫm lên thì nguy hiểm đến cả tính mạng. Ở đời mọi nguy hiểm giàn trải như vậy.

Lao lách giỏi, chân sầy máu đổ. Người khéo thì lao lách né tránh, chiều uôn để qua những hiểm nguy. Nhưng dù cho khéo cách mấy cũng sầy chân, đổ máu chứ không yên ổn, còn *kẻ lơ là, mất mạng như chơi*. Người ngu ngu khờ khờ thì mất mạng như chơi, vì bị người ta xúi giục làm những điều hư hại, rồi tan thân mất mạng. Cảnh khổ của người cất bước ra đi lìa khỏi quê nhà, đầy hiểm nguy như thế.

Về đi thôi! Nhân loại mến yêu,

Hãy dừng lại, chớ nên tiến bước.

Bởi một bước, thịt rơi máu đổ,

Ta dại gì lao mãi khổ đau.

Về đi thôi nhân loại mến yêu. Đây là lời nhắn nhủ, kêu gọi nhau hãy quay về quê hương của mình. Không phải một người mà tất cả nhân loại, những người đáng thương đáng mến của chúng ta. Ngay bây giờ phản tỉnh lại đi, hãy trở về đừng bước thêm nữa. Trở về chính là lời khuyên nhau, ráng tu hành để giải thoát sanh tử. Giải thoát được mới không còn đau khổ, sanh tử.

Hãy dừng lại chớ nên tiến bước. Dừng lại là chỉ cho giải thoát. Tại sao mình phải dừng lại? *Bởi một bước thịt rơi máu đổ*. Chỉ một đời hiện tại thôi, từ lúc chúng ta ra đời đến giờ biết bao nhiêu lần khổ sở, cuối cùng thì thịt nát xương tan, có gì thực sự là của mình đâu.

Vậy thì *Ta dại gì lao mãi khổ đau*, không lẽ mình ngu khờ cứ lao đầu theo cái đau khổ đó hoài. Chấp nhận tiếp tục sanh tử là lao đầu trong đau khổ, nên ta phải thông minh sáng suốt, dừng lại đừng tiến bước thêm trên con đường sanh tử, như vậy mới hết khổ đau.

Mái nhà xưa êm ấm muôn đời,

Chờ con trẻ, cha già mỗi mắt,

Mẹ thân yêu trông ngóng con về,

Gặp được trẻ thỏa lòng mong đợi.

Khi mình dừng lại được rồi thì sao? *Mái nhà xưa êm ấm muôn đời*. Đúng ra thì dùng chữ “biết bao”, nhưng tôi để chữ “muôn đời”, vì chữ *biết bao* nói sự việc nhiều, còn chữ *muôn đời* là chỉ cho vĩnh viễn, tức là vĩnh viễn không còn sanh tử nữa.

Chờ con trẻ, cha già mỏi mắt. Cha già là chỉ cho hình ảnh ông trưởng giả trong kinh Pháp Hoa. Trưởng giả đang trông chờ con mình, một chàng cùng tử lang thang. Cũng vậy, chúng ta là những kẻ cùng tử lang thang, để cha già ở nhà chờ đợi. Mẹ *thân yêu trông ngóng con về, gặp được trẻ thỏa lòng mong đợi.* Cha là chỉ cho Phật, mẹ là chỉ cho các vị Bồ-tát. Phật và Bồ-tát là những bậc luôn luôn thương xót, lúc nào cũng trông cho chúng sanh tỉnh ngộ, không còn mê lầm tạo nghiệp sanh tử nữa.

Bốn câu trên đã nói rõ tinh thần của người biết trở về mái nhà xưa, với quê hương của mình. Tình quê hương đậm ấm nhất, đó là cha mẹ thương con, trông chờ con. Cũng vậy, Phật và Bồ-tát lúc nào cũng mong chúng ta giác ngộ, được giải thoát như các ngài.

***Đây sự nghiệp kho tàng đầy dẫy,
Tha hồ con thụ hưởng vui chơi.
Trước sân nhà, hoa nở ngạt ngào,
Sau vườn cũ, trái oằn chín mọng.***

Bốn câu này diễn tả cảnh đã về tới nhà, được gặp lại cha mẹ của mình. Cha mẹ thấy con trở về, vui mừng *Đây sự nghiệp kho tàng đầy dẫy, tha hồ con thụ hưởng vui chơi.* Như ông trưởng giả có bao nhiêu gia tài thầy đều giao hết cho con, kho tàng của cha mẹ đầy dẫy nay trao lại cho mình, tha hồ thụ hưởng.

Trước sân nhà hoa nở ngạt ngào, sau vườn cũ trái oằn chín mọng. Trong nhà kho tàng đầy đủ, bên ngoài thì hoa nở trái chín, tất cả sự tốt đẹp thầy đều đầy đủ. Một khi chúng ta biết quay trở về nguồn cội của chính mình, gặp Phật Bồ-tát rồi thì ngang đó cuộc đời chúng ta an lành tự tại, tất cả mong mỏi đều mãn nguyện.

***Đâu còn nữa những ngày đau khổ,
Để sau lưng các thứ hiểm nguy.
Về quê rồi tình nghĩa thiếu chi,
Nhìn nhân loại như mình nào khác.***

Đâu còn nữa những ngày đau khổ, để sau lưng các thứ hiểm nguy. Nếu về tới nơi chốn của mình rồi thì những ngày đau khổ trước, bao kiếp số lang thang trong trầm luân sanh tử không còn nữa. Mọi thứ hiểm nguy bỏ lại sau lưng, không còn giàn trải trước mặt chúng ta.

Về quê rồi tình nghĩa thiếu chi, nhìn nhân loại như mình nào khác. Trở về quê hương an ổn rồi thì tình nghĩa đong đầy, tròn đủ, không còn khoảng cách cũng không có hận thù như trước. Vì thế chư Phật Bồ-tát trông thấy chúng sanh

như con. Không một đức Phật nào mà không thương chúng sanh, không một Bồ-tát nào không nguyện độ chúng sanh.

Câu chót là câu tôi đặc ý, *nhìn nhân loại như mình nào khác*. Đến đây rồi mình nhìn thấy chúng sanh giống như mình không khác chút nào. Không khác đây có hai nghĩa: Một là vì mình có tâm từ bi, nên thương người như thương mình không khác. Hai là nhìn lại mình có tánh giác hay bản lai diện mục, thì biết nhân loại ai ai cũng vậy, tức là mọi người đều có tánh giác như nhau. Đó là tâm nguyện của tôi gửi gắm qua bài thơ Về Quê này.

Quý vị có muốn về quê chưa hay còn muốn đi lang thang tiếp tục? Về hay chưa, đó là quyền của quý vị.

CON ĐƯỜNG PHÍA TRƯỚC

Buổi nói chuyện ngày hôm nay không mang tính cách một bài giảng. Chỉ là những lời nhắc nhở, chia sẻ cùng tăng ni về kinh nghiệm tu hành. Đồng thời thông qua các bài thơ kệ của chư vị tổ sư, tôi nói lên cảm nhận sâu sắc của mình đối với con đường Phật đạo.

Trước hết nói về thực trạng tu hành phổ biến trong tông lâm. Phần nhiều người tu mắc phải hai căn bệnh lớn, thứ nhất là lười biếng, thứ hai là tinh tấn quyết tử. Triệu chứng của bệnh lười biếng là tu lơ mơ. Ngày ăn hai ba bữa, tu hành qua loa, làm việc Tam bảo vừa chùng. Hình như tu để trả nợ chứ không tính tới giải thoát. Đó là bệnh thật đáng trách. Triệu chứng của bệnh tinh tấn quyết tử là dụng công quá sức đến mức ngã quy, sanh ra thối tâm Bồ-đề. Tu chưa được gì hết mà muốn chết tới nơi. Trong hai trường hợp, một là thả trôi, hai là quyết tử đều không đưa đến kết quả. Cho nên đức Phật dạy, người tu phải áp dụng lý trung đạo. Như người lên dây đàn, không quá căng cũng không quá dòn thì tiếng đàn mới hay.

Chúng ta tu luôn luôn phải chuẩn bị cho mình tư lương. Ngoài vốn liếng đủ trả nợ đàn-na thí chủ, phải có chút ít công đức cho bản thân mình. Lúc nào cũng thấy đường trước sáng rõ để lạc quan tiến tới, chứ đừng thấy tối mò dễ sanh bi quan chán nản. Đau khổ của con người từ vọng tưởng điên đảo mà ra. Vọng tưởng điên đảo nhiều thì khổ đau nhiều, vọng tưởng điên đảo ít thì khổ đau ít. Chúng ta tu là đang cố gắng giảm vọng tưởng điên đảo. Cố gắng không có nghĩa là chạy cho mau, mà phải đi đều đặn bước nào vững bước nấy, không nên bỏ nửa chừng hoặc cách quãng.

Tôi cảm nhận rõ một điều rằng, trên đường tu mình luôn được Phật tổ gia hộ. Cho nên những việc tôi làm dường như ít công phu mà kết quả lại tốt. Do đó tôi mong tất cả tăng ni ý thức mình là người nhiều nghiệp chướng phải ráng thành tâm sám hối, tinh tấn tu hành thì nghiệp sẽ nhẹ dần. Đừng tự khoe khoang, ỷ lại mình có sẵn Phật tánh rồi nghênh ngang. Tu như vậy lâu ngày tổn phước không có lợi.

Sự thật trên đường tu nếu quyết tâm sẽ tiến không nghi ngờ, nhưng quyết tâm cũng phải đúng cách đúng hướng. Chúng ta rất có phước nên mới được xuất gia tu hành trong thời đại ngày nay, được an ổn yên tu, khỏi cần lo thiếu thốn khó khăn. Con đường phía trước quá tốt mà không ráng đi thì chẳng biết nói sao. Những ai có tinh thần tu hành phải ý thức bổn phận của mình, đừng đi lệch lạc sai hướng uổng phí một đời.

Trong bài kệ Bốn Núi của vua Trần Thái Tông, núi thứ nhất nói về tướng sanh. Hai câu cuối ngài viết:

Vĩnh vi lãng đãng phong trần khách,

Nhật viễn gia hương vạn lý trình.

Lang thang làm khách phong trần mãi,

Ngày cách quê hương muôn dặm trình.

Ý ngài Trần Thái Tông nói mỗi một lần sanh tử là một lần xa cách quê hương của mình. Nhiều lần sanh tử thì khoảng cách với quê hương không biết bao nhiêu mà kể. Quê hương chính là Phật tánh, chân tâm hay bản lại diện mục. Do vọng tưởng dấy khởi khiến chúng ta chạy theo ngoại cảnh, đó là nguyên nhân dẫn đi trong luân hồi sanh tử. Sanh ra chết đi, chết rồi sanh lại, mãi mãi không cùng tận. Vì thế luân hồi là vòng quay liên tục không bao giờ dừng.

Vậy mà mỗi lần được sanh ra là thiên hạ mừng lắm. Kiểm kỹ lại mới thấy, từ lúc chúng ta có mặt trên thế gian đến bảy tám mươi tuổi rồi tắt thở, mình được cái gì? Thân này sanh ra phải nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Trưởng thành rồi lập gia đình, lại lo tới con cái, đủ thứ hết. Lụi đụi một đời cuối cùng thì già chết. Sanh ra để chết, đó là điều tất yếu không ai thoát được. Trên con đường sanh tử, mỗi đời chúng ta tạo thêm một mớ nghiệp. Nghiệp càng nặng càng nhiều thì dòng sanh tử không biết đâu là bến dừng.

Đi trong sanh tử là lao vào vòng đau khổ triền miên không dứt. Nếu chúng ta biết trở về cố hương, tức là trở về chỗ hết sanh tử thì không còn đau khổ nữa. Tuy nhiên mình có mà không biết, hoặc biết mà không cố gắng trở về cũng thành vô ích. Trong khi tu hành được sống trong nguồn an lạc vô biên, tôi lại nhớ tới những nỗi khổ nhân loại đang gánh chịu. Vì vậy tôi cảm khái viết lên mấy đoạn thơ:

Nhân loại ơi! Chúng ta lâm lã,

Bỏ quê nhà, cất bước tha phương,

Mỗi bước đi, xa cách cố hương,

Trước mắt thấy, dẫy đầy nguy hiểm.

Giông tố thổi, thuyền con khó vững,

Trên đường rừng, cọp sói chực chờ,

Núi cheo leo, hố sâu thăm thẳm,

Sảy chân liền mất mạng tan thân.

Bạn đồng hành phản trắc, khó lường,

Mới thân đó, thành thù sau đó,

Hận nhau rồi, dao súng sẵn chờ,

*Giết hại được, không lòng thương xót.
Trước mắt bủa giăng đầy cạm bẫy,
Ngưỡng đầu chờ, chông nhọn chịt chằng.
Lao lách giỏi, chân sây máu đỏ,
Kẻ lơ là mất mạng như chơi.*

Hai câu đầu nói rằng: *Nhân loại ơi! Chúng ta làm lẫn, bỏ quê nhà cát bước tha phương.* Do vì làm lẫn nên chúng sanh tạo nghiệp đi trong sanh tử. Quê hương là chỗ an lành, bất sanh bất diệt mà lại bỏ đi, càng đi càng xa nên khổ sở càng lắm. *Mỗi bước đi xa cách cố hương, trước mắt thấy dây dầy nguy hiểm.* Mỗi một bước đi thăm dụ cho một đời sanh ra tạo thêm nghiệp. Đó là nguyên nhân đưa chúng ta xa dần quê hương, tức chỗ chưa từng sanh diệt. Một khi cát bước ra đi, bao nhiêu thứ hiểm nguy giàn trải trước mắt.

*Giông tố thổi thuyền con khó vững,
Trên đường rừng cọp sói chực chờ,
Núi cheo leo hố sâu thăm thẳm,
Sảy chân liền mất mạng tan thân.*

Chiếc thuyền con thả trôi ngoài biển, sóng gió dồn dập xô đẩy hướng này hướng kia không nhất định, dụ như chúng ta sanh ra đời mà không biết tu tập, không làm chủ được mình, để nghiệp tập lôi dẫn, bị trôi lăn trong biển sanh tử không cùng tận. Đó là cái nguy hiểm lớn lao trên con đường luân hồi sanh tử. Ké đến là nổi khổ trên rừng núi, cọp sói chực chờ muốn ăn tươi nuốt sống muông thú. Tôi cảm nhận rõ ràng sự đau khổ của chúng sanh ngay trước mắt. Hôm đó nhìn thấy con kỳ nhông kiếm mồi trên bụi kiếng, bất thần chim bay ngang chụp nó thật nhanh. Tưởng đâu kỳ nhông thông thả nhấm mồi, không ngờ thoáng một cái đã bị mang đi mất. Cuộc sống thế gian cũng tràn ngập các mối nguy hiểm như thế. Nhóm này hại nhóm kia, cứ vậy mà tàn sát lẫn nhau, nên nói đời là chuỗi đau khổ. Ai cũng đặt quyền lợi của mình lên trên, được phần mình thì hại phần người, điều này rõ ràng không nghi.

Đi đường sông bị gió thổi trôi giạt, đi đường rừng bị cọp sói bao vây, những hình ảnh này dụ cho cảnh khổ ngoài thế gian, không bao giờ được yên ổn. Người leo núi cheo leo, bên dưới là hố sâu thăm thẳm rất nguy hiểm, lỡ sảy chân rớt xuống sẽ tan thân mất mạng ngay. Hoặc đang ngồi trên xe, tài xế chỉ cần lạc tay lái một chút là có bất trắc ngay, thật không có gì bảo đảm. Người ta luôn tưởng mình sống đến tám chín mươi tuổi, mà quên cái chết đến bất cứ lúc nào, không thể lường trước. Giờ này bình yên, chưa chắc giờ sau đã yên bình.

Đó là những hình ảnh tượng trưng cho cảnh khổ trên cõi đời. Kể đến nói về sự vô thường của tình người:

Bạn đồng hành phản trắc khó lường,

Mới thân đó thành thù sau đó,

Hận nhau rồi dao súng sẵn chờ,

Giết hại được không lòng thương xót.

Bạn đồng hành khi thân khi thù, lòng người khó lường. Ngày nay thấy thân nhưng mai một trở thành thù, điều đó hết sức rõ ràng. Người ta thân khi nào mình có tiền giúp đỡ họ, ngược lại khi mình suy sụp nghèo túng sẽ hết thân. Mới hôm qua nhìn nhau như bà con ruột rà, bữa nay đổi thành người xa lạ không quen biết. Khi hận thù nhau, dao súng cũng khó mà kiểm soát. Điều này vô cùng đáng sợ, không phải chuyện thường.

Trước mắt búa giãng đầy cạm bẫy,

Ngưỡng đầu chờ chông nhọn chịt chằng.

Lao lách giới chân sầy máu đổ.

Kẻ lơ là mất mạng như chơi.

Cuộc sống thế gian đầy dẫy cạm bẫy nhưng ít người biết đến, chỉ lo cho cái sống, tới chừng ngã ra chết đành phó thác cho số phận. Số phận đi theo nghiệp mình đã tạo. Do vì không biết điều này nên người ta tạo nghiệp xấu, lúc sắp chết kinh hoàng sợ hãi. Người tu dù chưa tiến tới chỗ giải thoát trọn vẹn, ít ra cũng chọn con đường sáng. Được vậy khi sắp nhắm mắt, chúng ta yên lòng vì biết rằng con đường phía trước tốt đẹp hơn hiện tại.

Người biết tu là bước đi trên con đường cao đẹp. Đức Phật đã chỉ dạy chúng ta phương pháp đi tới chỗ an lành muôn thuở, chứ không phải tạm bợ sơ sài. Chúng ta được duyên lành đi trên con đường tu tập giải thoát. Đó là lối đi sáng sủa an lạc chứ không phải con đường đen tối mù mịt.

Đa số người thế gian cho rằng tu là bất hạnh, vì không được hưởng thú vui ngũ dục, hạnh phúc trần gian. Họ không ngờ chính vì theo đuổi hạnh phúc trần gian mà con người phải chau mày nhăn mặt. Nhìn bên ngoài thấy người nào cũng tỏ ra tươi tắn vui vẻ, nhưng đi sâu vào từng hoàn cảnh mới thấy họ khóc nhiều hơn cười. Cuộc đời không có gì đảm bảo hạnh phúc, một khi lỡ bước chân vào chỉ còn cách cắn răng chịu đựng, chứ khó bề thoát ra. Người tu không đua đòi, không đuổi theo dục lạc thế gian tưởng như thiết thời, không ngờ đó là con đường thanh thản nhẹ nhàng an vui. Tuy nhiên muốn đến được chỗ an vui miên viễn, phải cật lực công phu, trải qua biết bao điều bất như ý, mới có thể hoàn thành tâm nguyện. Bức tranh thứ nhất trong Mười bức tranh chăn trâu,

chú mục đồng không hề thành thoi. Trâu hoang cắm đầu chạy, trong khi sức thẳng chặn chỉ bằng một phần mười sức con trâu. Muốn chinh phục trâu hoang, kìm giữ nó lại là một việc hết sức cực khổ. Thẳng chặn phải dùng trí khôn ngoan, sử dụng mọi phương tiện nào roi, dây giảm... để xỏ mũi, quất mông sẽ điều phục được nó. Nếu thẳng chặn khờ khạo, tay không mà đuổi theo trâu chắc chắn không thể điều phục nổi.

Người đời vui sướng thả tâm theo dục lạc, mãi nguyện vì đang được hưởng hạnh phúc. Người tu không hưởng thụ dục lạc, mà xoay lại chặn con trâu hoang của mình. Đó là hai quan niệm khác xa nhau. Người mới chặn trâu giai đoạn đầu tuy khó khăn nhọc nhằn, nhưng khi xỏ được mũi trâu, lôi cổ nó theo mình thì từ đó về sau sẽ nhẹ nhàng thành thoi hơn.

Bức tranh thứ sáu trong Mười bức tranh chặn trâu là giai đoạn hơn phân nửa trên đường tu. Tới đây hành giả đã điều phục được con trâu hoang, thong thả thành thoi trở về nhà:

Ky ngư dĩ lệ dục hoàn gia,
Khuông địch thanh thanh tổng văn hà,
Nhất phách nhất ca vô hạn ý,
Tri âm hà tất cổ thần nha.
*Cưỡi trâu thong thả trở về nhà,
Tiếng sáo vi vu tiễn văn hàn
Một nhịp một ca vô hạn ý,
Tri âm nào phải động môi à.*

Tri âm ở đây là biết mình. Chúng ta chịu khó nỗ lực chặn con trâu cho thuần thực, nhất định mai kia được thành thoi an nhàn. Trên đường về cố hương chỉ toàn an vui hạnh phúc, không còn chút khổ đau của kiếp người.

Nội dung bức tranh chặn trâu thứ sáu bên Đại thừa khác hơn:

Lộ địa an miên ý tự như,
Bất lao tiên sách vĩnh vô câu,
Sơn đồng ôn tọa thanh tùng hạ,
Nhất khúc thẳng bình lạc hữu dư.
*Đất trống ngủ yên ý tự an,
Chẳng cần roi mũi mãi thanh nhàn,
Tùng xanh dưới cội mục đồng nghỉ,
Một bản thẳng bình rất hân hoan.*

Giờ đây trâu nằm yên ổn trên đất bằng, mục đồng thanh thoi ngồi chơi dưới cội tùng ngắm trời mây, nghe gió thổi mát mẻ và hát bản nhạc thanh bình. Thật an ổn! Muốn được vậy, chúng ta phải nỗ lực trải qua rất nhiều giai đoạn khó khổ. Ban đầu vất vả trăm phần, dần dần còn hai ba chục phần, cuối cùng tự tại thông dong. Con đường tu hành sáng sủa và đầy ý nghĩa, thế nhưng nhiều người đi hơi mỗi chân đã muốn rẽ qua lối khác. Đáng tiếc thay!

Tuy nhiên sự tu không đơn giản, để được thành công phải trả giá bằng mồ hôi nước mắt và tâm huyết cao tột. Nhiều lúc ngồi thiền đau chân phát khóc, bị quả rầy buồn tủi, đó chỉ là những thử thách ban đầu. Nếu chúng ta cố gắng nỗ lực, mai kia nhất định an hưởng cảnh thanh nhàn tự tại. Dù trong đạo hay ngoài thế gian, muốn có quả vui trước phải gia công khó nhọc. Thích ăn trái mít ngon, đầu tiên đem hạt mít ương trồng, kể đến cung cấp đầy đủ phân nước và chịu khó nhổ sạch cỏ tạp. Người đời lầm tưởng bước chân vào đạo sẽ được sống trong cảnh Cực lạc, thiên đường tại thế. Không ngờ, tu hành phải ra sức công phu dày dặn cực khổ mới được an lạc. Con đường xuất gia cao thượng đầy ý nghĩa, đòi hỏi chúng ta phải cần mẫn, không lười trễ hay thoái chí.

Tác phẩm Tuyết Đậu Tụng Cổ bao gồm một trăm công án do thiền sư Tuyết Đậu Trùng Hiên tuyển tập. Công án thứ năm, thiền sư Tuyết Phong Nghĩa Tôn dạy chúng: “Cả quả đất vo lại lớn bằng hạt lúa hạt gạo, ném đến trước mặt. Chẳng hiểu, thùng sơn, đánh trống phở thỉnh xem.”

Thiền sư Tuyết Đậu tụng:

Ngưu đầu một,

Mã đầu hồi,

Tào Khê cảnh lý tuyệt trần ai,

Đả cổ khán lại quân bất kiến,

Bách hoa xuân chí vị thùy khai?

Đầu trâu mắt,

Đầu ngựa về,

Trong vắt Tào Khê gương chẳng nhớ,

Đánh trống đến xem, anh chẳng thấy,

Trăm hoa xuân đến nở vì ai?

Thiền sư Tuyết Phong nói, *cả đại địa vo lại bằng một hạt gạo, ném ra trước mặt.* Ngài đã thoát khỏi mọi đối đãi lớn nhỏ của thế gian, tâm không dính chút bụi trần. Sở dĩ chúng ta chưa được như ngài vì còn nặng hơn thua, phải quấy, được mất. Phiền não theo đó dấy khởi khiến tâm bị nhiễm ô.

Thiền sư Tuyết Đậu hạ cú: *Đầu trâu mắt, đầu ngựa về*. Thật là một câu vô nghĩa! Tuy nhiên ẩn sâu trong đó hàm ý tâm không còn dính mắc trần cảnh, không khởi ý niệm và tình thức duyên theo pháp trần. *Tào Khê cảnh lý tuyệt trần ai* nghĩa là trong cái gương của Tào Khê không dính một mảy bụi. Gương này dụ cho tâm trong sáng dứt sạch đôi đũa hơn thua phải quấy. Nó luôn sẵn có trong mỗi chúng ta. *Đả cô khán lai quân bất kiến*, đánh trống mời thiên hạ đến xem, nhìn trong gương không ai thấy một mảy bụi, cũng không thấy gương như thế nào. *Bách hoa xuân chí vị thùy khai?* Trăm thứ hoa trên núi đua nhau nở vào mùa xuân một cách tự nhiên, chứ không nở vì ai. Cũng thế, khi tâm chúng ta thanh tịnh, muôn vật đều hiện tiền rõ ràng trước mắt. Công án này nhấn mạnh điểm cốt yếu trong sự tu, không kẹt hai bên, được tự tại.

Qua công án thứ sáu. Một hôm thiền sư Vân Môn bảo đại chúng: “Ngày mười lăm về trước chẳng hỏi, ngày mười năm về sau nói cho một câu xem?” Ngài tự đáp thế: “Mỗi ngày đều là ngày tốt.” Công án này hay ở chỗ nào? Hiện tại chúng ta sống đây nhưng luôn để tâm chạy về quá khứ hoặc hướng tới tương lai, thành thử sống như không sống. Bởi vậy ngài Vân Môn phải lên tiếng nhắc nhở. Nhân đây, thiền sư Tuyết Đậu tụng:

Khứ khước nhất,
Niêm đặc thất,
Thượng hạ tứ duy vô đẳng thất,
Từ hành đạ đoạn lưu thủy thanh,
Túng quan tả xuất phi cầm tích.
Thảo hung hung,
Yên mich mich,
Không Sanh nham bạn hoa lan tịch,
Đàn chỉ kham bi Thuần-nhã-đa.
Mạc động trước,
Động trước tam thập bồng.
Bỏ đi một,
Nắm được bảy,
Trên dưới bốn phương không đồng bậc,
Thong dong đạ bật tiếng suối reo,
Phỏng xem vẽ được chim bay dấu.
Cỏ xanh rì,

*Khói trắng bạc,
Không Sanh bên núi hoa rơi loạn,
Khảy tay làm thắm thàn Hư không.
Chớ động đến,
Động đến ăn ba mươi gậy.*

Bỏ đi một, nắm được bảy nghĩa là tâm không còn mắc kẹt quá khứ vị lai, sống ngay với hiện tại. Trên dưới bốn phương không đồng bậc, đối với thời gian và không gian, tâm không một niệm phân biệt là bình đẳng nhất như. Được vậy thì *Thong dong đập bật tiếng suối reo*. Nghe tiếng suối reo âm âm bên sườn núi, mình có thể thong thả đập bật âm thanh đó. Tiếng suối có hình dáng gì mà đập bật? Ngay đây nếu tâm chúng ta vô niệm, không còn hướng về quá khứ vị lai, sẽ có diệu dụng không lường. Đó là điều đặc biệt của bản tâm. *Phỏng xem vẽ được chim bay dấu*, thấy chim bay trong hư không, có thể vẽ được dấu chân của nó. Câu này ngầm chỉ khi tâm dứt sạch niệm tướng sẽ có diệu dụng vi tế vô cùng.

Đẹp hơn nữa là hình ảnh *Cỏ xanh rì, khói trắng bạc*. Cỏ xanh như nhưng, khói trắng như bạc dụ cho tâm thể trong sáng thanh tịnh, sạch hẳn phiền não tối tăm. *Không Sanh bên núi hoa rơi loạn*, câu này xuất phát từ tích truyện ngài Tu-bồ-đề ngồi yên trong núi được Thiên Đế-thích rải hoa tán thán cúng dường. Chừng nào tâm tới được chỗ nhất như rỗng không, không cần nói không cần làm nhưng mọi thứ xung quanh vẫn cảm thông và thấy được. *Khảy tay làm thắm thàn Hư không*, Thuận-nhã-đa là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là thàn Hư không. Dùng hư không làm thể, thân tâm không vướng mắc, hào quang Phật mới hiện. Ngài Tu-bồ-đề là vị đệ tử Giải không bậc nhất của đức Phật. Khi tâm an nhiên tự tại, mọi diệu dụng tràn đầy trước mắt. Tuy nhiên, tới chỗ này rồi, *Chớ động đến, động đến ăn ba mươi gậy*.

Những hình ảnh trong các bài kệ tụng hàm chứa ý nghĩa một tương lai tươi sáng trên con đường tu hành. Đến đây tôi dẫn lời dạy của chư vị thiền sư Việt Nam. Có vị tăng hỏi thiền sư Chân Không:

- Khi sắc thân bại hoại thì thế nào?

Ngài liền đáp:

Xuân khứ xuân lại nghi xuân tận,

Hoa lạc hoa khai chỉ thị xuân.

Xuân đến xuân đi ngõ xuân hết,

Hoa nở hoa tàn vẫn là xuân.

Đẹp làm sao! Dù mùa xuân có đến đi nhưng tâm xuân không bao giờ thay đổi. Người hỏi băn khoăn, khi sắc thân này bại hoại sẽ như thế nào? Với thiền sư Chân Không, sống đẹp chết cũng đẹp, sanh tử như hòn bọt còn mất trong biển cả, dù hợp hay tan nó vẫn nằm trong biển. Cũng thế, sanh tử không hai như mùa xuân miên viễn. Khi chúng ta có mặt trên trần gian hay lúc vắng bóng, tâm chân thật vẫn hiện hữu không thiếu vắng.

Một vị tăng hỏi thiền sư Viên Chiếu:

- Kiến tánh thành Phật nghĩa thế nào?

Ngài trả lời:

Khô mộc phùng xuân hoa cạnh phát,

Phong xuy thiên lý phức thần hương.

Cây héo xuân về hoa nở rộ,

Gió đưa ngàn dặm nức hương mầu.

Mùa xuân tươi sáng trong thanh đầy đầy khắp hư không. Người chưa nhận ra Phật tánh mới thấy thân này có sanh diệt khổ đau, người kiến tánh rồi thấy thân này tàn hoại giống cây khô, gặp thời tiết nhân duyên đến lại nở hoa thơm ngát. Cũng vậy, tuy thân tâm thường nhợt nhúa không ra gì, nhưng nếu biết tu tập vẫn có thể ngộ đạo. Đó là con đường chúng ta phải tiến tới.

Vị tăng khác hỏi thiền sư Viên Chiếu:

- Thế nào là bản ý của chư Phật?

Ngài đáp:

Xuân chức hoa như cảm,

Thu lai diệp tự hoàng.

Xuân dật hoa như cảm,

Thu sang lá tự vàng.

Quá đẹp! Mùa xuân đến hoa nở rực như vải gấm thêu bông. Mùa thu sang lá vàng rụng, lẽ tất nhiên. Cũng vậy, bản tâm của chư Phật là như như, không còn một niệm trần len lõi trong ấy.

Chúng ta đang bước trên lộ trình giải thoát đầy an lạc và hạnh phúc. Hãy mau mau cất bước đừng chần chừ. Một ngày sống là một ngày giá trị và ý nghĩa. Làm sao hoàn thành tâm nguyện tự lợi lợi tha, xứng đáng là đệ tử của đức Phật. Mong tất cả cùng cố gắng.

VÔ NIỆM VI TÔNG

Trong nhà thiền có câu: “Dĩ vô niệm vi tông, vô môn vi pháp môn”, nghĩa là lấy vô niệm làm tông chỉ, lấy cửa Không làm cửa pháp. Cửa Không là cửa Bát-nhã. Nếu lấy cửa Bát-nhã làm cửa pháp tức là còn dùng trí tuệ quán chiếu thì đâu phải vô niệm. Chính chỗ này làm tôi ngẫm tới ngẫm lui mãi.

Theo tông chỉ nhà thiền tu phải đến vô niệm, vì niệm là nhân tạo nghiệp, còn niệm là còn đi trong sanh tử. Cho nên tu thiền cốt làm sao lặng tâm đối đãi, vọng tưởng, để đến được chỗ chân tâm thường biết rõ ràng, vô niệm. Người tu muốn thoát ly sanh tử phải cố gắng buông xả hết để được vô niệm. Niệm có nhiều thứ như thiện ác, tốt xấu v.v... Nếu niệm thiện nặng sẽ dẫn chúng ta đi vào đường lành, nếu niệm ác nặng sẽ dẫn chúng ta đi vô đường dữ. Vì thế thiền tông dạy muốn đi thẳng đến chỗ giải thoát sanh tử phải lấy vô niệm làm tông chỉ.

Hầu hết chúng ta còn đa niệm chứ chưa vô niệm, đây là điều mình phải biết rõ để trên đường tu không bị lệch lạc sai lầm. Ngày xưa tôi nghĩ tu đến chỗ vô niệm rất khó, không thể làm được. Nhưng gần đây tôi đã khám phá ra và thấy dễ dàng hơn. Niệm chẳng qua là thói quen từ thuở bé, nghĩ tưởng liên miên trong đầu lâu dần tạo thành nghiệp. Bây giờ muốn tu để ra khỏi sanh tử phải dứt niệm. Tất cả pháp tu Phật dạy đều nhằm dứt niệm làm gốc, cho đến pháp môn Tịnh độ cũng mượn câu niệm Phật để dứt tất cả tạp niệm. Tuy nhiên niệm Phật đến rốt ráo còn sanh về Cực lạc, chừng nào vô niệm mới hoàn toàn ra khỏi sanh tử. Như vậy vô niệm là chỗ tốt cùng của người tu cầu giải thoát sanh tử. Thiền tông chủ trương tu giải thoát ngay trong đời này, chứ không phải nhiều đời, nên lấy vô niệm làm tông chỉ.

Chúng ta có thói quen nằm xuống nhớ chuyện năm trên năm dưới. Cho nên tới được chỗ vô niệm là một vấn đề lớn trong sự tu hành. Niệm là nghĩ suy không có trật tự thứ lớp nên rất khó kìm chế. Vì thế không chỉ trong giờ ngồi thiền mà những lúc còn lại đều phải tập buông xả, lâu dần tâm thuần, niệm sẽ giảm tức là sự tu có tiến bộ. Người biết tu, trong bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi luôn nhớ không chạy theo vọng tưởng để tâm được thanh tịnh. Do đó muốn đến được chỗ rốt ráo phải xả hẳn không còn một niệm.

Chư tổ ngày xưa lúc nào cũng sống trong vô niệm cho nên thấy các ngài như ngây như ngô. Không nghĩ suy tính toán, gặp việc gì phản ứng theo việc đó, không có ý niệm phân biệt. Còn chúng ta tu mà khôn quá, tính trước tính sau đủ thứ chuyện nên không hết niệm. Nhiều khi tôi thấy mình cũng rất khờ, chuyện xảy ra ngày hôm qua bữa nay quên sạch, không nhớ gì hết. Đó là do công phu cố gắng buông tất cả, buông quen thành ra quên.

Tôi nhớ tại miền Trung Việt Nam có một vị Hòa thượng tu rất đặc lực. Bữa đó hai thầy trò đi dự đám ở nhà Phật tử, lúc qua suối phải cởi đồ để không bị ướt. Qua đến bờ bên kia, Hòa thượng không đứng lại mặc đồ mà đi luôn. Học trò thấy vậy thưa: “Hòa thượng! Hòa thượng chưa mặc đồ.” Ngài đáp từ tốn: “Chưa mặc đồ hả?”, lúc đó mới sực nhớ mình đã quên. Đó là hiện tượng tâm không còn nhớ trước nghĩ sau, sống như ngây như ngô.

Đôi với sự tu, người tiên khá coi như khờ khạo, còn người càng ngày càng lanh không bảo đảm. Một khi buông hết niệm rồi tâm trở nên thuần thực, không còn lanh lợi. Người tu do buông xả mà khờ chứ không phải do dại mà khờ. Tuy nhiên buông cái phàm tình còn đạo lý vẫn thâm nhập không hề quên. Đây là điểm đặc biệt của người tu. Tôi thường nhắc mình phải cố gắng làm sao tâm luôn thản nhiên tự tại, không vướng mắc thói quen suy tính của thuở trước, càng ít nghĩ tưởng thì kết quả sự tu càng tốt.

Chủ đích của người tu thiền là vô niệm, nghĩa là không nghĩ nhớ chuyện quá khứ, không suy tưởng chuyện tương lai, sống với hiện tại thường biết rõ ràng, ngay đây bây giờ. Ký ức của quá khứ cũng như tính toán, tưởng tượng của vị lai luôn đầy ắp trong đầu chúng ta. Tuy rất khó bỏ nhưng đừng nản, ai quyết tâm cũng làm được hết. Tập buông bỏ riết thành ra quên luôn, chắc chắn như vậy. Trong sự tu tôi kinh nghiệm rõ ràng phải đi thẳng con đường vô niệm. Cho nên nhà thiền *lấy vô niệm làm tông chỉ, lấy cửa Không làm cửa pháp* là vậy. Nếu lấy cửa Không làm cửa pháp tức là dùng trí tuệ Bát-nhã quán chiếu các pháp tánh Không, nhưng quán chiếu là còn niệm. Chỗ này tôi cứ thắc mắc hoài, vô niệm là gốc sao còn bắt mình quán chiếu? Quán Không ở đây không phải quán mọi vật xung quanh duyên hợp hư huyễn, mà phải quán ngay nơi niệm sanh diệt là không. Biết rõ bản chất niệm là không thì mọi vấn đề đều được giải quyết, tức là quán mà như không quán. Niệm dấy lên biết rõ nó không thật thì niệm hết, đi thẳng tới chỗ vô niệm. Thấy tường tận chỗ này, sự tu tiến rất nhanh.

Chỉ nhớ quán những thứ bên ngoài mà cái thật ngay nơi mình không thấy là một thiếu sót lớn. Rõ ràng niệm từ mình mà ra, bản chất nó không thật, là nhân của luân hồi sanh tử. Cho nên hết niệm là hết luân hồi sanh tử. Người khéo tu phải ứng dụng điều này, do duyên theo trần cảnh bên ngoài mà có niệm này niệm kia, can đảm quyết tâm không chạy theo niệm tức là dừng nghiệp. Chừng nào buông sạch niệm thiện niệm ác, không còn đi trong đường lành đường dữ thì vô sanh, nghĩa là hoàn toàn giải thoát. Vì vậy muốn ra khỏi sanh tử phải vô niệm.

Đó là những kinh nghiệm tôi đã thấy và ứng dụng ngay trong cuộc sống của mình. Ngẫm lại tôi thấy rõ ràng những sơ sót cũng như điểm ưu mình vừa

tìm ra, nên nhắc liền cho tất cả quý vị biết mà tu. Nhiều khi nói tu mà không biết mình đang tu cái gì, sẽ đi tới đâu.

Tôi nhắc lại, tông chỉ của người tu thiền là *Dĩ vô niệm vi tông, vô môn vi pháp môn*, dứt hết tất cả niệm là tông chỉ, lấy cửa Không làm cửa pháp. Đó là gốc của người tu thiền.

Ngay nơi niệm khởi biết nó không thật thì niệm tự mất. Dám buông hết thì sự tu đạt kết quả, còn hồi tiếc không nở bỏ, sợ quên, thì tu hoài cũng chẳng đi tới đâu. Cho nên bao nhiêu năm tôi giảng kinh bây giờ hỏi một câu cũng không nhớ. Nói vậy không có nghĩa là bắt quý vị phải quên liền, bởi vì còn nhiệm vụ giảng dạy Phật pháp cho người sau thì vẫn phải nhớ lời Phật dạy. Nhớ lời Phật tổ là niệm dẫn đi trong đường lành, nếu can đảm dứt khoát buông sạch thì giải thoát. Đó là cái khó của những người làm công tác giảng dạy.

Muốn cho người khác nghe hiểu Phật pháp và ứng dụng trong cuộc sống thì trước mình phải học và ghi nhớ kỹ những lời Phật dạy, sau ra giảng mới có vốn liếng mà nói. Thành ra mình nuôi niệm rất nhiều, buông chưa được. Bây giờ đi đâu gặp Phật tử hỏi đạo, tôi tùy duyên biết gì nói nấy. Bình thường trong đầu thanh thoi không nhớ gì cả. Bởi vì đạo lý thấm trong da thịt của mình, gặp duyên nó phát ra. Khác với hồi mới đi giảng dạy, muốn nói vấn đề gì phải nuôi trong đầu tư liệu thật sung túc, mới giảng được đầy đủ.

Tuy bây giờ trong đầu trống rỗng nhưng khi ai hỏi gì cũng trả lời được, không đến nỗi không biết. Quý vị lâu ngày mới gặp nên không biết tôi quên tới cỡ nào, còn mấy thầy thị giả ở gần một bên thấy tôi quên quá sức tưởng tượng. Có khi chuyện mới nói hôm qua, hôm nay quên lửng. Nhưng quên mà không buồn, không thấy mình ngu vì cái gì cần biết nên biết, không cần thì quên. Nhất là tên họ người khác tôi quên tuốt, tới chừng muốn kêu mà không biết kêu làm sao. Quý thầy hỏi:

- Bạch Thầy, cái khờ khạo của người tu không giống cái khờ khạo của người thế gian. Như ngây như ngô ở đây tức là cái gì cần nhớ thì nhớ, cần quên thì quên. Nếu nhiều cái mình muốn nhớ mà nhớ không được rồi cho đó là tu hay, nghĩ như vậy có đúng không thưa Thầy?

Tôi đáp:

- Vì muốn tâm mình an định cho nên đừng lặng mọi nghĩ suy. Đừng lặng thì đương nhiên không nhớ, nhưng khi gặp duyên tự nó nhớ. Nếu quên luôn cũng được, không ai trách điều đó; bởi vì nhớ hay quên đều là pháp sanh diệt mà thôi. Gặp duyên thì nhớ, không nhớ thì thôi. Tôi già rồi nói quên mọi người thấy hợp lý, mấy thầy còn trẻ mà quên chắc bị người ta nói lãng trí.

Hỏi:

- Bạch Thầy, trường hợp của Thầy bây giờ là buông hết mọi việc không làm Phật sự nữa, nên tu dễ đạt được kết quả. Còn chúng con đang phải giảng dạy hoặc làm Trụ trì thì không được. Trí Bát-nhã nói Thập độ ba-la-mật, trong đó có ba diệu dụng: Một là Trí không tưởng, tức là nhìn thấy các pháp là không. Hai là Trí nhập pháp vui, tức là sau đó thấy vui suốt ngày. Ba là Trí thành thực hữu tình, tức là đem Thập độ ba-la-mật còn gọi là trí Bát-nhã ba-la-mật hóa độ chúng sanh. Vậy chúng con phải làm sao?

Đáp:

- Cái đó tùy duyên của mỗi người, ai làm được việc gì tốt việc ấy.

Quý vị nhớ vô niệm là tông chỉ để chúng ta tu, cửa không là cửa pháp. Vô niệm thì hết sanh tử, còn niệm là còn đi trong sanh tử vì niệm là nhân tạo nghiệp. Niệm lành đi đường lành, niệm dữ đi đường dữ. Đó là một lẽ thật không nghi ngờ. Mong tất cả quý vị ráng nhớ và cố gắng thực hành thì nhất định tu sẽ thành công.

HAI CHỮ HUYỀN KHÔNG

Khi đặt chân đến đây, tôi thấy cổng chùa đề bốn chữ Huyền Không Thiên Tự, bất thần tôi nảy ra ý tưởng phải nói về ý nghĩa hai chữ Huyền Không.

Hòa thượng Mãn Giác người Việt Nam lúc còn trẻ rất thích làm thơ, trong những sáng tác của ngài có một quyển đề bút hiệu Huyền Không. Ngày nay các vị tăng trong nước cũng như hải ngoại có tâm hướng về quê hương xứ sở, nên dùng chữ Huyền Không đặt tên chùa, nhằm nhắc nhở Phật tử Việt Nam nhớ về cội nguồn tổ tông. Đó là điều đáng quý.

Trên dãy núi Ngũ Hành Sơn - Đà Nẵng có ngọn núi Tam Thai và ngôi chùa Tam Thai, sau chùa là động Huyền Không. Về lịch sử, Huyền Không là động tại Đà Nẵng - Việt Nam, điều đáng lưu ý ở đây là ý nghĩa động và hang. Trong núi chỗ rộng nhỏ gọi là hang, chỗ rộng to gọi là động. Nếu đứng bên ngoài cất tiếng gọi lớn thì trong động vang lại âm thanh y hệt tiếng đó. Tiếng hay vang ra hay, tiếng dở vang ra dở, nó dội lại đúng với tiếng mình đã phát ra. Đây là điểm rất đặc biệt.

Sơ tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông sau khi ngộ đạo lập ra hệ phái Trúc Lâm Yên Tử, trong các tác phẩm văn học ngài để lại có bài Đắc Thú Lâm Tuyền Thành Đạo Ca rất nổi tiếng. Ngài viết một số câu nói về ý nghĩa tiếng vang trong hang trống, nhằm nhắc người tu nghe âm thanh không nên vương mắc vào nó. Đối với tiếng khen tiếng chê, nghe biết nhưng không khởi niệm vui buồn, đó là người khéo tu.

Tất cả lời nói qua rồi mắt không còn hoài, giả như còn cũng trong tâm niệm của mình thôi. Người nghe xong liền ghim sâu trong tâm thức nên mới nhớ hoài nhớ mãi thành thử cả ngày buồn vui đau khổ. Sở dĩ chúng ta bị dính kẹt vì tâm phân biệt quá nhạy bén, lời khen còn hơi nhẹ chứ lời chê nhớ cả năm chưa quên. Bởi ghi sâu những điều bất như ý khiến chúng ta phải khổ triền miên, thấy mặt người mình không thích liền khó chịu. Cho nên người tu Phật phải khéo dùng để vương mắc.

Trong kinh A-hàm kê, đức Phật đầy đủ công đức mà còn có người dám chửi ngài. Lần đó Phật đi giáo hóa trong vùng người dân theo đạo Bà-la-môn. Sau khi khát thực về, Phật đến dưới gốc cây ngồi thọ trai. Thọ thực xong, dân chúng bu xung quanh nghe ngài giảng đạo. Sau thời pháp họ phát tâm quy y với Phật, khiến ông Bà-la-môn tức giận. Hôm sau Phật đi khát thực ngang nhà ông, Phật đi đằng trước ông đi đằng sau kêu tên ngài chửi. Ngài vẫn thông dong tự tại đi. Tới ngã ba đường, ông tức quá chạy trước Phật chặn lại hỏi:

- Sa-môn Cù-đàm, Ngài có điếc không?

Phật đáp:

- Ta không điếc.

Ông hỏi tiếp:

- Không điếc sao tôi chửi Ngài không trả lời?

Phật bảo:

- Nếu nhà ông có đám giỗ mời bà con thân quyến đến, khi dự tiệc xong họ ra về ông đem quà tặng cho mỗi người. Nếu họ không nhận thì quà đó thuộc về ai?

Ông đáp:

- Về tôi chứ về ai.

Phật nói:

- Cũng vậy, ông chửi ta ta không nhận, lời chửi đó thuộc về ai?

Ông Bà-la-môn ngang đây không chửi Phật nữa.

Chúng ta ngày nay nghe xong liền nhận hết, thành ra lời chửi của người kia có giá trị. Giả sử lúc đó Phật cự lại thì bây giờ chúng sanh đâu có lạy ngài. Chính tâm nhẫn nhục tự thắng mình của đức Phật nên bây giờ chúng ta mới cung kính, thờ phụng ngài. Mọi người thường có bệnh sợ người ta chê “nhịn là ngu”. Do cái hiểu còn quá nông cạn nên chạy theo các duyên bên ngoài, bị chê nổi giận, được khen vui mừng mà không biết khen chê vốn không thật.

Thí dụ, người kia cần nhờ mình nên trước hết họ khen để lấy lòng. Lời khen không thật mà chúng ta mừng là dại. Giả sử ai đó muốn chọc tức, họ thách đố bằng cách nói những lời kỳ thị khiến mình nổi giận. Nổi giận như vậy là dại. Tiếng khen chê không phải lẽ thật mà bám vào đó chịu khổ thì quá dại dột. Bậc giác ngộ như đức Phật đối với khen chê coi như trò chơi. Hạng phàm phu chúng ta bị khen chê làm khổ não, muốn hết khổ phải xem tiếng khen chê như gió thổi ngoài tai, qua rồi mắt đừng ghi lại trong tâm thức.

Người khôn ngoan biết tu không bị dư luận làm điên đảo, thản nhiên tự tại trước những lời thách đố khen chê tức là khéo buông xả như tiếng vang trong hang động. Ở chốn đông người, kẻ ý này người ý kia nên chuyện bàn luận không thể tránh khỏi vui buồn. Nếu chúng ta cố chấp thì sự tu hành bị vướng kẹt không tiến. Sơ tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông dạy, thấy ngôn ngữ như tiếng vang trong hang động, nghe biết nghe mà không chất chứa trong lòng. Đó là ý nghĩa hai chữ Huyền Không liên hệ đến sự tu tập của chúng ta.

Huyền là nhiệm màu, không là động trống, Huyền Không là động trống rất nhiệm màu. Động trống ví như lỗ tai của chúng ta, nhiệm màu là không

vướng kẹt gì hết. Bao nhiêu tiếng hay dở đều nghe tường tận, nhưng trả lại y nguyên chứ không dính mắc là ý nghĩa Huyền Không. Lẽ thật ngay trước mắt, chúng ta không cần tìm kiếm đâu xa. Cho nên biết ứng dụng đúng pháp thì đường tu dễ thành công, ngược lại dù tu mấy mươi năm cũng chẳng được lợi ích gì.

Kế đến là ý nghĩa chữ Không trong hệ kinh Bát-nhã. Nguyên văn chữ Hán câu đầu bài Tâm kinh nói: “Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.” Nghĩa là khi Bồ-tát Quán Tự Tại thực hành sâu trí tuệ Bát-nhã, ngài xem thấy năm uẩn đều Không, liền qua hết tất cả khổ nạn. Chủ đích của hệ Bát-nhã nằm gọn trong câu kinh này. Chiếu là soi, kiến là thấy, chiếu kiến là soi thấy một cách rõ ràng tường tận.

Bát-nhã chia ra ba phần: văn tự Bát-nhã, quán chiếu Bát-nhã và thật tướng Bát-nhã. Văn tự Bát-nhã là học thuộc lòng văn tự chữ nghĩa trong kinh rồi tụng đi tụng lại. Quán chiếu Bát-nhã là soi thấy thân năm uẩn không thật, chừng đó mới qua hết khổ nạn. Văn tự Bát-nhã giống như chiếc đò qua sông, khi xuống đò không chịu chèo bơi mà ngồi ỳ đó hoài thì chừng nào tới bờ bên kia, cho nên phải bước qua giai đoạn thứ hai là quán chiếu. Trong năm uẩn, sắc uẩn thuộc về vật chất, bốn uẩn kia thuộc về tinh thần. Soi thấy năm uẩn đều không tức là soi thấy thể xác và tinh thần không thật. Do thấy thân không thật nên khi bị thiệt thòi hoặc người khác lấn hiếp, biết đây chỉ là trò chơi nên không bị khổ não.

Người tu Phật phải học hiểu cho tường tận chứ không nên học suông. Từ văn tự chuyển qua quán chiếu, từ quán chiếu chuyển qua thật tướng, đây là chỗ cứu cánh Niết-bàn. Hành trì Bát-nhã phải đủ cả ba chặng, nếu dừng ngang một chặng nào đó sẽ không bao giờ tới được đích. Hàng ngày chúng ta tụng đọc không biết bao nhiêu biến Bát-nhã mà vô minh vẫn y nguyên không hết. Lỗi này không phải do kinh vô hiệu, mà tại chúng ta không đi tận cùng con đường Phật dạy. Hiểu chỗ này rồi mới thấy giá trị cao siêu của đạo Phật. Lời Phật dạy là chân lý chắc thực, chúng ta phát tâm tu thì phải tu cho đến nơi đến chốn, đừng chỉ đọc suông. Tu không thấy an lạc là lỗi tại mình không biết ứng dụng lời Phật dạy. Cho nên muốn đạt kết quả trên đường tu, chúng ta phải nhận và sống được với trí tuệ Bát-nhã.

Trong kinh Phật nói “sắc tức là không, không tức là sắc”, chữ *không* ở đây có nghĩa là không tự tánh, chứ không phải không ngơ, không có gì hết. Các pháp trên thế gian duyên hợp tạm có, không thật nên không cái gì cố định. Bình hoa không tự có sẵn, phải được kết hợp từ bình, hoa và công sức người cắm. Dùng trí tuệ Bát-nhã phân tích tường tận biết nó do duyên hợp giả tạm nay còn mai mất, dần dần trở thành không. Đây là ý nghĩa *sắc tức thị không*. Trước khi

có bình hoa là không, đủ duyên có bình, hoa và người cắm tạo thành bình hoa, đây là ý nghĩa *không tức thị sắc*. Bản chất của sắc là không, duyên hợp giả có; vì duyên hợp giả có nên duyên tan thành không.

Con người cũng vậy, do tứ đại duyên hợp tạo thành, nếu cho sắc thân này là thật rồi nắm giữ chấp trước, tới chừng hư hoại sẽ hoảng hốt sợ sệt đủ thứ. Người thấy đúng trí tuệ Bát-nhã không làm nhận điều này. Sắc tức không, không tức sắc nói lên tính chất duyên hợp không thật của các pháp. Trên lý thuyết ai chẳng biết mình không thật nhưng khi động tới lại thấy thật, đó là nguyên nhân phát sanh mê lầm. Một khi lầm bản ngã sẽ lầm luôn tất cả những thứ xung quanh. Cái giả ngỡ thật, bám chặt vào nó chấp thủ và đau khổ. Chừng nào thấu suốt được lý sắc không mới an ổn tự tại khi thân biến hoại.

Chúng ta từng chứng kiến cái chết của ông bà cha mẹ, thấy rõ bản chất thực của thân, tới lượt mình sửa soạn ra đi cười nói: “Ừ, đây là lẽ thật, có gì đâu mà sợ!” Tỉnh táo sáng suốt lựa đường đi tốt, đừng lo lắng khóc lóc để nghiệp dẫn đường này đường kia không hay. Tu là thấu suốt lẽ thật, sống với trí tuệ Bát-nhã để làm chủ được mình, khi nhắm mắt biết chọn lối đi sáng suốt, đừng mờ mịt đi vào ba đường xấu. Sắc và không không tách rời nhau, có hợp ắt có tan, có sanh ắt có tử. Chết là con đường chúng ta phải đến, không ai thoát khỏi. Cho nên bây giờ phải chuẩn bị đầy đủ tư lương để mai kia an ổn đối diện với tử thần. Người biết tu là thấy xa hiểu rõ con đường phía trước mình sẽ đi đâu, một lòng hướng về sự tu tập, đừng mãi mê hưởng thụ ngũ dục, tranh danh đoạt lợi làm chi.

Ngũ thừa Phật giáo là giáo lý căn bản thiết yếu của người tu theo đạo Phật bao gồm: Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ-tát thừa hay Phật thừa. Thừa là cỗ xe chuyên chở chúng sanh đi đến quả vị tùy theo mức độ tu tập. Người Phật tử thọ Tam quy trì Ngũ giới đầy đủ, sau khi mạng chung nhất định được trở lại làm người tốt. Ngũ giới là năm điều ngăn cấm: không sát sanh được tuổi thọ dài lâu; không trộm cướp thì của cải tài sản nhiều; không tà dâm nên thân tướng đẹp đẽ trang nghiêm; không nói dối, nói năng lưu loát ai cũng tin quý; không uống rượu mạnh, không uống say, không hút á phiện, xì-ke, ma túy, đời sau thông minh sáng suốt. Giữ tròn năm giới cấm xứng đáng làm người tốt ở hiện tại và tương lai. Lúc sắp lâm chung tự tin mỉm cười vì biết rõ con đường phía trước sáng sủa an lành.

Đức Phật đã chỉ bày rõ ràng tường tận và cụ thể những phương pháp tu tập đưa đến các quả vị tu chứng tương ứng. Tùy căn cơ và sức hành trì của mỗi chúng sanh mà ứng hiện các cảnh giới khác nhau. Người tu Thập thiện trọn vẹn nhất định sanh về cõi trời Dục giới, đi trong sự sáng suốt không mập mờ hoảng hốt. Người thực tu phải nắm vững đường lối, tự hiểu thấu rồi thực hành đúng đắn. Ngày nay sống an vui ngày mai nhắm mắt càng an vui hơn, xe cũ

hư đổi xe mới tốt, có gì đâu mà buồn. Đó là ý nghĩa thiết thực của sự tu. Khéo ứng dụng làm sao đời này đời sau đi trên con đường sáng cao quý chứ đừng để tuột xuống.

Đức Phật đã vạch sẵn phương hướng, ai muốn đi đường nào cũng được tùy khả năng nhưng phải đi cho tới nơi tới chốn, không nên chần chừ. Đâu ai có thể bảo đảm mình sống tới lúc nào, đừng quan niệm bây giờ còn trẻ lo làm ăn, để dành tới già mới tu. Biết đâu chưa sống tới già, nửa chừng chết mất rồi. Vì vậy ở độ tuổi nào chúng ta cũng phải cố gắng tu để chuẩn bị hành trang cho mình đi trên con đường phía trước. Ngay trong lúc trẻ khỏe, tinh táo sáng suốt càng nỗ lực tu càng tốt. Khi già yếu lụm cụm quên đầu quên đuôi, tu không tới đâu hết. Đạo Phật không bắt buộc chúng ta phải hành một pháp nào cố định, tùy khả năng và căn cơ mỗi người tự chọn cho mình pháp hành trì thích hợp, miễn sao ứng dụng đúng đều được kết quả theo sở nguyện. Đây là một lẽ thật.

Đức Phật là bậc giác ngộ, ngài thấy đúng sự thật về muôn pháp giữa thế gian này “tánh không”. Trong kinh thường nói “tánh không của các pháp”, chữ tánh chỉ cho cái sẵn có. Bình hoa vốn không mới có thể cắm hoa vào được, từ không duyên hợp thành bình hoa, dần dần héo tàn lại trở về không. Tất cả sự vật thành hình từ cái không nên nói “các pháp duyên hợp”. Do duyên hợp mà không thực có, chỉ tạm một thời gian rồi bại hoại trở về không. Đó là ý nghĩa *sắc tức thị không, không tức thị sắc*.

Trong luận Trung Quán Bồ-tát Long Thọ viết:

Nhân duyên sở sanh pháp,

Ngã thuyết tức thị không,

Diệc danh vi giả danh,

Diệc danh trung đạo nghĩa.

Các pháp do nhân duyên sanh, từ không duyên hợp thành có, nên Phật nói nó là không. Lý trung đạo không chấp hai bên, hoặc thật có hoặc thật không. Do không hiểu lý trung đạo nên chúng ta luôn sống theo nghĩa cực đoan hoặc không hoặc có, dẫn đến bất đồng quan điểm với nhau, từ đó sanh ra cãi vã, phải quấy hơn thua, tranh đấu giành giật đau khổ.

Để giải thích lý trung đạo một cách dễ hiểu, tôi đưa ra thí dụ nắm tay. Tay tôi đang đưa lên, khi co năm ngón lại gọi là nắm tay. Nắm tay có thật không? Trước khi co năm ngón, không có nắm tay, buông ra cũng không có nắm tay. Như vậy nắm tay chỉ là giả danh, không thật có. Các pháp cũng vậy, duyên hợp giả có, duyên tan thành không. Hiểu được lý trung đạo là thấy lẽ thật, tức hằng sống với trí tuệ Bát-nhã.

Thân chúng ta do duyên hợp từ cha mẹ và thần thức nên tạm gọi là thân. Nó vốn không thật thì cái đẹp xấu khen chê cũng không thật. Thấy đúng như vậy quá dễ tu rồi! Người tu Phật phải dùng trí tuệ Bát-nhã thấy rõ bản chất thân tâm năm uẩn là không thì sự tu mới nhẹ nhàng. Chư Phật và Bồ-tát sống đúng với lẽ thật gọi là giác ngộ, còn chúng ta tuy biết lẽ thật nhưng vẫn sống theo tưởng tượng hư dối nên mê lầm ngày càng tăng trưởng.

Trong kinh dùng thí dụ bóng mặt trăng rằm in dưới hồ nước liên hệ đến nghĩa sắc không. Bóng mặt trăng sáng hiện trên mặt nước không thật có cũng không thật không. Giống như thân này duyên hợp, không thật có cũng không thật không. Lý Bát-nhã dạy một cách thấu triệt về lẽ thật của con người. Nếu chỉ đọc văn tự Bát-nhã suông mà không chịu chiếu kiến thì biết chừng nào qua hết khổ ách. Chúng ta không nên bám vào những thứ hư ảo, phải biết sống trở về với cái chân thật của chính mình.

Chúng ta tụng Bát-nhã để thức tỉnh, nhớ ứng dụng không làm vọng tưởng, dứt hết phiền não, giải thoát sanh tử. Giá trị sự tu không nằm ở chỗ tụng cho nhiều cho hay mà phải thực hành theo lời Phật dạy, xem xét quán chiếu rõ ràng tường tận. Cũng như người bước xuống thuyền, phải tìm chèo để bơi mới qua tới bờ kia. Qua tới bờ kia rồi là Thật tướng Bát-nhã. Nếu ngồi dưới thuyền rồi ngang đó hải lòng thì chừng nào lên được bờ. Người tu phải khéo làm sao xứng đáng đi trên con đường giác ngộ. Ngày nay mê thấy thân thật, giành giật hơn thua, khen chê, tốt xấu đủ thứ. Ngày mai thấy thân giả, ai khen chê chỉ cười thôi, không có gì quan trọng. Được vậy là có tiến rồi.

Phần trên nói rõ lý sắc không trong kinh Bát-nhã, đến đây nói qua ý nghĩa thâm sâu trong Thiên tông. Kinh Pháp Bảo Đàn kể, một hôm Ngũ tổ bảo đại chúng mỗi người hãy tự làm một bài kệ trình ngài xem. Nếu ai ngộ được bản tâm, ngài sẽ trao y bát làm tổ thứ sáu. Tăng chúng đều cho rằng thượng tọa Thần Tú ắt là người được nên không cần lắng lòng dụng ý làm kệ. Ngài Thần Tú bất đắc dĩ phải suy nghĩ làm kệ, nội dung như sau:

Thân thị Bồ-đề thọ,
Tâm như minh cảnh đài.
Thời thời cần phát thức,
Vật sử nhạ trần ai.
Thân là cội Bồ-đề,
Tâm như đài gương sáng.
Luôn luôn phải lau chùi,
Chớ để dính bụi bặm.

Đọc bài kệ ai cũng trầm trồ khen quá hay nhưng Lục tổ lại có cái nhìn khác:

Bồ-đề bản vô thọ,
Minh cảnh diệt phi đài.
Bản lại vô nhất vật,
Hà xứ nhạ trần ai?
*Bồ-đề vốn không cây,
Gương sáng cũng chẳng đài.
Xưa nay không một vật,
Chỗ nào dính bụi bặm?*

Bồ-đề phiên âm từ tiếng Phạn Bodhi, Trung Hoa dịch là Giác. Khi xưa đức Phật ngồi dưới cây tất-bát-la được giác ngộ nên đổi tên là cây Bồ-đề. Bồ-đề dịch là giác tức giác ngộ. Tánh giác vốn không có hình tướng nên nói *Bồ-đề vốn không cây*. Tính chất của gương là sáng trong nên không cần có đài nó mới sáng. Ngài Thần Tú cho rằng *tâm như đài gương sáng, phải luôn luôn lau chùi* khả dĩ gương mới sáng. Lục tổ nói *xưa nay không một vật* thì có gì đâu phải lau chùi.

Nội dung hai bài kệ rất khác nhau, cái nhìn của ngài Thần Tú còn trong hình thức đối đãi, Lục tổ nhìn thấu bản chất sự vật nên thoát ngoài đối đãi phân biệt. Bụi bặm chỉ là cái bao phủ bên ngoài, không thể làm mất bản chất thật của gương. Cái thật đó dụ cho tánh giác sẵn có trong mỗi chúng ta. Dù chưa tu hay chưa đẹp hết phiền não, nó vẫn không thiếu vắng. Bởi chúng ta bỏ quên nên vô tình chôn vùi nó, khi dọn dẹp sạch sẽ ba mớ phiền não, nhận được cái chân thật lâu nay sẵn có thì nó tự sáng không nghi ngờ. Thấy tốt *bản lai vô nhất vật* là thấy được chân lý nên Lục tổ xứng đáng được Ngũ tổ truyền y bát.

Thiền sư Minh Chánh ở Việt Nam từng viết:

*Công danh cái thế màn sương sớm,
Phú quý kinh nhân giấc mộng dài.
Chẳng hiểu bản lai vô nhất vật,
Công phu uổng phí một đời ai.*

Công danh sự nghiệp dù tốt đỉnh tới đâu đi nữa cũng chỉ là màn sương sớm, có rồi mất chứ không còn hoài. Đến như tài sản của cải dù cho giàu sang không ai bì nổi chẳng khác gì giấc mộng đêm qua. Sống để hưởng thụ nhiều lắm cũng vài chục năm chứ không thể sống mãi. Cái được của thế gian như công danh, phú quý rất cuộc lại tiêu tan như sương mai mộng ảo vì tất cả đều

không thật. Tu mà không nhận được bản lai vô nhất vật thì uống phí cả một đời.

Trọng tâm của người xuất gia cầu giải thoát là cốt tìm cho ra và sống được với cái thật của chính mình. Đó là chỗ tốt cùng chúng ta phải đi tới. Câu *bản lai vô nhất vật* có liên hệ tới hai chữ *Huyền Không*. Bản lai vô nhất vật dịch là xưa nay không một vật, chữ *không* này rất nhiệm màu, không tất cả phiền não và niệm sanh tử thì được diệu dụng vô cùng, tức *chân không diệu hữu*. Cho nên đức Phật đạt đến chỗ *không* chân thật và chứng Tam minh, Lục thông, Tứ vô sở úy, Thập bát bất cộng Hiếu chỗ này rồi trên đường tu chúng ta mới không bị lầm lẫn.

Tóm lại một cách tổng quát hai chữ *Huyền Không* có ba ý nghĩa quan trọng. Thứ nhất, *Huyền Không* dụ như tiếng vang trong hang trống, nghe mà không dính không chấp. Thứ hai, chữ *Không* trong *Huyền Không* nói về tánh không duyên hợp giả có của tất cả các pháp trên thế gian. Trước không sau cũng không, gọi là các pháp tánh không, thấu được lẽ thật này thì không còn chấp trước. Thứ ba, chữ *Không* chân thật trong ý nghĩa xưa nay không một vật, nó sẵn có nơi mỗi chúng ta, nhận và sống được là ngộ đạo, hết mê lầm.

Bài giảng hôm nay tôi dành trọn cho hai chữ *Huyền Không*, cũng là tên gọi ngôi thiền tự này. Mong quý vị hiểu và ghi nhớ ý nghĩa nội dung bài giảng, khéo ứng dụng vào sự tu hành ngày càng tiến bộ. Chúc tất cả quý vị luôn luôn thức tỉnh và chóng được giác ngộ.

PHÁP YẾU TU THIỀN

Tu thiền là gốc của đạo Phật. Chúng ta tu theo Phật thì điều gì Phật dạy chúng ta ứng dụng theo, mới đúng tinh thần căn bản của đạo Phật. Đức Phật ngồi thiền dưới cội Bồ-đề được giác ngộ. Sau này, chư tổ cũng nhờ tu thiền mà đạt được đạo quả. Cho nên nói tu thiền là nói tới cái gốc của đạo Phật, không có gì nghi ngờ. Điều này đã được ghi lại rất nhiều trong ba tạng kinh điển.

Phật giáo từ Ấn Độ truyền sang Trung Hoa, Việt Nam, đó là một đường. Đường khác là từ Ấn Độ các ngài truyền bá thẳng qua Việt Nam. Phật giáo Việt Nam ban đầu không hoàn toàn chịu ảnh hưởng Phật giáo Trung Quốc mà có nền tảng riêng. Từ thế kỷ thứ II, tại thủ phủ Giao Châu chúng ta đã có chùa Dâu là trung tâm tu học, nơi dừng chân của các Phạn tăng. Hai ngài Ma-ha-kỳ- vực (Mahājīvaka) và Khâu-đà-la (Kśūdra) từng đến đây. Thiền sư Khương Tăng Hội ở Giao Châu sang Trung Hoa truyền bá Phật pháp, giữa thế kỷ thứ III.

Phật giáo Việt Nam ở thế kỷ thứ II, thứ III rất hưng thịnh, nền tảng Phật học vững mạnh, từ buổi đầu được các vị tăng sĩ Ấn Độ sang giáo hóa. Cho đến bây giờ chúng ta thường nghe miền Bắc gọi Phật là ông Bụt. Chữ Bụt gốc từ chữ Buddha, Trung Hoa phiên âm là Phật-đà, dịch nghĩa là Giác giả, tức người giác ngộ.

Giác ngộ có nhiều nghĩa. Giác ngộ theo nghĩa thông thường, thí dụ một người ngày xưa làm kẻ trộm, bây giờ được giáo hóa bỏ nghề trộm cướp, gọi là giác ngộ. Giác ngộ theo nghĩa này thì thấp quá, không tương xứng với nghĩa của đạo Phật. Chữ giác trong nhà Phật có nhiều nghĩa, nhưng nói nhiều không ai nhớ nên tốt hơn gọi là Bụt.

Tiếng Bụt để minh chứng rằng đạo Phật có ở Việt Nam trước khi Phật giáo Trung Hoa truyền sang. Từ thế kỷ XIV trở về sau chúng ta gọi Phật là theo chữ Hán, chữ Nhân (人) và chữ Phật (佛) gọi là Phật (佛).

Về mặt lịch sử, vào đời Tống đời Minh, Việt Nam thỉnh Đại tạng kinh đem về nghiên cứu, phiên âm từ tiếng Trung Hoa gọi là Phật. Bằng chứng đó cho thấy rằng Phật giáo Việt Nam không phải từ Trung Hoa truyền sang mà đã có trước Phật giáo Trung Hoa.

Về mặt Thiền, các Tổ trước truyền sang Việt Nam cũng dạy tu thiền, nhưng phần nhiều nghiên cứu trong kinh. Hoặc tu Lục diệu pháp môn hay quán Tứ niệm xứ... Đó là Như Lai thiền. Sau này chúng ta được các thiền sư ở Trung Hoa nối tiếp truyền thiền sang Việt Nam, mới có Tổ sư thiền. Từ Tam tổ Tăng Xán chia ra hai nhánh: nhánh ở Trung Hoa là tổ Đạo Tín, nhánh truyền sang

Việt Nam là ngài Tỳ-ni-đa-lưu-chi. Từ đây truyền dần xuống cùng các tổ Vô Ngôn Thông, Thảo Đường, lập nên hệ thống thiền Việt Nam.

Như vậy, gốc ban sơ của Phật giáo Việt Nam là Thiền. Mãi tới thế kỷ XIX, ở miền Trung có ngài Liễu Quán, ở miền Bắc có thiền sư Minh Chánh... là những vị thiền sư đầu thế kỷ XIX. Suốt mười bảy thế kỷ, từ thế kỷ II đến thế kỷ XIX, Phật giáo Việt Nam tu theo đường lối Thiền, đúng là gốc của đạo Phật từ Ấn Độ truyền sang, không có lối nào khác. Cho đến gần cuối thế kỷ XIX sang thế kỷ XX, tất cả chùa Việt Nam nghiêng về Tịnh độ, không nghe nói tu thiền.

Điều đáng để ý nhất, chúng ta nói tu Tịnh độ, nhưng tu thế nào? Chuyên tu Tịnh độ như ngài Huệ Viễn ở Trung Hoa, ngày đêm nhất tâm niệm Phật không dừng. Bây giờ chúng ta lấy hai thời khóa tụng, đầu hôm tụng Di-đà, sau đó niệm Phật. Niệm Phật xong tụng chú Vãng Sanh, rồi hồi hướng. Như vậy Tịnh độ chỉ có một thời kinh và sau đó niệm Phật vài ba xâu chuỗi. Buổi khuya tụng Lăng-nghiêm, hôm nào bận việc thì tụng Đại Bi, Thập Chú. Suốt một buổi khuya chỉ tụng chú, không có gì gọi là Tịnh độ. Tụng chú là lối tu của Mật tông; tụng kinh Di-đà, niệm Phật là lối tu của Tịnh độ tông. Pháp tu như vậy thì không chuyên nhất.

Phật giáo Việt Nam ngày nay, đa số tăng ni không biết tu thiền. Chẳng những không biết mà còn phản đối. Trong khi thiền đã có mặt ở Việt Nam mười bảy thế kỷ. Tổ tiên mình tu mà bây giờ mình phản đối thì có phải là người con hiếu thảo, là đệ tử trung thành của Tổ hay không? Đó là điều phải suy nghĩ lại.

Đi sâu hơn, nếu nói tu thiền thì đức Phật do tu thiền mà được giác ngộ thành Phật. Mãi đến sau này chư tổ cũng tu thiền mà ngộ đạo. Nhưng ở Việt Nam phần đông cho rằng chỉ tu hai thời khóa tụng và niệm Phật là đủ. Thời mật pháp thì chỉ còn câu niệm Phật, không còn gì nữa. Nhưng ở Nhật Bản không phải chỉ có Tịnh độ tông, còn có Mật tông, Thiền tông. Ở các nước Phật giáo Nguyên thủy Thái Lan, Tích Lan, Miến Điện, Cao Miên, Lào... thì không niệm Phật A-di-đà, như vậy còn đạo Phật hay không?

Hiện tại, các nước trên thế giới đều chú trọng tu thiền, theo học các khóa thiền và cũng có những người đạt đạo, không phải thường. Chúng ta thấy trong các chùa, ở sau thờ Tổ nếu không là tổ Đạt-ma thì cũng tổ Tỳ-ni-đa-lưu-chi. Chùa nào cũng thừa nhận mình là hệ thống Thiền mà không chịu tu thiền. Điều đó mới lạ lùng.

Tôi nghĩ rằng mình đã quyết tâm tu, quyết tâm theo Phật thì phải tìm hiểu nguồn gốc của đạo Phật. Hiểu rồi phải ứng dụng đúng tinh thần đó. Sau khi học trong kinh, đọc sử chư tổ tôi thấy phần lớn các ngài đều tu thiền, nên tôi chủ trương tu thiền.

Vậy chủ yếu tu thiền là gì? Bao nhiêu kinh điển Phật dạy, từ các bộ A-hàm, cả hệ thống Bát-nhã, Pháp Hoa, Niết-bàn... Kinh nào Phật cũng dạy tu là phải đi đến giác ngộ. Đạo Phật khác với cái nhìn của những đạo khác ở chỗ không cầu xin các bậc giáo chủ hay đấng thiêng liêng, mà quay lại tìm ngay nơi mình, xem mình là cái gì.

Phật hỏi các Tỳ-kheo: Các ông thấy sắc uẩn là thường hay vô thường? Tất cả đều nói là vô thường. Phật hỏi vô thường có khổ không? Khổ. Vô thường khổ thì có ngã không? Không có ngã. Đến thọ, tưởng, hành, thức cũng thế... Trong năm uẩn, sắc uẩn thuộc về vật chất. Thọ, tưởng, hành, thức thuộc về tinh thần. Phật chỉ rõ phần vật chất và tinh thần của thân này là vô thường. Vô thường là khổ, khổ là bại hoại, không có chủ, không có ngã.

Có một ngoại đạo nghe Phật nói thân này vô ngã, ông tới lý luận với Phật. Chủ trương của ông thân này là ngã. Phật hỏi ông ta: “Nếu thân này có ngã, có chủ thì mình có tự tại với nó không?” Mình không muốn bệnh nhưng nó cũng bệnh, mình không muốn những chuyện không vui đến với mình mà nó vẫn đến. Nếu mình là chủ thì đuổi bệnh đi không cho nó ở. Mình bị nhức răng, không cho nó nhức nữa mới gọi là chủ. Nhưng muốn không nhức không được thì có làm chủ chưa? Không muốn nó bệnh nó vẫn bệnh, không muốn nó già nó vẫn già. Mình không muốn nó vẫn cứ tới, không chống chọi xua đuổi nó được thì mình làm chủ hay nó làm chủ? Mình không làm chủ được cho nên gọi là vô ngã.

Ngoại đạo nghe Phật nói rồi liền chấp nhận con người là vô ngã. Vô ngã không phải là không có thân này; vô ngã là không có chủ. Kể cả thân xác thịt và tâm hiểu biết như thọ tưởng hành thức đều không có chủ, đợi duyên mới có. Thọ là cảm giác, trong có mắt, ngoài có sắc gặp nhau mới có cảm giác, rồi thức phân biệt. Như vậy cũng không tự có, phải đợi duyên.

Những tâm trạng như buồn thương giận ghét, chúng ta có làm chủ không? Như ngồi thiền là phải im lặng không cho suy nghĩ, mà có được không? Như vậy mình không làm chủ được vọng tưởng, nó muốn nghĩ gì thì nghĩ. Thường ngày sáu căn chạy theo sáu trần bên ngoài, phân biệt tướng tượng đủ thứ. Chạy ra ngoài thì quên mất mình, càng đuổi theo chừng nào càng quên mình chừng đó.

Chúng ta sanh ra trên cõi đời này, con người và sự vật cái nào quan trọng? Con người là gốc sắp đặt sự vật, rồi tìm hiểu sự vật. Không biết mình mà chỉ biết vật thì không đúng, đó là quên gốc chạy theo ngọn. Dù cho bên ngoài mình biết trăm ngàn thứ mà không biết mình thì vô nghĩa.

Thí dụ có một người rất thông minh, hỏi chuyện Tây Tàu gì cũng biết rành rẽ nhưng hỏi “Thưa ông, nhà ông còn gạo hay hết?” nói “không biết” thì ông

đó có thực tế không? Cái biết cần thiết là biết trong cuộc sống của mình sau đó mới biết bên ngoài, mới là biết đúng lẽ thật. Chỉ biết bên ngoài mà không biết mình, đó là quên mình, vong bản mất gốc. Nếu quen đuối theo bên ngoài suốt đời, lúc nhắm mắt theo cảnh chi phối, đó là nhân của luân hồi.

Phật dạy, muốn giải thoát sanh tử thì phải quay lại biết mình, từ chuyên môn gọi là “phản quan tự kỷ”. Phản quan là nhìn lại chính mình, xem mình là cái gì rồi mới biết bên ngoài. Nếu sáu căn chạy theo sáu trần là mê, biết quay lại quán chiếu nơi mình thì tỉnh. Tỉnh là giác. Cho nên các vị thiền sư thường nói ngồi thiền được một giờ là làm Phật một giờ, ngồi hai giờ là làm Phật hai giờ. Phản tỉnh là giác, không còn mê. Giác nên mới thấy vọng tưởng dấy lên; khi mê thì không thấy vọng tưởng, cứ chạy chỗ này chỗ kia, không biết gì về mình, chỉ biết những cái phụ bên ngoài. Quay lại tìm nơi mình là giác. Như vậy, ngồi thiền là ngồi làm Phật, ngồi một giờ là giác một giờ.

Khi ta thấy vọng tưởng, cái thấy không phải vọng tưởng, tuy chưa dẹp vọng tưởng được nhưng mình đang giác, đang giác là đang làm Phật. Chúng ta muốn phản quan nên không cho sáu căn đuối theo sáu trần. Mượn hơi thở vô ra, quán sát hơi thở không chạy ra ngoài, đó là phản quan. Chính khi thấy hơi thở rồi mới thấy được vọng tưởng của mình lảng xãng, đó là giác.

Khi giác được rồi có hai lợi ích lớn: Thứ nhất, biết vọng tưởng thì cái bị mình biết không phải mình, cái hay thấy biết vọng tưởng chính là mình. Như tôi ngồi trong nhà này, có khách tới tôi biết là đang ồn, lúc khách về tôi biết là không có khách. Khi ngồi thiền có vọng tưởng biết là hư giả, duyên hợp không thật, chỉ là bóng, mình thấy được nó thì cái thấy của mình hiện tiền. Như thế mới ngộ ra cái gì là thật mình, cái gì không thật mình.

Thứ hai, nương hơi thở vô ra, biết thân này sống nhờ hơi thở. Thấy mạng người trong hơi thở là đã giác rồi. Mạng người đã sống trong hơi thở thì làm sao nghĩ thân này là thật, mạng sống lâu dài? Không nghĩ thân là thật thì dùng thứ gì bồi đắp cho thân, không quan trọng. Nhờ giác chúng ta phá được tham, phá được si. Ai có mắng chửi thì quán “mạng người trong hơi thở, hơn thua nhau làm chi?” Đó là bớt được sân.

Nhờ tu thiền mới thấy được lẽ thật. Tuy chúng ta chưa giác ngộ gì nhiều nhưng đang giác, không phải mê. Chỉ có ngồi yên lại mới thấy. Như vậy ý nghĩa ngồi thiền là để soi sáng lại bản thân mình, thấy rõ thân tạm bợ, do duyên hơi thở mà còn, ngưng hơi thở là chết, không lâu dài. Cho nên phá được tham sân.

Thấy được những niệm khởi hư dối không thật, không phải mình, mới dẹp được cái chấp ngã về tâm. Thấy thân vô thường tạm bợ là phá được chấp ngã về thân. Phá được chấp ngã về thân và tâm rồi, đó là nhân giải thoát Niết-bàn.

Như vậy gốc tu rất đơn giản, không phải chuyện xa xôi. Bởi vì lâu nay mình cứ tìm ở đâu đâu, cứ nghĩ giác ngộ là bừng sáng hào quang, không nghĩ là mình đang giác. Tu thiền là tìm ra lẽ thật ở ngay nơi mình. Có hiểu biết chân thật rồi, khi những hư dối của thân tâm lặng hết, con người thật hiện ra. Đó là bản lai diện mục muôn đời không sanh không già không bệnh không chết, là Niết-bàn giải thoát sanh tử.

Sự tu của chúng ta có giá trị vượt hết hơn tất cả việc thế gian. Dù là tổng thống hay thủ tướng cũng phải bị sanh già bệnh chết, chỉ có người biết tu là thoát khỏi sanh tử, cao hơn tất cả. Đây là điều rất quý, gọi là người thoát tục. Người trần tục chỉ biết trong phạm vi của thân, của suy nghĩ nội tâm, không biết được lẽ thật, thoát ra khỏi thân tâm hư ảo.

Muốn đi tới giác ngộ phải tu. Có tu mới khai mở trí tuệ từ từ. Quán hơi thở ra vô, thấy mạng người trong hơi thở, đó là mở mắt trí tuệ. Quán thấy tâm niệm lăng xăng, nhưng biết nó không phải mình thì là thánh rồi. Thấy vọng tưởng nhưng không sợ, không cố đè nén, chỉ biết thôi. Lục Tổ nói “không sợ vọng khởi, chỉ sợ giác chậm”. Vọng khởi mà chạy theo không biết, đó là mê. Nó khởi mà biết không theo là đủ rồi, hết sức đơn giản. Ý nghĩa tu rất thâm trầm. Như vậy mới đi đến giải thoát.

Một số Phật tử có những đòi hỏi không đúng đạo lý như: đòi phải coi ngày giờ tân liệm, ngày giờ chôn cất, ngày giờ định vợ gả chồng cho con cái, ngày giờ cất nhà cửa... Phật tử yêu cầu, quý thầy không làm thì họ buồn, đi chỗ khác không tới chùa nữa. Cứ thế mà chiều, thành ra sai lầm.

Quý thầy là người dạy đạo, thấy những điều lệch lạc, sai lầm thì phải nói thẳng: “Đây là điều trong nhà Phật không có, tôi không làm được.” Người tu là người gan dạ, không thể chiều uốn nhân tình mà sống sai đạo lý. Ngày xưa đức Phật còn tại thế, ngài đi khát thực xin ăn từng bữa, không để dành ăn hai ba ngày. Bữa nay trời mưa không đi xin được thì nhịn đói ngồi thiền. Phật chỉ tùy duyên mà sống, không có tâm niệm để dành, không có tâm niệm chứa chất như mình bây giờ. Tâm của Phật chỉ dồn trong việc tu, sáng suốt giác ngộ để cứu chúng sanh.

Chúng ta bây giờ lo xa quá, đủ ăn năm nay là tính năm tới, nhiều khi tính hai ba năm nữa. Bởi lo xa quá nên lo hoài, tới chết cũng lo chưa rồi. Chúng ta phải thấy cái hay của đạo Phật. Chư tăng ngày xưa có những vị đi khát thực không có gì thì nhịn đói, bữa sau đi khát thực nữa, không tìm cái này cái kia nấu nướng riêng tư. Điều này nói lên tinh thần vì đạo, không phải vì cuộc sống của bản thân.

Bây giờ mình đặt cuộc sống vật chất lên trên đạo. Trên chứ không phải bằng. Nếu bằng thì cái gì đúng đạo lý mình làm, không đúng đạo lý mình không

làm. Tăng ni gan dạ thì phải thấy rõ mục đích tu của mình, làm sao cả ngày tâm tĩnh giác, không chạy theo mê làm, dần dần đi tới giác ngộ giải thoát.

Như người đủ ăn đủ mặc, thuốc men đầy đủ, chỗ ở tốt đẹp, sống được bảy chục tuổi nhưng không biết tu. Người thiếu thốn sống chừng bốn mươi tuổi nhưng biết tu. Người vì đạo thà sống bốn mươi tuổi mà biết tu, còn hơn bảy chục tuổi mà thả trôi. Thời gian ít mà tu đúng, tâm được tĩnh giác, ra đi trong tĩnh giác. Ngược lại, muốn sung túc mà chạy theo cái mê thì khi ra đi sẽ rơi vào đường xấu. Đó là chuyện đáng lo sợ.

Tu thiền không phải làm cái gì mới lạ, mà là theo đường lối chư Phật chư tổ đã dạy, nương vào đó quán chiếu để được giác ngộ. Tự giác ngộ rồi mới có thể cứu mình, mới chỉ dạy cho người. Không giác thì không thể cứu mình, làm sao cứu người được?

Tất cả chúng ta tu, ai cũng muốn giác ngộ. Muốn giác ngộ phải có trí tuệ, không phải do lòng tin. Dùng trí tuệ chiếu soi thấy rõ cái hư thực, không lầm lẫn các pháp, không chạy theo hư vọng, ra khỏi vô minh tăm tối thì giác ngộ giải thoát.

Các nhà bác học nghiên cứu vấn đề gì tới chỗ bế tắc, chuyên tâm nghiên cứu ngẫm bắt thần sáng lên, cái đó ai dạy? Họ dồn hết tâm lực thì trí tuệ phát lên. Chúng ta tu thiền thấy từng lẽ thật, giác từng lẽ thật, tới đâu biết tới đó. Khi tâm tư lắng hết, trí tuệ sáng lên thì cũng là mình biết. Sẵn sàng cụ thể không phải xin xỏ, chờ đợi ở đâu. Đó là điều thực tế. Gốc của đạo Phật là tới chỗ giác ngộ, đạt được chân lý, không phải tu một cách mơ hồ. Mình tu cả cuộc đời mà gửi gắm cho cái mơ hồ, thật đáng thương.

Tất cả những bài kinh ngày xưa Phật dạy các thầy Tỳ-kheo, không bài nào Phật không nhắc, các ông phải tự giác, phải đi tới chỗ yên lặng để tham thiền, để được giác ngộ. Chúng ta bây giờ tu, khi có lễ lớn, nào hoa muôn màu, nào kèn nào trống, muốn điếc lỗ tai, làm sao giác? Bao nhiêu là ồn náo làm trở ngại tâm thanh tịnh. Tất cả những gì chúng ta làm hôm nay có còn hợp với đạo không? Vậy mà người ta đua nhau học, đua nhau làm chỉ vì được lợi, không phải vì sự giác ngộ giải thoát.

Thà là không tu, tu rồi phải làm sao để đạt được mục đích của mình. Cả một cuộc đời hy sinh, nhất là mấy chú còn nhỏ, mấy mươi năm ở thế gian, nếu không tu thì cũng hưởng này hưởng nọ với người ta, đi chơi, ca hát tự do, bây giờ bỏ hết tất cả, vô chùa phải có cái gì cao siêu hơn. Không lẽ tu rồi cũng chạy theo đuôi người ta, hưởng những cái thừa của người ta thì vô lý quá. Phải làm cái gì cao siêu hơn thế gian mới đáng hy sinh cả cuộc đời mình.

Chủ trương của tôi là tăng ni phải làm sao đúng giá trị là Tăng bảo, là quý báu cao siêu hơn đời. Phải nghĩ, cả cuộc đời tu là phải làm cái gì siêu thoát,

không phải tầm thường. Nếu đi theo cái tầm thường thì để tóc còn hơn. Thà không tu, sống như người đời còn có lợi, ở trong đạo mà không có tâm đạo, chỉ có hình thức thì lỗ cả đời lỗ cả đạo, không cái nào ra cái nào. Được làm người không phải dễ, được làm người mà đi tu càng khó hơn. Phải làm sao chính trong cái khó đó, đi cho đến nơi đến chốn, đạt được kết quả như Phật như Tổ mới gọi là biết tu.

Người tu có hai phần, phần thứ nhất là làm chủ thể xác, phần thứ hai là làm chủ tinh thần. Muốn tự do thì trước phải làm chủ. Nghĩ rằng mai kia tới giờ ra đi, cả thân mình đau nhức không thể tưởng tượng. Lúc đó nếu gan dạ thắng được nó, kìm chế được nó thì tâm còn tỉnh. Nếu biếng nhác thì mê thẳng luôn. Vì vậy, muốn ngày mai mình làm chủ được thân này thì bây giờ phải tập làm chủ. Ngồi thiền chịu đau đừng nghĩ là vô ích. Đau người ta chịu không nổi mà mình can đảm chịu được là đã thắng nó rồi. Trong những giờ phút đau đớn nhức nhối, mình vẫn thắng nó, làm chủ được, chấp nhận cho mày chết. Lúc đó tâm hơi loạn nhưng ý chí thắng được cái đau của thân. Bây giờ còn khỏe thắng được những cái đau nhức đó, dần dần đến chừng gần nhắm mắt có đau nhức tới mình cũng cười với nó, không có gì quan trọng, vì đã từng thắng nó rồi.

Chúng ta thường lệ thuộc thân. Lưỡi thèm cái này cái kia là chạy đi tìm, mắt thích cái này cái kia cũng chạy đi tìm, lỗ tai thích nghe cái gì hay hay cũng chạy đi tìm. Nó đòi cái gì mình chạy theo cái nấy. Bây giờ thân đau đòi nghỉ mà mình không nghỉ là đã thắng được nó. Toàn thân thắng được thì các cơ quan khác cũng thắng được. Như quen tới giờ đó nghe nhạc, nhưng tới giờ đó nói “Không cần, không cho mày nghe” là đã thắng rồi. Nhờ làm chủ được nó nên thắng những cái nó đòi hỏi. Nếu không thắng được, nó đòi cái gì mình theo cái nấy thì mình là kẻ lệ thuộc. Tập làm chủ được là tốt.

Đó là nói làm chủ thân, làm chủ tâm cũng vậy. Niệm khởi thấy đó không thèm theo, cười với nó, cười ngạo nghễ chứ không phải sợ: “Cho mày chạy, thấy mày rồi.” Thấy không theo là đủ, không có gì sợ. Đừng nói, sao ngồi cứ vọng tưởng hoài! Nên biết rằng, thấy vọng tưởng đầy đủ, biết mặt từng chú hết là mình đã thắng rồi. Biết nó là thắng nó. Như một người khá giả, có người tìm tới nhìn bà con, họ học chút ít lai lịch kể nghe cũng được được. Người này hảo tâm, thôi thì bà con cũng đem về nuôi rồi cho ở trong nhà. Sau một thời gian người đó biết được vật dụng tiền của trong nhà, cái gì quý lén lén lấy đi. Chủ nhà bị mất hoài mà không biết ai, vì nghĩ đây là người thân của mình nên không nghi ngờ. Nhiều lần như vậy thì sự tình, không biết người này phải thân thật không. Theo dõi một thời gian thì biết người này chính là kẻ ăn cắp, nhưng đã cho vô nhà rồi không thể đuổi ra được, chỉ khi có đủ bằng cứ mới đuổi đi được.

Cũng vậy, từ nào tới giờ mình cho niệm khởi là tâm mình, thân với nó. Bây giờ ngồi lại, khi nó nổi lên biết không phải là mình. Biết nó không phải là

mình thì khi nó rủ làm gì, mình không theo, đó là đã thắng rồi. Khi biết nó không phải là mình thì tất cả tai họa do nó đem đến không còn nữa. Tuy nhiên nó vẫn còn ở trong đó, lâu ngày đủ điều kiện tổng nó ra thì mới khỏe. Có ngày cũng tổng nó ra, không sao hết. Đừng sợ khi nó còn ở trong nhà, cứ biết theo dõi nó thì nó không ăn cắp đồ của mình được.

Những điều quan trọng trong khi tu, tôi nói cho tất cả biết để cố gắng.

BỆNH CỦA NGƯỜI TU THIỀN

Tôi tu thiền cay đắng hơn ai hết, không có đến một người bạn, chứ đừng nói là thầy. Một mình phải mò tìm trong kinh sách, đang tu cách này gặp trở ngại phải đổi cách khác. Cứ như vậy đổi thay nhiều lần. Cho nên, thời gian của tôi uổng phí rất nhiều. Hôm nay tôi sẽ nói về những bệnh thường gặp của người tu thiền cho huynh đệ rõ, để khi gặp thì biết mà sửa.

Trước hết là thiền ngoại đạo, tức là ngoài tâm cầu đạo. Như thiền xuất hồn là ngồi thiền để mở khiếu huyết trên đầu, cho thần hồn phóng ra ngoài đi cầu đạo nơi này nơi kia. Ngồi thiền đắp mền, nhét tay vô lỗ tai cho cứng, để nghe chư thiên nói chuyện, cũng không có trong đạo Phật. Ngồi tu để cầu bè trên về dựa, đi cứu nhân độ thế, hay ngồi thiền cầu được thần thông... Tất cả các lối thiền ấy đều không phải thiền của đạo Phật.

Pháp thiền mà chúng ta đang tu, nếu không khéo ứng dụng cũng có thể thành bệnh. Thí như người ngồi thiền sợ vọng tưởng, trụ tâm trên đầu cho yên, lâu ngày sẽ bị nhức đầu. Hoặc sợ vọng tưởng mà cố gắng đè cho vọng tưởng đừng lên, đè lâu dần thì bị tức ngực. Hoặc có người nhập thất, cố gắng quá mức nên mất ngủ. Mất ngủ chừng năm bảy đêm là muốn điên. Cho nên, tu pháp thiền của Phật mà dụng công sai thì cũng thành bệnh, thành điên. Rất nguy hiểm.

Muốn tu thiền miên mật thì cách hay nhất là vọng dấy lên liền buông. Buông xuống thì không trụ ở trên đầu, không trụ ở ngực, chỉ nhớ buông thôi. Buông được thì không bệnh, không mất ngủ. Cho nên khi tu, thấy có những triệu chứng hơi nguy hiểm thì chúng ta phải bỏ cách đó, đổi sang cách khác, chứ giữ hoài sẽ sanh bệnh. Thành ra vị nào nếu nhập thất mất ngủ chừng hai ba đêm, thưa trình cho tôi biết, tôi dạy sửa lối tu thì hết mất ngủ, đâu có gì khó.

Có hai cách sửa: Một là niệm dấy lên liền buông. Hai là nếu trụ tâm ở đầu, nghe nhức đầu quá thì trụ tâm dưới rốn hoặc đờn điền. Khi hít thở, chú ý dưới rốn và đờn điền, không chú ý trên đầu nữa. Chú ý một thời gian thì nguội lại thôi. Thành ra việc điều chỉnh không khó, nhưng không biết thì rất lúng túng.

Tu không điên, điên tại vì mình tu sai. Đó là điều tôi muốn nhắc cho tất cả quý vị biết. Nhất là những huynh đệ lớn, có trách nhiệm thì phải biết rành rẽ những điều này, để khi gặp trường hợp như vậy thì chỉ cho người khác sửa lại.

Con đường tu đơn giản nhưng cũng rất phiền toái. Người đi từ đầu tới cuối phải trải qua nhiều giai đoạn. Trên bước đường đó, chúng ta phải biết, phải hiểu để ứng dụng tu cho đến nơi đến chốn. Tu không sai lầm thì chắc chắn có

kết quả không nghi ngờ. Nếu cố chấp giữ thái độ sai lầm thì không bao giờ tu tới nơi được.

Việc tu không phải một sớm một chiều, mà trải qua cả đời. Nếu cả đời đi sai thì uổng phí một đời, đáng tiếc lắm. Cho nên chúng ta phải khéo tu. Đó là kinh nghiệm mà tôi đã trải qua, nay nhắc cho toàn chúng biết. Để rồi từ đây về sau, người nào đã quyết tâm bỏ cha mẹ đi tu thì cố gắng tu cho đúng, đừng tu tính thời gian như người đi làm lấy tiền. Đã tu thì phải thật tu. Những điều Phật tổ dạy phải thực hành cho đúng. Được vậy thì đường tu mới có kết quả như sở nguyện của mình.

Mong toàn chúng biết, nhớ và ứng dụng tu.

BỐN LOẠI MA KHI NGỒI THIỀN

Khi ngồi thiền, chúng ta thường bị bốn thứ ma quấy nhiễu, đó là ma hôn trầm, ma loạn tưởng, ma giải đãi, ma đau nhức. Bốn loại ma này ám ảnh, phá phách khiến sự tu hành không đến nơi đến chốn. Vì vậy hôm nay tôi nhắc đề quý vị biết mà điều trị, không cho nó quấy rầy mình.

1- Ma hôn trầm

Trước hết là ma hôn trầm. Ngồi một lát, gục lên gục xuống, gục tới gục lui gọi là hôn trầm. Vị nào tinh thần hơi yếu thì dễ bị hôn trầm lắm. Ma hôn trầm nhập rồi thì sự tu mờ mờ mịt mịt, không tiến được.

Người tu thiền đòi hỏi hai điều kiện, một là phải tỉnh, hai là phải lặng. Thế mà ma hôn trầm phá hoại sức tỉnh sáng, ma loạn tưởng phá hoại sự yên lặng. Tỉnh lặng là gốc, là điều kiện không thể thiếu của người tu thiền, nhưng chúng ta bị hai thứ ma đó phá rối hoại, không sao tỉnh lặng được. Lại thêm ma giải đãi, ma đau nhức. Mỗi khi tới giờ ngồi thiền, huynh đệ nhắc đi ngồi thiền thì nói: “Tôi đau lưng quá, ngồi không nổi!” Lấy có đau để không đi ngồi thiền, đó là bị ma đau nhức quấy rầy.

Khi ngồi thiền, chúng ta gặp chướng ngại nhiều nhất là ma hôn trầm. Ngồi yên một chút, tương đối ít vọng tưởng thì hôn trầm nhập. Hơi nhắm mắt lại, rồi cái đầu gật lên gật xuống. Giám thiền nhìn thấy những hiện tượng đó thật là đáng buồn. Bởi vì ngồi thiền để tỉnh mà lặng, hay nói ngược lại là lặng mà tỉnh. Nhưng ngồi lơ mơ thì đâu còn tỉnh nữa. Mất cái tỉnh rồi thì chỉ còn lặng trong ngủ mà thôi, chứ không lặng trong sáng suốt. Do vậy, khi chuẩn bị ngồi thiền, chúng ta phải có ý chí thật cứng cỏi. Một là nhất định phải tỉnh phải sáng, không cho ngủ gà ngủ gật. Hai là phải luôn luôn làm chủ lấy mình, không để thân đau nhức làm khó chịu, không cho tâm lăng xăng lồi cuồn phiền não. Tu là giữ vững lập trường, không thể lồi thôi mà được. Lập trường của mình là phải tỉnh, tỉnh mới lặng, lặng mới định. Định là do tâm yên lặng, từ đó đi đến giác ngộ.

Mục tiêu của người tu thiền là yên định để phát sinh trí tuệ, được giác ngộ. Nếu tu thiền mà tâm không yên định thì làm sao có trí tuệ? Trong nhà thiền thường dùng từ “định tuệ”, có định mới phát sinh trí tuệ, không định thì không có trí tuệ. Cho nên đòi hỏi người bước vào cửa thiền phải đi từ tâm an định đến trí tuệ sáng suốt, chứ không phải nghĩ nhớ kinh điển trong lúc ngồi thiền.

Khi ngồi thiền, vừa thấy mình có vẻ hơi mơ mơ thì phải mở mắt thật to, nhìn thẳng tới trước. Đồng thời giữ tâm bình tĩnh, sáng suốt, biết rành rõ mình đang ngồi thiền. Không nên để tâm mơ màng. Buồn ngủ cộng với tâm mơ màng vô ký rất dễ dẫn đến hôn trầm. Ngồi thiền nhớ chuyện này nghĩ chuyện

kia có ngủ được không? Không. Chỉ khi mơ mơ mới ngủ. Cho nên hành giả thấy có vẻ hơi mơ mơ thì mở mắt sáng ra, đồng thời chú tâm vào đề mục mình đang quán chiếu. Thí dụ như chú tâm vào câu “loạn tưởng là bệnh”, hay “tâm phải yên lặng”. Lấy đề mục đó để tự nhắc mình. Nhắc tới nhắc lui một hồi thì cơn buồn ngủ qua đi. Lúc buồn ngủ phải khởi quán, không nên để yên mơ mơ như vậy, dễ gục lắm.

Bây giờ tôi hỏi chư tăng:

- Trong đây, ai là người ngủ gục số một, đưa tay cho tôi xem.

Có một chú đưa tay rất cao. Tôi hỏi tiếp:

- Vậy năm nay chú bao nhiêu tuổi rồi?

Thưa: - Dạ, con hai mươi tuổi.

- Ngồi chừng bao lâu chú mới ngủ gục?

- Dạ, chừng nửa tiếng trở lên.

- Nửa tiếng trở lên là ngủ gục, rồi từ đó về sau gục liên miên hay là gục một lát rồi tỉnh?

- Dạ thưa, có lúc con ngồi hai tiếng không ngủ, có lúc ngồi nửa tiếng là buồn ngủ.

Thật ra lúc tỉnh táo không buồn ngủ, nhưng lúc mơ màng thì dễ buồn ngủ lắm. Bởi vậy nhà thiền dạy chúng ta, trước khi tọa thiền phải rửa mặt cho kỹ, rồi chà hai tay cho thật ấm xoa lên mắt để hoàn toàn tỉnh, mới lên ngồi thiền. Nhiều khi nghe keng thức chúng mà mình ngủ say quá, huynh đệ bên cạnh vỗ vai kêu dậy. Quý vị giật mình dậy, rửa mặt sơ sơ rồi lên ngồi thiền. Ngồi một hồi là gục ngay. Cho nên nhớ, lỡ ngủ dậy trễ cũng phải thực hiện đầy đủ các việc cho thật tỉnh thì ngồi thiền mới ít gục.

Tôi hỏi tiếp: - Khi gục chú thường thấy cái gì?

Thưa: - Dạ, lúc ngủ thì không biết gì hết.

Ngủ đến không biết gì hết, chứ không phải mộng thấy cái này cái kia. Đây không phải là bệnh của riêng một hai cá nhân, mà rất nhiều người mắc phải, nhất là những vị còn trẻ. Như vậy khi ngồi thiền, ma ngủ gục tới phải làm sao đối trị? Quý vị nhớ trước khi ngồi thiền, chúng ta phải tỉnh táo sáng suốt. Buổi khuya, dậy sớm chừng mười lăm phút, vệ sinh cá nhân xong rồi đi tới đi lui, nhìn trời nhìn mây cho thông thả. Đừng vội vàng quá. Vừa rửa mặt xong là xách bồ đoàn chạy lên thiền đường, lúc đó cái ngủ vẫn còn ngằm bên trong, ngồi một chút liền ngủ trở lại. Cho nên, phải thông thả để phá tan cái si mê đó. Điều này rất cần thiết đối với hành giả tu thiền.

Bây giờ tôi hỏi bên ni:

- Có ai ngồi thiền ngủ gục không?
- Dạ có.
- Năm nay con bao nhiêu tuổi?
- Dạ, hai mươi hai tuổi.
- Một buổi ngồi thiền gục chừng bao nhiêu lần?
- Dạ, con không nhớ.
- Không nhớ tức là nhiều quá tính không hết.

Mục đích của việc ngồi thiền là cốt định tâm, tỉnh sáng. Tâm an định thì trí tuệ tỉnh sáng. Nếu ngồi thiền mà tâm mờ mờ thì tỉnh được không? Nhất là đầu hôm, quý vị vừa bàn luận việc gì với huynh đệ, chưa giải quyết xong đã tới giờ ngồi thiền. Vậy ngồi thiền sẽ yên hay là nhớ việc lúc nãy mình bàn luận? Lý thế này, lẽ thế kia, suy tính giải quyết thế nào cho hay cho đúng. Thành ra ngồi thiền mà cứ nghĩ hoài. Đó cũng là bệnh.

Chúng ta phải nhớ ngồi thiền là định tâm, ngồi thiền là trí tuệ sáng suốt. Nếu tâm không định thì dù ngồi bao lâu đi nữa, cũng là ngồi trả nợ, ngồi lấy có mà thôi, không kết quả gì. Trước khi ngồi thiền, phải buông bỏ hết mọi việc đã xảy ra, không nhớ tưởng, níu kéo trở lại. Khi ấy khả dĩ ngồi yên, chứ còn ngồi thiền mà nhớ chuyện này chuyện kia thì không thể yên.

Giờ ngồi thiền là thời gian cao cả, quý báu hơn hết, chớ nên xem thường. Tôi thấy nhiều huynh đệ cứ lo chuyện này chuyện nọ, tới giờ ngồi thiền, keng đánh beng beng mà vẫn chưa mặc áo, chưa xách bồ đoàn lên thiền đường. Đó là thể hiện tinh thần không xem trọng việc ngồi thiền. Nếu hai giờ ba mươi phút ngồi thiền thì hai giờ mười lăm phút chúng ta phải dừng hết mọi công tác, không làm không tính toán gì cả. Có mười lăm phút để rửa mặt, nghỉ ngơi trước khi ngồi thiền. Nếu không như vậy sẽ trở ngại sự tu, ngồi mà tâm không sao an được.

Chư ni làm bếp hay mắc lỗi này, làm việc lằng xằng rồi chạy lên tọa thiền. Ngồi nhớ món này làm chưa xong, món kia nấu chưa chín. Điều đó cũng làm phí thời gian của mình. Cho nên quý vị phải dứt khoát. Trước giờ ngồi thiền khoảng mười lăm phút, chúng ta phải yên. Mọi việc sắp đặt xong xuôi, ngồi thiền tỉnh táo yên lặng thì sự tu mới có giá trị. Nếu không sắp đặt đúng giờ giấc thì việc tu chưa tốt.

Muốn ngồi thiền không hôn trầm thì phải rửa mặt cho tỉnh táo đàng hoàng. Khi ngồi đừng ngó xuống hay mở mắt nhỏ sẽ dễ buồn ngủ. Ban đầu nên mở mắt vừa phải để tỉnh, chừng nào tỉnh hẳn rồi mới khép mắt lại một chút. Đồng

thời mở mắt nhìn cách xa chỗ mình ngồi khoảng tám tấc. Nhìn thẳng vào một mục tiêu trước mắt. Nếu chúng ngồi thiền đông, không thể nhìn được xa thì nhìn gần. Không nên nhắm mắt hay mở mắt quá nhỏ.

Đại chúng bây giờ ngồi thiền khít nhau quá, không cách xa được một thước, người này ngồi nhìn người kia, như vậy rất dễ động tâm. Thấy người ta cục cựa nhúc nhích gì, mình cũng theo dõi hết, thành ra loạn nhiều hơn yên. Cho nên phải sắp trật tự, có thứ lớp. Phần của ai thì người đó chỉ thấy, nhìn trong phạm vi của mình. Đừng để người này nhìn thấy người kia. Nhất là những người ngồi ở đằng sau, thấy người ngồi ở trước gục thì cười. Một người gục, một người loạn tưởng, cả hai người đều bất lợi. Cho nên quý vị có trách nhiệm phải khéo sắp đặt. Nếu thiền đường không được rộng rãi thì sắp thế nào cho vừa phải, đừng quá khít khao. Vì khít sẽ ảnh hưởng không tốt cho đại chúng.

Giả sử người ngồi trước mệt nhọc quá ngủ gục, người ngồi sau đừng nhìn thấy. Nếu nhìn thấy sẽ theo dõi hoài, xem thử vị đó gục nữa không? Rồi cuộc chỉ lo chuyện của người khác, không lo chuyện của mình. Như vậy thì rất dở. Vậy nên phải phân chia rõ ràng, đừng để người này ảnh hưởng người khác, làm mất thời gian tu hành của cả hai bên. Đó là vấn đề thiết yếu trong sự tu, mong tăng ni phải thấu hiểu thật kỹ.

Tóm lại, khi ngồi thiền có vẻ mơ màng thì ngồi thẳng người lên, mở mắt thật to thật sáng, nhìn về phía trước một hồi thì cái mơ màng tan đi. Nếu nuôi dưỡng nó suốt buổi ngồi thiền chỉ có ngủ thôi. Giám thiền thấy huynh đệ gục tới gục lui thì phải chỉnh đốn, dùng thiền bảng đánh thức. Thấy người ta ngủ mình cười hoài, không giúp thức tỉnh thì tội nghiệp cho họ, mà chính mình cũng không có lợi ích. Tu mà nuôi dưỡng ngủ gục là đi vào địa ngục tối tăm.

Tu là tỉnh giác không mê lầm. Người nào lỡ mê thì ráng tỉnh, đừng nuôi dưỡng cái mê nữa. Chúng ta tu cho mình, dù thầy nhắc nhở, rầy rà cũng là vì mình. Thầy thương, muốn cho đời tu của mình không bị uổng phí, nên nhắc nhở, thúc đẩy mình cố gắng tu. Quý vị ngồi thiền được hai tiếng tỉnh táo, sáng suốt thì ai nhờ? Thầy có nhờ chút nào không? Đó là quý vị được tiến, được sáng suốt thêm, chứ thầy đâu có phần trong đó.

Cho nên, quý vị phải nỗ lực cố gắng, không nên ỷ lại, cũng không nên phiền hà “Sao bị rầy hoài!” Hoặc ngủ gục bị người ta gõ hai ba cái là buồn giận. Người gõ cho mình tỉnh trong lúc ngủ gục là ân nhân, vậy mà nhiều khi ân trở thành oán. Có người muốn phát quạu nữa chứ. Đó là cái dở, quý vị nào mắc phải bệnh này thì cố gắng vượt qua, vươn lên đồng với huynh đệ, không chậm trễ. Chúng ta cùng tu cùng học thì phải cùng tiến như nhau. Đừng để người ta tiến tới, mình lùi lại thì uổng phí cả một đời.

2- Ma tán loạn

Thứ hai là ma tán loạn. Tán loạn là trong tâm loạn động. Khi ngồi thiền, vọng tưởng nhiều phải làm sao? Vọng tưởng là bệnh nan y, chứ không đơn giản. Thiền là định, mà vọng tưởng thì mất định. Ngồi thiền không định, chỉ là ngồi chơi vô ích. Cho nên đã thiền thì phải định. Muốn định, phải hạn chế vọng tưởng, chú tâm vào một chỗ. Có người trụ tâm ở rốn thì chỉ nhớ ngay cái rốn của mình. Cột tâm một chỗ thì bớt loạn tưởng, nếu không sẽ dễ loạn tưởng lắm. Chúng ta tu là cột định tâm cho trí tuệ sáng. Trong nhà Phật thường nói có định thì sanh tuệ, nếu tâm không định thì tuệ cũng không có. Vì vậy, hành giả giữ đừng bị hôn trầm, loạn tưởng thì sự tu mới tinh sáng. Đã quyết tâm tu thì phải mạnh mẽ can đảm lên.

Quý vị đừng xem thường giờ ngồi thiền. Giờ ngồi thiền là giờ trọng đại nhất của mình. Mình tu để tâm an định, trí tuệ sáng suốt, chứ không phải tu để trả nợ cho thầy. Đa số người bị thầy bắt ngồi thì lên ngồi, đó là không có ý chí quyết tu, cũng thiếu tâm minh mẫn để giải quyết những trở ngại nhỏ trong nội tâm mình. Chúng ta tu phải có thái độ dứt khoát rõ ràng. Giờ tu là giờ cao quý nhất, phải kính cẩn thực hành, chứ không do bất buộc.

Mục tiêu của người tu Phật là giác ngộ, vậy giác ngộ điều gì trước nhất? Giác ngộ về thân và tâm. Thân không thật. Tâm là vọng tưởng duyên theo bóng dáng của sáu trần, cũng không thật. Trong sự tu hành có nhiều vấn đề rất tế nhị, nếu không khéo sẽ không nhận ra. Thân không thật thì ngồi thiền hai tiếng đau chân có quan trọng không? Vậy mà đau chân quá chịu không nổi. Mình đã xem thân không thật thì có gì mà nổi hay không nổi. Người ta ngồi được, mình ngồi được. Sở dĩ ngồi không được là vì thấy thân thật, thân quan trọng.

Chúng ta phải biết rõ thân không thật, chỉ mượn nó làm con thuyền đưa mình qua bờ giải thoát. Không nên nuôi dưỡng, cưng chiều thân để tiếp tục bị trầm luân trong luân hồi sanh tử. Chúng ta tu muốn thoát ly sanh tử, không còn bị trầm luân kiếp này sang kiếp khác nữa. Vậy thì đối với thân, phải có cái nhìn chính xác. Thân là tạm bợ hư dối, không có gì quý tiếc.

Nhiều người thấy thân không có gì quý nên xuất gia. Xuất gia rồi tự dung thấy nó quý, đó là lỗi lầm lớn. Chúng ta biết thân này không quý trọng, nên mới đi tu. Vậy thì khi đi tu, cố gắng lèo lái con thuyền giả tạm này mau đến bến giác, không nên quý tiếc đeo mang mãi. Người qua sông rồi, quý tiếc chiếc thuyền quá, đeo mang hoài thì không thể lên bờ được. Chúng ta phải thấy thân này tạm bợ, mượn nó để giải thoát sanh tử, không nên đeo đẳng những thứ dẫn mình tiếp tục sanh tử. Hiểu như vậy thì sự tu mới tiến, bằng không sẽ chìm mãi, không biết chừng nào mới ra khỏi sanh tử.

Bước thứ nhất của việc tu là phải thắng bệnh hôn trầm, không cho nó làm mình mơ màng, mù quáng. Cố gắng vượt qua, tinh táo sáng suốt. Kế đến là ma

tán loạn, tức là nhớ việc này việc kia, chuyện nằm trên nằm dưới. Bây giờ đặt câu hỏi: “Tất cả cái nhớ đó có lợi ích gì?” Chỉ là điên đảo thôi, không có lợi ích gì hết. Cho nên mỗi khi tâm duyên theo chuyện này chuyện nọ lãng xăng thì chỉ cần biết nó hư dối, bỏ đi. Nhắc hoài lần lần sẽ giảm tán loạn. Nếu cứ để nó dẫn đi thì giờ ngồi thiền chỉ là giờ vọng tưởng, rốt cuộc vẫn lẫn lộn trong sanh tử, không có gì vượt thoát.

Khi ngồi thiền, vừa nghĩ tới việc này việc nọ thì chúng ta phải cương quyết: Tất cả cái đó là hư dối, bỏ đi, không nghĩ tới nữa. Nhắc rầy hoài lần lần nó sẽ giảm. Nếu chạy theo nó hoài thì giờ tu của mình chỉ phí công vô ích, không có kết quả gì. Bây giờ, quý vị tập từ từ năm phút không nghĩ gì hết. Được năm phút, dần dần lên sáu, bảy phút. Trong một buổi ngồi thiền hai tiếng đồng hồ, nếu chỉ được yên năm mười phút thì chưa xứng đáng, vì chưa được phân nửa thời gian. Nhưng có được mấy phút yên, rồi bị vọng dẫn đi một chút, dừng lại, yên thêm một ít phút nữa. Cộng lại chừng ấy thời giờ cũng được kha khá. Tuy chưa đi một mạch, nhưng vẫn có tiến. Người tu phải tiến, không có quyền dừng. Tất cả chúng ta không ai biết mình khi nào chết. Thường người ta nói già mới chết, nhưng trên thực tế già hay trẻ cũng có thể chết bất cứ lúc nào. Vô thường luôn chực sẵn nơi mình. Đừng tưởng còn sống mấy chục năm nữa, bây giờ cứ thong thả, đâu có gì gấp. Nghĩ như vậy thì coi chừng đời tu hồng mất. Phải biết cái chết không đợi chờ ai, nó đến rồi thì trở tay không kịp. Vì vậy còn giờ phút nào thì ráng tu giờ phút ấy, không chờ đợi.

Nhất là quý vị còn trẻ cứ tưởng mình sống lâu, thành ra vừa tu vừa chơi, phí phạm thời gian quý báu. Lúc trẻ không cố gắng, tới chừng già cố gắng sao nổi! Ngay bây giờ, chúng ta phải nỗ lực tu, đừng nên chần chờ. Chần chờ là thái độ không tốt. Cố gắng tu dù không có ai thúc đẩy bắt buộc, vì đó là bản phận của mình. Trong chúng có những người hay nói chuyện thiên hạ, phê bình người này, phán xét người kia. Đó là giỏi hay dở? Dở. Người thật tu thì không có thời giờ rảnh để nhìn, xét chuyện của người ta. Vì lo chuyện của mình chưa rồi, công đâu lo chuyện của người. Nếu cứ phán xét chuyện người thì có nhớ việc của mình không? Việc của mình, mình không làm đi phán xét việc người thì chẳng những vô ích mà còn bị người ta ghét.

Tôi khuyên tất cả quý vị cố gắng tinh tấn tu. Việc của người khác để dành cho Ban chức sự quản lý, xem xét nhắc nhở. Quý vị là một người chúng, lo bản phận của mình cho tròn. Đừng bàn tán huynh này nghèo, huynh kia khá, huynh này đi chơi nhiều, huynh kia đi chơi ít... Chuyện đó của người ta, đâu phải chuyện của mình. Chuyện của mình là cố gắng tu. Tu ngày nào xứng đáng ngày ấy, không thể lười thôi. Như vậy thì sự tu hành mới có giá trị.

3- Bản phận người tu

Người tu phải tiếc từng giờ từng phút, không nên phí phạm. Chúng ta bây giờ phí phạm thời gian quá nhiều. Mấy vị mới vào thiền viện, một ngày tu được bao nhiêu giờ? Dù người nhỏ hay người lớn đều phải tu, đây là bổn phận không thể thiếu. Ngoài thời khóa ngồi thiền sám hối, cũng phải tu. Nếu tới giờ mới tu, ngoài ra tha hồ buông lung thì không được. Có người lâu lâu nhớ một hai bài ca thể gian, rồi hát thăm thăm. Ca hát ngheu ngao là thói quen của người thể gian. Tu hạnh xuất thế thì phải bỏ chuyện thể gian, đừng ca hát ngheu ngao mà người ta cười. Đó là không đúng bổn phận của mình. Chuyện của mình là hàng ngày phải tu. Thế mà nhiều người không làm tròn bổn phận, chỉ lo chuyện thiên hạ, đó là không đúng. Thời gian của tăng ni lúc nào cũng là thời gian tu, nhất là ở thiền viện Trúc Lâm. Quý vị không tiếp khách, thì đâu có ai nói chuyện bên ngoài với mình. Từ sớm tới chiều, ngoài công tác do Tri sự giao mình phải làm tròn, thời gian còn lại xem kinh, ngồi thiền, sám hối. Cố gắng tu, đừng để một ngày trôi qua vô ích.

Đi tu là hy sinh một cuộc đời để lợi ích cho mình và người, chứ không phải làm chuyện vô ích. Chúng ta bỏ cha mẹ, anh em, thân quyến vào chùa tu để được giác ngộ, giải thoát sanh tử. Mình giác ngộ thì mới có thể cứu giúp thân quyến cùng giác ngộ. Nếu tu mà u mê, không được gì hết thì uổng công cha mẹ nuôi dưỡng, phí tổn sự cúng dường của đàn-na thí chủ.

Người đi tu là người con hiếu thảo nhất. Tại sao không nuôi cha mẹ mà hiếu thảo nhất? Bởi vì cha mẹ bận bịu nhiều việc thế gian, không tu hành được. Cha mẹ lo cho con cái bao nhiêu năm tháng, lo hoài vẫn chưa rồi, làm sao tu? Bây giờ có một đứa con đi tu thì mừng lắm. Mình già rồi mà chưa tỉnh, con mình thức tỉnh sớm tu hành. Vậy thì mình cũng ráng thu xếp công việc để nương theo con mà tu. Cho nên người con đi tu là cảnh tỉnh cha mẹ cố gắng tiến tu. Đó là đền đáp, thể hiện lòng hiếu thảo bằng tinh thần đạo đức, chứ không phải nuôi dưỡng chăm sóc vật chất.

Người thế gian cận kề nuôi dưỡng cha mẹ, người đi tu không cận kề nuôi dưỡng thì cố gắng tu cho có kết quả. Mỗi khi về thăm nhà luôn nhắc nhở, giúp cha mẹ lần lần thức tỉnh. Đó là biết hiếu thảo, biết đền ơn cha mẹ. Người ta cứ làm cúng vật này, dâng vật nọ cho cha mẹ mới là hiếu thảo, nhưng chỉ thế thôi thì chưa đủ. Khi một lời nói hay hành động của người con cảnh tỉnh cha mẹ tu hành, đó mới thật là hiếu thảo. Hiếu như vậy, chúng ta mới thấy bổn phận của người tu không đơn giản như người thế gian. Không phải lấy vật chất làm việc hiếu thảo mà phải lấy đức hạnh.

Quý vị tu cho có đức hạnh, rồi nói những lời đạo đức khiến cha mẹ thức tỉnh tu hành. Như vậy chúng ta đi tu không phải là quên ơn cha mẹ. Nhiều người cứ lầm tưởng đi tu bỏ cha bỏ mẹ là bất hiếu, là quên ơn. Không phải như vậy. Nhiều khi chúng ta ở gần cha mẹ mà không nhắc nhở tránh điều tội lỗi,

làm điều phước đức thì cũng chưa phải hiếu thảo. Cho nên, người tu đi trên con đường đạo đức, hướng dẫn cha mẹ anh em cùng đi, tuy chưa được nhiều nhưng cũng là việc làm lợi ích. Đạo đức đưa người ta tới chỗ an lành. Còn tất cả những của cải thế gian là tạm bợ, dùng một thời gian rồi hết, chỉ đạo đức là còn mãi.

Người tu phải cố gắng làm tròn bổn phận của mình. Quý vị đừng nghĩ tu cho giỏi rồi xây chùa, rước cha mẹ về nuôi. Đừng bao giờ có quan niệm đó. Cha mẹ là người thế gian thì cứ ở thế gian, bổn phận mình lâu lâu về thăm, nhắc nhở đạo đức là được, không nên lấy của thường trụ đem về cho cha mẹ. Nhiều khi quý vị ý làm trụ trì, trong chùa có gì cũng đem về cho cha mẹ là không tốt.

Đi tu là một bản nguyện lớn. Làm sao tự cứu mình, và cũng cứu được những người chung quanh. Vậy mới xứng đáng là người tu. Đừng nghĩ mình tu cho thanh thoi, chung quanh ra sao mặc kệ. Phật dạy tự độ, độ tha. Tu để độ chúng sanh, chứ không phải tu để yên phận mình. Làm việc gì lợi ích cho chúng sanh thì ráng làm để tăng trưởng tâm từ bi, cứu độ tất cả chúng sanh.

Chúng ta chưa biết mình sẽ sống tới đâu. Có khi năm nay khỏe, sang năm ngã bệnh rồi chết. Cho nên, ráng tu từng ngày từng tháng, đừng đợi chờ gì hết. Có người hẹn tới năm sáu chục tuổi mới tu. Cứ hẹn như vậy hoài thì chừng nào mới tu? Tu nhiều chừng nào tốt chừng nấy, không nên thờ ơ, thả trôi hết ngày hết tháng, uống cơm của đàn-na thí chủ. Người ta tin mình tu hành thanh tịnh nên mới ủng hộ cơm gạo. Chúng ta phải cố gắng làm cho tròn bổn phận, đừng để mang tiếng ăn của đàn-na thí chủ mà không tu, rồi sau mang nợ.

Hôm nay tôi nhắc tặng ni những điều cần thiết. Thứ nhất là đối trị hôn trầm. Khi thấy có vẻ hơi mơ màng thì liền mở mắt sáng ra, ngồi thẳng người lên. Thẳng người một lát, qua cơn buồn ngủ mới ngồi lại bình thường. Chừng mười lăm phút như vậy thì cái ngủ tan. Thứ hai là nếu loạn tưởng nhiều, phải nhớ tất cả những nghĩ tính trong giờ ngồi thiền chẳng những vô ích, mà còn phá hoại sự tu của mình. Niệm vừa khởi lên phải cương quyết buông bỏ. Nếu cứ thả lỏng, để bị dẫn lôi hoài thì tu cả đời cũng không tới đâu hết.

Người tránh được hai bệnh hôn trầm và loạn tưởng thì tu tiến, còn những việc nhỏ, sau này tôi sẽ nhắc thêm. Mong tặng ni cố gắng tu cho xứng đáng, đừng để phí thời gian vô ích.

QUÊN MÌNH THEO VẬT

Hôm nay là một buổi nói chuyện, không phải một thời thuyết pháp, quý vị nhớ chú ý theo dõi. Bởi vì nói chuyện nên mỗi sự việc tôi kể ra lặp đi lặp lại đôi ba lần, có thể hỏi chur tăng trả lời cho tôi. Quý vị hiểu tới đâu trả lời cho tôi rõ. Như vậy buổi nói chuyện có kết quả hơn.

Đề tài buổi nói chuyện hôm nay là *Quên mình theo vật*. Nhắc lại gốc tích, năm 1951 tôi học tại chùa Phật Quang tức là Phật học đường ở Bang Chang, Trà Ôn. Thầy tôi dạy kinh Lăng-nghiêm đến chỗ “thất xứ trung tâm”, ngài A-nan hỏi Phật “Thế nào là tâm của con?” Bảy chỗ Phật hỏi, A-nan nói đều sai. Ngài lúng túng không biết cái gì là tâm của mình, nên Phật chỉ tâm cho A-nan biết.

Ngày xưa tôi đọc đến đây, học kỹ trong lúc thầy dạy, đêm lại hai giờ khuya thức dậy đốt đèn, ngồi ở cái bàn trong nhà lá, đọc đi đọc lại đoạn đó tôi xúc động khóc. Sáng ra tôi bạch với thầy tôi: “Con đọc đoạn đó sao xúc động quá, con khóc.” Thầy nói: “Tốt.” Vậy thôi. Từ đó về sau thấm sâu tận xương tủy mà tôi không quên được. Bây giờ kể lại chur tăng nghe rõ coi có thấm bao nhiêu không?

Trong đoạn kinh đó, khi được Phật hỏi, A-nan chỉ tâm đều không đúng, nên A-nan hỏi lại Phật: “Bạch Thế Tôn, thế nào là tâm, xin chỉ cho con.” Phật đưa tay lên hỏi A-nan: “Ông thấy không?” A-nan thưa: “Bạch Thế Tôn, con thấy.” Phật để tay xuống hỏi: “Ông thấy không?” A-nan thưa: “Bạch Thế Tôn, không thấy.” Ngài A-nan bị Phật quở.

Bây giờ tôi đưa tay lên, hỏi thấy không thì trăm người như một đều nói thấy. Tôi để tay khuất xuống, hỏi thấy không thì nói không thấy. Đó là chuyện bình thường của phàm tình. Nhưng đức Phật muốn chỉ cho A-nan biết cái gì là tâm của mình, nên đưa tay lên để hỏi *thấy không*, lúc đó vừa nhìn thấy tay Phật, đương nhiên trả lời là *thấy*; nhưng để tay xuống hỏi *thấy không* thì nói *không*. Ai cũng trả lời như vậy thôi. Nhưng Phật quở: “Khi ta đưa tay lên ông thấy là thấy tay của ta. Khi để tay xuống, không thấy. Như vậy ông cho thấy cái tay là thấy hay cái tay là cái thấy của ông?” Cái tay là cái bị thấy, đưa tay lên ông nói thấy, để tay xuống ông cũng thấy, nhưng thấy không có tay.

Biết được chỗ Phật dạy thì dễ lắm, bình thường thì không dễ như vậy. Đưa lên hỏi *thấy không*, nói *thấy*, để xuống khuất thì nói *không thấy*. Nhưng sự thật mình làm to. Tay Phật đưa lên thì thấy tay Phật, tay Phật để xuống là thấy không tay Phật, nhưng cái thấy mình cũng vẫn thấy, thấy mà không có tay Phật đưa lên. Như vậy khi đưa tay lên Phật hỏi *thấy không* mình nói *thấy*, khi Phật để tay xuống hỏi *thấy không* thì mình phải trả lời làm sao cho hợp lý? Nghĩa

là mình thấy không có tay ở vị trí đó, chứ không phải không có cái thấy của mình.

Như vậy, theo tay Phật đưa lên thấy có, khi tay để xuống thấy không, là quên cái hay thấy của mình mà chỉ nhớ vật bị thấy. Nhận vật bị thấy mà quên cái hay thấy của mình. Tay đưa lên để xuống là vật bên ngoài, còn cái hay thấy là cái của mình. Tay đưa lên thấy, để xuống nói *không thấy* là *quên mình theo vật*.

Người đời không bao giờ hiểu được lẽ đó, họ chỉ thấy hình ảnh sự vật cho là thấy, còn không thấy hình ảnh sự vật cho là không thấy. Nhưng sự vật hình ảnh là vật ở ngoài, còn cái thấy là chính của mình. Cái thấy không thiếu vắng lúc nào mà mình quên nó, chỉ nhớ cảnh có cảnh không mà nói có thấy không thấy. Nhận cảnh là mình, quên mất mình, đó là điều hết sức sai lầm. Ở thế gian ít khi nghe được những lời này, không ai chỉ cho mình biết, vào trong đạo rồi đức Phật chỉ, mới thâm trầm làm sao, sâu sắc làm sao!

Như vậy, cái thấy là cái thường hằng của mình, còn cảnh vật là đổi thay, khi có khi không. Không thể nào đem cái hay thấy của mình ném đi, chỉ nhận cảnh vật bên ngoài là mình, đó là một sai lầm lớn. Trong đoạn kinh này, Phật chỉ cái hay thấy là tâm A-nan. Tại sao cái hay thấy là tâm? Bởi vì thấy là biết, tâm là cái biết. Cái thấy đó là tâm của mình mà mình quên.

Đến đoạn kinh thứ hai, Phật bảo La-hầu-la đánh một tiếng chuông, rồi hỏi A-nan “Ông nghe không?” “Dạ nghe.” Tới khi tiếng chuông bật dứt, Phật hỏi “Ông nghe không?” “Không nghe.” Phật cho đánh chuông lần thứ hai rồi hỏi, ông cũng trả lời y như vậy. Phật quả: “Ông quên mình theo vật.”

Như vậy, khi đánh tiếng chuông “boong” mình nghe, tiếng chuông bật là nghe hết tiếng chuông, nhưng vẫn nghe. Nếu không nghe thì làm sao biết bật không có tiếng chuông? Bật tiếng chuông nói không nghe thì cái nghe bay theo tiếng chuông mất rồi!

Tiếng chuông là âm thanh bên ngoài, cái hay nghe là tâm mình ở trong. Khi đánh chuông mình nghe được âm thanh của tiếng chuông, khi tiếng chuông bật rồi mình nghe không có tiếng chuông chứ không phải không nghe. Lâu nay chúng ta quen có âm thanh thì nói có nghe, không âm thanh thì nói không nghe. Mình có cái hay nghe, mà hay nghe thì có biết. Nghe tiếng chuông biết tiếng chuông, nghe tiếng trống biết tiếng trống sao không biết được?

Cái tâm sẵn của mình ở tai mà mình không biết, nhận cái khác làm tâm mà cái thường hằng lại không nhận. Phật quả A-nan lần thứ hai là quên mình theo vật. Cuối cùng A-nan đầu hàng không biết nói sao cho đúng. Cho nên Phật mới chỉ tội lý A-nan mới nhận được. Bây giờ xét thật kỹ thói quen của mình đang làm như vậy. Muốn biết tâm mình có hiện tiền hay không thì nhờ ở mắt

ở tai. Vừa có tiếng động là nghe, vừa có cảnh là thấy, nghe thấy không đợi suy nghĩ. Cái sẵn nghe là biết, thấy đó là biết, là tâm không sanh diệt của mình. Nghe rồi khởi phân biệt, thấy rồi khởi suy nghĩ, cái phân biệt suy nghĩ đó là cái sau, cái giả. Còn cái thật đi trước sẵn sàng hết mà mình bỏ quên.

Người xuất gia tu là để giải thoát sanh tử luân hồi. Nhưng cái gì giải thoát đây? Mình tu rồi có chết không? Người tu cũng chết là tử, chết rồi sanh lại là sanh. Như vậy mình đặt mục tiêu cho cả cuộc đời là thoát ly sanh tử, mà không biết cái gì thoát ly sanh tử là điều tệ hại trong giới tu sĩ. Phật muốn chỉ, ngay nơi mình có cái tạo nghiệp để luân hồi sanh tử, có cái sẵn có hằng giác hằng tri mà không tạo nghiệp. Không tạo nghiệp cho nên ra khỏi sanh tử. Chính mình ra khỏi sanh tử, không phải ai đem mình đi.

Khi suy nghĩ thì chúng ta suy nghĩ cái gì? Suy nghĩ hai bên, hay dở tốt xấu, phải quấy hơn thua... Nếu suy nghĩ cái hay thì mình thích, cái dở thì mình không ưa, cái tốt thì mình chịu, cái xấu thì mình không bằng lòng. Vừa khởi suy nghĩ thì tâm thương ghét buồn giận khởi lên. Như vậy thương ghét buồn giận là cái gì mà nó dẫn mình đi? Tâm thương ghét buồn giận đó là tâm tạo nghiệp. Tạo nghiệp thì dẫn mình đi trong sanh tử. Vậy cái hay thấy hay nghe này tạo nghiệp gì? Thấy thì thấy, nghe thì nghe, mà không khởi suy nghĩ phân biệt thì đâu có tạo nghiệp. Tâm đó là tâm chân thật của mình, còn tâm kia là tâm hư dối tạo nghiệp. Từ đây cho tới lúc nhắm mắt mà cứ tạo thương ghét buồn giận hoài thì bảo đảm đi trong lục đạo luân hồi. Nếu giảm bớt được tâm đó, làm tăng trưởng tâm không sanh diệt thì mình đã sống với tâm giải thoát. Không cần tìm giải thoát ở đâu, giải thoát là không tạo nghiệp. Không tạo nghiệp thì không dẫn mình đi luân hồi sanh tử. Tạo nghiệp là sức mạnh lôi mình đi trong sanh tử. Phật thường dạy những người sắp chết phải luôn nhớ Phật hoặc nhớ những điều lành hay những bài kinh, đừng nhớ những người mình thương hay ghét. Bởi vì đó là lúc ra đi theo nghiệp dẫn, dẫn mình tới chỗ nào mà mình chú ý.

Hàng ngày khi ngồi lại tu, chúng ta thấy sao vọng tưởng mạnh quá, nó lôi mình chạy hoài. Có khi nào được nửa giờ mà không có vọng tưởng không? Chắc là chưa có. Nếu vọng tưởng hoài như vậy thì nhắm mắt sẽ đi đâu, và tu có tiến hay không?

Ngày nay vào thiền viện được quý thầy dạy chừa bỏ vọng tưởng, đừng chạy theo nó. Trước kia chưa học ngồi thiền thì không biết nó là vọng tưởng. Cứ nói mình nghĩ thế này nghĩ thế kia, không biết nó là vọng tưởng, vì không ai giã trách cho hiểu cái nào là thật, cái nào là giả. Vọng tưởng là giả, còn tâm thật của mình là cái chân thật ở sáu căn. Ngồi tu cứ thấy vọng tưởng, không thấy cái thật. Nhưng đặt câu hỏi lại, ai biết được vọng tưởng? Vọng tưởng không thể biết vọng tưởng, có cái biết được vọng tưởng, vọng tưởng dấy lên,

vọng tưởng lặn xuống, trong đó thậm có cái biết. Vì vọng tưởng liên miên nên mình chỉ nhớ vọng tưởng, thật ra trong khi vọng tưởng dấy lên thấy là vọng tưởng nên bỏ. Thấy được vọng tưởng, bỏ được vọng tưởng thì có cái biết ngậm trong đó rồi. Nếu đó chỉ là một đám vọng tưởng với nhau thì không ai biết ai, nó cứ ào ào ra hoài. Đẳng này mình thấy được nó, biết được nó, dù chặn chưa được, dẹp chưa hết nhưng vẫn có chủ nhân ở trong.

Việc tu của mình cao thượng, siêu thoát ngậm mà người thường không biết. Nếu chạy theo vọng tưởng thì suốt đời tạo nghiệp luân hồi sanh tử. Bây giờ biết vọng tưởng không theo, chặn đứng nó lại thì có một lực ngoài vọng tưởng, đó là sức mạnh của tâm.

Chúng ta có một phần chạy theo vọng tưởng, một phần nhận chân ra cái sai lầm mà chừa bỏ. Nhưng bỏ hoài mà không hết thì có buồn không? Trong nhà thiền có câu “không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm” (Bất phạ vọng khởi, duy khủng giác trì). Khi nó dấy lên biết vọng không theo. Như vậy, một niệm vọng khởi là chúng sanh, biết được vọng khởi là Phật. Giác mới biết được nó, mê không biết được nó. Có một chúng sanh thì có một vị Phật, không có gì thiệt thòi. Một trăm lần vọng dấy lên, một trăm lần giác thì mình có tiến, còn để vọng tưởng lôi thì mình thua. Đây là mình đang chống cự, dẹp cái mê để cái giác hiện. Vọng dấy lên là mê, biết nó là vọng thì giác, chỉ sợ vọng kéo đi nửa giờ mà theo hoài không hay thì mới đáng buồn. Cho nên *chỉ sợ giác chậm, không sợ vọng khởi*, đó là khéo tu không chạy theo vọng tưởng điên đảo.

Vọng tưởng là tạo nghiệp, tạo nghiệp thì luân hồi sanh tử. Tâm hằng biết, không khởi niệm phân biệt, đó là tâm chân thật, không sanh diệt của mình. Nếu sống được, trở về với tâm thật đó, khi nhắm mắt không bị nghiệp dẫn, thì giải thoát sanh tử, nhập Niết-bàn.

Không phải nói mình tu cứ tu, tới đâu hay tới đó. Phải thấy rõ cái gì để mình theo, cái gì để mình dẹp bỏ. Bây giờ mình là một chiến sĩ đang chiến đấu với đám giặc dấy mình đi luân hồi, để mình dừng lại. Thật ra nó chỉ là vọng tưởng không thật, biết không thật thì đâu cần phải chiến đấu gì, còn không biết thì thua nó. Biết rồi thì nó mất, vì vọng là hư dối. Chúng ta chỉ cần nội tâm thường tỉnh thường giác, vọng tưởng dấy lên không theo là đủ rồi. Vọng tưởng giả dối mà hay rủ mình đi, mình nhẹ dạ nên rủ là chạy theo. Như khi đang ngồi sực nhớ chuyện nhà, nó rủ chạy về nhà; nhớ tới huynh đệ nó cứ rủ mình đi tìm để thăm, không cho mình dừng. Không dừng là không yên, không yên thì tâm chân thật không hiển lộ. Như vậy nơi mình có cả hai, một bên là tạo nghiệp hư dối, một bên hằng biết chân thật, giải thoát sanh tử. Không biết điều này thì tu uổng công.

Nghiệp do vọng tưởng dẫn rất mạnh. Nó gọi lại những gì mình thương ghét buồn giận... liên miên trong tâm, không được yên. Vì vậy phải cương quyết la rầy, đừng cho nó dẫn mình đi thì mới chiến thắng được nó. Hai bên sanh diệt và không sanh diệt đã rõ, nhưng cái không sanh diệt bị cái sanh diệt lấn. Cho nên nói, mình có viên ngọc quý trong túi mà bỏ quên không xài, phải đi ăn mày là vậy.

Người tu Phật hiểu được lý thiên rồi là mình đang làm một việc phi thường. Thế gian thường sống theo vọng tưởng, bây giờ ngược lại, dẹp tan vọng tưởng để trở về cái thật của mình. Cái đó người thế gian không ai biết, không ai hiểu mà mình biết, mình làm, không phải việc phi thường là gì? Nhưng người ta thấy mấy thầy ngồi im lìm, có khi ngủ gật nữa, liền đặt câu hỏi tội gì phải ngồi.

Việc phi thường mà mình xem thường, nên cái ngủ làm chủ mình. Cho nên, khi bắt đầu ngồi thiền phải cả quyết rằng mình đang làm việc phi thường, đang là chiến sĩ ra trận, không thể lười thôi được. Còn không, để êm êm một hồi là ngủ tuốt. Hãy mạnh dạn, can đảm mới qua được cơn ngủ. Không vọng tưởng thì hôn trầm ngủ gục, đó là hai bệnh của người tu thiền. Muốn cho vọng tưởng giảm, hôn trầm mất thì phải cương quyết. Đây là cuộc chiến đấu oanh liệt chứ không phải thường.

Tu mà biết mới thấy quan trọng, còn không biết thì thấy như bị bắt buộc ngồi, không biết ngồi để làm gì? Cứ như vậy mà thả trôi cho nó ngủ lên ngủ xuống. Thời giờ ngồi tu của mình là thời giờ vàng ngọc, mà mình đem chôn vùi đi, không có giá trị gì hết. Khi tới giờ đánh keng ngồi thiền, thì mình hăm hở vào ngồi, coi như bắt đầu một cuộc chiến đấu oanh liệt, khả dĩ thắng được hôn trầm, vọng tưởng. Còn không, hai chú đó quay mình riết thì tu một năm, hai ba năm lừ đừ không ra gì hết. Cho nên phải hiểu, phải thấy cho tường tận việc tu của mình.

Nhiều khi tôi cố gắng nói cho tất cả biết những điều quan trọng, nhưng khi tôi nói qua rồi quý vị cũng quên, trở lại thói cũ, vẫn ngồi lim dim, một lúc rồi gục. Cứ như vậy hoài nên mệt mỏi, hơi chán, không có tâm cương quyết làm việc phi thường. Cho nên, người tu là một chiến sĩ oanh liệt, đâu phải vô đây để thả hồn theo mây theo gió. Nếu cứ thả trôi như vậy uổng đi thời gian quý báu. Đó là điều cần phải nhắc, cần phải biết.

Tu để giải thoát, nhưng đặt câu hỏi, giải thoát cái gì thì mình lúng túng không biết. Bây giờ chỉ rõ rằng, chúng ta có khả năng giải thoát sanh tử, cái đó sẵn nơi mình chỉ cần dẹp vọng tưởng thì nó hiển bày. Khi nhắm mắt xuôi tay thì nó làm chủ để ra khỏi vòng sanh tử. Rõ ràng như vậy, chính mình là người cứu mình, chứ không ai cứu mình được. Chúng ta phải tự biết, rồi điều chỉnh lại làm sao cho tiến hơn, đừng có lười thôi.

Đức Phật muốn chỉ cho ngài A-nan thấy nơi mắt, nơi tai có cái hằng biết, không sanh tử, không lúc nào thiếu mà người đời kể cả người tu đều quên. Nhìn thấy cái gì thì chúng ta đi theo cái đó mà không nhớ lại cái mình hay thấy. Do cái nguy hiểm này mà hiện nay người tu sẽ đi xuống địa ngục không ít. Đây là chỗ tôi xúc cảm. Tôi muốn nhắc lại, Phật chỉ tánh thấy nơi mắt, tánh nghe nơi tai cho ngài A-nan, ngài A-nan liền đặt câu hỏi: “Bạch Thế Tôn, như vậy cái gì là cội nguồn của giải thoát Niết-bàn, cái gì là cội nguồn của trầm luân sanh tử?” Khi đó đức Phật im lặng không trả lời, mà mười phương chư Phật đồng thanh nói rằng: “Này A-nan! Sáu căn của ông là gốc luân hồi sanh tử, sáu căn của ông là gốc giải thoát sanh tử.” Tại sao ngài A-nan hỏi mà đức Phật không trả lời, lại mười phương chư Phật đồng thời trả lời? Điều này để chứng minh rằng, không phải riêng đức Phật Thích-ca chỉ sáu căn là gốc luân hồi sanh tử, sáu căn là gốc giải thoát Niết-bàn, mà mười phương chư Phật đồng chỉ như vậy. Tu được thành Phật từ nơi sáu căn, không có đường nào khác, cho nên mười phương chư Phật đồng thời trả lời, còn đức Thích-ca im lặng.

Đoạn trên của kinh chỉ nói hai căn mắt và tai, không nói các căn kia là mũi, lưỡi, thân và ý. Vì mắt tại là cái nổi nhất, dễ thấy nhất, các căn kia hơi thâm lặng nên khó thấy. Bây giờ đặt câu hỏi: Ở mũi có cái biết thường xuyên không? Có mùi thơm thì biết thơm, có mùi hôi thì biết hôi, còn không có mùi gì thì biết không có mùi. Lâu nay khi không có mùi thì chúng ta nói không biết mùi. Lúc không nghe mùi là lúc đó không có mùi chứ không phải không biết.

Ở lưỡi cũng vậy, có vị ngon biết có vị ngon, có vị dở biết có vị dở, không ăn uống không có vị thì biết không có vị. Cũng biết thường xuyên, nhưng vì nó sâu kín bên trong, khó chỉ, còn tai với mắt thì dễ chỉ hơn. Thân cũng vậy, có xúc chạm biết xúc chạm, không xúc chạm biết không xúc chạm, lúc nào mà không biết. Còn ý duyên với các căn kia, khi nào cần chú ý tâm thì nó dấy lên đi theo phụ, phụ rồi đem về nhốt ở trong để thành pháp trần. Khi ngồi thiền không thấy ai, không có chuyện gì xảy ra thì nhớ lại những hình bóng, đó là pháp trần, là những bụi bặm lợm lặt từ sáng đến chiều.

Chúng ta ai cũng có đủ sáu căn, thể của sáu căn là một. Trong kinh Lăng-nghiêm Phật nói “nhất tinh minh sanh lục hòa hợp”. Chỉ có một cái trong sáng mà sanh ra sáu hòa hợp. Tâm thể đó vốn là một tinh minh trong sáng, chia ra ở sáu hòa hợp mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Tâm thể đó còn gọi là chân tâm hay Phật tánh tỏa ra ở sáu chi nhánh mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Khi chết thì sáu chi nhánh không bị hoại, cùng hòa về một là chân tâm Phật tánh, thoát ly sanh tử luân hồi.

Như vậy, sự tu hành của mình phải biết gốc từ sáu căn. Từ sáu căn mà tạo nghiệp thì luân hồi sanh tử, từ sáu căn biết quay trở về thì sẽ thoát ly sanh tử. Ai cũng có sáu căn, tức là có sáu lối trở về cái chân thật. Khi sáu căn hoại, cái

chân thật đó tức Phật tánh hay chân tâm không hoại. Trên đường tu, luân hồi sanh tử rõ ràng mà giải thoát sanh tử cũng rõ ràng, ở nơi mình chứ không ở nơi ai. Thế nên không phải một đức Phật mà mười phương chư Phật đồng thời nói lên như vậy. Trong kinh Viên Giác, Phật cũng nói sáu căn là gốc của luân hồi sanh tử, sáu căn là gốc giải thoát sanh tử.

Trong kinh Lăng-nghiêm, kinh Viên Giác, đức Phật nói rõ sáu căn là gốc của luân hồi sanh tử. Cho đến Thiên tông, Ngũ Tổ ở Hoàng Mai dạy chư tăng tu thiền, cũng khuyên Phật tử tại gia tụng kinh Kim Cang. Có nhiều người thắc mắc, tại sao ngài lại dạy tụng kinh? Vì ngài tâm đắc ở kinh Kim Cang. Khi Lục Tổ được cho vào thất, ngài đem kinh Kim Cang ra giảng, tới đoạn Tu-bồ-đề hỏi Phật: “Người phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, làm sao an trụ tâm, làm sao hàng phục tâm?” Phật dạy: “Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.” Không nên sanh tâm dính mắc với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Đó là chỗ an trụ của tâm Phật, tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nghe tới đây Lục Tổ liền thấy mình có sẵn tâm đó, cho nên nói:

Đâu ngờ tánh mình vốn tự thanh tịnh,

Đâu ngờ tánh mình vốn không sanh diệt,

Đâu ngờ tánh mình vốn tự đầy đủ,

Đâu ngờ tánh mình vốn không dao động,

Đâu ngờ tánh mình hay sanh muôn pháp...

Ngay đây Ngũ Tổ biết đã thấy lẽ thật nên trao y bát. Như vậy, trong kinh Phật dạy, cho đến các vị tổ dạy thiền, căn bản không khác. Người tu thiền thực hiện những gì Phật dạy trong kinh, không phải bỗng dưng đặt ra một lối tu riêng. Nhưng người thế gian không biết, họ cho rằng tu là phải tụng kinh. Nhưng ở Thiên viện ít tụng kinh, chỉ tụng một bài Bát-nhã ngắn thôi.

Từ kinh Kim Cang, Viên Giác, Lăng-nghiêm... Phật đều nhắm thẳng vào sáu căn để chỉ dạy. Tới Lục Tổ thấy rõ nếu sáu căn không vướng mắc sáu trần, là gốc để thành Phật. Cho nên sau này ngài dạy lại các đồ đệ. Đường lối của Thiên tông rõ ràng như vậy.

Ngài Ngưỡng Sơn Huệ Tịch ở Trung Hoa là Tổ tông Quy Ngưỡng, tới hỏi đạo hòa thượng Trung Ấp. Ngài Trung Ấp ngồi trên giường thiền, ngài Ngưỡng Sơn đánh lễ xong thưa: “Bạch Hòa thượng, thế nào là Phật tánh?” Ngài Trung Ấp nói: “Tôi sẽ vì ông nói một thí dụ. Có cái lồng sáu cửa, trong đó nuôi một con khỉ. Ở ngoài có con khỉ khác tới kêu “chéo chéo”, con khỉ ở trong cũng đứng dậy kêu “chéo chéo”. Tới mỗi cửa kêu, ngoài kêu thì trong ứng, đều đều như vậy.” Ngài Ngưỡng Sơn nói: “Bạch Hòa thượng, nếu con khỉ ở trong ngủ

thì sao?” Ngài Trung Áp từ giường thiền bước xuống tới võ vai ngài Ngưỡng Sơn nói: “Chúng ta thấy nhau rồi!” Con khi bên trong ngủ, thì bên ngoài có kêu cũng không dính dáng gì. Đó là để chỉ cho Phật tánh. Phật tánh hiện khi nào ý thức không chạy theo hòa hợp sáu căn. Khi tiếp xúc với ngoại cảnh mà không chạy theo thì Phật tánh hiện tiền. Khi nói khi ngủ rồi là ngài biết thứ thiệt nên võ vai nói *chúng ta thấy nhau rồi*.

Như vậy nhà thiền nói không khác kinh điển để chỉ cho chúng ta thấy cái tu gốc từ sáu căn. Có nhiều người thắc mắc, sáu căn nhiễm sáu trần, làm sao gỡ đây? Luôn luôn mắt thấy sắc liền phân biệt đẹp xấu, tai nghe tiếng liền phân biệt hay dở. Mắt thấy, tai nghe, lưỡi nếm, mũi ngửi mùi... liền có phân biệt. Cái dễ thấy nhất là con mắt. Như người nam nhìn thấy một người nữ xinh đẹp, vừa nhìn đã phân biệt đẹp như thế này, đẹp như thế kia. Cái phân biệt đó đưa mình tới chỗ dính mắc. Nếu thấy cô đó như cô đó thôi, có sao thì mặc kệ không phân biệt gì nữa thì không dính mắc, còn thấy mà phân biệt đẹp thì dính cứng. Như vậy vướng mắc là từ phân biệt.

Chúng ta biết cái gốc là do niệm dấy lên phân biệt, đó gọi là vọng tưởng, vọng thức. Từ những niệm đó có thương, có ghét, có buồn, có giận... Giả sử thấy một người nữ, dấy niệm phân biệt, người đó đẹp thấy dễ thương là đã vướng mắc. Muốn gỡ cái vướng mắc đó thì phải làm sao? Phải học ở đức Phật, khi các thiếu nữ Ma vương hóa hiện thật đẹp tới dụ dỗ ngài, ngài nói “Đấy da hôi thúi. Đi, ta không dùng.” Thấy người đó bên ngoài thì đẹp nhưng chỉ là đấy da chứa toàn đồ nhơ nhớp. Thấy tốt được lẽ thật đó thì nó hết dụ mình. Đó là gỡ cái vướng mắc.

Tất cả bệnh của chúng ta Phật đều dạy cách trị, nhưng vì chúng ta không ứng dụng. Nếu thấy một người đẹp ở trước mặt nhớ lời Phật dạy đó là đấy da hôi thúi, mà sự thật là như vậy. Bên ngoài chỉ bọc lớp da, bên trong toàn chứa những thứ gớm ghiếc. Người có đẹp mấy mà khắc ra hoặc hỷ mũi cũng thấy gớm, vì biết đó là một đấy da hôi thúi, không có gì quý trọng. Thấy đúng lẽ thật thì vọng tưởng hết, nếu cứ tưởng theo cái điên đảo của chúng sanh thì vọng tưởng không bao giờ hết. Đó là gỡ mắt thấy.

Thấy hoa đó đẹp quá nhưng mai một rồi cũng tàn, không có gì là thật, là thường còn, tạm qua rồi mất. Nhờ trí tuệ thấy các pháp đúng như thật nên không nhiễm không dính. Đó là ở mắt. Ở tai, nghe âm thanh êm dịu thì thấy thích, thích nghe những bài ca tiếng hát. Những âm thanh đó là vô thường qua rồi mất, đừng để ý nó thì thôi, không bị dính mắc. Đến mùi thơm, mùi hôi qua mũi mình cũng vậy. Mùi thơm qua rồi một chút cũng mất. Tất cả đều là vô thường không có gì quan trọng. Từ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý mình đều biết rõ, những pháp trần đó đều không thật chỉ là tạm bợ.

Ngày xưa, Phật dạy các thầy Tỳ-kheo, thấy những người nữ dễ thương, tâm bất an thì phải quán bất tịnh. Quán bất tịnh có hai cách. Bên Ấn Độ có Thi Lâm là chỗ để thầy người chết không chôn. Tới đó quán để thấy thân con người như nhóp để mình chán gớm. Nếu không ở gần Thi Lâm thì quán thân mình như nhóp từ đầu đến cuối. Đó là để gỡ những cái vướng mắc do sáu căn gây ra. Thiền sư thường dùng câu “thấy như mù, nghe như điếc”. Thấy mà không vướng mắc không chú tâm, thấy như không thấy cho nên nói thấy như mù, nghe mà không quan tâm nên nói nghe như điếc. Như vậy có quyền thấy nghe đủ hết, sáu căn có quyền biết hết, nhưng không vướng mắc vì không chú tâm, không để ý. Nghe qua rồi bỏ, thấy qua rồi bỏ, đó là tinh thần của nhà thiền. Tu quán là tinh thần của kinh điển, dạy cho mình gỡ lần. Nếu tu theo Thiền tông, ai cứng cõi thì *thấy như mù, nghe như điếc*. Thấy nghe tất cả nhưng không vướng mắc. Chúng ta tu là phải biết đường lối mình tu như thế nào để được giải thoát, nếu làm lệch đi thì phải trầm luân.

Tu là phải cương quyết làm cho được những gì mình biết. Người xuất gia phải là một chiến sĩ oanh liệt. Người xưa có câu “Xuất gia giả, phi tướng tướng chi sở năng vi”, người xuất gia không phải tướng văn tướng võ có thể làm được, mà là người cương quyết phi thường, thế gian không bỏ được nhưng mình bỏ được. Vì vậy hãy nêu ý chí mãnh liệt, lúc nào cũng quyết thắng không chịu thua thì khả dĩ mới thành công. Đừng nghĩ đời mạt pháp tu sơ sơ được rồi. Mình quyết tu thì có ngày thành công, ít nhiều cũng thành công.

Đó là lẽ thật tôi muốn chỉ cho quý vị thấy để biết mà tu. Nhiều khi chúng ta tu mà không biết, nên cứ tính ngày tính tháng tính năm. Năm nay tôi tu được năm năm bảy năm, thọ Tỳ-kheo được hai ba tuổi rồi. Đó là tính với mình chứ tính với Phật thì không được. Phải cương quyết, nhất định phải tiến, không lùi thối được.

Đó là tôi nói rõ từ Kinh qua Thiền, cho thấy gốc của Thiền là ở Kinh, nhưng đi sâu một chút thì thấy không có sự cách biệt. Vậy Thiền tông phát xuất từ đâu? Vị tổ đầu tiên là ngài Ca-diếp, ngài ngộ cái gì mà làm Tổ? Trong hội Linh Sơn, đức Phật muốn thử xem ai lãnh hội được điều ngài muốn chỉ, ngài đưa cành hoa sen lên nhìn từng người. Ai cũng ngơ ngác nhưng khi nhìn tới ngài Ca-diếp thì Ca-diếp mỉm cười, Phật liền ấn chứng cho.

Đưa cành hoa sen lên, đưa mắt nhìn, ngài Chân Nguyên gọi là “tứ mục tương cổ”. Ca-diếp nhìn Phật cười có nghĩa là con hiểu thầy rồi, đức Phật liền thọ ký. Khi thọ ký Phật nói: “Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, trao cho Ca-diếp.” Ngày xưa đọc câu đó tôi thấy như thần chú, không hiểu nội, nhưng bây giờ hiểu rõ như ban ngày. Chánh pháp nhãn tạng là kho con mắt, thật tướng mà vô tướng là không có tướng mà không lúc nào vắng, nay trao cho Ca-diếp. Thật quá rõ ràng, từ cái nhìn của mắt mà Phật

thọ ký cho làm Tổ. Từ trước tới sau một mạch thủy chung. Còn không, nói Thiên tông sao quái gở quá, không nói gì hết chỉ đưa cành hoa lên nhìn cười rồi thọ ký.

Tới ngài A-nan, A-nan hỏi ngài Ca-diếp: “Thế Tôn ngoài truyền y bát cho sư huynh còn truyền cái gì nữa không?” Ngài Ca-diếp gọi “A-nan!”, A-nan “Dạ”, “Cây phước trước chùa ngã.” Tại sao *cây phước trước chùa ngã*? Lâu nay mình không hiểu, nhưng kêu liền dạ, là cái đó đó, ứng thỉnh trả lời không suy nghĩ. Câu kia chỉ để đánh lừa thôi. Ngài A-nan liền ngộ. Như vậy rõ ràng truyền ở mắt, ở tai.

Chúng ta có đủ tai mắt nhưng không dám dùng, không dám nhận nó mà theo tam bành lục tặc dẫn chạy tới chạy lui cả ngày không rảnh. Thật ra chúng ta có đủ tất cả những cái hay cái tốt, cái siêu thoát, không thiếu bao giờ. Cho nên đạo Phật thực tế không thể tưởng, không phải dạy mình đi tìm cái gì ở đâu xa mà khai thác cái sẵn nơi mình. Cái sẵn ở mình chịu khó khai thác là được mà không chịu, cứ đòi về Cực lạc để gặp Phật, còn Phật của mình ở đây lại bỏ quên. Cho nên tất cả kinh đều nói, chúng ta có viên ngọc quý mà không biết dùng.

Như vậy, việc tu của mình mới nhìn thấy như mơ hồ, không cụ thể vì không làm lợi ích cho ai, nhưng đi sâu mới thấy việc làm phi thường. Giả sử có bị ai cười, mình cũng cười thôi, vì biết họ không hiểu. Việc làm của mình không phải là việc trẻ con mà siêu thoát phi thường, người tầm thường không hiểu cũng phải thôi, không trách gì họ.

Tất cả chư tăng phải có cái thấy thấu đáo, không nên tu một cách hững hờ, để hết ngày hết tháng rồi tính với Phật. Nhiều khi tôi thấy một mùa an cư không thấm vào đâu hết, cũng lật bật rồi qua, không có gì. Việc quan trọng là mình quyết tâm tu, tu cho được, tu cho đến nơi.

Chúng ta nhìn lại trong sử Phật, sử Thiên tông không khác chút nào. Như tướng quốc Bùi Hưu đến hỏi ngài Hoàng Bá: “Hình ở đây, cao tăng ở đâu?” Ngài Hoàng Bá gọi “Bùi Hưu!”, Bùi Hưu “Dạ”, ngài hỏi “Ở đâu?” ông liền ngộ.

Như vậy, cái thuật chỉ thẳng ở mắt ở tai, nhà thiền dùng rất nhiều. Ngài Quy Sơn, khi có ai tới hỏi đạo, ngài đưa phất tử lên. Không biết tại sao đưa phất tử? Hiểu được gốc ngọn của người tu thiền, từ kinh điển qua đức Phật tới chư tổ, cho tới ngày nay trọng tâm nhắm thẳng vô đó.

Tu thiền có thực tế bằng tụng kinh cầu nguyện cho người không? Tụng kinh cầu nguyện là tốt, nhưng không ai dám bảo đảm kết quả. Còn tu thiền là khơi lại cái chân thật đang bị khuất trong ta, gỡ những mối rối ràng buộc, để mai kia chúng ta có con đường đi, giải thoát sanh tử rõ ràng. Không phải tu chỉ

để có hình thức tụng kinh ngồi thiền thôi, mà ngoài giờ ngồi thiền chúng ta cũng phải luôn luôn nhớ ứng dụng. Được như vậy thì việc tu mới tới nơi chốn, còn chờ giờ ngồi thiền tụng kinh mới tu thì ít quá.

Trong hai mươi bốn giờ mà ngồi thiền có sáu tiếng, tụng kinh khoảng một tiếng, còn những giờ khác để làm gì? Phải thật làm những gì mình đang nguyện làm. Nhiều khi mình dối mình nhiều lắm, ai tới khen Thầy ở đây tu hành tinh tấn mình cũng vui, nhưng thật ra cũng có những giờ nói dóc, cũng có những giờ vọng tưởng. Nhiều khi ngồi ở đây mà tâm chạy ra ngoài Bắc trong Nam đủ chỗ. Cho nên chúng ta phải khéo, luôn luôn điều chỉnh mình, vừa có ý niệm sai lầm, có ý nghĩ gì ngoài chuyện đạo đức thì chặn đứng lại. Tu như vậy khả dĩ ngày nào đó mình sẽ có những lợi ích lớn, còn không thì không có lợi ích. Nên nhớ tất cả chúng ta không ai có đầy đủ phước, muốn gì được nấy, muốn thành Phật liền thành Phật, muốn thành thánh liền thành thánh, mà phải dụng công tu hành cực khổ, phải hy sinh cả cuộc đời mới có thể làm được.

Chúng tôi nói để chư tăng biết rõ trọng tâm của sự tu. Các huynh đệ bây giờ tu còn có người nhắc nhở, còn tôi tu mới khó, không ai nhắc nhở. Tôi có cái bệnh là làm gì phải làm tới nơi, làm cho được, không chịu làm để mà có làm thôi. Cho nên khi thấm nhuần được lý thiền, từ buổi ban sơ cho tới lúc chuyên tu, tôi thấy lợi ích cụ thể rõ ràng đối với bản thân tôi, có những bước tiến không ngờ, nên tôi nghĩ huynh đệ ai tu cũng quyết tâm như tôi thì chắc rằng sẽ có sự tiến bộ. Vì những việc sẽ tới mình không biết trước, có thể cứ tu rồi bỗng dưng nó đến, nhất định quyết tâm thì được.

Từ con số không, không biết gì về Thiền, tôi lần mò ra mà tu được. Tôi tìm trong kinh sách, gom lại để làm chứng cho mấy huynh đệ học biết, thật không phải là chuyện dễ. Việc làm của tôi, lúc mới đầu ít có người hưởng ứng, càng lâu thì được nhiều người ủng hộ. Như vậy mới thấy quyết tâm của mình, dù khó mấy cũng làm được. Nếu chưa ai thông cảm mà mình làm cho đúng, đừng tranh luận hơn thua, chỉ lo tu thôi, thì có một ngày người ta sẽ hiểu mình.

Từ đầu ở Chơn Không không có gì mà gây dựng tới bây giờ. Nói về hình thức, với số tăng sĩ vượt bậc, nói về tâm của người Phật tử và những người không phải Phật tử, đối với đường lối tu của mình, từ không biết gì, từ chống đối, nhưng bây giờ biết thì họ thương. Đó không phải là chuyện dễ, ngồi găm lại thật là cay đắng, không phải thường.

Như qua bên Mỹ, nếu không bị mấy lần biểu tình thì chắc người ta cũng không biết tôi nhiều. Thiên hạ biết tôi nhiều là qua câu nói của tôi. Người ta hỏi “Có những người chống đối Thầy, Thầy nghĩ sao về những người đó?” Tôi trả lời “Tôi từng nói, trước mặt tôi không có kẻ thù, chỉ có những người bạn đã thông cảm và chưa thông cảm thôi”. Qua câu nói này, mà nhiều người quý

mến tôi. Chỉ vì người ta chưa thông cảm nên có chuyện, thông cảm rồi thì là anh em.

Phàm làm việc gì với tâm chỉ lo nghĩ cho đạo, không oán thù giận hờn, không phiền trách ai hết thì mọi việc đều tốt, từ dở biến thành hay. Cho nên quyết tâm là việc quan trọng, phải có lòng rộng rãi tha thứ cảm thông, đừng chấp nê. Đó là điều thực tế để huynh đệ thấy rằng, mình đừng thù oán với ai. Có bị người mắng chửi là vì họ chưa hiểu mình. Mình không ghét không thù mà họ chửi mình là lý do gì? Do họ hiểu lầm, từ từ họ sẽ thông cảm.

Người chân chánh tu hành, dù ở hoàn cảnh nào, trường hợp nào, cũng ráng ăn nhẫn bỏ qua, đừng quan trọng mình, để rồi sanh thù oán. Nhờ tâm đó mà tôi làm Phật sự được tới ngày nay. Những việc tôi làm được quá sức tưởng tượng, tôi không ngờ mình làm được như vậy. Cái không ngờ đó là do tâm, vì mình không cố chấp, không oán thù, không hại ai thì tâm từ từ thành rộng lớn.

Vì vậy tôi nhắc chư tăng ráng tu, mai một làm Phật sự cũng phải có tâm như vậy. Đừng thấy người này là đối địch, nhóm kia là kẻ thù; ai sao mặc họ, mình cứ lo tu. Người ta chưa hiểu mình, thông thả họ sẽ hiểu sau, không cần phải trả lời hơn thua gì cả. Việc mình mình cứ làm, không hổ thẹn con đường mình đã chọn, chỉ cố gắng đi cho tới nơi tới chốn.

Chúng ta tu mà nghe ai phê bình chỉ trích, bực bội chống cự lại thì rất cuộc cũng không đi tới đâu. Điều quan trọng là làm sao sáu căn đừng nhiễm sáu trần, để giải thoát sanh tử, đó mới là việc lớn. Còn hơn thua phải quấy thế gian chỉ là trò chơi trẻ con, không có gì quan trọng. Tất cả chúng ta tu là cốt làm sao được giải thoát, không phải tu để dành hơn thua, tu để cho người ta khen.

Mục đích của tôi nói chuyện hôm nay, quý vị thấy dễ hiểu hay khó hiểu? Dễ tu hay khó tu? Thật ra, đừng mặc cảm người ta làm được mình làm không được. “Bỉ ký trọng phu ngã diệc nhĩ”, người ta trọng phu, mình cũng trọng phu. Đừng nói người có tài, còn mình bất tài, vì ai cũng làm được. Biết như vậy, nhớ như vậy, thì trên đường tu sẽ được kết quả tốt.

CHẤP BÓNG QUÊN ĐẦU

Thiền viện Trúc Lâm 29-09-2003

Hôm nay tôi sẽ nói chuyện với Ni chúng về đề tài *Chấp bóng quên đầu*, cũng là một thí dụ trong kinh Lăng-nghiêm. Tôi đã kể tới kể lui nhiều lần nhưng chưa đi sâu, bây giờ chúng ta sẽ đi từng giai đoạn, giải thích rồi phân tích chia sẻ để thấy rõ pháp tu hành của mình.

Trong kinh Lăng-nghiêm, Phật nói thí dụ chàng Diễn-nhã-đạt-đa soi gương thấy đầu mặt rõ ràng, chợt sanh ưa thích đầu mặt mình. Khi úp gương lại không thấy đầu mặt, anh chàng hoảng hốt ôm đầu chạy kêu: “Tôi mất đầu! Tôi mất đầu!” Như vậy Diễn-nhã-đạt-đa điên hay tỉnh? Nếu cho cái bóng trong gương là đầu mình, quên mất đầu thật thì là người điên, không phải tỉnh.

Bóng trong gương dụ cho vọng tưởng, cái đầu của Diễn-nhã-đạt-đa dụ cho bản tâm chân thật nơi mỗi người. Vì Diễn-nhã-đạt-đa cho tâm vọng tưởng là tâm thật, nên khi không có vọng tưởng liền la “Tôi mất đầu”. Nhưng cái đầu không mất, dù chạy xa ngàn dặm cũng vẫn còn. Chúng ta có giống Diễn-nhã-đạt-đa không? Nếu cứ nhớ bóng mà quên đầu thì tất nhiên là điên rồi. Đó là vấn đề hết sức quan trọng trong việc tu hành.

Nếu không có đầu thì không thể có bóng trong gương. Sở dĩ có bóng là do có đầu. Cho nên, khi thấy vọng tưởng là biết mình có tâm chân thật. Vậy mà không nhớ tâm chân thật, chỉ nhớ vọng tưởng. Điên đảo chưa? Người tu phải xét kỹ điều này, nếu không thì cả ngày chỉ sống như một người điên.

Chúng ta tu hành là từ bỏ những điều khờ dại làm lần, để nhận ra cái chân thật nơi mình, chứ không phải chạy theo vọng tưởng điên đảo. Thế nhưng trên thực tế, ta lại chạy theo vọng tưởng điên đảo mà quên đi cái chân thật. Vậy thì làm sao nhận biết lại cái chân thật của mình? Dễ nhận ra nhất là khi ngồi thiền. Tôi thường nhắc quý vị vọng tưởng dấy lên liền buông. Thế thì cái gì biết buông? Chính cái thấy vọng tưởng và không theo vọng tưởng mới không phải vọng tưởng. Đó chính là cái chân thật mà chúng ta bỏ quên.

Quý vị thử so sánh hai trường hợp: chạy theo vọng tưởng và cái biết vọng tưởng, trường hợp nào giúp chúng ta hết nghiệp, trường hợp nào tạo thêm nghiệp? Vọng tưởng dấy lên thì có thương ghét, vui buồn. Thương tạo nghiệp tham, ghét tạo nghiệp sân, buồn vui tạo nghiệp si. Khi dấy niệm chạy theo buồn vui thương ghét là lúc chúng ta đang tạo nghiệp. Biết rõ nhưng không khởi niệm thì không tạo nghiệp. Không tạo nghiệp là giải thoát.

Chúng ta chọn quyền được giải thoát hay quyền tạo nghiệp? Tu hành là cầu giải thoát sanh tử, mà lại dùng quyền tạo nghiệp làm chỗ nương tựa cho

mình, thì chừng nào mới ra khỏi sanh tử? Đây là vấn đề tối quan trọng mà người tu lại không quan tâm, cứ sống vui đùa trong vọng tưởng, tạo nghiệp buồn vui thương ghét... không có ngày dừng. Chính những điều ấy sẽ dẫn mình đi mãi trong luân hồi sanh tử. Người tu nào cũng quyết tâm cầu giải thoát, nhưng lại tạo nghiệp sanh tử, đó là nói một đằng làm một nẻo, không trung thực với chính mình. Chẳng những người thế gian mà người xuất gia cũng không chịu trở về với cái chân thật của mình. Cho nên, chúng ta giống như Diễn-nhã-đạt-đa ôm đầu chạy la mắt đầu. Chạy một lúc thì nhớ mình có cái đầu, lúc sau lại quên, rồi tiếp tục chạy nữa. Lúc tỉnh thì nhớ, lúc mê thì quên. Tuy chợt tỉnh chợt mê như vậy, nhưng cũng khá hơn những người điên hoàn toàn.

Trên đường tu, hành giả cần xác định rõ mình hy sinh cả cuộc đời vào đạo vì tìm cầu cái gì? Nếu tìm cầu giải thoát thì phải nuôi dưỡng vun bồi nhân giải thoát mới là biết tu. Nếu bỏ quên nhân giải thoát, chạy theo nhân tạo nghiệp sanh tử từ năm này qua tháng nọ thì chưa biết tu. Người không biết tu tức là phí hoài sự cúng dường của đàn-na tín thí, rất đáng hổ thẹn.

Chúng ta phải tỉnh táo lên, đừng mê muội nữa. Cương quyết cạo tóc xuất gia là đã làm được việc khó làm. Nhưng nếu quên đi quyết tâm mãnh liệt thuở ban đầu ấy, sống trở lại với cái tầm thường của người thế tục thì rất đáng buồn. Tôi mong Ni chúng lúc nào cũng nuôi dưỡng nhân giải thoát, gạt bỏ nhân tạo nghiệp sanh tử, để việc tu hành có kết quả tốt.

Khi ngồi thiền, vọng tưởng dấy lên liền buông. Vọng tưởng lặng rồi thì có biết, có thấy, có nghe không? Cái thấy biết chân thật luôn sẵn có, nhưng ta lại bỏ quên, còn vọng tưởng tạm bợ không thật thì lại nhớ. Vọng tưởng là nhân tạo nghiệp nên phải buông bỏ. Sống với cái chân thật là nhân giải thoát mà chúng ta đã chọn.

Diễn-nhã-đạt-đa ôm đầu chạy la mắt đầu, gọi là điên. Khi úp gương lại, nếu chỉ nhớ cái đầu, không chú ý tới bóng nữa thì hết điên. Hết điên là giác ngộ. Si mê thì điên, giác ngộ là tỉnh. Quý vị chọn điên hay tỉnh? Đương nhiên ai cũng chọn tỉnh, nhưng phải quyết tâm thực hành, chứ không thể nói suông.

Đa phần đều cho suy nghĩ là mình. Thí như chị B xảy ra việc, một vị hỏi: “Chị nghĩ việc đó thế nào?” Chị trả lời: “Tôi không có suy nghĩ nên không biết.” Lúc nào cũng nói có suy nghĩ mới biết, không suy nghĩ thì không biết. Vậy là phủ nhận cái biết thường trực rồi. Nếu trả lời đúng thực tế thì nói: “Vấn đề đó tôi không theo dõi nên chưa rõ”, chứ nói “không biết” là không được. Bởi vì dù suy nghĩ hay không suy nghĩ thì cái biết vẫn luôn tồn tại.

Nếu không biết thì làm sao thấy, làm sao đi, làm sao nói? Biết thấy, biết đi, biết nói là có biết. Bởi chúng ta nuôi dưỡng sai lầm quá lớn, cho suy nghĩ

là mình rời cả ngày đuổi theo nó. Tới lúc ngồi thiền đuổi vọng tưởng mà cũng nửa đuổi, nửa theo. Nhiều vị theo vọng tưởng hết ba phần tư thời gian ngồi thiền, chỉ đuổi có một phần tư. Vậy mới thấy sự tu hành không phải chuyện đùa.

Người tu tìm cầu giác ngộ trong khi thế gian đang sống trong mê lầm. Có vị đi tu đã được năm mươi năm nhưng lại nuôi dưỡng mê lầm. Khi về nhà, cha mẹ anh em hỏi: “Năm nay, cô tu tiến bộ nhiều hay ít?” Dù quý vị kể ngồi thiền được hai giờ thì cũng chỉ là hình thức mà thôi. Tuy ngồi thiền lâu hơn, nhưng trong khi ngồi không biết tỉnh hay mê nên chưa thể gọi là tiến. Nếu vị nào trả lời: “Hồi trước trong tâm nhiều mê lầm, bây giờ đang tập buông bỏ, nhưng chỉ mới bỏ một phần, vẫn chưa trọn được.” Đó mới là người biết tu, biết sống thật.

Trong xử sự với huynh đệ, khi chưa tu thì buồn giận thương ghét một trăm phần trăm (100%), biết tu rồi phải giảm. Quý vị xét lại xem mình đã giảm chưa? Đó là điều thực tế, không thể nói một cách mơ hồ được. Năm đầu, buồn thương giận ghét 100% thì qua năm sau ít nhất còn lại 90%, trải một năm nữa là 80%. Nghĩa là dần dần giảm xuống, cho tới ngày không còn gì cả. Hết sạch buồn thương giận ghét thì mặc tình tự tại. Tu như vậy mới có kết quả.

Tăng ni ở trong chùa năm bảy năm mà vẫn còn buồn thương giận ghét thì chẳng khác người đời. Nếu có khác là về phần hình thức: cạo tóc, ăn chay, tụng kinh, tọa thiền. Thế nhưng bây giờ người ta cũng cạo tóc theo thời trang, cư sĩ vẫn ăn chay trường. Vậy thì phần hình thức đâu còn quan trọng, quan trọng nhất là tâm mình. Chúng ta làm sao để tâm tỉnh sáng, không u mê nữa. Đó là vấn đề thiết yếu trong tu tập.

Sự tu hành không căn cứ trên thời gian năm tháng, mà thể hiện qua từng hành động, lời nói, tâm niệm. Nếu hành động, lời nói, tâm niệm thay đổi thì sự tu có kết quả. Nếu vẫn y nguyên như lúc ban đầu thì không có kết quả. Những vị chịu trách nhiệm dẫn chúng phải theo dõi thường xuyên, nhắc tới nhắc lui cho đại chúng ghi nhớ mà tinh tấn tu hành. Nhắc nhở không phải là khó khăn, rầy la, mà vì muốn sự hy sinh của quý vị xứng đáng. Chúng ta rời bỏ cha mẹ, vào chùa cạo tóc tu hành thì phải biết chỉnh sửa nội tâm của mình, để trở thành người tỉnh sáng. Tu hành bao nhiêu năm mà vẫn y nguyên như cũ thì vô nghĩa rồi.

Việc tu hành là tự mỗi người lựa chọn, không ai thay mình. Nhiều khi cha mẹ không cho phép, quý vị vẫn cương quyết chọn con đường này. Thế thì phải làm cho tròn trách nhiệm của mình, đi tới nơi tới chốn, cha mẹ mới yên lòng. Nếu đi giữa chừng lại bỏ, hoặc đi một chặng gặp trở ngại liền chán nản, đó là sai lầm không thể chấp nhận trong hàng tu sĩ.

Quý vị có muốn làm Diễn-nhã-đạt-đa không? Chúng ta biết Diễn-nhã-đạt-đa điên mà vẫn muốn làm thì quá si mê. Đã biết là điên thì phải cương quyết bỏ. Lại còn dặn dò huynh đệ chung quanh: “Nếu thấy tôi điên thì tát vài cái cho tỉnh!” Như vậy mới hết điên. Nói bỏ mà không chịu bỏ, huynh đệ nhắc nhở còn hờn giận là không được. Trên đường tu, chúng ta phải cương quyết đi cho tới nơi tới chốn, mới xứng đáng đệ tử Phật.

Nuôi dưỡng cái giả tạm hư dối, khóa lấp cái chân thật là trái ngược với bản nguyện cầu giác ngộ giải thoát. Nếu không được nhắc nhở, e rằng Ni chúng cứ nghĩ một ngày ngồi thiền ba thời, tụng một thời sám hối là đủ. Tu mà tâm chưa kiên quyết, chưa dẹp những hư dối thì cũng chưa tới đâu. Chỉ khi nào nhận ra cái thật sẵn có nơi mình mới là đến đích.

Khi ngồi một mình không nghĩ tưởng gì, chúng ta vẫn nghe rõ ràng tiếng chim kêu, thấy cảnh trước mặt, biết tâm đang an ổn. Bởi vì cái chân thật chưa từng vắng thiếu. Nhưng khi dấy niệm, chạy theo niệm thì liền quên. Hoặc khi làm việc, chỉ mãi nhớ việc, nên quên đi cái chân thật ấy. Mới nghe qua câu chuyện Diễn-nhã-đạt-đa, ai cũng thấy anh ta thật đáng cười. Nhưng mỗi vị tự xét xem mình có đáng cười không? Chúng ta phải ý thức việc mình đang làm, giờ phút nào cũng nhớ tu, đừng lơ là. Thường nhớ là thường tỉnh, thường tỉnh là thường giác. Được như vậy mới đúng tinh thần của người xuất gia học đạo.

Quý vị đi tu, cha mẹ luôn hy vọng rằng mai này con cái tỉnh giác, để chỉ dạy và nhắc nhở mình tu. Nhưng đến chùa thăm, toàn nghe quý vị kể chuyện không hay trong chùa. Về thăm nhà lại còn than chuyện ở chùa phiền não quá, càng làm cha mẹ thêm chán nản. Thế thì đâu có làm gì được cho cha mẹ. Nếu chúng ta đã cương quyết tu hành để thức tỉnh mẹ cha, thì phải làm sao nhắc nhở cha mẹ bớt mê, được tỉnh.

Lại nữa, trong chúng có nhiều vị động đến liền nổi sân, thấy gì đẹp cũng thích, nghe ai nói dịu dàng thì thương... Điều này làm cho việc tu hành của mình không hay. Quý vị phải can đảm, chừa bỏ những gì trái với đạo lý, cố gắng làm việc hợp đạo lý. Như vậy việc tu mới thành công. Nhị tổ Huệ Khả khi chưa gặp Sơ tổ Bồ-đề-đạt-ma, hiệu là Thần Quang. Ngài có thể ngồi thiền suốt đêm, tu hành rất cẩn mật. Nghe tin tổ Đạt-ma sang Đông độ, trụ ở Thiếu Lâm, ngài liền tìm đến. Thần Quang đầy đủ lễ nghi mà Tổ vẫn ngồi lặng yên, xoay mặt vào vách. Khi ấy nhằm tiết mùa đông, ban đêm tuyết rơi lả tả, ngài vẫn đứng yên ngoài tuyết, chấp tay hướng về Tổ. Đến sáng, tuyết ngập đầu gối mà gương mặt ngài vẫn thản nhiên, không hề run rẩy sợ sệt. Tổ thấy thế thương tình, xoay ra hỏi:

- Người đứng suốt đêm trong tuyết, ý muốn cầu việc gì?

Ngài thưa:

- Cúi mong Hòa thượng từ bi mở cửa cam lồ, rộng độ chúng con.

Tổ nói:

- Diệu đạo vô thượng của chư Phật, dù nhiều kiếp tinh tấn, hay làm được việc khó làm, nhẫn được việc khó nhẫn, còn không thể đến thay. Huống là, dùng chút công lao nhỏ này mà cầu được pháp chân thừa?

Ngài bèn lấy đao chặt đứt cánh tay trái dâng lên để tỏ lòng thiết tha cầu đạo. Tổ biết đây là bậc pháp khí, bèn dạy:

- Chư Phật lúc ban đầu cầu đạo vì pháp quên thân, nay người chặt cánh tay để trước ta, tâm cầu đạo như vậy cũng khá.

Ngài thưa:

- Tâm con chưa an, xin Thầy dạy pháp an tâm.

- Người đem tâm ra đây, ta an cho.

- Con tìm tâm không thể được.

- Ta đã an tâm cho người rồi.

Ngài Thần Quang nhân đây khế ngộ, được Tổ đổi tên thành Huệ Khả.

Quý vị thấy có vô lý không? Xin pháp an tâm, lại bảo tìm tâm. Đến khi tìm không được thì bảo đã an tâm rồi. Vậy an bằng cách nào? Lúc trước đọc đến đây, tôi cũng ngẩn ngơ không biết làm sao. Khi nghiên cứu kỹ và tu hành một thời gian, đọc lại đoạn này, tôi giật mình. Lâu nay, ta cứ khờ dại ngỡ rằng có một pháp nào đó có thể làm cho tâm an. Nhưng Tổ không dạy pháp nào, mà chỉ cho chúng ta thấy tâm bất an là hư dối. Tâm hư dối không thể tìm được, nên Tổ nói: *Ta đã an tâm cho người rồi.*

Đường lối tu của Thiền tông là phản quan, tức là nhìn lại. Nhìn lại tâm bất an vừa dậy khởi, thấy nó hư dối. Hư dối mất thì tự an, còn hỏi pháp an tâm là dư thừa. Nếu nó thật thì dù buông cũng không mất, vì giả nên buông liền tự mất. Tu được như thế là chứng tỏ quý vị đã tỉnh. Trong giờ ngồi thiền, thấy niệm khởi biết hư dối, không theo đó là tỉnh.

Nhiều người ngồi thiền cứ nuôi vọng tưởng, nghĩ đến những điều lành, rồi cho là mình biết tu, không biết như vậy là trái với thiền. Tu thiền là phải nhận chân nơi mình cái gì thật cái gì hư, sống với cái thật, không theo cái giả. Chỉ cần nhớ được cái thật thì sẽ buông cái giả dễ dàng. Vì quên cái thật nên cái giả mới có khả năng lôi mình đi.

Quý vị xét lại vì sao chúng ta dễ nóng giận? Bởi thấy mình là người tốt, người cao thượng, nên khi bị chê liền nổi giận. Nếu tự cho mình không ra gì,

thì dù ai chê cười cũng chẳng sao. Nếu cứ tranh chấp thì dù đúng hay sai cũng đều không phải. Con sân làm mình thua thiệt nhiều. Sân giận rồi thì ngòi thiền rất khó, cứ nhớ những chuyện vừa xảy ra, bỏ không được. Cho nên chúng ta phải khéo tu, đừng để nổi sân.

Người tu phải bỏ mê lầm, nuôi dưỡng tánh tỉnh sáng. Được vậy mới đi đến bờ giải thoát, bằng không thì đường trước mờ mịt chẳng biết về đâu. Chạy theo vọng tưởng là mê, biết mình có cái chân thật hiện hữu là giác. Giác và mê luôn sẵn đủ nơi chúng ta bất cứ giờ phút nào. Vì vậy, không cần phải tìm cầu được giác ngộ như đức Phật. Đức Phật tu hành nhiều đời nên đã vuông tròn công hạnh, giác ngộ viên mãn. Chúng ta đang giác từng phần, từ chối những cái mê, nuôi dưỡng những cái giác. Như vậy là khéo tu. Nhờ khéo tu nên có tiến.

Người thế gian đang chìm trong mê lầm, chúng ta phải cứu vớt họ. Quý vị đã là người đi tiên phong trên con đường giác ngộ giải thoát thì không thể chối bỏ trách nhiệm này, cũng không trông đợi vào một ai. Cương quyết đi cho đến nơi đến chốn, để cứu vớt chúng sanh, đó cũng chính là bản nguyện của người con Phật.

Ai cũng cho rằng người tu là cao thượng, nhưng đi tu mấy năm trở về, cũng không khác gì người thế tục thì đâu còn cao thượng nữa. Cho nên quý vị phải nhớ đừng dung dưỡng tật xấu. Tu hành trải qua mỗi tháng, mỗi năm phải khác, không thể như xưa được. Giá trị của người tu và người không tu khác nhau ở chỗ mê và giác. Người không tu sống trong mê lầm, chạy theo danh lợi tài sắc... Người biết tu thức tỉnh, buông xả không đuổi theo những sai lầm. Như vậy, giữa người giác và người mê có sự khác biệt rõ ràng. Chúng ta tu rồi mà vẫn đuổi theo những thứ thiên hạ say mê thì khác gì họ.

Đạo Phật là đạo giác ngộ, người tu theo đạo Phật là đi trên con đường giác ngộ. Giác ngộ biết tất cả chỉ là vọng tưởng, không theo và biết mình có cái chân thật. Nếu theo vọng tưởng thì nó dẫn mình tạo nghiệp đi trong đau khổ. Nghe lời trái tai liền nổi giận, tìm cho ra người nói xấu mình để tranh cãi. Hoặc người thích nghe nhạc, thưởng thức một bản nhạc hay, muốn tìm gặp người hát bản nhạc đó để khen ngợi. Rõ ràng nghiệp có sức mạnh ghê gớm. Vừa thấy sắc bên ngoài, trong tâm liền dấy niệm, bởi tương ưng nên bị dẫn đi.

Hiện tại, chúng ta còn bị dẫn, hướng nữa là đến khi nhắm mắt, nghiệp kéo mình đi thì chạy đâu cho khỏi. Cho nên nói nghiệp có sức mạnh dẫn ta đi trong luân hồi sanh tử. Muốn thắng được nghiệp thì phải bỏ tham sân si. Nếu không thắng được nghiệp thì đời sau biết đi đâu, ở chỗ nào! Đó là điều chúng ta cần phải lưu tâm.

Tu hành là tự gánh vác việc của đời mình, chính mình phải làm, không ai thay thế được. Dù thầy bổn sư thương thì cũng chỉ có thể nhắc nhở tu hành

thôi. Nếu chịu nghe, chịu tỉnh thì đời tu có kết quả. Nếu không chịu nghe, không chịu tỉnh thì thôi đành chịu. Quý vị phải hiểu thật kỹ, sự tiến bộ trên đường tu được khẳng định bằng những việc làm với tâm cầu đạo thiết tha. Đó là điều thiết yếu.

Ở đời, muốn thành người khôn ngoan phải đi học. Trong đạo, muốn giác ngộ phải làm sao? Người tu thiên là học hay vô học? Người đời đi học, tìm hiểu nhiều, còn chúng ta vào chùa, không học gì hết, ngồi lim dim hoài. Thế thì có ngu dốt không? Trong kinh Pháp Hoa dẫn chuyện một anh chàng nhà nghèo đi ăn mày, được người bạn giàu có mời về nhà đãi say sưa. Một hôm anh chủ nhà có việc phải đi xa, thấy bạn mình nghèo quá, bèn lấy một viên ngọc quý nhét vào trong túi áo anh ta. Chừng nào anh ta tỉnh, sẽ dùng viên ngọc mà hết nghèo. Nhưng rồi hai, ba năm sau gặp lại, người bạn cũ vẫn thấy anh này đi ăn mày. Ngạc nhiên, người bạn hỏi: Tại sao tôi đã cho anh viên ngọc để trong túi áo mà tới giờ anh cũng còn đi ăn mày? Anh này giật mình móc trong túi áo, lấy ra viên ngọc. Từ đó, anh hết nghèo.

Chúng ta cũng có viên ngọc quý vô cùng nhưng lại bỏ quên. Bởi quên nên của quý nằm sẵn trong người mà vẫn khổ sở, đói thiếu. Người xưa nói: Trong sọt rác như bản, cũng có viên ngọc dưới đáy. Người biết dùng tay bới rác lấy hòn ngọc lên thì hết nghèo. Cũng vậy, trong thân như nhớp này có hòn ngọc quý mà ta không biết. Bây giờ biết rồi thì phải lấy ra dùng. Viên ngọc dụ cho bản tâm chân thật của chính mình. Ngày xưa, đức Phật đã quyết chí tu hành để nhận ra tâm chân thật. Tâm chân thật hiển bày thì đầy đủ diệu dụng.

Diệu dụng của Phật trước hết là Tam minh. Đức Phật ngồi thiền dưới cội Bồ-đề đến đêm thứ bốn mươi chín, vào canh hai, ngài chứng Túc mạng minh, biết được vô số kiếp thời quá khứ. Tới canh ba, ngài chứng Thiên nhãn minh, có thể nhìn thấy những vật rất nhỏ như vi trùng, rất xa như hằng hà sa thế giới, tức là số thế giới nhiều như cát sông Hằng. Từ canh ba đến canh năm, ngài chứng Lưu tận minh, giải thoát sanh tử, biết rõ manh mối gì mà con người trầm luân và làm sao để giải thoát. Ngài thấy rõ và chỉ dạy cho chúng ta.

Cái biết của Phật không phải từ học mà được, chỉ do ngài lặng tâm sanh diệt điên đảo mà chứng ngộ. Khi tâm sanh diệt lặng rồi thì bản tâm tự sáng. Cái sáng đó là trí vô sư, trí không thầy mà biết hết tất cả. Khoa học cũng chưa hiểu hết những lời Phật dạy. Cái thấy của ngài xa vô cùng vô tận, khắp giáp tam thiên đại thiên thế giới. Bây giờ chúng ta chỉ có thể thấy được mặt trăng, mặt trời, hỏa tinh, mộc tinh rồi thôi, nhưng Phật thấy khắp tất cả. Ngài còn biết do nhân gì chúng sanh được sanh về các cõi, hưởng bao lâu thì hết phước, trả bao lâu thì hết nghiệp.

Hành giả ngồi thiền lặng tâm điên đảo, phát sanh trí tuệ, không cần học mà biết, không cần tìm mà thấy. Như vậy người đời chạy ra để tìm hiểu, người tu lặng hết để sáng, người nào ít tốn công hơn? Người tu ngồi thiền, lặng tâm điên đảo để phát minh cái sáng suốt sẵn có nơi mình, tìm lại viên ngọc quý đã bỏ quên, không tốn công gì hết.

Trong nhà Phật lấy giác ngộ làm tiêu chuẩn, mục đích hướng đến. Tu là giác ngộ. Tất cả các pháp trong thế gian đều thấy biết đúng như thật là giác ngộ. Song, muốn thấy biết đúng như thật, thì tâm phải an định, trí tuệ mới phát sanh. Thế thì người tu chúng ta đâu có thua thiệt gì so với người đời. Người thế gian học suốt cả đời cũng chưa hết kiến thức. Người tu chỉ ngồi thiền, giữ tâm yên định mà biết tất cả những điều thiên hạ chưa biết. Rõ ràng việc chúng ta làm đâu phải tầm thường. Người đời không biết, lại bảo quý vị còn trẻ, còn thời gian học hành mà không chịu học, vào đây ngồi lim dim hoài, uổng hết một đời. Sự thật không phải như vậy, chúng ta đang làm một việc cao siêu, vượt hơn tất cả.

Nếu không giải thích, quý vị cứ ngỡ là mình chịu thiệt thòi. Vào chùa ngồi lim dim từ năm này qua tháng nọ, không biết làm gì? Người đời mới được cử nhân năm kia, bây giờ đã là tiến sĩ rồi. Còn mình, nhìn lại không có gì hết, tủi thân, thấy tiếc quá nên muốn đi học thêm. Đó là suy nghĩ rất sai lầm. Việc tu hành không chặn bước tiến của quý vị, ngồi yên lặng cũng không phải ngu khờ. Một khi chúng ta thành công rồi thì sẽ vượt hơn tất cả các nhà bác học. Khi xưa chưa có kính hiển vi mà Phật còn nhìn thấy vi trùng, chưa có kính viễn vọng mà ngài thấy vô số thế giới. Cho nên, sau khi thành đạo, Phật mới tán thán rằng ai cũng có sẵn kho báu mà không chịu khai thác. Chính đức Phật đã khai thác được, nên ngài dạy lại cho hàng đệ tử tự khai thác.

Khi khai thác được, chúng ta sẽ bằng Phật hay thua Phật? Phật là bình đẳng, là Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vô thượng là không có trên, tức không ai trên ngài. Chánh đẳng là bằng Phật, tức ai giác ngộ được thì bằng ngài. Bởi đến đó là viên mãn rồi, không còn gì hơn nữa. Như vậy chúng ta có đủ khả năng thành Phật vì luôn sẵn có tâm Phật đang tiềm ẩn trong mình. Tiềm ẩn chứ không phải mất, nó vẫn hiển lộ, chỉ là do mình quên thôi.

Quý vị đừng sợ tu không thành công, chỉ sợ mình ngu si không chịu tu thôi. Bởi ngu si nên không chịu quay lại nhận cái thật, cứ đuổi theo cái giả bên ngoài, rốt cuộc mất mình. Chúng ta tu là buông bỏ những khôn ngoan lanh lợi của thế gian, nhưng sẽ được cái sáng suốt của bậc thánh hiền. Sự sáng suốt ấy mới xứng đáng cho thiên hạ kính mến. Người tu Phật khi đã sáng thì thấy tột cùng chân lý, không bao giờ thay đổi. Cái khôn ngoan thế gian có giới hạn, qua một thời gian liền khác, không có đích cuối cùng.

Nhiều vị khiêm nhường chỉ mong cầu đời sau có nhân tốt tu thêm, chứ không ngờ mình đang làm việc phi thường. Việc này không cần khoe với ai, tự mình làm tự mình biết. Chính mình phải khơi dậy viên ngọc sẵn có nơi mình, không ai có thể giúp. Đừng sợ cả đời tu hành không đi tới đâu. Phải nghĩ rằng tu một ngày là gỡ được một phần bụi bặm phiền não. Như gương bị đóng bụi lâu đời, lau chùi một ngày thì giảm bụi một ít. Ngày nào cũng lau thì gương càng sáng. Chỉ sợ gương đầy bụi mà ta không thêm lau chùi thì không thể sáng. Đã không thêm lau chùi, đôi khi còn muốn phủ thêm bụi nữa là rất khờ dại.

Người tu là những con người phi thường, làm việc phi thường. Chúng ta đã biết mình có cái thật thì phải phẫn tìm ra tận gốc, làm cho nó sáng lên. Nhưng trên thực tế, chúng ta đang mê, không thể nói tỉnh là tỉnh ngay, mà cần thời gian tỉnh dần. Song, nhất định không thể để mê trở lại. Con đường Phật đạo là con đường giác ngộ. Chúng ta đang đi con đường giác ngộ thì phải giác. Đi mỗi ngày trên một con đường dài tất nhiên sẽ có tiến, càng xa phàm tục càng gần giải thoát.

Cho nên từng phút giây trôi qua, cố gắng dẹp bỏ những thói quen tật xấu, để trở thành con người mà thế nhân trông đợi. Chưa nói đến người ngoài, ít nhất cũng có cha mẹ quý vị trông đợi. Chẳng lẽ cứ để họ than: Con tôi tu dăm bảy năm rồi mà về nhà cũng như người tầm thường, lại còn đòi hỏi việc này việc khác làm cha mẹ buồn phiền bực bội. Quý vị cố gắng tu để khi về thăm gia đình, kể những chuyện vui trong đạo cho cha mẹ nghe. Than ngán thờ dài chỉ làm cha mẹ thôi chí. Họ không biết mình đi tu có lợi ích gì, mà chỉ uổng phí một đời.

Chúng ta kiểm điểm lại mỗi ngày có giác được phần nào không? Nếu kiểm điểm lại, thấy mỗi ngày mỗi giác là điều đáng mừng. Nếu vẫn còn nguyên như cũ thì phải sám hối nguyện vươt lên, không thể đứng hoài một chỗ. Biết bao nhiêu người đang trông đợi chúng ta, mình không cố gắng làm cho tròn thì không có tinh thần trách nhiệm với gia đình và xã hội. Vì vậy, chư tăng ni cần phải nỗ lực hơn. Có giác ngộ mới đánh thức được cha mẹ và những người thân quen. Nếu không giác thì không đánh thức được ai. Đây là một việc làm hết sức cụ thể.

Trách nhiệm của người tu là tự giác giác tha, nếu không tự giác thì làm sao giác tha? Cho nên, mỗi ngày trôi qua, chúng ta phải giác. Thí dụ thời gian trước, ngòi thiên một giờ vọng tưởng hết 80%, bây giờ chỉ còn 50% là giảm rồi. Vọng tưởng giảm, tất nhiên đã có giác. Sự tu hành có tiến mới gần giác ngộ, nếu cứ đứng lì một chỗ thì không tới đâu. Người nào đứng yên một chỗ là phụ ơn cha mẹ nuôi dưỡng, phụ ơn thầy tổ chỉ dạy và cô phụ chính sơ tâm xuất gia của mình.

Vậy nên phải tu làm sao cho xứng đáng, không lỗi thôi được. Gia đình nào có một hai đứa con đi tu, ai cũng khen gia đình đó có phước quá! Tại sao có phước? Vì đi tu là việc làm tốt cho gia đình và xã hội. Tốt không phải làm từ thiện giỏi mà tốt vì giác ngộ. Giác ngộ nhiều thì làm việc tốt nhiều, giác ngộ ít thì làm việc tốt ít.

Quý vị đã chọn giác thì phải dành nhiều thời gian để phản quan, hạn chế thời gian rong ruổi bên ngoài. Phản quan để thấy rõ mình, giảm bớt vọng tưởng, đó là biết tu. Sở dĩ ở thiền viện cấm không được đọc sách báo bên ngoài là để thiền sinh không chạy ra, mà quay lại chính mình. Như vậy có buồn không? Người không buồn mới là biết tu. Có phản quan mới giác ngộ, không phản quan thì không thể giác ngộ. Đó là chỗ đạo Phật khác với những tôn giáo khác.

Tu thiền là dùng trí tuệ soi lại chính mình. Người tu thiền dùng trí tuệ phản quan, nhận ra cái chân thật. Mỗi ngày, quý vị tụng Bát-nhã nhiều lần, nương Bát-nhã đi trên con đường trí tuệ. Chúng ta khởi đầu bằng trí tuệ Bát-nhã, dùng tâm vọng tưởng thì trí tuệ sáng. Đó là kết quả của người tu thiền.

Niệm Phật thì dùng lòng tin, tin có cõi Cực lạc, tin có đức Phật A-di-đà đón rước. Một bên dùng lòng tin, một bên dùng trí tuệ. Người lớn tuổi thường khó tu thiền, vì họ có lòng tin mạnh, sợ ngày mai chết không biết đi đâu, nên dễ niệm Phật. Người tu Tịnh độ khởi đầu bằng lòng tin, niệm Phật đến nhất tâm bất loạn thì thấy Phật Di-đà đến rước. Lại trong kinh nói nếu niệm Phật bảy ngày được nhất tâm bất loạn, khi lâm chung nhất định thấy Phật Di-đà cùng thánh chúng hiện ra trước mặt. Nhất tâm là định, định rồi thì thấy Phật hiện, đó là giác.

Mục đích của đạo Phật không khác, nhưng phương tiện có khác. Nếu không đủ sức vận dụng trí tuệ thì vận dụng lòng tin. Hiểu như vậy mới thấy Thiền hay Tịnh đều tốt. Hai pháp môn này vốn không chống đối nhau, nếu cứ tranh cãi hoài thì rốt cuộc chỉ là vô ích. Phật tử tùy theo trình độ, khả năng mà chọn lấy một pháp tu, tu đến nơi đến chốn thì tất cả đều gặp nhau. Trên đường tu, chúng ta làm tròn việc của mình là tốt. Tu có kết quả thì không chỉ mình tốt, mà những người chung quanh cũng được hưởng tốt đẹp.

Chúng ta đã đi tu thì phải giác ngộ, hoặc giác ngộ ít hoặc trọn vẹn, chứ không thể lưng chừng. Một đời tu là một đời quý báu, không thể đem cái quý báu đổi lấy cái tầm thường. Chỉ khi nào thu nhặt được kết quả giác ngộ thì đời tu mới xứng đáng. Nếu không giác ngộ viên mãn thì phải giác ngộ từng phần. Nếu hiểu sai, ứng dụng lệch lạc thì uổng đi một đời. Chẳng những uổng cho mình, mà cũng tội nghiệp cho những người thân đang trông đợi, để rồi lại thất vọng.

Tóm lại, Ni chúng phải biết rõ trách nhiệm và con đường của mình. Đó là con đường giác ngộ. Song muốn giác ngộ thì phải thiền định, phát huy trí tuệ. Từ công phu cho đến lao tác, chúng ta luôn dành cho mình sự yên tĩnh, đừng vì ồn náo mà quên mất cái gốc Phật sẵn có. Quý vị cố gắng tu hành, đừng thôi chí, cũng đừng phiền náo với ai. Chúc tất cả sống an vui, ngồi thiền tỉnh táo, mai này gặp nhau luôn mỉm cười.

ĐẦU MỐI CỦA LUÂN HỒI VÀ GIẢI THOÁT SANH TỬ

Giảng cho tăng ni thiền viện Trúc Lâm

Hôm nay tôi sẽ nói về đề tài *Đầu mối của luân hồi và giải thoát sanh tử*. Đây là vấn đề thiết yếu cũng chính là manh mối tu hành của tất cả chúng ta. Ai tu cũng muốn giải thoát, tức là ra khỏi sanh tử. Vậy phải biết đầu mối của giải thoát sanh tử ở chỗ nào, cũng như đầu mối của luân hồi sanh tử ra làm sao, mới có thể dừng hoặc tránh được.

Đầu mối của luân hồi sanh tử là ở chỗ hữu niệm, đầu mối của giải thoát sanh tử là ở chỗ vô niệm. Đó là nói thẳng về thiền. Thiền tông chủ trương “Vô niệm vi tông” cho nên vô niệm là chỗ chủ yếu. Vậy hữu niệm là gì, vô niệm là gì?

Hữu niệm là trong đầu luôn suy nghĩ, tính toán. Nó là nhân dẫn chúng ta đi trong luân hồi sanh tử. Vì thế tu cốt phải vô niệm. Còn niệm là còn động, động tức loạn nên đi trong sanh tử. Vô niệm là không động tức định, định thì không đi trong sanh tử, gọi là giải thoát. Tu thiền mà còn động thì thiền không có kết quả. Đó chính là gốc của sự tu, chúng ta phải nhìn cho tường tận.

Muốn niệm dừng lặng, đa số chúng ta phải ngồi thiền. Đây là phương tiện giữ tâm được yên lặng. Vậy mà nhiều khi ngồi nó không chịu lặng, ngồi nửa giờ một giờ cho tới hai giờ, vẫn còn rất nhiều niệm. Người xuất gia có thời gian tu tập còn chưa thể dừng được niệm trong một hay hai tiếng đồng hồ, huống là người tại gia. Lâu nay chúng ta quen suy nghĩ liên miên hết chuyện này đến chuyện kia. Bây giờ tập làm sao khi cần mới nghĩ, không cần không nghĩ. Tập được là bước tiến đáng mừng. Nếu tập lâu vẫn chưa thành công là do sức tập còn yếu. Muốn dứt niệm thì đi đứng nằm ngồi đều phải làm chủ mình. Nếu chỉ giờ ngồi thiền mới tập làm chủ, còn đi đứng tha hồ cho tâm chạy ngược chạy xuôi, thì tu hoài sẽ chẳng có kết quả. Cố gắng không để vọng tưởng lôi kéo, lâu ngày thuần thục sẽ thấy giá trị cũng như hiệu nghiệm của sự tu hành. Nếu buông lung tâm hoài e rằng tu suốt đời cũng chẳng có kết quả chi. Đó là điều hết sức thiết yếu.

Giải thoát sanh tử nghĩa là dừng niệm, dứt niệm. Cái gì làm trở ngại sự tu chúng ta phải vượt qua, cái gì làm thành công chúng ta phải đạt đến, khả dĩ đời tu của mình mới có kết quả. Có những điều chúng ta thấy như thường nhưng làm lại rất khó. Giả sử khởi nghĩ hay dừng nghĩ đều là quyền của mình. Vậy mà nghĩ thì cho, mà bảo dừng nghĩ nó không chịu. Nếu để niệm làm chủ nhất định đi trong luân hồi sanh tử. Đó là chuyện rõ ràng không phải mơ hồ. Một khi chúng ta chưa làm chủ được mình thì nhất định lục đạo sẽ kéo lôi.

Ai cũng nguyện tu để giải thoát sanh tử mà không thắng được niệm. Miệng nói tu giải thoát mà trong đầu nghĩ đủ thứ dùng không được. Người xuất gia cũng như tại gia, ai quyết tâm dứt khoát không muốn luân hồi sanh tử nữa thì phải cố gắng hết mình. Tu là bản nguyện lớn, muốn ra khỏi sanh tử phải tập làm chủ tất cả tâm niệm. Nó không phải một chiều một hướng bởi vì đang nghĩ tốt bất thần chen vô nghĩ xấu. Hoặc đang nghĩ điều cao siêu giải thoát bất chợt những điều phàm tục chen vào. Nó nhanh đến nỗi chúng ta không kiểm soát kịp, nên khó thoát con đường tạo nghiệp sanh tử.

Sự tu là một vấn đề quá ư vi tế, lại rất khó khăn đòi hỏi chúng ta phải cố gắng tối đa, thấu suốt tường tận. Phật tổ dạy ngài thiên để được định, ngày xưa có nhiều vị thiên sư lên non lên núi ngài một mình, dám liều chết để thắng niệm, làm chủ mình. Ngày nay chúng ta tu nhẹ thôi, ngài kiết già nghiêm chỉnh trước bàn Phật, kèm cho yên chứ chưa hoàn toàn thanh tịnh. Được bao nhiêu mừng bấy nhiêu, chưa ai bảo đảm vô niệm. Xuất gia ở chùa chay lạt, tụng kinh ngài thiên... chưa chắc giải thoát sanh tử, cốt yếu phải làm chủ được những niệm đang dậy khởi hoặc dùng được niệm tạo nghiệp. Niệm niệm sanh diệt nối tiếp nhau, nếu không giải quyết được nhất định không thể ra khỏi sanh tử. Đây là vấn đề hết sức lớn.

Chúng ta nguyện cố gắng tu được giải thoát để cứu độ chúng sanh. Nguyện là vậy nhưng thành tựu cũng hiếm hoi lắm, trăm người chưa được một người, vì đây không phải chuyện dễ dàng. Chư tăng ni cũng như quý Phật tử cố gắng đi đến nơi đến chốn. Đường dài nguy hiểm mà cứ chần chừ, đi một chút than mỗi một đòi nghỉ thì không biết bao giờ đạt tới đích. Nhiều người cũng quyết tâm nhưng chưa vượt qua các trục trặc trong khi tu. Vì vậy ngay từ buổi ban sơ phải gan dạ cùng mình, lười thôi không được.

Chúng ta đã xuất gia vào đạo ai cũng mong được giải thoát sanh tử. Nguyện quá cao siêu đáng phục mà làm không được gọi là nguyện suông, không có giá trị. Một việc làm rất cao quý thì hành động cũng như sự cố gắng phải miên mật mới đi đến nơi đến chốn. Nếu nguyện lớn mà khi bị vô minh phiền não cột trói, tâm không làm chủ được là tu chưa tới đâu. Vô minh nghĩa đơn giản nhất là thấy thân này thật. Phật luôn dạy thân là vô thường, khổ, không, duyên hợp hư giả v.v... Chúng ta là đệ tử Phật lại thấy nó thật, phải chăng ngài dạy một đường mình làm một ngã. Nên cố gắng điều chỉnh mình, nói được học được thì phải thực hành cho được. Như vậy trên đường tu mới thành công.

Nói quyết tâm giải thoát sanh tử để cứu độ chúng sanh mà ra không được thì chắc chắn không thể cứu ai. Vì thế hiểu Phật pháp càng sâu thì sự tu hành càng phải vững vàng nghiêm nhặt. Nếu hiểu nhiều hành ít sẽ mãi lẩn quẩn hết trói buộc này sang trói buộc khác. Tất cả tăng ni đều không ưa ba thứ độc tham

sân si. Nếu còn nuôi dưỡng chúng tức chưa xứng đáng người xuất gia thanh tịnh. Vậy mà chưa ai thực sự can đảm bỏ hết ba thứ độc đó.

Tôi thường tự trách mình, tham sân si là ba thứ độc mà tại sao còn chứa. Trách như vậy mà muốn bỏ hết lại bỏ chưa được. Chúng ta phải cương quyết nhất định không để nó bén mảng tới gần mình. Cương quyết đạt tới mục đích thanh tịnh giải thoát, nếu không ba độc sẽ ám ảnh hoài. Cái này bỏ chưa xong cái khác lại vây bủa, lẫn lộn trong đó ra không được.

Tăng ni có việc đi ra ngoài, bắt thân ai chỉ mặt quý vị chửi om sòm, lúc đó giải quyết sao? Nổi giận tức là sân. Bị người ta chửi, quý vị vẫn cười tự tại là hết sân. Hết sân thì tham cũng giảm. Sở dĩ chúng ta không thể làm được những việc khó làm vì còn thấy thân này thật. Tuy bản nguyện tu hành rất cao thượng nhưng khi đụng chuyện lại quên hồi nào không hay. Việc qua rồi hối hận thì quá muộn, đó là điều chúng ta thường vấp phải.

Tôi khuyên tất cả tăng ni nên nhớ giữ những giới mình đã thọ nhận. Khi được đăng đàn thọ đại giới, Tỳ-kheo nguyện giữ 250 giới, Tỳ-kheo-ni nguyện giữ 348 giới. Quý vị nguyện trước Phật là thế, nhưng hành trọn vẹn chưa hay cũng rơi rớt phần nào? Nếu không hứa thì thôi, đã hứa lý đáng phải làm cho đầy đủ. Tam độc chưa thắng thì những thứ khác làm sao thắng nổi. Người tu phải đặt tam độc là kẻ thù, không cho nó bén mảng tới gần, được như vậy sự tu mới thành công. Nếu coi tam độc bình thường, ai nói động tới cũng nổi nóng la lối om sòm thì không hơn người thế tục bao nhiêu.

Tu không phải một sớm một chiều có thể tiêu ma hết những cái dở xấu, có khi cả đời vẫn chưa tiến. Năm rồi người ta nói một câu xúc phạm mình nổi giận; năm nay cũng câu đó, mình bớt giận chưa hay cũng y nguyên năm ngoái? Đó là những việc cụ thể. Đừng trông mong những gì cao siêu mà phải thấy rõ nội tâm mình có giảm bớt điều xấu dở hay chưa. Lúc nào cũng xoay nhìn lại mình, không nên chỉ thấy lỗi kẻ khác mà quên lỗi mình.

Người thực tu phải thấy lỗi mình mới tu được, còn thấy lỗi người dễ sanh bực bội, nóng nảy. Tự sửa lỗi mình còn lỗi người để họ tự giải quyết. Không nên ngồi lại nói với nhau, thầy A lỗi này thầy B lỗi kia. Cứ kể lỗi huynh đệ còn mình không nói động tới, như vậy là chưa tốt. Trong chúng, nhiều người thật đáng kính. Họ đến trước tôi xin sám hối, hỏi nguyên do liền kể hôm trước con làm chuyện đó sai mà huynh đệ không biết nên không chỉ, hôm nay con thấy đó là lỗi xin sám hối. Đây là những vị can đảm, đáng khen. Nhiều vị phạm lỗi bị người khác chỉ trích cũng không nhận, thật là quá yếu đuối.

Mỗi ngày chúng ta sống đây là nhờ công ơn của đàn-na thí chủ giúp đỡ. Chúng ta không làm ra tiền bạc, cơm nước, vải vóc v.v... mà vẫn được ăn no mặc ấm thì phải ra công tu hành để đền đáp lại. Mỗi người cố gắng thực hiện

cho được tâm nguyện tu hành của mình, làm sao phiền não càng ngày càng giảm, tâm càng ngày càng thanh tịnh, đó mới thực là tu. Nếu cứ thấy huynh này đệ kia lỗi nhiều lỗi ít, nói qua nói lại sanh phiền não cả chòm, là chưa thực sự biết tu.

Mong tăng ni cố gắng ghi nhớ và ứng dụng những điều tôi đã nhắc nhở.

NÓI RÕ ĐƯỜNG LỐI TU HÀNH

Thiền viện Trúc Lâm 01-09-2005

Hôm nay tôi sẽ *nói rõ đường lối tu* hiện giờ của chúng ta. Ai cũng biết thiền viện là nơi tu thiền nhưng thiền có nhiều cách: Nguyên thủy, quán chiếu... Còn chúng ta ứng dụng pháp thiền nào trong khi tu? Đây là vấn đề cần yếu, mong tất cả tăng ni nghe hiểu và thực hành để đời tu được nhiều lợi lạc.

Chúng ta tu theo thiền tông Việt Nam và có ảnh hưởng tinh thần thiền tông Trung Hoa. Tông chỉ của nhà thiền là “Dĩ vô niệm vi tông, vô môn vi pháp môn”, lấy vô niệm làm chỗ tột cùng. Chư tổ ở Trung Hoa cũng như Việt Nam đều tu tới chỗ vô niệm. Phật dạy tâm chúng sanh có hai: tâm sanh diệt và tâm không sanh diệt. Tâm sanh diệt là suy nghĩ liên miên không dừng, nó tạo nghiệp dẫn đi trong luân hồi sanh tử. Tâm không sanh diệt còn gọi là vô sanh hay chân tâm, lúc nào cũng có mặt nhưng chúng ta thường bỏ quên. Vì nó luôn luôn hiện hữu nên đừng đâu mình biết đó, muỗi cắn chỗ nào cũng biết. Vậy mà chúng ta không nhớ, chỉ nhớ cái lãng xãng sanh diệt hư dối chợt có chợt không. Tu thiền là dừng tâm lãng xãng đó.

Khi chúng ta không nghĩ chuyện gì hết, lúc này mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe, mọi thứ diễn ra xung quanh đều biết, cái biết đó không hình tướng. Nhưng chúng ta lại quen sống với tâm sanh diệt là gốc của luân hồi sanh tử, không nhận ra cái thật. Đây là điều tối kỵ của người tu thiền. Chúng ta phải biết rõ tâm vô sanh đang trùm khắp không bao giờ vắng thiếu. Nếu nhận những suy nghĩ lãng xãng trong đầu cho là mình thì thật sai lầm và nguy hiểm. Do đó Phật nói muốn giải thoát sanh tử phải dừng tâm suy nghĩ phải quấy, hơn thua được mất...

Phật dạy ngồi thiền để định tâm, tức là dừng tâm sanh diệt chứ không có gì lạ. Tâm sanh diệt dừng thì hết tạo nghiệp, không còn đi trong sanh tử. Đó là nhân giải thoát. Chúng ta tu phải can đảm, nỗ lực quyết dừng tâm sanh diệt, đừng quá thương nó rồi không dám bỏ. Ngồi thiền là phương thức dễ điều phục tâm lãng xãng nhất. Ngoài ra trong lúc đi đứng nằm ngồi, nếu suy nghĩ miên man phải biết dừng. Vọng tưởng có sức lôi kéo rất mạnh, ngay cả khi ngồi thiền hết nghĩ chuyện này tới chuyện khác, chuyện mình chuyện người đủ thứ. Đó là nhân tạo nghiệp đi trong luân hồi không có ngày cùng. Phật dạy tu thiền định là định tâm lãng xãng đó, cho nên thiền tông lấy vô niệm làm tông chỉ.

Vô môn vi pháp môn tức là lấy cửa không làm cửa pháp. Thấy rõ tất cả sự vật bản tánh không thật thì tâm sanh diệt dừng. Kinh Bát-nhã dạy *chiếu kiến ngũ uẩn giai không*, đêm nào chúng ta cũng tụng nhưng chưa thấm Bát-nhã, thành thử thấy ngũ uẩn giai hữu. Thân này không thật, vì duyên hợp tạm có

nên nó là không. Ngũ uẩn không thì sự vật bên ngoài cũng không, nên nói *vô môn vi pháp môn*, cửa không là cửa pháp. Hàng ngày chúng ta tụng tới tụng lui Bát-nhã để nhớ ứng dụng mà tăng trưởng trí tuệ.

Mở đầu kinh Bát-nhã nói quán năm uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức nguyên là không thì qua tất cả khổ ách. Chúng sanh thấy năm uẩn là thật thành ra khổ ách tràn trề. Vì chưa thấm hiểu lời Phật dạy nên nhiều khi thấy mình đáng thương, sao mà khờ quá. Con người khi được sanh ra là không, đến lúc chết đi cũng trở về không. Đầu không cuối không, khoảng giữa mấy chục năm bám vào đó cho là thật thì quá khờ dại, không thấy được lẽ thực.

Phật đã giác ngộ nên thấy đúng chân lý, nếu chúng ta thấy ngược lại là mê. Muốn tỉnh giác phải thấy năm uẩn không thật, cho nên ai kêu tên mình chửi cũng không giận. Khen chê là giả, đâu có gì thật thì qua được nhiều khổ ách. Ngược lại, thấy thân thật động tới là phiền não, khen vui, chê buồn đủ thứ, là do không thấy được chân lý. Bởi vậy tu là phải thấy lẽ thật, biết rõ thân này là không, duyên hợp giả có, tạm bợ hư dối. Chuyện gì đến cũng là trò chơi không quan trọng. Đó là cửa bước vào vô niệm.

Vô niệm là dứt nhân tạo nghiệp dẫn đi trong luân hồi sanh tử. Nhớ điều lành sanh cõi lành, nhớ điều dữ đọa cõi dữ. Muốn tu ra khỏi nghiệp lành, nghiệp dữ để giải thoát sanh tử thì phải vô niệm. Cho nên chúng ta phải tập vô niệm từng giờ, từng ngày. Nếu trong các oai nghi chưa vô niệm được, thì ít nhất hai buổi tọa thiền phải vô niệm. Ngồi thiền là tập cho tâm sanh diệt dừng lặng mới được định. Nó lặng rồi nhưng cái biết vẫn hiện tiền. Vì vậy tuy không nghĩ gì hết mà muỗi cắn vẫn biết như thường. Cái biết bao trùm không bao giờ mất, nó chân thật hằng hữu, nhưng lâu nay mình bỏ quên, mê muội chạy theo tâm sanh diệt, bị nó dẫn đi luân hồi trong lục đạo. Phật nói chúng sanh đáng thương là vì thế.

Suốt bốn mươi chín ngày đêm Phật ngồi dưới cội Bồ-đề, chiến đấu nội ma ngoại chướng, dừng hết tâm sanh diệt nên được giác ngộ, hoàn toàn sống với tâm chân thật. Nếu chúng ta trong một giờ đồng hồ dừng tâm sanh diệt không nổi, coi như đầu hàng nó rồi. Tới chừng nhắm mắt giận ai thì nguy, chắc chắn đi vào đường xấu, chỉ có vô niệm mới giải thoát sanh tử. Bởi vậy thiền tông lấy vô niệm làm tông chỉ, chỗ mà tất cả chúng ta phải đi tới.

Muốn ứng dụng đúng tinh thần nhà thiền phải cố gắng đừng bị niệm chi phối. Vô niệm là then chốt để ra khỏi lục đạo luân hồi. Người tu cầu giải thoát sanh tử cần tập vô niệm, đó là việc bổn phận của mình. Tham sân si gốc từ niệm, được vô niệm tự nhiên hết tham sân si.

Ngày nay chúng ta tu hời hợt, nên chưa từng thực hành phần then chốt. Bây giờ biết rõ manh mối rồi phải ứng dụng cho tốt. Làm sao một ngày nào đó

không còn niệm dẫn đi trong sanh tử. Tôi tự nhắc mình đã đến tuổi già, cho nên khoảng một hai năm nữa sẽ giao hết trọng trách cho những vị có khả năng, dành thời gian còn lại chuyên tâm tu hành. Vì thế quý vị trước phải tập lắng yên, tới lúc bớt việc sẽ chuyên sâu vào công phu hơn. Đi đứng nằm ngồi đều buông niệm, được thế việc tu tập mới có kết quả tốt đẹp.

Sự tu trong đạo Phật mới nhìn qua thấy như dễ. Tụng kinh, gõ mõ, đánh chuông đánh khánh, đủ hết... tu như vậy chỉ là ngoài da, nếu niệm niệm sanh diệt không đuổi được thì đi tới đâu? Cho nên muốn đạt đến mục đích rốt ráo là giải thoát sanh tử thì phải vô niệm, đó là điều không thể khác hơn. Tất cả chúng ta cố gắng nỗ lực buông xả, việc gì qua rồi cho qua luôn, để tâm thanh thoi không một niệm. Trong oai nghi có dạy, trước khi ngồi thiền đọc thầm bài kệ:

Chánh thân đoan tọa,

Đương nguyện chúng sanh,

Tọa Bồ-đề tòa,

Tâm vô sở trước.

Vô sở trước tức là không khởi nghĩ, không dính mắc bất cứ cái gì. Trãi tọa cụ ngồi, tâm không vương mắc tức là vô niệm. Hiểu thế chúng ta mới thấy chữ *tổ* rất khéo léo, trong tất cả việc làm ở mọi lúc mọi nơi, mỗi mỗi đều nhắc nhở bằng bài kệ ngắn gọn để mình nhớ. Rõ ràng chân tâm thường trực điều hành. Nó sẵn có, chỉ vì niệm che khuất. Ngồi thiền để định cái lăng xăng, chứ đâu phải định cái thường biết. Cái thường biết tràn ngập toàn thân vốn không động tịnh, đâu cần định nó.

Tu là phải tập dừng tâm lăng xăng giả dối, sống trở về cái thực của mình. Dù đi kinh hành hay ngồi thiền, tâm luôn luôn rỗng rang không một niệm là sống được với chân tâm. Tuy nhiên ngồi kiết già nghiêm chỉnh, buông dễ hơn lúc đi tới đi lui. Bước ra khỏi chùa thì nghĩ kiểu này kiểu kia, bá vô trong mình đủ thứ chuyện. Miệng nói tôi tu giải thoát sanh tử nhưng lại ôm ấp nghĩ suy hơn thua, phải quấy, tốt xấu, được mất thì không bao giờ giải thoát nổi. Đó là lẽ thực.

Quý vị không hiểu chủ đích mình nhắm nên tu lợ mơ, đối với cái thực lại lợ là. Mắc kẹt các duyên bên ngoài và tham sân si bên trong là nhân dẫn đi luân hồi không có ngày dừng. Muốn ra khỏi luân hồi phải trở về cái chân thật của mình. Nói trở về không phải có nơi chốn nào khác để trở về, mà ngay nơi mình dừng tâm sanh diệt thì cái bất sanh bất diệt hiện tiền. Cũng như bụi phủ trên gương thành tối, muốn gương sạch phải lau bụi thì gương sẽ sáng. Chân tâm hiện tiền cũng như thế, bởi vọng che phủ thành ra không biết nên cứ đi tìm. Thực ra muốn sống với cái chân thật chỉ cần dừng tâm sanh diệt. Đi đứng cứ

đi đứng, không nghĩ không tưởng. Ngồi thiền buông tất cả, yên lặng mà thường biết gọi là thiền định.

Người thực tu thấm nhuần lý đạo, không hổ thẹn là người xuất gia cầu giải thoát sanh tử. Niệm là nhân dẫn chúng ta đi trong luân hồi lục đạo. Dừng niệm, sạch niệm là nhân giải thoát sanh tử. Trong mọi oai nghi, không khi nào chúng ta xao lãng sự tu. Ngồi thiền tâm yên tịnh, vừa dấy niệm liền dùng vô *niệm* hoặc *không niệm* đập thì nó sẽ tan. Nếu niệm khởi mà cứ im lặng thì nó tiếp tục sống dậy và dẫn mình đi hồi nào không hay. Chỗ này thực là khó nhưng tôi đã thực tập được, điều phục lâu ngày thành ra thuần thực.

Tu trong các oai nghi khác, thường tự nhắc câu “chân tâm vô niệm” thì tâm không nghĩ bậy, không chạy ngược chạy xuôi. Nghĩa là chúng ta phải dùng dây thừng xỏ mũi giắt nó lại. Muốn sống với chân tâm thì không niệm, vì vậy đi đứng nằm ngồi tập sống với chân tâm. Sự tu hành thực ra rất tinh vi chứ không thô tháo như những việc bên ngoài. Hai trường hợp tôi vừa nêu là phương pháp chặn đứng niệm khởi để tiến đến vô niệm. Đó là tu thiền theo phương pháp tôi hướng dẫn.

Pháp tu chúng ta thực hành là lấy vô niệm làm tông chỉ. Ngồi thiền vô niệm, đi đứng nằm ngồi cũng vô niệm. Vô niệm thì khi nhắm mắt không còn bị nghiệp dẫn trong sanh tử. Còn niệm là còn nghiệp, niệm lành tạo nghiệp lành, niệm dữ tạo nghiệp dữ, kết quả đi trong lục đạo luân hồi. Muốn ra khỏi luân hồi phải vô niệm, đó là điểm trọng tâm. Tăng ni nắm rõ gốc của sự tu mới thấy yên ổn. Nhiều người không hiểu nay lượm chỗ này một mớ, mai lượm chỗ kia một mớ, rốt cuộc không rõ mình đang tu pháp gì.

Muôn vô niệm phải biết rõ các pháp không thật, thân không thật, không nhớ nghĩ gì thêm. Còn lăng xăng lộn xộn thì nhắm mắt bị nghiệp dẫn. Tôi bảo đảm vô niệm sẽ giải thoát sanh tử chắc chắn trăm phần trăm. Hôm nay những điều thiết yếu trong pháp tu thiền, tôi đều nói cho quý vị biết hết rồi, chỉ còn việc thực hành thôi. Mong tất cả cùng cố gắng, thương đời tu của mình mà nỗ lực không ngừng.

MỤC ĐÍCH TỌA THIÊN

Hôm nay tôi nói về một vấn đề rất quan trọng mà hiện giờ chúng ta đang thực hiện, đó là *Mục đích ngồi thiền*. Chư tăng ni sống trong thiền viện đang thực hành theo pháp tu thiền, thành thử việc ngồi thiền được đặt lên hết. Mục đích ngồi thiền nhằm đạt được cái gì? Đây là điều tất cả tăng ni phải hiểu rõ. Kết quả rốt ráo của người tu theo đạo Phật là giải thoát sanh tử. Ngồi thiền là một phương tiện để định tâm. Định tâm rồi mới đi tới giải thoát sanh tử được. Tại sao? Tâm chúng ta luôn lăng xăng điên đảo không yên, vì vậy nó liên tục tạo nghiệp không có ngày dừng. Bây giờ muốn dừng nghiệp, phải dừng được tâm loạn tưởng. Chừng nào nghiệp hết, chúng ta mới ra khỏi sanh tử. Do đó, mục đích của người tu học theo đạo Phật là cốt giải thoát sanh tử.

Bước đầu tiên trong tiến trình tu tập đòi hỏi chúng ta phải tập ngồi thiền. Tâm niệm lăng xăng phải quấy hơn thua liên tục khởi dậy trong đầu. Nếu lúc sắp lâm chung, niệm tưởng hướng về đâu nhiều, nó sẽ dẫn chúng ta tới chỗ đó, nghĩa là dẫn đi trong vòng luân hồi sanh tử. Bây giờ muốn thoát ly sanh tử phải làm chủ được tâm lăng xăng. Tâm lăng xăng yên định rồi mới có thể giải thoát sanh tử. Vì vậy nhà Phật dạy chúng ta tu phải có thiền định. Thiền định rồi trí tuệ sẽ phát sáng và đi tới giác ngộ, cho nên nói định rồi phát tuệ là vậy.

Muốn được định, chúng ta phải dùng phương tiện ngồi thiền để tâm định tĩnh, lặng lẽ. Chừng nào hết mọi vọng tưởng, trí tuệ mới hiện tiền. Cho nên bước đầu tiên phải dừng được vọng tưởng. Vọng tưởng hết mới mong giải thoát. Đó là mục tiêu người tu nhắm đến. Muốn giải thoát sanh tử, chúng ta phải tu thiền, đó là cái gốc. Tuy nhiên muốn dừng được tâm niệm lăng xăng là cả một quá trình khó khổ. Nhiều khi muốn năm ba phút tâm yên lặng cũng khó được. Nếu không làm chủ được mình, những niệm tưởng tốt xấu sẽ dẫn chúng ta đi trong luân hồi sanh tử.

Trong bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi, chỉ có lúc ngồi tu là thù thắng hơn cả. Bởi vì khi đi đứng nằm, muốn kèm tâm lăng xăng cũng kèm không được. Chừng nào ngồi yên, thân tâm đều an ổn mới dễ đạt được kết quả an định. Cũng vậy, khi mấy huynh đệ đi ra đường thấy cái này xem cái nọ lung tung, tâm nhất định không yên. Còn lúc ngồi thiền, tất cả các giác quan đều đóng hết, chỉ im lặng nhìn xuống. Đem tất cả nghị lực của mình chống chọi với vọng tưởng, không chạy theo vọng tưởng thì nhất định có được những phút giây yên định. Thành thử ngồi thiền là cốt dừng tâm loạn tưởng. Tâm loạn tưởng lặng rồi mới có thể giải thoát sanh tử. Ngược lại, tâm vọng tưởng liên miên thì đường sanh tử tiếp nối liên tục không bao giờ dừng. Đó là ý nghĩa thiết yếu tất cả tăng ni cần hiểu rõ.

Nói tới ngồi thiền là nói tới sự tu cần mẫn để tâm yên định, dùng hết nghiệp chướng, loạn tưởng, hầu đi đến thoát ly sanh tử. Đường lối tu này rất thiết yếu đối với chúng ta. Mỗi ngày đêm tăng ni ngồi thiền bốn tiếng đồng hồ để dùng lặng tâm lặng xả. Nếu trong thời gian đó đạt được kết quả như sở nguyện, chúng ta có niềm tin ngày mai sẽ giải thoát. Nếu kiếm một tiếng yên lặng không ra, nhất định chưa thể giải thoát được. Nói gần hơn, trong mười lăm phút tâm yên lặng không một niệm dấy động cũng là bước tiến đáng khen rồi.

Tôi mong rằng tăng ni cố gắng thực hiện cho đạt mục tiêu mình đang nhắm. Thiền viện là nơi chuyên tu thiền, chư tăng ni ngồi một thời hai tiếng đồng hồ, một ngày đêm ngồi bốn tiếng. Trong bốn tiếng chỉ xin mười lăm phút không vọng tưởng thì chừng bao lâu mới giải thoát? Đó là điều hết sức cay đắng cho người tu. Thành thử chúng ta phải làm chủ được mình. Dù sự tu chưa đạt kết quả liền, cũng phải tiến chậm từ từ chứ không được thôi lui.

Lúc trước tôi hay bị quan về vấn đề ngồi thiền mà loạn tưởng hoài. Tôi nghĩ tâm mình chắc không bao giờ an. Vừa ngồi xuống, niệm này niệm kia liên tục không dừng. Nhưng khi quyết tâm nỗ lực cố gắng, bỗng dưng tôi thấy nó yên chừng nào không hay. Thành thử bây giờ tôi hết sợ nó rồi. Cho nên tôi khuyên tăng ni ráng tu. Tập làm sao trong một thời ngồi thiền hai tiếng, phải nắm cho được một phần ba hoặc một phần tư thời gian tâm yên lặng. Quý vị đừng bị quan. Khi tu nếu chúng ta quyết chí chết sống không để loạn tưởng chi phối, cứ cố gắng như vậy tới một ngày nào đó sẽ mãn nguyện.

Các vị tổ ngày xưa lúc đi đứng nằm ngồi đều sống trong thanh tịnh. Chúng ta ngày nay mong được thanh tịnh trong giờ ngồi thiền cũng tốt lắm rồi. Chừng nào ngồi tại chỗ mà tâm an tịnh trong nửa giờ một giờ mới hy vọng ra ngoài làm chủ được đôi phần. Nếu ngồi đó không làm chủ trong mười phút là quá yếu rồi. Đây là thói quen chung của con người chứ không phải riêng ai. Tuy nhiên chúng ta có thể vượt qua được, chứ chưa phải bất khả thi.

Khi ngồi tu, có hai trường hợp khiến những niệm lăng xăng khởi dậy. Một là do chúng ta chưa miên mật trong lúc ngồi. Hai là lúc sinh hoạt ở ngoài, chúng ta thả lỏng cho nên tới giờ ngồi thiền tâm khó yên được. Chỗ này tăng ni nên lưu ý để thực tập, đi tới đi lui làm việc này việc nọ vẫn giữ tâm tỉnh sáng, tránh phan duyên. Cho nên nhiều vị thiền sư đi hay ngó xuống, không ngó người ngó cảnh. Đó là cách tập kìm chế không cho thả lỏng, để đến khi ngồi thiền làm chủ được mình.

Tới đây tôi đặc biệt nhắc nhở những vị hay nói chuyện nhiều vào ban ngày. Đây là điều khó xử của Tri khách. Quý vị hàng ngày phải tiếp khách tức là phải nói chuyện nhiều. Thành thử tới ngồi thiền, chuyện hỏi sáng hỏi trưa hiện trở lại, rất khó yên được. Vì vậy quý vị phải can đảm tập làm sao giờ nào ra giờ

đó. Giờ tiếp khách là tiếp khách, khách về rồi thôi, cho họ về luôn. Được như vậy thì tới phiên làm Tri khách không thiết thòi. Nếu khách đi rồi mà trong đầu mình còn lảng vảng hình ảnh của họ là không nên. Chúng ta phải khéo tập cho mình có được thái độ dứt khoát. Làm việc gì ra việc nấy, không nên để cái này lẫn át qua cái khác là không hay. Tập được rồi, sự tu hành mới không bị trở ngại và thối thất.

Tôi thường hay nhắc chư tăng ni, không có việc gì chúng ta làm không được, duy chỉ quyết tâm hay thiếu quyết tâm thôi. Người xưa đã làm được, hiện tại chúng ta cũng làm được. Nhớ vậy chúng ta cố gắng tập, đừng để những hình ảnh đã qua làm chướng ngại giờ tu của mình. Nếu quyết tâm, mọi việc đều thành công. Nếu thiếu quyết tâm, mọi việc đều trở ngại. Vì vậy trên đường tu quý vị cố gắng đừng để hoàn cảnh làm trở ngại. Không bị mọi việc xung quanh bu bám thì sự tu của chúng ta mới dễ thành công. Cho nên đừng vì hoàn cảnh mà tu không được là điều đáng tiếc.

Tôi luôn lo lắng chu cấp đầy đủ phương tiện để tăng ni yên ổn tu hành. Nếu ban ngày quý vị phải tiếp duyên đối cảnh này kia thì chịu khó đọc học thêm kinh sách. Ban đêm không phải làm công tác, không tiếp khách khứa thì tận dụng dành hết thời giờ ngồi tu cho thanh tịnh. Được như vậy là trên đường tu có tiền chứ không đến nỗi. Chúng ta có duyên tốt ở chỗ núi rừng vắng vẻ mát mẻ, tuy hơi ồn nhưng cũng có giờ yên. Ban ngày ồn mà tối yên tĩnh, như vậy cũng là cái ưu. Quý vị ráng tận dụng nhân duyên tốt lành này rồi ứng dụng tu, chứ đừng bỏ phí.

Thật ra so với những chỗ khác, như Thường Chiếu chẳng hạn, nơi đây có ưu thế hơn nhiều. Cái ưu thứ nhất là khí hậu mát mẻ. Dưới Thường Chiếu ngồi thiền ra mồ hôi ướt áo, còn trên này nếu có cũng chút thôi. Thứ hai, dưới kia buổi tối xe cộ chạy ầm ầm ngoài đường, bên trong thiền viện nghe rất ồn. Ở đây buổi tối rất yên, thành thử quý vị được an ổn ngồi tu. Nơi này đã được nhiều sự ưu việt hơn những chỗ khác, nếu quý vị tu không tiến thì huynh đệ dưới kia dễ tu không? Tôi so sánh như vậy để khuyến khích, sách tấn quý vị. Chúng ta phải biết lợi dụng những ưu điểm đang có để phát huy hết khả năng của mình, nhất định mai kia sẽ có bước tiến đáng mừng. Ngược lại, nếu tu lơ là hết ngày hết tháng, cứ vậy suốt đời cũng chẳng đi tới đâu.

Nhiều khi tôi muốn nhắc mấy huynh đệ cố gắng nhưng thấy hơi ngại. Tất cả mọi người đều quyết tâm tu nên mới đến đây. Vậy mà buổi tối ngồi thiền, thỉnh thoảng thấy chỗ này gục, chỗ kia gục, chán không? Quyết tâm tu thì phải tỉnh. Nhất là đầu hôm chưa có gì đáng đã ngủ gục, hướng nữa buổi khuya thì thế nào? Chẳng lẽ quý thầy cứ đi tới đi lui đánh rồi nhéo lỗ tai đủ thứ hết, thật quá phiền. Thành ra ai ngồi tu cũng phải quyết chí tinh sáng. Giờ tu là giờ vàng

ngọc chứ không phải giờ phí bỏ. Nếu mình cứ lơ lửng nửa tỉnh nửa mê thì đâu được kết quả gì. Điều này chư tăng ni phải ý thức rõ.

Trên đây tôi không cần chúng đông, chừng hai ba chục người cũng được, miễn sao tất cả đều tu hành có căn bản vững chắc là xứng đáng rồi. Nhiều khi ở đông mà không ai đàng hoàng thì chẳng có lợi ích gì.

Cho nên tăng ni phải nhớ, bốn phận của mình đến đây là đề tu. Tu thì tất nhiên phải hy sinh những gì cần hy sinh, chẳng hạn như giờ ngủ. Các nơi khác có thể ngủ sớm hơn một tiếng thì mình ngủ trễ hơn một tiếng. Hy sinh để có thời gian rộng cho mình tu. Ngủ ít tỉnh sáng nhiều là điều đáng khen, ngủ ly bì mê muội là nhân si mê. Cho nên người nào ham ngủ nhiều phải tự cảnh tỉnh. Tu cốt tỉnh giác chứ không phải tu để làm kẻ si mê. Vì vậy trong giờ ngồi thiền, quý vị cố gắng từ đầu giờ tới cuối giờ đều tỉnh hết.

Tuy ngồi thiền ngủ gục là căn bệnh chung rất phổ biến, nhưng người nào thật tinh tu hành có thể vượt qua được. Ngồi thiền tâm sáng suốt tỉnh táo thì ít ngủ gục. Ngồi thiền mà để tâm mơ mơ nửa tỉnh nửa mê thì gục nhiều. Cho nên khi nào quý vị cảm thấy hơi mờ mịt phải mở mắt sáng ra, trừng trừng với nó rồi cương quyết ngồi cho ngay thẳng. Đừng ngồi rùn rùn một hồi dễ gục xuống. Thân thẳng, mở mắt sáng dần dần sẽ thẳng được ma ngủ gục.

Thật ra trên con đường tu thiền có những điều cay đắng riêng. Một là đau chân, hai là ngủ gục, ba là loạn tưởng. Đau chân thuộc về thân, hôn trầm vừa thuộc về thân vừa thuộc về tâm, còn loạn tưởng thuộc về tâm. Trong ba bệnh đó, chúng ta phải cố gắng thắng từ từ hết cái này qua cái kia. Cái dễ thắng hơn hết là đau chân. Thật sự trong hai tiếng đồng hồ, đối với người mới tập ngồi thấy thời gian dài đằng đằng. Nhưng tu chừng hai ba năm sẽ quen, ngồi vô là đi một mạch luôn. Mỗi lần kéo chân ngồi thiền, tôi nhất định bắt kiệt già hai tiếng và không bao giờ để xuống nửa chừng. Chỉ có trường hợp khi bồ đoàn hơi lệch phải cựa quậy chỉnh sửa lại cho đúng chỗ thôi. Nếu không chỉnh lát sau mình nghe đau bên này nhức bên kia.

Bốn phận người giám thiền khi thấy huynh đệ mình ngồi không ngay thẳng phải chỉnh giùm, đừng để lâu ngày thành bệnh không tốt. Kế đó nữa, nếu thấy huynh đệ ngủ gục phải dùng thiền bảng đập nhẹ lên vai vài ba cái để đánh thức. Một lát sau quay trở lại thấy họ còn gục nữa thì dùng tay kéo lỗ tai hơi mạnh để họ giật mình. Phải đổi chiến thuật như vậy thì cơn buồn ngủ mới tan. Đó là ý nghĩa của việc giám thiền. Nếu thấy huynh đệ ngủ gục rồi bỏ qua thì việc giám thiền vô ích, không có lợi gì. Vì thương nên chúng ta giúp đỡ nhau bằng cách này cách khác. Đừng hiểu lầm làm như vậy là có ác ý hoặc làm nhục người kia. Vì lòng từ bi muốn huynh đệ ngồi tu lúc nào cũng tỉnh táo sáng suốt. Một giờ tu xứng đáng một giờ không phí uổng.

Tuổi tác mỗi ngày mỗi tăng thành thử ngày theo Phật không xa. Cho nên chúng ta phải ráng tu, đừng chần chừ. Tu cho mình chứ không phải tu cho thầy bạn. Vì vậy mỗi người tự cố gắng vươn lên, đừng đợi bị quở rầy trách phạt mới tu thì quá muộn. Lúc nào cũng thấy mình còn yếu kém để cố gắng vươn lên, thắng được tất cả cái yếu dở và theo kịp với huynh đệ trong chúng. Bốn năm chục người đều cố gắng thì không đến nỗi có cái dở phát sanh. Bệnh giải đãi dùng roi tinh tấn trị, bệnh ngủ gục dùng thuốc tỉnh sáng đuổi. Tỉnh sáng bằng cách mở mắt to ra nhìn mọi người xung quanh rồi tự hổ thẹn: “Tại sao người ta ngồi thẳng tỉnh táo còn mình ngủ gục!” Chúng ta cố gắng theo kịp huynh đệ, đừng để gục rồi lại tiếp tục lơ mơ, một hồi đi đâu không biết là yếu dở lắm. Những lúc tôi đi giám thiền thấy có chú nghèo cái đầu. Tôi sửa xong, lát quay lại thấy nghèo tiếp. Cứ vậy mà liên tục thật là thiệt thòi, không tốt. Chẳng lẽ lúc đó mình đánh cái chát cho giật mình thì thấy tội nghiệp. Nhiều khi giờ tu quý báu của mình bị mất hết mà không hay. Cho nên mỗi người tự ý thức rồi tự cố gắng tỉnh, đừng đợi người ta đánh hoặc xoa đầu đủ thứ. Tự làm chủ mình, tự vươn lên thì khả dĩ sự tu mới tiến. Quý vị phát tâm vô chùa tu đâu phải do ba mẹ, huynh đệ hay thầy tổ bắt ép. Tự mình phát tâm dũng mãnh vô chùa cạo bỏ râu tóc, mặc áo nhuộm, ăn chay trường. Ban đầu dũng mãnh gan dạ đáng kể như vậy thì sau này phải mạnh mẽ nhiều hơn nữa chứ. Dám can đảm bỏ cha mẹ và tất cả những gì của thế tục, vô chùa để thua con ma ngủ thì thật đáng xấu hổ quá. Chứng tỏ sức tu của mình không cương quyết, không dũng mãnh.

Dũng mãnh là anh hùng cương quyết mạnh mẽ chứ không phải lừng chừng yếu đuối, cho nên tăng ni phát tâm tu phải cương quyết vượt qua hết những điều tiêu cực. Ngồi thiền hai tiếng đồng hồ là thời gian rất quý, phải làm sao từ đầu giờ tới cuối giờ đều tỉnh sáng để dọn dẹp ba mớ loạn tưởng. Nếu ngồi tu mà hết loạn tưởng tới hôn trầm, hết hôn trầm tới loạn tưởng thì sự tu không bao giờ có tiến bộ. Phải làm sao hôn trầm và loạn tưởng không còn bén mảng tới mình thì tâm mới an định. Tâm an định rồi trí tuệ sẽ sáng. Nếu ngồi thiền mơ màng hoặc loạn tưởng hoài sẽ không bao giờ phát trí tuệ. Mỗi người phải nỗ lực tiến tu để được tỉnh giác. Việc tu trong một sớm một chiều không thể thành tựu. Phải trải qua nhiều lần được nhắc nhở, thúc đẩy rồi cố gắng vươn lên khả dĩ mới tiến. Không ai vô chùa liền thành thánh ngay, cho nên còn là phàm tăng thì rất cần sự nhắc nhở của thầy bạn.

Ngồi thiền ngủ gục được huynh đệ giám thiền đánh một gậy thức tỉnh, phải chấp tay xá cảm ơn. Người giám thiền vì lòng từ bi muốn huynh đệ sớm tỉnh giác, nên mới dùng thiền báng đánh một cái đau điếng để đuổi con ma ngủ. Từ đó về sau mình tỉnh luôn không dám ngủ gục nữa. Huynh đệ này là người tốt chứ không phải người thù, vì vậy chúng ta nên biết ơn, nhờ huynh mà tôi hết bệnh ngủ. Có vậy lần sau huynh đệ mới vui vẻ tiếp tục đánh thức mình. Ai

cũng có tâm tốt muốn giúp chúng ta vươn lên, chứ không ai muốn mình đi xuống. Đó là những điều rất thiết yếu.

Tôi mong chư tăng ni mỗi người phải cố gắng hơn lên. Thầy bạn chỉ là nhân duyên thúc đẩy bên ngoài. Chính bản thân mình mới là nền tảng quyết định cho sự tiến hay lùi thối. Tự thấy mình yếu dở chỗ nào thì cố gắng vượt qua, đừng để nó lôi kéo dây dưa năm này qua tháng nọ là không tốt. Đây chính là tinh thần tích cực của người tu.

Quý vị cố gắng đừng lụy xụi làm tổn thương tâm Bồ-đề cũng như của cải của đàn-na thí chủ. Cơm ngày hai bữa ăn đều đều thì tu cũng phải có tiến. Không nên chỉ biết ăn biết ngủ mà không chịu tu để mắc nợ đàn-na thí chủ. Đời này tu không ra gì, đời sau còn chìm sâu trong biển khổ hơn. Vì vậy tất cả quý vị biết tu rồi phải cố gắng vươn lên, đừng bao giờ để gần hấp hối mới hối hận. Dù tu chưa đến địa vị Bồ-tát, cũng xứng đáng người đang tiến bước trên con đường của hàng Bồ-tát. Nghĩa là phát tâm mạnh mẽ và cố gắng tu hành vì đạo và chúng sanh. Được như vậy mới không uổng phí một đời tu hành. Phát tâm Bồ-tát dễ mà làm hạnh Bồ-tát lại khó. Tuy nhiên, làm liền không nổi thì làm từ từ. Dần dần chúng ta có thể nối gót các vị Bồ-tát chứ không phải kẻ tầm thường. Nghĩ nhớ điều đó để biết bổn phận mình không được lười thối.

Nhiều người than vãn ở đời mạt pháp mong gì tu tiến hoặc ngộ đạo. Đừng quan niệm như thế. Đời mạt pháp mà tu được giác ngộ cũng biến thành chánh pháp. Đời chánh pháp mà tu lười biếng sẽ trở thành mạt pháp. Mạt pháp hay chánh pháp ở tại tâm mình. Tâm vươn lên tu hành sáng suốt là chánh pháp. Tâm suy yếu, u mê là mạt pháp. Đừng đổ thừa thời mạt rồi thả trôi hoài, đó là tự mình làm uổng đi một đời vô ích.

Hôm nay tôi nhắc tăng ni những điều thiết yếu. Mong rằng quý vị ráng ghi nhớ và cố gắng tiến tu.

TRÒN ĐỒNG THÁI HƯ

Hôm nay là buổi giảng bất thường, khuya này tôi ngồi thiền sực nhớ câu trong Tín Tâm Minh:

Viên đồng thái hư

Vô khiếm vô dư

Nhân do thủ xả

Sở dĩ bất như

Ngày xưa giảng dạy thì giảng dạy nhưng tôi chưa bao giờ dám thấy tâm mình đồng thái hư, nhưng khuya này ngồi nhớ lại câu đó rõ ràng thấy tâm mình tròn đồng thái hư.

Lâu nay chúng ta có quan niệm tâm mình là cái hay suy nghĩ hơn thua, phải quấy, được mất... Nhưng không ngờ đó chỉ là vọng tưởng, không phải tâm mình. Chúng ta có lỗi lớn là tu Phật, Phật thường dạy có chân tâm Phật tánh mà không bao giờ chịu trở về, cứ chạy theo vọng tưởng, cho đó là tâm mình, bỏ gốc chạy theo ngọn. Tu như vậy thì muôn năm cũng không giác ngộ. Theo vọng tưởng cho đó là tâm mình thì làm sao thấy được tâm mình? Không thấy được tâm mình làm sao giác ngộ?

Đó là điều chẳng những bản thân tôi nhiều năm nghiên cứu sống trong đó nhưng chưa trực tiếp nhận ra, nhân khi ngồi thiền sực nhớ lại. Mình chưa hài lòng với cái thấy biết lâu nay, bây giờ bỗng dưng thấy rõ cái lâu nay mình biết là chưa đúng, cái chân thật của tâm mình là tròn đồng thái hư.

- Làm sao tin tâm mình tròn đồng thái hư? Nó lúc nào cũng suy nghĩ lăng xăng, làm sao đồng thái hư được?

- Bạch Hòa thượng, không có một biên giới, không có nơi để trụ, không có phương cõi nào để chứa được nó cả, cho nên con thấy đó là đồng thái hư.

- Còn có ý gì khác?

- Bạch Thầy, theo con thì trong lúc ngồi thiền, tâm con bật hết vọng tưởng, sống với cái thanh tịnh vô niệm đó, con cũng thấy được trùm khắp tất cả hư không, vắng lặng hết, con biết đó là chân tâm của mình trùm khắp hết.

- Vắng lặng trong tâm hay ở ngoài?

- Dạ nó vắng lặng, trùm khắp hết chứ không phải ở trong tâm.

- Làm sao trùm được, có tưởng không?

- Dạ không, con cứ nhìn nó rồi thấy nó trùm hết chứ không tưởng nghĩ gì cả.

- Thấy nó trùm hết, cái đó tôi không tin. Nó mà thấy được thì hết trùm rồi.
- Nói thấy là phương tiện, thật ra chỉ là cảm nhận thôi.

Đây là yếu quyết của người tu. Chúng ta tu ai cũng cố gắng để tìm hiểu, nhưng có những vấn đề tìm không ra, đợi có thời gian tu rồi tự nó phát ra, nhận ra, không phải suy nghĩ mà tìm được. Đó là vấn đề mà lâu nay tôi thấy nhưng chưa khẳng định. Khuya này ngồi thiền tôi thấy tâm mình tròn đồng thái hư, tôi tự đặt câu hỏi lại, tròn đồng bằng cách nào? Ra sao? Rồi tự tôi giải quyết. Thấy vui trong lòng, không còn nghi ngờ lời Phật tổ dạy, vì vậy tôi nói cho tăng ni biết tu để không nghi ngờ.

Lâu nay chúng ta cứ nghĩ cái hay suy nghĩ, phân biệt, hiểu biết là tâm mình. Cái suy nghĩ phân biệt là động hay tịnh, hình tướng ra sao? Có việc thì nghĩ, qua việc thì mất. Cái nghĩ đó chọt sanh chọt diệt, không phải là cái chân thật mà mình cứ bám vào nó, cho rằng tâm tôi suy nghĩ cái này phải cái kia không phải... Tâm suy nghĩ đó chỉ là tâm sanh diệt, không phải tâm chân thật. Trong kinh Phật nói: Tín tâm là tin được tâm chân thật của mình. Tâm chân thật không có hình tướng, không sanh diệt, không bao giờ hư hoại. Cái gì có hình tướng có sanh diệt thì có giới hạn. To như quả núi cũng có giới hạn của quả núi, cái không hình tướng thì không có giới hạn. Như hư không trong nhà này, chúng ta vào thì thấy có người, chúng ta đi ra thì hư không trở lại là hư không. Nếu phá vỡ cái nhà thì nó đồng với hư không, bên ngoài không có ranh giới. Nếu có ranh giới thì thấy hư không trong nhà nhỏ, hư không ở ngoài lớn. Hư không không hai, ở trong nhà thì nói là hư không trong nhà, trong chánh điện thì nói hư không trong chánh điện. Mỗi nơi chúng ta đặt một tên riêng, hư không là hư không, không có riêng.

Đó là bên ngoài, bây giờ trở về nội tâm của mình. Lâu nay đa số đều thừa nhận cái suy nghĩ biết phải quấy hay dở là tâm mình. Nếu suy nghĩ là tâm mình thì tâm đó có giới hạn, không bền chắc, có tướng mạo, không thường còn. Nó chỉ là vọng tưởng hư dối, nhưng khi có chuyện cãi nhau tranh hơn thua thì nói "Tôi nghĩ vậy là đúng". Cho cái nghĩ đó là tâm mình, tâm mình nghĩ vậy là đúng, người khác nghĩ khác là không đúng, rồi cãi nhau. Nhưng suy nghĩ chưa phải là chân lý, chỉ là cái suy tưởng rồi phát ra thôi. Vì chân lý là bất sanh bất diệt, còn cái suy nghĩ là tướng sanh diệt tạm thời.

Chúng ta sống theo vọng tưởng chứ không sống với tâm chân thật. Như vậy, khuyên quý vị ngồi thiền để làm gì? Vì tâm vọng tưởng cứ lao xao trong đầu nên ngồi lại cho yên, lặng cái đó để tâm chân thật hiện ra. Chúng ta tu bao nhiêu năm rồi, tâm chân thật chưa nhận ra, tâm vọng tưởng cứ lăng xăng mãi, phải không?

Mục đích tọa thiền của chúng ta là để lắng tâm vọng tưởng. Tâm vọng tưởng lắng thì tâm chân thật mới hiển hiện. Nhận được tâm chân thật mới giác ngộ. Đây là con đường đi của mình, lẽ ra mình phải đi cho tới nơi. Nhưng quý vị thấy, chúng ta tu được bao nhiêu trong đời sống của mình? Có khi người đã năm sáu mươi tuổi cũng chưa thấy mục tiêu mình nhắm đến. Nhất là người nhỏ, vô ngộ tu thì gục lên gục xuống, vô học thì nói năng om sòm, như vậy chừng nào thấy được tâm? Còn cái lẽ thế này thế kia, lăng xăng lộn xộn thì thấy được tâm mình chưa? Phải quấy hơn thua không phải là tâm mình, tâm chân thật không tướng mạo, không sanh diệt, tròn đồng thái hư. Hư không thân thang, không bờ bến, không tướng mạo nên không sanh diệt, tạm dụ cho thể tâm chân thật không bờ mé.

Hiện giờ chúng ta đang sống với tâm nào? Đều là tâm sanh diệt. Nghĩ cái này, tưởng cái kia, tính cái nọ cả ngày. Đó là những tướng sanh diệt đến đi, có giới hạn. Ngồi thiền để cho lắng yên, dừng tâm sanh diệt đó. Chúng ta tu để giác ngộ, nhận ra được cái chân và cái giả. Cái chân mình biết là tâm chân thật, cái giả mình biết là tâm hư dối.

Tâm chân thật bao giờ cũng hiện tiền, tại sao chúng ta không biết? Vì bận đuổi theo vọng tưởng. Nghĩ cái này chưa xong, nghĩ cái khác. Suy tính, phân biệt, hơn thua, phải quấy, tốt xấu... đủ thứ, luôn luôn không yên. Ngồi thiền để lắng bớt sanh diệt nhưng vọng tưởng cũng chen vô.

Cái thật của mình luôn luôn sẵn có mà bị vọng tưởng làm cho ẩn khuất. Hết nghĩ cái này sang nghĩ cái khác liên miên. Thật là đáng buồn thay. Sự tu hành nói thì nghe dễ, cạo tóc mặc áo nhuộm, ăn chay ở chùa thấy như khó mà dễ, còn cái mình phải thực hiện trong đời tu của mình thì thật là cay đắng.

Chúng ta phải tập ngồi thiền làm sao ít ra hai tiếng đồng hồ cũng cho mình một tiếng lắng lẽ. Một tiếng loạn và một tiếng yên thì trong sự tu mới thu thập được kết quả. Chúng ta phải tiệm tiến, tiến lần lần. Ai khỏe mạnh, phước đức nhiều thì tiến nhanh, ai yếu đuối phước đức ít thì tiến chậm hơn, nhưng phải tiến, không được dừng. Nếu cho rằng mình tu không tiến, ngồi thiền lộn xộn hoài, thôi bỏ không ngồi, được không? Tuy không tiến nhiều, nhưng cố gắng gìn giữ, cũng được phần nào. Tuy phần ít nhưng mình cố gắng mãi thì lần lần lên nhiều. Nếu được một phần ít rồi tự mãn hoặc buông xuôi thì không được.

Chúng ta ngồi thiền có hai bệnh quan trọng. Hồn trầm và loạn tưởng, hàng phục nó gần như cả đời. Từ lúc cạo tóc xuất gia, cho đến gần mãn đời chưa biết hàng phục xong chưa. Hàng phục xong thì bước lên quả vị thánh, từ Tu-đà-hoàn đi lần lên. Sở dĩ các ngài từ phàm thành thánh là an định tâm mê làm vọng tưởng. Chỗ dừng được sâu cạn mà có vị trí khác nhau, hoặc Thanh văn,

Duyên giác hay Phật. Thanh văn cũng có từng bậc: Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán không phải dùng một lần là xong.

Vì vậy chúng ta tu tuy không đúng như sở nguyện của mình, nhưng phải cố gắng. Cố gắng bậc này không được thì có bậc khác, bậc cao không được thì bậc thấp. Mình phải tiến lên một mức nào đó thì mới xứng đáng là người tu. Người tu ngồi thiền thì buồn ngủ, hết buồn ngủ thì vọng tưởng. Ngủ gục là si, khoảng vọng tưởng là loạn. Cái si với cái loạn chen vô quấy phá mình không dừng. Chúng ta phải thắng nó, phải làm chủ nó thì tu mới tiến.

Chúng ta tu không phải tính năm tính tháng. Nói năm nay thọ Tỳ-kheo, năm tới được một tuổi hạ, năm tới nữa được hai tuổi hạ, tính người này Tỳ-kheo được mười lăm, hai chục tuổi rồi phong chức thêm, cũng đều tính thời gian mà không tính nội tâm. Đáng lẽ khi còn Sa-di thì hỏi ngồi thiền một giờ nghĩ bao nhiêu lần? Khi lên Tỳ-kheo, hỏi loạn tưởng bao nhiêu lần? Thấy bớt loạn tưởng mới gọi là tiến, mới xứng đáng thăng chức.

Chúng ta tu giác ngộ là do bên ngoài quyết định, do thời gian nhiều năm già lớn tuổi, hay do tâm yên mà đạt đạo? Tâm có an thì mới đạt đạo, còn thời gian ở chùa bao lâu đi nữa mà tâm bất an lại càng không đạt đạo. Thời nay làm Trụ trì bận tâm đủ thứ chuyện nên khó an. Chúng ta ở đây, chỉ là huynh đệ sống trong đạo theo một nếp chung thì nhẹ, dễ. Cho nên tôi nói rằng, chúng ta tu trong một khung cảnh thuận lợi mà không tiến được thì qua khung cảnh khác khó mà tu tiến. Ở đây thuận lợi nhiều, có đủ điều kiện, đại chúng ở yên tu, không đi đâu, tất cả tứ sự đều do thiên viện lo, mình chỉ lo tu và học không làm gì khác. Mọi lo nghĩ của chư tăng ni trong thiên viện rất ít mà còn không yên được hưởng là nhiều.

Tôi muốn nhắc cho quý vị thấy, ở đây phần lớn do những người có trách nhiệm trong viện lo tất cả mọi việc để huynh đệ yên ở tu hành, tâm được thanh tịnh. Việc tu như vậy là dễ trăm phần. Nếu tăng hoặc ni ở chỗ khác phải lo ăn mặc, phải quấy đối xử với Phật tử bần đạo thì tâm còn yên được không? Chúng ta ở đây không cần tiếp xúc với ai, chỉ việc tu thôi, rất dễ dụng công.

Ngày xưa tôi cũng nghĩ rằng tu khó hàng phục được tâm, nhưng gần đây tôi thấy khác, tâm không khó hàng phục, muốn yên thì nó yên. Thời gian công phu của mình đã chín muồi rồi thì tự nó yên. Vì thế, người tu đừng chán nản, đừng nghĩ rằng mình suốt đời không yên. Thời gian ban đầu mới tập thì loạn trăm phần trăm, từ từ bớt loạn còn năm chục phần trăm. Đến một lúc nào đó ngồi xuống yên lặng, không bận bịu gì hết. Điều này năm nay tôi mới thấy, trải qua năm chục năm được yên lặng tự nhiên. Lúc trước kèm quá mà không được yên, chỉ được chừng phần ba phần tư, tôi có hơi bi quan.

Đến đầu năm này, tôi thấy ngài thiên vui, an ổn, không còn lộn xộn như ngày xưa. Như trái đã chín muối, chỉ cơn gió nhẹ là rụng. Tâm mình cũng vậy, tu lâu có công phu thì dần dần thắng nó hồi nào không biết. Chính vì sự cố gắng từng phút từng giây. Cố gắng làm sao giờ ngài thiên nhớ mình tu, ra làm công tác nhỏ cỏ lật rau cũng nhớ tu, được như vậy thì mau có kết quả. Nếu chỉ giờ thiên mới tu, buông ra thì nói chuyện ồ ạt, giỡn cười với nhau thì không có lợi bao nhiêu, tâm cứ bị xao xuyến. Tất cả phải khéo điều hòa, đi đứng nằm ngồi cũng canh chừng tâm thì việc tu mới có kết quả. Còn buông lỏng nó thì kết quả rất chậm, huống nữa là vài tháng xin về thăm nhà, ở chừng mười bữa nửa tháng về chùa, ít tháng lại bị bệnh uống thuốc... Cứ như vậy hoài thì tu chừng nào tới nơi tới chốn? Chúng ta phải tinh tấn nỗ lực, đừng xem thường, cố gắng tiếc từng ngày từng giờ, đi đâu đó mất thời giờ thấy tiếc, như vậy mới có thể tiến được.

Người tu là người quyết chí vượt ra khỏi trần lao. Muốn vượt ra mà cứ đòi về nhà hoài là muốn vượt ra hay muốn hồi hương? Thời gian tu chưa được kết quả gì đáng kể, thời gian về nhà không được yên ổn như ở thiền viện. Về nhà phải lằng xằng việc gia đình. Cứ như vậy vui đùa nửa tháng trở về chùa thì sẽ xao động bất an, rồi thời gian bị bệnh đi nữa, tu chừng nào được an định? Đó là tôi nhắc cho những vị ham xin về nhà. Ở đây có thầy thuốc có tử thuốc, bệnh thì thầy thuốc cho thuốc uống. Nếu thiếu thuốc gì thì khán bệnh xin tiền Thủ bản mua, chứ đâu phải khô khan mà phải về nhà xin tiền ba má uống thuốc.

Chúng ta quyết tu thì tu, không quyết tu thì thôi lui, về nhà ở với cha mẹ làm ruộng làm rẫy ăn, không có tội. Còn ở trong chùa mà không quyết tâm tu, cứ lừng chừng hết ngày tháng, uống phí một đời thêm tổn phước. Chúng ta đi tu không phải do cha mẹ, anh em xúi giục, cũng không phải quý Thầy quý Cô rủ đi tu. Do tự mình phát nguyện đi tu thì phải cương quyết. Ở thế gian, lớn lên đi học, còn làm công việc giúp ích đời.

Người tu phải làm sao để mai kia hướng dẫn cứu độ, cư sĩ hoặc người xuất gia, như vậy mới xứng đáng. Tu lừng chừng thì không biết mai một về ở đâu. Ở trong thiền viện thì chưa đủ tư cách để dạy người, về nhà thì không được, ở chỗ khác cũng không được. Người bây giờ có bệnh, tu ở thiền viện ít lâu thấy mệt, xin về cắt thất tu. Chắc gì về thất tu đàng hoàng. Ở trong chúng tu, khi lớn tuổi làm Phật sự mệt mỏi thì vô thất tu là tốt. Năm mươi tuổi trở lên vô thất tu tôi còn tin, còn mới ba mươi, hăm mấy mà vô thất tu, tôi không tin chút nào. Tôi nói thẳng như vậy, mỗi người tự nghĩ làm sao cho xứng đáng, đừng bịa rằng mình ham tu rồi về thất tu. Ở trong chúng có thầy có bạn nhắc nhở liên miên mà còn chưa tới đâu, huống gì ở một mình.

Chúng ta không đi tu thì thôi, đi tu thì chết sống ở trong đạo, không về nhà. Đi tu rồi trở về nhà, nhất là bệnh hoạn lại làm phiền cho cha mẹ. Nhiều

khi cha mẹ nghèo, rồi bệnh về nằm đó, đòi hỏi cha mẹ lo, đó là việc không tốt. Người tu là không có chỗ nào để trở về, chết sống gì ở trong chùa, quyết tâm như vậy, tu mới tốt, học hỏi mới được hiểu biết nhiều. Còn cứ nghĩ về nhà thì rất yếu đuối, làm mất tinh thần đạo đức của mình.

Tăng ni ý thức được việc tu, một ngày ở thiền viện, dù không hăng hái, không được tinh tấn lắm cũng giữ được một thời sám hối, hai thời ngồi thiền. Mình không hăng hái nhưng bắt buộc phải theo thời khóa là cũng có được ba thời tu, về nhà là không làm được. Ở chùa có những cái lợi, vào những ngày mình yếu đuối bệnh hoạn vẫn cố gắng, chỉ khi nào quá thì thôi. Về nhà thì không có đủ điều kiện để sách tấn mình. Như vậy tăng ni đều phải nỗ lực tu. Chỉ mình tu mới cứu được mình, không ai cứu được mình cả. Ngoài cứu mình ra còn cứu cha mẹ anh em thân tộc, rồi đến Phật tử chung quanh. Trách nhiệm của người tu rất nặng. Phải cố gắng thực hiện lời hứa từ khi mới cạo tóc: Xuất gia hoằng thánh đạo, thế độ nhất thiết nhân.

Tất cả chúng ta ai cũng có khả năng vươn lên, chỉ có bệnh lười biếng, chậm trễ làm trở ngại, tu lâu tiến. Tôi chán nhất là mấy người tu, ít bữa nói “Tôi nhưc đầu quá”, trùm chần kiếm thuốc uống, rồi bỏ thời khóa, ngủ vài ba bữa. Vậy mà cứ lai rai hoài tu đến đâu? Tôi nhắc cho quý vị nhớ, đừng để mình bệnh, để cho mình thua kém huynh đệ, cố gắng vươn lên. Tu làm sao trong này năm chục người, ít ra cũng hăm lăm người xứng đáng gánh vác Phật sự, còn hăm lăm người chậm trễ thì về chùa nhỏ. Không nên năm chục người mà cuối cùng làm Phật sự được đôi ba người thì ít oi quá. Hao tổn của đàn-na thí chủ nhiều mà thu nhật kết quả ít. Quý vị phải cố gắng vươn lên, đừng đứng một chỗ, cũng không có quyền lui sụt.

Chúng ta cố gắng tu không bao giờ thấy đủ. Tôi thấy trong thời của tôi có nhiều huynh đệ ngồi thiền tới chín giờ xả, về nghỉ một chút, mười giờ hơn vô ngồi nữa. Đó là ngoài giờ bắt buộc của chùa, xin ngồi thêm. Quyết chí như vậy thật là đáng nể.

Việc tu là bốn phận, làm tròn sứ mệnh của người xuất gia cứu độ chúng sanh. Muốn được như vậy phải hiểu rõ mình tu để đạt cái gì. Điều cần yếu là giác ngộ chân tâm. Nơi mỗi người có cả chân tâm và vọng tưởng, nhưng đa phần chúng ta sống với vọng tưởng mà quên mất chân tâm. Chân tâm sẵn sàng hiện tiền ở nơi mình, không thiếu một phút giây nào. Nếu nhận ra thì đi đứng nằm ngồi gì cũng tu được hết. Vì thế chúng ta đừng xem thường, sự tu không phải chỉ có thời khóa thôi mà phải thấy chân tâm sẵn ở mình. Sống được với chân tâm, nhận ra chân tâm trong mọi hoàn cảnh, giờ phút như thế mới xứng đáng thời gian tu năm mươi năm của chính mình.

HƯ THỰC KHÓ PHÂN

Qua ba tháng rồi Thầy không gặp đại chúng, không có cơ hội để nhắc nhở tu hành. Hôm nay nhân buổi nói chuyện này Thầy có một phần nhắc nhở về công phu, phần thứ hai Thầy sẽ kể về những điều hay dở được mất của mình cho tất cả nghe. Những điều này Thầy chưa bao giờ nói. Trong thời gian rảnh nghỉ ngơi vừa qua, Thầy ôn lại quá khứ thấy có những điểm cần nói cho tăng ni biết, nhân đây Thầy sẽ nói về đề tài *Hư thực khó phân*.

Đề tài này nghe hơi lạ tai. Căn cứ trên cuộc đời của Thầy, Thầy đã tìm ra lý lẽ thế nào là hư và thực. Hư thực, hai ranh giới rõ ràng hay lẫn lộn? Muốn hiểu rõ điều này, Thầy sẽ nhắc lại những chuyện đã xảy ra trong quãng đời của mình cho đại chúng thấy để sau này kinh nghiệm thêm. Trong đời tu hay trong cuộc sống, có những điều chúng ta không thể biết trước hay xét hiểu một cách rõ ràng mà luôn luôn có lẫn hư thực trong đó.

Trước hết, Thầy giải thích bài thơ Thầy sáng tác vào năm chín tuổi. Lý do xuất phát như thế nào? Năm đó Thầy đang học lớp 3 trường làng, người bác Thầy trên Kênh Xáng mất. Được tin, ông thân của Thầy và mấy vị bà con trong dòng họ lên viếng thăm, Thầy cũng được đi theo. Đám xong, mọi người ở lại đó một tuần. Ngày cuối tuần cúng thất ở chùa Sân Tiên trên đỉnh núi Ba Thê, Thầy cũng được theo, tối tụng kinh cầu siêu, sáng hôm sau cúng rằm rồi mới trở về. Đêm ấy, Thầy cảm hứng lạ nên tự làm một bài thơ không có tựa đề, nhưng Thầy nhớ luôn tới giờ:

Non đảnh là nơi thú lắm ai

Đó cảnh nhàn du của khách tài.

Tiếng mõ công phu người tỉnh giấc,

Chuông hồi vắng vắng quá bi ai.

Non đảnh là nơi chóp núi rất cao và thú vị. *Đó cảnh nhàn du của khách tài*, câu này thật thần bí, lúc đó Thầy không hiểu tại sao mình lại nói như vậy, mãi tới bây giờ mới giải thích được. Hiện nay Thầy có hai thiền viện ở sườn núi là Chơn Không và Trúc Lâm Yên Tử, cái thứ ba là thiền viện Trúc Lâm trên đỉnh núi Phụng Hoàng Đà Lạt. Quả ứng với lời nói ngày xưa *Non đảnh là nơi thú lắm ai*.

Chữ *khách tài*, ngày xưa Thầy nghĩ chắc mình ép vận cho êm với chữ *ai* ở trên, nhưng giờ có những điều xảy ra thấy thật rõ ràng. Chỉ khách tài mới có thể ở nơi núi cao trong lúc rảnh rỗi. Bấy lâu nay Thầy cứ chạy ngược chạy xuôi, ít được ở yên. Bây giờ buông hết mọi việc về núi tu dưỡng. Như vậy câu thơ

đó hàm ý nói Thầy sống trên đỉnh núi nhàn du, thong thả dạo chơi. Đó là sở thích từ thuở bé nhưng mãi đến bây giờ mới thực hiện được.

Tiếng mõ công phu người tỉnh giấc, tỉnh giấc mê. Một là mê ngủ, hai là mê lầm trong cõi đời. Câu thơ này chứng tỏ thuở bé Thầy rất quý trọng người tu. Họ là người tỉnh sáng đáng quý nên mình cũng muốn làm người tu. Hiện tại Thầy đã được làm người xuất gia, bước vào hàng tỉnh giấc.

Chuông hồi vắng vắng quá bị ai, nghe tiếng chuông nhất là buổi khuya sao thấy buồn thảm. Điều đó nói lên có thể đời trước mình đã xuất gia ở chùa, bây giờ nghe lại tiếng chuông khiến cho xúc động rung cảm, thôi thúc phải đi tu. Tóm lại, câu thứ tư là nhân tu đời trước thúc đẩy mình đời này phải đi tu để trở thành người tỉnh giấc.

Người tỉnh giấc thì phải có khả năng và đạo lý, tức là tăng tài. Nhưng dù hoằng hóa đến đâu thì cuối cùng cũng phải trở về núi cao yên nhàn nghỉ ngơi và tiếp tục công phu cho được viên mãn. Đó là Thầy giải mã bài thơ mà ngày xưa cao hứng làm đại, chứ thực ra lúc đó không biết gì hết.

Bây giờ đặt lại câu hỏi, thuở xưa khi chưa biết gì hết mà làm bốn câu thơ đó là thực hay hư? Có thể nói ngày đó bài thơ là hư, vì lúc ấy Thầy còn quá nhỏ, hơn nữa lại là người đạo Cao Đài. Nói những điều mình không biết là nói rỗng. Nhưng bây giờ tất cả đều biến thành sự thật, cho nên hư thực không có ranh giới. Đó là vấn đề thứ nhất, hư thực rất khó phân.

Qua chặng thứ hai, lúc Thầy đi tu. Thầy xuất gia năm 1949, lúc đó hai mươi sáu tuổi. Ngày ấy Thầy bắt hiếu hơn tụi con, bởi vì khi tụi con đi tu, cha mẹ phải đến xin phép Thầy mới cho, còn Thầy thì trốn đi. Tuy Thầy tu muộn nhưng lại được cái duyên vô ngay trường Phật học chùa Phật Quang ở rạch Bang Chang, dự lớp Sơ đẳng năm thứ hai với hơn ba chục người.

Thời điểm đó bắt đầu an cư, cho nên Thầy mới vô chùa được Hòa thượng cho làm công quả ba tháng, chứ chưa học hành gì. Qua ba tháng mới được xuất gia. Vì đợt xuất gia đó chỉ có một hai người nên không có lễ truyền giới Sa-di. Thành thử Thầy được gọi là Hình đồng Sa-di, nghĩa là hình thức cạo đầu mặc áo nhuộm thì giống Sa-di, nhưng giới thì chưa được thọ. Thời gian sau, Sư ông Thầy mở giới đàn ở chùa Phước Hậu, lúc đó Thầy mới được thọ giới Sa-di.

Vô lớp Sơ đẳng, Thầy phải học nhảy, khóa học có ba năm mà Thầy vô gần cuối năm thứ hai, thành thử học lại các vị đi trước. Tuy nhiên Thầy lại được duyên tốt là có chú Thanh Đức, anh em chú bác với thầy Phước Tú ngồi gần một bên giúp đỡ. Ngày xưa gia đình Thầy cũng có quen biết với nhà Thanh Đức, nên nó kêu Thầy bằng chú. Hai chú cháu ngồi gần nhau, nó thông minh học giỏi và biết mặt chữ Hán nhưng không giải nghĩa được. Vậy là giao nó đọc chữ còn Thầy giải nghĩa. Hai người trao qua đổi lại, chữ đưa ra nó đọc trước

Thầy nghe và giải nghĩa, sau đó cùng đem ra ứng dụng. Học như vậy chưa đầy một năm đã nhảy qua một lớp.

Đến năm kế (1950), Thầy chính thức được học lớp Sơ đẳng năm thứ ba. Lúc ấy không chỉ học kinh mà phải học luôn cả Tân Quốc Văn và đủ các môn khác. Trong môn Tân Quốc Văn Thầy rất thích câu: “Địa du cố nhi mộc du kiên, gian nan dã phi khôn ngã dã, nhi trợ ngã giả dã.” Dịch là: “Đất càng chai thì cây càng cứng, gian nan đó không phải khổ cho ta, trái lại trợ giúp ta.” Chính gian nan là nhân duyên giúp chúng ta trở thành người cứng cõi hơn để đạt được chí nguyện. Cho nên người có ý chí mà sợ khó khổ thì không bao giờ làm được việc gì. Sang đến năm 1951, Thầy bắt đầu học lên Trung đẳng. Khi ấy Hòa thượng dạy kinh Lăng-nghiêm, Thầy rất thích. Học tới chỗ “thất xứ trung tâm”, Thầy vô cùng vui mừng. Ở chùa ba giờ khuya thức dậy **công** phu, Thầy phải thức sớm hơn một giờ để học bài, tức là hai giờ đã thức chong đèn ngồi học một mình. Khi đọc lại đoạn *thất xứ trung tâm*, tới chỗ Phật chỉ tâm cho ngài A-nan, Thầy xúc động rơi nước mắt.

Lúc đó Thầy nhận ra một điều, những lời chân thật đức Phật chỉ dạy mà chúng ta không nhận. Mãi sống và chấp nhận với cái tạm bợ sanh diệt rồi lấy đó làm mình, mà không chịu nhận và sống với cái chân thật. Sáng ra trình chỗ thấy này lên Hòa thượng, Hòa thượng nói: “Được, tốt!” Thầy nghe vậy thôi chứ không biết ẩn ý của Hòa thượng trong đó.

Thất xứ trung tâm là bảy chỗ hỏi tâm. Trong kinh Phật hỏi ngài A-nan, do thấy được tướng thù thắng gì mà nhanh chóng bỏ hết những ân ái sâu nặng của thế gian, phát tâm xuất gia? Ngài A-nan trả lời, vì thấy đức Phật có ba mươi hai tướng tốt phi thường, hình thể sáng rỡ ví như lưu ly nên phát tâm theo Phật tu học. Đức Phật lại bảo, thấy tướng tốt là mắt thấy, còn phát tâm đi tu thì cái tâm đó ở đâu? Ngài A-nan trình bạch tâm hoặc ở trong hoặc ở ngoài... cho đến bảy chỗ. Tới chỗ thứ bảy “năng suy vi tâm” tức là cái hay suy nghĩ là tâm. Tất cả đều bị Phật bác. Ngài A-nan ngỡ ngàng thưa, vậy con không có tâm sao? Phật quả không phải không có, có mà ông không nhận ra. Nhân đó Phật chỉ tâm cho ngài A-nan bằng thí dụ. Phật đưa tay lên hỏi:

- A-nan! Ông thấy không?

Ngài A-nan bạch: - Bạch Thế Tôn, con thấy.

- Thấy cái gì?

- Thấy tay Thế Tôn đưa lên.

Phật để tay xuống rồi hỏi tiếp: - Ông thấy không?

- Dạ không thấy.

Ngay đó Phật quả: - Ông quên mình theo vật.

Phật giải thích: Khi đưa tay lên nói có thấy, khi để tay xuống nói không thấy, như vậy cái thấy là cái tay sao? Chỗ này làm cho cái bị thấy là cái hay thấy. Cái bị thấy là cái tay, cái hay thấy là cái thấy của con mắt. Cũng vậy, khi chúng ta nhìn kỹ vào chỗ trống rỗng thấy không có gì hết. Nếu hỏi thấy không, đáp không thấy là sai. Bởi vì nếu đã không thấy thì làm sao biết trống rỗng. Rõ ràng quên mình chạy theo cảnh. Đợi có cảnh mới nói có, không cảnh nói không có. Đó là sai lầm rất lớn cho nên bị Phật quở.

Kế đó, Phật bảo ngài La-hầu-la đánh một tiếng chuông và hỏi:

- A-nan, ông có nghe không?

Ngài A-nan đáp: - Dạ nghe.

- Nghe gì?

- Nghe tiếng chuông.

Một lúc sau tiếng chuông yên lặng, Phật hỏi:

- A-nan, ông có nghe không?

Ngài A-nan đáp: - Không nghe.

Phật lại bảo ngài La-hầu-la đánh một tiếng chuông nữa, rồi hỏi A-nan:

- Ông có nghe không?

Ngài A-nan trả lời: - Nghe.

Khi tiếng chuông bật, Phật hỏi:

- Ông có nghe không?

Ngài A-nan thưa: - Không nghe.

Ngay đó Phật lại quở một lần nữa. Khi đánh tiếng chuông vang ra, nghe có tiếng chuông. Tiếng chuông bật rồi thì nghe không có tiếng chuông. Tại sao lại nói không nghe? Cái nghe có tiếng chuông và nghe không có tiếng chuông là của mình. Tiếng chuông khi có khi không là âm thanh bên ngoài. Cũng vậy, khi chúng ta nói chuyện với nhau, lúc người kia nói thì mình nghe, lúc người kia im lặng mình vẫn nghe. Nếu thấy im lặng mà nói không nghe là chỉ biết tiếng động bên ngoài, không biết mình có cái hay nghe được tất cả tiếng. Có động nghe động, không động nghe không động. Cái nghe thường hằng, không lúc nào thiếu vắng.

Vì chúng ta quên cái chân thật sẵn có, nhận những thứ bên ngoài làm mình nên bị Phật quở *quên mình theo vật*. Đây là điều hết sức thực tế mà đa số chúng ta không biết. Nghe, thấy là cái của chính mình. Nó không có tướng mạo nên không bị vô thường chi phối và không bị hoại diệt, luôn luôn hiện hữu trong mỗi chúng ta, chỉ vì mình không nhận ra thôi.

Cho nên khi đọc tới đoạn này Thầy xúc động. Tại sao bao nhiêu đời nay mình ngu mê, cái thật sờ sờ như vậy mà không biết. Từ khi học kinh Lăng-nghiêm, Thầy biết được mình sẵn có cái chân thật. Tuy nhiên, vì không có ai hướng dẫn thêm nên tới đó đành bế tắc. Biết mà không làm gì khác hơn được. Bởi vì thầy của Thầy tu Tịnh độ, Sư ông của Thầy cũng tu Tịnh độ.

Đến đây, Thầy dẫn lịch sử thiền cho đại chúng thấy rõ. Trong hội Lăng-nghiêm, đức Phật đưa tay lên hỏi ngài A-nan nhằm chỉ về tánh thấy. Trong hội Linh Sơn, đức Phật đưa cành hoa sen lên, không nói một lời mà đưa mắt nhìn hội chúng, thử xem ai biết Phật muốn nói điều gì. Phật nhìn khắp không thấy ai hiểu, nhưng khi nhìn tới ngài Ca-diếp thấy ngài mỉm cười, tức là thông cảm. Khi đó Phật tuyên bố: *Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, nay trao cho Ca-diếp.*

Ngài Ca-diếp lãnh hội được điều đó nên Phật trao y bát cho ngài. Sự việc xảy ra trên hội Lăng-nghiêm và hội Linh Sơn không khác nhau chút nào. Cái chân thật này trong kinh Lăng-nghiêm Phật đã giải thích rõ, nó sẵn ở lỗ tai và con mắt. Qua các thí dụ trên cho thấy kinh Lăng-nghiêm với Thiền tông rất gần nhau. Đọc kinh Lăng-nghiêm mà Thầy xúc động, chứng tỏ đã có gốc tu thiền. Tuy nhiên, giai đoạn này không ai hướng dẫn tiếp nên Thầy đành ôm ấp ở đó, không làm sao khác hơn được.

Lại trong kinh Lăng-nghiêm, ngài A-nan bạch Phật: “Thế nào là gốc luân hồi sanh tử, thế nào là gốc Bồ-đề Niết-bàn?” Lúc đó mười phương chư Phật đồng thanh đáp rằng: “Gốc luân hồi sanh tử từ sáu căn của ông, gốc Bồ-đề Niết-bàn cũng từ sáu căn của ông.” Như vậy, ngay nơi sáu căn của chúng ta là gốc luân hồi sanh tử, ngay nơi sáu căn của chúng ta cũng là gốc Bồ-đề Niết-bàn. Muốn trở về Bồ-đề Niết-bàn, phải y nơi sáu căn mà tu. Tu bằng cách nào? Chỗ này Thầy đưa ra ví dụ cụ thể cho đại chúng thấy. Ngài Ngưỡng Sơn Huệ Tịch tới thiền sư Trung Áp hỏi:

- Bạch Hòa thượng, thế nào là nghĩa Phật tánh?

Thiền sư Trung Áp đáp:

- Ta nói cho ông một ví dụ. Như có con khỉ bị nhốt trong lồng có sáu cửa. Ở ngoài một con khỉ khác kêu “chéo chéo”, con khỉ bên trong đáp lại “chéo chéo”. Nó đi vòng hết sáu cửa đều kêu “chéo chéo”, con khỉ bên trong cũng ứng như vậy.

Ngài Ngưỡng Sơn hỏi:

- Nếu con khỉ bên trong ngủ thì sao?

Thiền sư Trung Áp từ trên giường thiền bước xuống nắm cứng Ngưỡng Sơn nói:

- Chúng ta thấy nhau rồi.

Thấy cái gì? Khi sáu căn tiếp xúc với cảnh bên ngoài liền có niệm chạy theo thì Phật tánh ẩn. Nếu tâm lắng xăng lắng rồi, con khi bên ngoài có kêu “chéo chéo” cũng mặc nó. Tâm thanh tịnh lặng lẽ, Phật tánh sẽ hiển lộ.

Chúng ta ngồi thiền để giữ con khi bên trong ngủ, chừng đó Phật tánh nơi sáu căn mới hiển bày. Phật tánh không sanh diệt, là gốc của giải thoát sanh tử. Muốn giải thoát sanh tử phải giữ sáu căn thanh tịnh. Muốn sáu căn thanh tịnh phải dùng tâm chạy theo ngoại cảnh. Vì vậy chúng ta ngồi thiền phải quyết chí kìm chế và làm chủ con khi ý thức.

Ngồi một giờ hai giờ mà tinh táo không ngủ gục, vẫn thấy nghe và biết rõ tường tận tất cả những gì đang xảy ra xung quanh, chừng đó mới thấy rõ con đường giải thoát sanh tử. Nếu không làm chủ được mình, con đường tạo nghiệp cứ tiếp tục lôi dẫn chúng ta đi trong sanh tử, không thể nào ra khỏi. Bởi vậy khi tu, thiết yếu phải làm sao nắm được cái gốc để ứng dụng, khả dĩ mới giải thoát. Nếu tu lừng chừng thì không tới đâu hết.

Tuy Thầy đọc kinh Lăng-nghiêm xúc động và biết duyên của mình hợp với Thiền tông, nhưng lúc đó không có người chỉ dẫn thêm. Thành thử năm 1951 dù có một bước tiến lạ nhưng phải dừng ở đó. Tới giữa năm 1951, chùa Phật Quang bị máy bay oanh tạc. Lúc ấy tính luôn cả người trong chùa và học trò ba lớp khoảng hai trăm năm chục người. Lớp học Thầy đang dạy chừng bốn mươi người.

Khoảng chín giờ sáng, có hai chiếc máy bay, một chiếc bay thấp nhắm thẳng vào chùa mà bắn. Đợt đầu còn thấy rõ mọi thứ xung quanh, hai ba đợt sau khói bụi mù mịt, không còn ai thấy ai nữa. Trong lớp học không có chỗ trốn, Thầy nằm đại xuống đất, học trò cũng vậy, mạnh ai nấy nằm. Tội nghiệp lắm! Mấy đứa bị đất văng vô mặt, nó khóc: “Thầy ơi, con bị trúng đạn rồi!” Dịch bắn như thế khoảng nửa tiếng đồng hồ. Đợi khi máy bay đi khỏi, khói và đất cát cũng tan hết rồi, kiểm lại trong chùa chỉ có một cô trúng đạn ở cánh tay. Quý thầy tức tốc chở đi bệnh viện nhưng vì ra máu nhiều quá nên cô mất, còn bao nhiêu người khác không sao hết.

Cuối năm 1951, Hòa thượng phải xin Sư ông dời về Phước Hậu, vậy là chấm dứt khóa học ba năm ở chùa Phật Quang. Lớp học tan rã, người đi chỗ này kẻ đến chỗ khác, còn một số nhỏ theo Hòa thượng lên Phước Hậu và vẫn được tiếp tục học. Ngài nói: “Còn một người học, tôi cũng dạy.” Nhờ vậy mà Thầy được học trở lại.

Khoảng giữa năm 1952, Hòa thượng Thiện Hòa Giám đốc Phật học đường Nam Việt, mở một trường tăng tại chùa Ấn Quang, một trường ni ở chùa Dược Sư. Thầy của Thầy được mời về chung hợp tác. Lúc đó ngài bảo “Tôi có một

số đệ tử đang theo học, bây giờ về đây mỗi tháng học tăng đóng 250 đồng, mà thầy trò tôi không có tiền, phải làm sao?” Quý Hòa thượng ở Ấn Quang đồng ý cho nhóm đệ tử lên học miễn phí, trong đó có hai ni ở chùa Dược Sư và sáu tăng ở Phật học đường Nam Việt chùa Ấn Quang. Như vậy, Thầy lên Sài Gòn tu học tại chùa An Quang vào năm 1953.

Hòa thượng của Thầy được cử làm Đốc giáo Phật học đường Nam Việt kiêm luôn bên ni. Sau đó lại được cử làm Trưởng ban Hoằng pháp của Giáo hội Tăng-già Nam Việt. Lúc ấy Thầy đang học Trung đẳng năm thứ hai, tới năm thứ ba thì Hòa thượng tập cho giảng. Vừa học vừa đi giảng, mấy năm đó thật là bù đầu. Một năm học được nghỉ ba tháng. Trước ngày an cư nghỉ một tháng, sau ngày mãn hạ nghỉ một tháng và tết nghỉ một tháng. Ba tháng này huynh đệ Thầy chia thành từng đoàn đi giảng nơi này nơi kia.

Kể từ năm 1955, Thầy đã bắt đầu làm giảng sư. Tới bây giờ có những chú bé nhỏ nhỏ xin đi tu, biết đâu lúc trước là mây ông bà già từng nghe Thầy giảng. Họ trở lại đây tìm Thầy tu học tiếp, chứ ở xứ nào mà về đây tu đông như vậy, phải không?

Lúc Thầy ở chùa Phước Hậu, một hôm thấy Sư ông vô phòng riêng xỏ mùng, đốt ngọn đèn leo lét ngồi. Thầy tưởng là Sư ông tu thiền nên mới đáp y thưa: “Bạch Sư ông, con ham tu thiền quá, Sư ông dạy con cách tu thiền!” Sư ông nói: “Thời mạt pháp chỉ còn lục tự Di-đà thôi, chứ tu thiền sao được.” Thầy thất vọng quá, hỏi lại: “Vậy Sư ông ngồi làm gì?” Sư ông đáp: “Ngồi niệm Phật.”

Khi Thầy ở Ấn Quang, thấy Hòa thượng Giám đốc đóng một cái lồng lưới trên sân thượng, tối nào cũng vô ngồi trong đó. Thầy nghĩ Hòa thượng tu thiền nên đáp y tới đánh lễ thưa: “Bạch Hòa thượng, con ham tu thiền, xin Hòa thượng dạy con pháp tu thiền”. Hòa thượng nói: “Tôi đâu có tu thiền, tôi niệm Phật!” Thầy thưa tiếp: “Mỗi đêm con thấy Hòa thượng ngồi thiền trong lồng lưới.” Ngài bảo: “Tôi ngồi niệm Phật.” Thầy lại thất vọng lần nữa. Thầy của Thầy niệm Phật, Sư ông của Thầy niệm Phật, tới Hòa thượng Giám đốc cũng niệm Phật luôn, Thầy lại muốn tu thiền, không biết làm sao tu.

Đến năm 1958 sau khi hoàn tất việc học, Thầy được bổ nhiệm xuống Trà Vinh dạy lớp Sơ đẳng, thay thế thầy Tịnh Đức vừa mất. Ở được hơn một năm Thầy bị gọi về, vì thầy Thiên Định đi Nhật, thầy Huyền Vi cũng chuẩn bị sang Ấn Độ du học, thành thử ở Ấn Quang thiếu người. Đó là khoảng thời gian cuối năm 1959, đầu năm 1960. Do Thầy làm nhiều việc, vừa dạy học vừa đi giảng nên cuối năm 1960 bị nám phổi khá nặng. Thầy bị quan vô cùng, tất cả mọi công việc phải ngưng lại hết. Phật tử đưa Thầy vô bệnh viện Grall, bác sĩ người Pháp nói muốn trị cho mau lành phải ăn mặn vì ăn chay khó lên cân. Thầy hứa

với bác sĩ sẽ lên cân mau. Tuy nhiên Thầy vẫn ăn chay và được Phật tử ưu đãi lo đầy đủ mọi thứ. Vô bệnh viện họ thuê phòng riêng hạng nhất cho Thầy nằm một mình, lại cho ăn sang thành thử mỗi tuần lên một ký. Qua đó mới biết do trước mình ăn uống thiếu thốn, hơn nữa lại làm việc quá nhiều nên mất sức. Vào viện được nghỉ ngơi, ăn uống sung túc nên mau lên ký.

Trong thời gian này có một điều rất đặc biệt. Trước khi vào bệnh viện, Hòa thượng của Thầy soạn trong tủ thấy cuốn Lục Diệu Pháp Môn của đại sư Trí Khải tông Thiên Thai bên Trung Hoa, ngài kêu Thầy lại dạy: “Thanh Từ ham tu thiên thì lấy cuốn này coi rồi tu.” Đọc đi đọc lại mấy lần, Thầy rất thích. Vì vậy trong lúc nằm bệnh viện Thầy đã chuẩn bị cho tương lai của mình. Từ đây về sau không thể sống chung trong tập thể được nữa, nên Thầy quyết định chuẩn bị chỗ ở để tu thiên. Lúc ấy có các Phật tử Bến Tre lên thăm, Thầy tỏ ý muốn cát thát riêng tu. Họ hoan hỷ hưởng ứng và hứa sẽ lo cho.

Cuối năm 1960 đầu năm 1961, thầy Nhất Hạnh cho Thầy mảnh đất gần Phương Bối Bảo Lộc cát thát nghỉ ngơi. Khi được đất rồi, Thầy nói cho Phật tử biết và họ tự lên đó làm. Thành thử khi ra bệnh viện, Thầy liền có thát ở. Vậy là từ năm 1961 Thầy bắt đầu tu thiên. Lúc trước ham tu thiên nhưng không có cơ hội cũng như phương tiện, bây giờ nhân bệnh duyên nên có cơ hội tu thiên.

Khởi đầu Thầy tu theo cuốn Lục Diệu Pháp Môn, bắt đầu từ sở tức đến tùy tức. Hai phương pháp này rất cần thiết và phù hợp cho người mắc bệnh phổi như Thầy. Sau khi xuất viện, bác sĩ dặn ba tháng nữa trở lại khám và lấy thêm thuốc. Nhưng Thầy tự hứa không trở lại lần thứ hai. Vì vậy Thầy cứ mãi miết dùng phương pháp sở tức và tùy tức để vừa tu vừa trị bệnh luôn. Thầy Nhất Hạnh đặt tên thát ở Phương Bối là Thiên Duyệt thát. Mấy tháng sau, thầy Nhất Hạnh đi ngoại quốc, còn lại mình Thầy và mấy chú. Thời gian ở đây hơn một năm, Thầy tận lực cho việc tu thiên và trị bệnh.

Tới chừng khỏe rồi, Thầy soạn chương trình để dạy học vì lúc đó còn nợ trường. Học ra chưa làm được bao nhiêu thì bệnh. Do Thầy đau phổi nên không tụng kinh niệm Phật cũng không ai rầy. Thầy từ giã nghi lễ nhà chùa, chuyên sang chuyên tu thiên, dành thời gian ngồi thiền. Đây là một bước ngoặt lớn trong đời tu của Thầy. Sống tại Thiên Duyệt thát được hơn một năm thì có lệnh của chính quyền ông Diệm bắt phải về áp chiến lược vì Phương Bối ở trong rừng núi. Thấy không ổn, Thầy bỏ luôn rồi về Vũng Tàu mượn thát ở chùa Linh Sơn ba tháng. Sau đó Phật tử cất cho Thầy cái thát tại An Dưỡng Địa. Từ đó về sau Thầy ở hết thát này tới thát kia. Cuối năm 1962, Thầy về An Dưỡng Địa - Phú Lâm.

Khi ở Thiên Duyệt thất, Thầy có soạn một chương trình dạy Trung đẳng chuyên khoa ba năm cho những tăng ni lớn chuẩn bị ra làm Phật sự. Soạn xong, Thầy về trình với Hòa thượng Giám đốc và Hòa thượng Phó giám đốc xem. Hai ngài đồng ý mở lớp học tại An Dưỡng Địa vì Thầy có thất sẵn. Đến năm 1963 làm xong chánh điện, nhà tăng, nhà giảng thì gặp pháp nạn. Ông Diệm bắt tăng ni nhốt trong chùa đó. Thầy chạy trước về Trà Vinh ẩn trong chùa Phước Hòa. Sau thấy nơi này cũng không ổn, Thầy lại chạy lên Mỹ Tho.

Thời gian đó tại Cần Giuộc có thất của thầy Thiên Tâm. Thầy Thiên Tâm với thầy Bửu Huệ, thầy Tịnh Đức là lớp trước Thầy. Mấy vị xin nhập thất, mỗi vị nhập mười năm sau mới ra làm Phật sự. Lúc Thầy lên đó thì mấy thầy đều nhập thất, tuy nhiên Thầy vẫn chạy tìm quý thầy xin tạm trú cho yên. Do thầy Thiên Tâm, thầy Bửu Huệ đều học giỏi và ham tu nên Thầy dự định mời hai thầy ra phụ dạy trường Trung đẳng chuyên khoa.

Sau pháp nạn, Thầy trở về An Dưỡng Địa chuẩn bị mở trường. Thầy hứa chỉ nuôi ba mươi tăng, huấn luyện rít ráo để sau ra làm Trụ trì hay các Phật sự khác đều được tốt đẹp. Ba thầy kia cùng về cất ba thất lá ở với chư tăng. Năm 1964, bắt đầu khai giảng. Thầy tự đặt cho mình chức Quản viện, thầy Thiên Tâm là Giáo thọ, thầy Bửu Huệ làm Thủ bản, ai cũng phải giảng dạy. Quản viện coi sóc toàn bộ từ tiền bạc đến tiếp khách, thỉnh Giáo sư. Ở Dục Sư cũng mở một lớp, quý thầy vừa dạy ở Huệ Nghiêm rồi dạy luôn Dục Sư. Đồng thời lúc ấy thầy Nhất Hạnh bên trường Đại học Vạn Hạnh cũng mời dạy thêm. Thành thử thời gian đó Thầy phải dạy ba chỗ và làm việc rất tích cực.

Qua một năm, một số chư tăng tham dự biểu tình thời ông Diệm không về quê mà ở lại Việt Nam Quốc Tự. Họ hung hăng quá, bữa nọ đóng cửa đánh Trụ trì. Giáo hội bất lực, mời quý thầy họp bàn và quyết định dời họ về An Dưỡng Địa. Giáo hội cho biết số lượng là hơn hai trăm tăng, mấy ông đó “lục lã” quá nên Thầy ra điều kiện. Thứ nhất Giáo hội phải cất chỗ ở, thứ hai phải có tiền ăn uống sinh hoạt hàng tháng, chứ Thầy không lo nổi, thứ ba phải có trường học. Các điều kiện trên đều được Giáo hội chấp thuận.

Trường học thì dễ rồi, vì lúc này đã có sẵn trường Bồ Đề. Từ con số ba mươi mấy, nay trở thành ba trăm mấy, vì vậy Thầy phải chạy ngược chạy xuôi. Có mấy lớp học tại chỗ, lại thêm phải lo xe đưa học tăng sang trường Bồ Đề. Công tác lúc đó thật nhiều phiền lụy. Tuy nhiên, dù dạy nhiều, làm việc nhiều nhưng phổi không sao hết, cho thấy việc tu thiền của Thầy rất hiệu nghiệm. Nhờ biết sử dụng hơi thở nên bệnh phổi nhẹ dần, từ đó tới giờ không tái phát.

Năm 1966, mãn chương trình giáo dục ba năm, Thầy xin với Hòa thượng sau khóa học sẽ nghỉ. Tuy quý Hòa thượng không cản nhưng không được vui. Giữa năm 1966, Thầy chuẩn bị thất để sau khi nghỉ dạy có chỗ tu. Thầy ra

Vũng Tàu nhờ thầy Tịnh Viên tìm miếng đất trống trên núi và được thầy dẫn lên Chơn Không. Nơi này rừng núi không có ai, gần phía bên dưới chỉ có duy nhất nhà ông Ba Hạc.

Cuối năm 1966, Thầy nhờ thầy Tịnh Viên thuê người lên cất thất. Thật tình bao nhiêu năm làm việc Thầy không có lương. Dạy ở trường Đại học Vạn Hạnh mỗi tháng được ít trăm, dành dụm tới chừng khởi sự cất thất chỉ có 20.000 đồng. Cất cái thất lá với hồ nước là đủ. Cuối năm 1966 mãn công tác rồi, Thầy mời thầy Bửu Huệ ở lại quản lý Huệ Nghiêm đồng thời chuyển qua cho Giáo hội lo hết mọi việc.

Như vậy từ năm 1952 đến năm 1966, Thầy quay cuồng trong công tác và lo tròn mọi chuyện. Thầy nghĩ mình dạy cho tăng ni ba năm là đủ đền ơn thầy tổ rồi, từ đó về sau làm việc riêng của mình. Vì vậy việc chuẩn bị cất thất trên núi là bắt đầu lối đi mới, không theo lối cũ nữa. Quyết tâm lên núi chỉ còn một việc, hoặc khỏe mạnh tu hoặc chết luôn trên đó. Tính gọn vậy thôi.

Thầy lên núi, xung quanh thất toàn là rừng rú gai góc nên phải dọn dẹp suốt một năm. Thầy đặt tên chỗ mình ở là Pháp Lạc thất, nghĩa là thất vui với chánh pháp. Buổi sáng lao động, buổi chiều xem kinh, buổi tối ngồi thiền nhưng chưa quyết liệt lắm.

Nhờ có Phật tử mỗi tháng cho 500 đồng nên Thầy gửi Phật tử Vũng Tàu mua gạo và thức ăn đem lên. Thầy sắm hai cái nồi, một cái nấu cơm một cái nấu canh. Buổi sáng uống ly sữa với ít bánh mì khô rồi đi lao động. Tối mười giờ vô tắm rửa xong nấu cơm. Thầy nấu ăn đơn giản, làm sao vừa canh vừa kho một thứ. Thầy xắt khoai tây, củ quả bỏ vô nồi, nêm nước mắm mặn, vừa làm canh vừa làm đồ kho. Như vậy một năm liên tục, tự làm tự chịu thôi.

Đến năm 1968, xung quanh chỗ Thầy dọn tương đối mát mẻ và trồng trái. Gia đình cô Bảy Ngọc (Hạnh Chơn) ra chùa Hang cất cái thất xin nấu cơm cho Thầy. Thầy quá mừng vì từ đây mình có cơ hội nhập thất. Thầy suy tính nhập chừng bao lâu đây? Điều gì sẽ xảy ra? Năm Mậu Thân 1968, tuy bên ngoài có nhiều biến động nhưng Thầy nhất định không bỏ quyết tâm.

Sau khi sắp đặt xong xuôi mọi việc, rằm tháng tư Thầy tuyên bố nhập thất. Một số Phật tử tới dự hỏi Thầy nhập bao lâu, Thầy nói không có hạn định. Nếu phát minh được gì mới lạ sẽ ra, bằng không thì chết luôn trong thất. Nghe oai chưa? Nhiều người tưởng không gặp lại Thầy nữa. Vậy mà đó lại là thời gian quyết liệt nhất để tới ngày này có ra những điều kỳ lạ đáng kể.

Trong thất Thầy có sẵn cuốn Lục Diệu Pháp Môn và hài lòng tu theo con đường đó. Vì trước đã quen với sổ tức và tùy tức nên Thầy tiếp tục qua đến bước chỉ, quán, hoàn và tịnh thì mới đủ sáu pháp. Trong phần chỉ dạy, hoặc trụ

tâm ở mé tóc, hoặc ở chót mũi, hoặc dưới rún. Dừng tâm trụ những chỗ ấy, không cho nghĩ gì khác, không cho tâm chạy đi đâu.

Ban đầu ngồi thiền Thầy trụ tâm ở mé tóc, chừng nửa giờ nhưc đầu không tưởng tượng. Thầy buông ra, chuyển qua trụ chót mũi nhưng cũng nhưc đầu luôn. Dời xuống trụ dưới rún thì lại ngủ gục liên miên. Thật là thất bại. Pháp môn này có sáu bước, mới thực hành bước thứ ba đã cùng đường đi không được, qua không nổi nên Thầy phải dừng lại.

Ngày xưa Thầy từng đọc kỹ kinh A-hàm thành thử bây giờ chuyển qua pháp Tứ niệm xứ. Trước hết là quán thân bất tịnh, bước này Thầy quán rất kỹ. Quán được một lúc nhìn lại thân thấy rợn óc. Trong kinh dạy, khi nào quán thấy nhòm góm quá phải đổi sang quán tịnh. Ngày xưa các thầy Tỳ-kheo quán bất tịnh thấy chán chê thân này và tự tử. Thầy sợ phạm phải lỗi đó nên chuyển qua quán tịnh. Trong sách dạy, xẻ sống mũi thấy có xương ngà ngà ở đó. Quán cái xương từ đục đến trong cho tới phát ánh sáng là thành công. Nếu quán chỗ này không được thì quán xương ở ngực. Nhưng quán chỗ nào Thầy cũng bị đau đầu, tức ngực. Tới đây Thầy không biết phải tiếp tục làm sao? Nếu quán tịnh không được thì hai pháp sau không thể đến. Thầy đau khổ cùng cực vì bế tắc không biết đường đi. Chỉ còn biết lạy Phật sám hối cầu xin một lối thoát.

Đến đây không biết dùng pháp gì nên Thầy trở qua tu thiền thoại đầu. Tự mình đề ra công án: “Trước khi cha mẹ chưa sanh mình là cái gì?” để theo dõi. Một hôm Thầy đờ người đề không được nữa. Buông không xong mà cứ cứng ngắc, không hiểu thế nào. Cuối cùng phải buông ra rồi lạy Phật khóc sám hối. Thời gian này tuy quyết liệt nhưng tu tới đâu bị bế tắc tới đó. Thầy liên tục lạy Phật sám hối.

Đêm đó Thầy ngủ nằm mộng, thấy mình đi tới một ngôi chùa Tàu. Vô tới nhà Tổ thấy hai vị tổ là ngài Huệ Khả và ngài Tăng Xán đang ngồi, nhưng không thấy vị Trụ trì. Thầy chạy xuống bếp tìm Trụ trì, vừa chạy lên thì thấy hai Tổ đứng dậy đi ra. Vừa thấy mặt, Thầy biết ngay đó là tổ Huệ Khả và tổ Tăng Xán. Tổ Tăng Xán mặt tròn, tóc hơi dài như cả tháng chưa cạo. Tổ Huệ Khả thì mặt vuông, đầu đội cái mũ, rõ ràng thấy là nhớ liền. Giật mình thức dậy, Thầy buồn vô cùng. Hai Tổ sống cách đây hơn ngàn năm, mình vừa gặp liền biết, nghĩa là mình đã có duyên với quý ngài từ xưa, sao tới giờ còn lang thang chưa biết đường lối tu hành.

Đêm khác Thầy lại nằm mộng thấy có vị đứng trên bục cao đọc một bài thơ, câu cuối cùng là “không bình không trắc”. Nghe vậy Thầy không hiểu nên trong đầu suy nghĩ, không bình không trắc sao thành thơ? Khuya thức dậy Thầy ngồi thiền, trong đầu cứ nghĩ đi nghĩ lại, tại sao thơ mà không bình không trắc? Câu hỏi đó càng ngày càng nhấn mạnh trong đầu, bỗng dưng Thầy sáng ra.

Bình là không, trắc là sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc. Sắc không không thể tách rời nhau. Khi bùng sáng ra, Thầy ôn lại những gì lâu nay từng học ở Bát-nhã thì thấy rõ như ban ngày.

Thân chúng ta từ không, duyên hợp thành có. Cái Không sẵn trước gọi là tánh Không, duyên hợp thì có. Trong cái có lại có cái không, lỗ mũi trống, miệng trống, lỗ tai trống, mạch máu trống; tất cả cái không sẵn trong cái có. Có chẳng rời không, không chẳng ngoài có. Như vậy thân trước không, sau khi tan rã trở về không, ngay hiện tại đang sống có những cái không lồng trong đó. Sắc tức là không chứ không thể có sắc và không riêng. Đó là ẩn ý của câu “không bình không trắc”.

Nhận được chỗ này rồi, cả ngày Thầy đi tới đi lui cười một mình. Sau đó Thầy lấy kinh Bát-nhã, Kim Cang và những quyển viết về thiền ra đọc. Đọc đến đâu hiểu đến đó, nhất là quyển Thiền Nguyên Chư Thuyên Tập Đô Tự (Nguồn Thiền), thấy rõ như ban ngày và bắt đầu đem ra dịch. Đến khi đọc qua các sách thiền khác cũng biết rõ không nghi.

Qua đây Thầy nhận rõ rằng bước vào cửa thiền là cửa Không. Thấy được lý Không rồi, Thầy hiểu hết những gì trong nhà thiền nói. Như trong bài Tín Tâm Minh tổ Tăng Xán dạy: “Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm”, tin tâm thì không có hai bên. Hai bên là đối đãi sanh diệt, thoát được cái đó là ra ngoài sanh diệt. Vừa dấy niệm là đã có hai bên, tức là còn sanh tử. Dứt được hai bên mới hết sanh tử. Đó là chỗ Thầy thấy rõ ràng không nghi.

Từ khi thấy được lý sắc không rồi, Thầy hằng hái tìm đọc các kinh sử của chư tổ để lại. Càng đọc càng thấu rõ, sau đó Thầy tuyên bố ra thất. Tháng tư vô thì tới ngày hăm một tháng bảy ra, năm đó nhuận nên là tháng bảy sau. Từ những điếm trong mộng mà Thầy ứng dụng tu và sáng được như vậy. Mộng my là hư nhưng nhân mộng my mình thấy được lý đạo. Đó là điều khó nói. Như vậy hư và thực không có ranh giới.

Sau này người ta đặt câu hỏi, tu thiền phải có vị minh sư ngộ đạo truyền tâm ấn, vậy Thầy có được ai truyền tâm ấn không? Thầy dạy tu thiền gốc từ đâu? Thầy nghĩ mình có duyên với tổ Huệ Khả. Trong sử kể, ngài Huệ Khả tu thiền mà tâm chưa yên, gặp tổ Đạt-ma xin pháp an tâm. Tổ Đạt-ma bảo: “Đem tâm ra ta an cho.” Tổ Huệ Khả thấy tâm mình là thật vì đang bất an, nghe Tổ bảo ngài quay lại tìm tâm bất an thì nó mất. Ngài thưa với Tổ: “Con tìm tâm không được.” Tổ bảo: “Ta đã an tâm cho ngươi rồi.” Dễ như trở bàn tay. Ngay đó ngài Huệ Khả có lối vào.

Thông thường chúng ta cho suy nghĩ của mình là tâm. Trong kinh Lăng-nghiêm Phật đã quở, đó không phải tâm mình, nó chỉ là những bóng dáng duyên theo sáu trần. Tổ biết cái sai lầm của ngài Huệ Khả nên bảo *đem tâm ra*

ta an cho. Ngài Huệ Khả tìm không được nhưng cũng chưa biết nó giả, thành thử ngài thua thật với Tổ, *con tìm tâm không được*. Tổ bảo *Ta đã an tâm cho người rồi*, nghĩa là cái ông cho là tâm đó không thật có, vì vậy tìm không được. Biết nó hư dối thì an rồi chứ có gì đâu. Ngài Huệ Khả nhân đây biết được đường vào.

Từ đó Thầy nhìn lại hướng đi chur tổ dạy trước sau rõ ràng, không sai chạy chút nào. Chỉ vì chúng ta tu chưa tới nên hiểu không rõ, thành thử cứ lần quần ra không được. Trong việc tu, chúng ta phải can đảm. Gặp những lúc lao đao lận đận cũng phải chấp nhận. Dù khổ mấy cũng phải tiến tới, mới mong đạt được sở nguyện. Nếu tu lừng chừng, khó một chút thôi tâm Bồ-đề thì không đi tới đâu hết. Như vậy mộng của Thầy là hư dối, nhưng nhân mộng thấy được lẽ thật. Đây chính là chỗ hư thực khó phân.

Một đêm khác Thầy nằm mộng thấy mình vận thần thông bay đi một mình, qua khỏi ngọn cây chứ không cao lắm. Phía dưới con đường đất, hai bên là rừng thông. Hết con đường đó tới cái cổng. Trong tâm tự nhắc mình về chùa, tới cổng đứng dưới nhìn lên thấy đề ba chữ Viên Giác Tự. Giật mình tỉnh dậy, Thầy ngạc nhiên không biết mộng đó là sao. Thầy nhớ lại năm đi qua Nhật được dẫn tới Kyoto thăm chùa Viên Giác, cổng ở đó giống hệt cổng trong giấc mộng.

Thầy có bệnh biết được điều gì hay phải nói ra chứ không giấu giếm. Cho nên cuối năm 1968, Thầy tuyên bố mở cửa thất. Thiên hạ ngạc nhiên, sao nói vô thất không thời hạn mà mới có bốn tháng đã ra rồi. Thầy về trình Hòa thượng Giám đốc, Hòa thượng Đốc giáo là thầy của Thầy, quý ngài đều hoan hỷ. Từ đó Thầy bắt đầu thành lập thiền viện Chơn Không.

Năm 1968 đến 1969, thiền viện Chơn Không ra đời. Thời gian đó nghe nói trên núi Phú Sĩ - Nhật Bản có vị Hòa thượng tu ngộ đạo nên Sư bà Vĩnh Bửu và Sư bà Thanh Lương qua chiêm ngưỡng. Hòa thượng đã già lắm rồi, ngài hỏi:

- Quý bà ở đâu?

Hai vị đáp:

- Bạch Hòa thượng, chúng con ở Việt Nam.

- Qua đây làm gì?

- Chúng con qua đây xin học thiền.

Hòa thượng nói:

- Ở Việt Nam có thiền, về bên đó học.

Về nước, quý Sư bà nghe tin Thầy mở lớp dạy thiền nên đến kể chuyện cho Thầy nghe. Về sau quý Sư bà hợp tác xây dựng tu viện Bát-nhã bên cạnh Chơn Không để tiện việc học thiền.

Nếu kiểm nghiệm lại thì thấy Thầy đã từng sanh tử không biết bao nhiêu lần. Kể từ thời tổ Huệ Khả, từ khi Thầy biết Tổ tới giờ hơn ngàn năm. Như vậy rõ ràng Thầy đi lang thang từ Trung Quốc dần dần sang Việt Nam vào đời Trần, lại sanh qua Nhật Bản rồi đáo về Việt Nam. Qua đó mới thấy đời chúng ta không chỉ ngang một chặng này thôi, mà từng trải qua một chuỗi dài về trước và một chuỗi dài về sau. Việc tu hành của mình không phải mới nhân đời này mà cộng với nhiều đời của quá khứ. Quá khứ đã từng làm những gì đến đây nó tụ lại. Kiểm lại mới thấy những gì Thầy đã làm thật quá mong ước của mình. Thầy ước một nhưng lại được tới hai ba. Không phải do Thầy có tài, chỉ vì đã từng tích lũy tu hành trong nhiều đời.

Qua những sự việc xảy ra trong đời, Thầy thấy rõ lý luân hồi trong đạo Phật. Chúng ta có mặt ở đây không chỉ một lần mà đã nhiều lần. Nói về những đau khổ của chúng sanh, Phật bảo nước mắt chúng sanh nhiều hơn nước biển cả. Vậy mà chúng sanh đa phần không biết, chỉ lo ăn chơi vui vẻ. Tới chừng ngã đùng ra chết, ra sao mặc kệ. Cứ vậy liên miên đi trong sanh tử không dừng.

Đức Phật có lòng từ bi rộng lớn, ngài thấy rõ vòng luân hồi sanh tử nên khuyên dạy chúng ta tu để dứt mầm sanh tử. Chúng ta không thấy cũng không tin nên chỉ tu lòng chừng lấy có. Đó là ý nghĩa lý nghiệp báo luân hồi, từng gieo nhân thì không bao giờ mất quả. Thầy biết tổ Huệ Khả nghĩa là Thầy biết tu thiền. Tới bây giờ tuy không gặp thầy bạn dạy tu thiền, nhưng cố gắng lần mò cũng ra và tu cũng được.

Tuy nhiên, thiền ngày nay khác với thiền ngày xưa. Thời Lục tổ có một số vị được mật truyền tâm ấn. Tại sao gọi là mật truyền? Một câu nói khó hiểu mà mình cố gắng nghiền ngẫm, đến ngày nào đó nó tự bung ra. Sau khi thấy đạo lý, trình lên thầy tổ được hứa khả gọi là mật truyền. Hiện nay Thầy không được mật truyền mà lại dạy thiền thì làm sao chấp nhận? Mỗi thời mỗi khác, mật truyền là khi người thầy ngộ được đạo, truyền riêng qua đệ tử. Thời này người ngộ đạo không có, ai mật cho ai? Không có người ngộ đạo mà muốn tu thiền thì phải lý giải. Đường lối của Thầy giống ngài Thần Hội. Hiểu rõ đường đi rồi ứng dụng tu hành, sau đó chỉ dạy lại cho người.

Ngày xưa chư tổ được truyền y bát, lấy đó làm biểu tín, nên nói gì người ta cũng tin và cố gắng thực hiện. Hơn nữa lòng tin của những người thời trước mạnh mẽ hơn bây giờ. Ngày nay không như thế nên phải dùng lý giải rõ ràng thấu đáo để người nhận hiểu mà tu. Có học nhân tới hỏi tổ Lâm Tế: “Thế nào là Phật?” Ngài đáp: “Que cứt khô.” Câu nói nghe tàn nhẫn làm sao. Nhưng

chính nó đập tan được ý thức, không cho học nhân tiếp tục suy nghĩ. Hỏi: “Thế nào là Phật?” Đáp: “Cây bá trước sân.” Những câu này đâu phải mật, nhưng vì các ngài không muốn nói trắng ra. Chúng ta cứ ngỡ nó huyền bí lạ thường mà sự thật không có gì lạ. Quý ngài dùng nó để chặn đứng tâm suy nghĩ của chúng ta, còn suy nghĩ là còn sai. Hỏi: “Thế nào là Phật?” Đáp: “Ba cân gai.” Không chỗ vin theo. Phải dùng suy nghĩ mới thấy được chỗ chân thật.

Chúng ta có bệnh nghe nói thì suy nghĩ tìm hiểu, vì vậy các ngài chặt đứt cái suy nghĩ ấy. Bây giờ biết nó giả, buông không theo nữa thì đâu khác với tôn chỉ của các ngài. Suy nghĩ là hư dối không thật, nó lặng rồi thì cái chân thật hiện tiền. Từ chỗ không suy nghĩ đến lúc nào đó sáng ra, gọi là thấy đạo. Đường lối tu ngày nay Thầy dạy nói đủ là Thiên tông lý giải. Giải cho hiểu lý để tu thiền chứ không phải mật truyền.

Trên đường tu chúng ta phải hiểu cho tường tận đầu đuôi gốc ngọn. Cách lý giải này có từ đức Phật, chứ không do tự ý Thầy đặt ra. Phật đã lý giải nhưng người ta không hiểu. Vì vậy sau này bậc thượng căn hiểu bằng cách mật truyền. Như chuyện đức Phật đưa cành hoa sen lên trong hội Linh Sơn. Nói mật truyền chứ thực ra đây là sự thông cảm giữa thầy trò, người tới trình độ đó thì liền hiểu ý Phật muốn chỉ. Gốc Phật dạy chúng ta tu là đập chết ý thức. Đập bằng cách này hoặc cách khác.

Ngày xưa lúc còn học trong trường, Thầy nghe các vị lớn hay nói: “Niệm Phật như lấy đá đè cỏ, tu Thiền là nhổ cỏ tận gốc.” Nghe vậy biết vậy chứ Thầy không hiểu, tưởng đâu các ngài chế cái này khen cái kia. Nhưng thật sự khi niệm câu “Nam-mô A-di-đà Phật”, tâm suy nghĩ lảng xảng lạng xuống; tới chừng buông câu niệm Phật, tâm lảng xảng lại nổi dậy. Dùng áp lực đè xuống thì nó dừng, hết áp lực nó trở lại như cũ. Chúng ta tu thiền biết rõ cái gốc của lảng xảng hư ảo giả dối, bỏ nó là dứt tận gốc.

Phương pháp trì chú cũng vậy, dùng câu thần chú “Án-ma-ni-bát-di-hồng” tuy không hiểu nghĩa nhưng cứ đọc rồi có linh nghiệm. Khi đọc câu chú, tâm không chạy nhảy nhưng buông ra rồi thì nó lại lảng xảng như cũ. Đó là cách mượn một cái đè một cái. Chúng ta tu thiền là đi thẳng từ gốc mà búng tung lên. Niệm Phật, trì chú hay tu thiền tuy phương tiện khác nhau, nhưng đều dùng để dẹp tâm vọng tưởng.

Người yếu đuối muốn tu đời này đời sau được hưởng phước thì dạy niệm Phật cầu sanh Cực lạc sung sướng. Người ở vùng rừng thiêng nước độc nguy hiểm sợ quỷ thần thì dạy niệm câu thần chú trấn áp ma quỷ. Nhưng pháp nào cũng phải tới được chỗ cuối cùng. Nghĩa là niệm Phật phải nhất tâm bất loạn, trì chú phải tới tam mật tức là thân khẩu ý mật. Mật là yên lặng, không còn niệm gì dấy động.

Tất cả các pháp môn của Phật đều quy về chỗ không hai. Tùy theo trình độ và căn cơ của mỗi người mà nói thành hai thành ba. Nếu không biết sẽ chấp tông này hay tông kia dở là sanh chuyện. Tu theo thiền Nguyên thủy tới Diệt tận định nhập Niết-bàn, dứt sanh tử không trở lại. Khi chúng ta tu tâm được yên lặng, tuy dứt dao động nhưng nguyện độ sanh không mất. Tức là không phải hết sạch nghiệp rồi nhập Niết-bàn; phải trở lại làm tròn trách nhiệm của mình. Khi nơi này lúc nơi khác, không đâu là chỗ nhất định. Hiểu vậy rồi nhìn lại mới thấy tất cả những người quen hay không quen ở nước này nước nọ, đều là tổ tiên bà con của mình. Ở đâu thì duyên theo đó chứ thật sự mình đã từng lang thang đủ chỗ rồi. Tâm chúng ta không cho phép mình vin người này bỏ người kia, thương người này ghét người nọ. Hiểu vậy trên đường tu mới không mệt mỏi chán ngán, không sợ sệt bất cứ điều gì. Đó là người thấy đúng đạo lý.

Trong kinh Pháp Hoa Phật kể, ngày xưa ngài tu hạnh Bồ-tát độ biết bao đệ tử. Đến lúc ngài thành Phật, những người được độ khi xưa bây giờ đã chứng quả A-la-hán hoặc Bồ-tát. Cứ vậy mà lần lần tiến từ thấp lên cao. Chúng ta ngày nay cũng vậy, có mặt trong hội này rồi cũng có mặt trong hội khác, từ từ tiến lên. Trong chúng đây phải giới chân chạy theo Thầy. Thầy đi đâu chạy tới đó, không phải ngang đây dừng. Đi nữa, đi tiếp nhưng không biết đi xứ nào. Tùy duyên.

Tất cả chúng ta, không ai là kẻ thân người sơ, đủ duyên gặp lại, hết duyên đi. Biết tu thì không còn tâm ích kỷ hẹp hòi, vì thấy ai cũng là người đáng thương. Mình cứ đi hoài trong vô số kiếp làm lợi ích chúng sanh. Phật từng nhiều đời nhiều kiếp tu hành, sau mới thành Phật nên ngài nói ba vô số kiếp là vậy. Chúng ta bây giờ cũng thế, ráng cần mẫn tu tập để đời này đời sau không chán, không thấy thời gian quá dài sanh mệt mỏi. Mỗi ngày làm được lợi ích cho chúng sanh là điều phước lành tốt đẹp.

Khi Thầy qua Mỹ lần thứ hai, trước khi đi nằm mơ thấy ngôi trên chiếc thuyền, mà người miền Tây gọi là tam bản. Một mình Thầy ngồi trên thuyền, tay cầm lái chèo giữa dòng sông sóng gió âm âm. Thầy vẫn tiếp tục nắm vững tay lái, tuy sóng gió nguy hiểm nhưng một lúc sau cũng vô được tới bờ nhẹ nhàng an ổn. Tỉnh dậy, Thầy biết chuyến đi này hơi nguy hiểm. Nhưng vì đã nắm vững đường lối tu nên Thầy nghĩ chắc không có gì. Quả thật qua bên đó Thầy gặp rất nhiều trở ngại. Tuy nhiên, rốt cuộc mọi sự đều bình an tốt đẹp. Vì vậy trong mơ là hư nhưng sự thực lại như vậy, thành thử Thầy đặt tên chuyến đi đó là “chuyến đi bão táp”.

Bây giờ Thầy giải thích tại sao lại đặt tên núi này là Phụng Hoàng. Thầy từ Chơn Không xuống Thường Chiếu, khí hậu dưới đó quá nóng chịu không nổi. Nhân dịp mấy Phật tử đưa Thầy lên đây nghỉ mát và đạo hồ Tuyên Lâm. Thấy cảnh trí nơi đây Thầy rất thích. Thầy nghĩ nếu có được cảnh này cát thiền

viện thì tốt quá, yên tĩnh và mát mẻ. Đêm đó về chùa Quan Âm ngủ, Thầy nằm mộng thấy con chim Phụng Hoàng to bay liệng trên không rồi sà xuống bên Thầy, Thầy đưa hai tay ôm cổ nó rồi giật mình thức dậy. Thầy biết đây là điềm lành, chắc chắn sẽ xin được đất trên này.

Sau đó Thầy bắt đầu xin giấy phép, tuy kéo dài một hai năm nhưng cuối cùng cũng được. Vì mộng thấy chim Phụng Hoàng nên xây cất xong, Thầy đặt tên núi là Phụng Hoàng. Mộng biến thành thật, rõ ràng hư thật không lường được.

Tóm lại buổi nói chuyện hôm nay có ba điều Thầy nhắc nhở. Thứ nhất, tu Phật phải tin lý luân hồi. Chúng ta không chỉ có một lần trên đời, không phải chết lần này là hết, mà đã qua lại trong sanh tử rất nhiều lần rồi. Thứ hai, tin chắc nhân nào đã gây tạo thì không mất. Ngày xưa Thầy từng tu thiền nên bây giờ tuy không gặp ai dạy tu thiền mà vẫn có thể tu được. Thứ ba, chúng ta không phải là người Việt Nam muôn đời, đời sau sẽ đi đâu chưa biết. Vậy thôi đừng oán hờn, thù ghét ai. Đối với tất cả mọi người, chúng ta hãy mở tâm rộng lớn, biết đâu họ từng là những người thân quen của mình ngày xưa.

Phật dạy chúng ta từ bi thương tất cả chúng sanh, không phải là điều vô lý. Bởi vì có những con vật tuy xấu xa mà biết đâu chính nó là thân nhân đời trước của mình. Thấy tất cả chúng sanh đều là thân quyến thì mình nên khởi tâm từ bi. Biết tất cả sự việc mình làm không mất, chỉ trước hay sau thôi. Kế nữa là con đường sanh tử luân hồi, gieo được hạt giống nào thì hạt giống đó sẽ từ từ trở hoa. Tin được như vậy thì sự tu của chúng ta không thôi chuyễn.

Thầy kể những chuyện này mong đại chúng nghe rồi nghiệm xét. Trong đời sống tu hành khéo xử sự đúng đạo lý, mở tâm rộng rãi đối với tất cả mọi người xung quanh. Được như vậy sự tu mới có kết quả tốt đẹp. Chúc đại chúng thành công trên con đường tu hành.

HÒA THƯỢNG DẠY NI CHÚNG THIỀN VIỆN LINH CHIẾU

Ngày 23-12-2000

Hôm nay rảnh rỗi Thầy nói chuyện với mấy đứa con một chút. Trước tiên Thầy hỏi đại chúng: - Nếu làm một việc nào mà được tăng trưởng phước đức thì mấy đứa con có làm không?

- Dạ làm.

- Tụi con biết như vậy rất tốt. Chúng ta là người tu phải bòn từng chút phước, không nên để phước đức của mình bị tiêu mòn. Phật dạy người có phước muốn làm gì đều thành công, còn người vô phước thì dù muốn làm gì cũng đều thất bại. Phước đức giúp chúng ta làm việc gì cũng được thành tựu. Thí dụ như Thầy, mấy đứa con thấy Thầy có làm ra đồng xu nào đâu, nhưng khi muốn làm việc gì, khởi xướng lên liền làm được hết. Tại sao được như vậy?

- Dạ, tại Thầy có phước.

- Dạ, tại Thầy tu.

- Đương nhiên rồi, bởi Thầy có phước, Thầy có tu. Nhưng nếu Thầy tu ở thất một mình thì có phước được như vậy không? Chắc chắn là không. Nhờ Thầy vừa tu vừa đi giảng dạy cho mọi người hiểu đạo, từ đó Thầy có phước mới nuôi nổi mấy đứa tu. Do vì Thầy có tâm hỗ trợ tăng ni tu, hướng dẫn Phật tử cùng hiểu Phật pháp mà được phước báu như thế. Nếu như Thầy ích kỷ, chỉ lo cho riêng mình khỏe thôi thì chắc hẳn đã không có phước.

Nhân đây Thầy muốn nhắc nhở đại chúng, nếu mỗi đứa có phước thì trên đường tu gặp được duyên lành, làm việc không bị chướng ngại. Trong khi tu tụi con phải tập, đứa nào cũng phải có tinh thần tương trợ huynh đệ, sẵn sàng hy sinh. Những việc khó nhọc mình phát tâm lãnh làm, không nạnh người này, chờ người kia. Hiện tại tuy mấy đứa con chưa làm lợi ích cho nhiều người, nhưng ít ra cũng làm trong phạm vi của mình. Đừng tránh nặng tìm nhẹ, cho rằng làm cái này nặng nhọc, làm cái kia nhẹ nhàng hơn. Người nào sẵn sàng làm những việc nặng nề nhọc nhằn, gánh vác thay cho chúng thì người đó có phước nhiều, còn kẻ tránh né chỉ ưa làm việc nhẹ thì tự nhiên phải ít phước hơn. Tụi con nên nhớ, ở trong chúng phải tận tâm lo cho Tam bảo, có thể mới xứng đáng, mai này ra làm Phật sự được.

Thầy làm Phật sự có khi nào mấy đứa nghe Thầy than mệt mỏi, hết muốn làm không? Tuy mệt nhưng luôn luôn cố gắng làm, nhờ vậy Thầy mới có phước. Tụi con nghĩ xem, tiền đâu mà Thầy cất được cái chùa to như vậy?

Xây dựng Thiền viện Thường Chiếu Thầy đâu có đồng xu nào, cũng không xin ai hết, chỉ cần khởi xưởng Thầy muốn làm việc này thì Phật tử ủng hộ liền chung tay ủng hộ. Đó gọi là có phước nên mọi việc đều được như ý, nếu không thì muốn làm cái gì cũng không xong. Đứa nào ở trong chúng cứ tránh nặng tìm nhẹ, nghĩ như vậy là khỏe thân, mà không ngờ đó là tổn phước. Tổn phước dần dần, đưa tới gặp nhiều trở ngại trên đường tu. Chẳng những thế, nhiều khi còn tu không được nữa.

Trong kinh Phật có nói, đừng sợ dư phước, chỉ sợ thiếu phước. Cho nên mỗi đứa ở trong chúng phải biết hy sinh, gánh vác việc nặng, thay nhọc cho huynh đệ. Người nào biết nghĩ như thế là biết thương mình, để dành phước báu để tu hành và mai kia còn làm được nhiều lợi ích khác. Nếu cứ sợ làm nhiều sanh bệnh, làm quá tu không được v.v... thì không tốt. Mấy đứa con thấy, mỗi ngày Thầy giảng hai ba thời, sáng giảng chiều giảng, nhưng vẫn làm việc không nghĩ đến mệt mỏi. Biết rằng già thì thân phải yếu, nhưng vì tinh thần mạnh mẽ nên luôn muốn làm lợi ích cho nhiều người, cứ vậy ngày ngày lướt qua mà không thấy mệt nhọc gì hết.

Tụi con đứa nào cũng lớn khôn rồi, biết tu hành thì phải ráng tạo công đức cho mình. Giả sử trong thiền viện có việc gì khó khó một chút, ban lãnh chúng thấy người nào làm được đề nghị lên thì mấy đứa con chấp tay nhận, hay trốn tránh hết? Chấp tay xá nhận, đó là người biết tạo duyên phúc cho mình. Đại chúng ráng tập tu hạnh từ bi, có tinh thần vị tha đối với mọi người. Bây giờ còn nhỏ tức là đầy đủ điều kiện tạo phước mà không chịu làm, đến lúc già bệnh muốn làm cũng không làm được, chùng đó bị nhiều thiệt thòi, hối tiếc cũng không kịp nữa.

Trên con đường tu hành, Phật tử luôn luôn gia hộ cho những ai nhiệt tình, những người vì chúng sanh, chứ không gia hộ cho kẻ tiêu cực, ích kỷ. Hiện tại chúng ta thấy dường như mình làm cho người khác, nhưng thực sự chính là làm cho mình. Giúp đỡ người này người kia, tức là giúp đỡ cho mình. Người tu khôn ngoan, không có tâm thói chuyên, không nên để mình ích kỷ nhỏ mọn, mà phải luôn cố gắng làm những việc phước đức, nhất là hy sinh cho chúng.

Ngày xưa Hòa thượng Giám đốc, tức Hòa thượng Thiện Hòa, ra ngoài miền Trung học. Trường cử Hòa thượng làm Tri sự, mà ở đó làm Tri sự cực lắm. Hòa thượng hay giúp đỡ người này người kia, vì Hòa thượng viết chữ tốt, nên ngoài việc Tri sự ra, nếu có ai mượn viết cái gì thì Hòa thượng đều sẵn sàng viết giùm hết. Học xong, Hòa thượng về lập Phật học đường Ấn Quang, từ tăng ni cho tới cư sĩ, ai ai cũng quý kính ngài. Tại sao mọi người quý kính Hòa thượng? Đó chính là nhờ đức hy sinh của ngài, nên mới có được đầy đủ phước báu như vậy.

Những người đi trước luôn luôn quên mình vì người sau, dẫn thân lo cho chúng tăng, phụng sự đạo pháp, nên các ngài có đầy đủ phước đức. Kẻ lánh nặng tìm nhẹ, chỉ muốn ở thất tu một mình cho sướng, miễn sao có cơm ăn áo mặc thì thôi, không cần làm gì hết, riết thành tiêu cực ích kỷ, tu hoài không tới đâu. Thế nên tui con nhớ học gương hạnh của quý Hòa thượng để bắt chước.

Chính bản thân Thầy cũng học theo gương hạnh của Sư ông, khi nào cần giảng dạy cho ai thì sẵn sàng liền, không nề hà gì cả. Nếu thấy việc gì có lợi cho chúng sanh thì Thầy làm. Nhiều khi Thầy rất mệt, nhưng có những đoàn tới cần hỏi đạo, Thầy cũng vẫn nói. Nói vui nên quên mệt. Mấy đứa con hiểu đạo lý rồi, ráng nhớ ứng dụng vào trong cuộc sống tu hành của mình, đừng bao giờ nói “Tôi mệt lắm thôi không làm nữa!” Bây giờ được như vậy thì tui con sẽ là những người tốt cho mai sau, làm ích lợi cho đạo pháp và xã hội.

HÒA THƯỢNG DẠY TUỆ TĨNH ĐƯỜNG LINH CHIẾU - Năm 2000

Hôm nay Sư ông có vài lời nhắc nhở tụi con, những vị được phân công làm việc tại Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu.

Sư ông cho thành lập Tuệ Tĩnh Đường, vì muốn đóng góp việc làm có ích cho xã hội. Vừa thể hiện lòng từ bi, mà cũng vừa nói lên tinh thần nhập thế của đạo Phật, nhằm dẹp bỏ quan điểm sai lầm của một số người cho rằng người tu là tiêu cực, ích kỷ. Nếu tổ chức của mình tốt thì làm lợi ích được cho nhiều người, nên tụi con phải cố gắng tận tâm tận lực.

Người bệnh tật nhiều đau khổ, chúng ta góp chút phần xoa dịu nỗi đau cho họ. Việc làm này tuy không lớn lao gì, cũng không đòi hỏi kết quả 100%, khoảng 80% là quý rồi. Nhưng trước mắt là đem lại niềm vui cho đồng bào. Một người hết bệnh là cả gia đình họ được vui theo, qua đó chúng ta đem họ đến gần Phật pháp.

Tất cả tụi con phải luôn cố gắng làm việc để đóng góp với xã hội, lợi ích cho mọi người. Là thầy thuốc trong Thiền viện, phải nhớ lời Phật dạy về hạnh bố thí. Đừng thấy mình là người bố thí, bệnh nhân là kẻ thọ thí, khiến cho đạo đức của mình bị tổn giảm. Nếu thấy trị bệnh là ban ơn, người bệnh là kẻ thọ ơn, rồi có những lời nói nặng nhẹ, quát tháo thì không tốt. Nên nhớ, nhân có người thọ thí, chúng ta mới làm được việc bố thí. Vì vậy đã phát tâm làm việc giúp dân, phải làm với lòng quý trọng, từ đầu đến cuối không thay đổi, không để thiếu sót. Làm sao tất cả người bệnh đến đây điều trị đều cảm thấy vui, đó mới thực sự là đức tính cao đẹp của một người tu.

Những người nhỏ được phân công làm Tuệ Tĩnh Đường, tự thân phải ý thức cao việc làm của mình. Đừng nghĩ rằng làm việc này là gánh nặng cho thầy tổ, là có công lớn đối với Tam bảo, mà phải thấy đây là bổn phận của mình đối với xã hội. Nếu thấy mình làm như thế là có công lớn, mọi người phải nể, rồi xem thường huynh đệ và đại chúng, đó là tổn đức. Phải hiểu, tất cả những gì người lớn giao người nhỏ làm, cũng đều nhằm tạo phương tiện cho người nhỏ có cơ hội tu học và tạo công đức. Do đó mấy đứa con khi được chút thành tựu gì, phải có lòng biết ơn và kính trọng thầy của mình. Đừng bao giờ ý có công mà coi thường thầy tổ. Phải biết, nhờ người lớn lo lắng sắp đặt, tạo điều kiện giúp đỡ nên mình mới được thành tựu.

Phần các vị lớn có trách nhiệm trông coi gánh vác cũng phải nhớ, chúng ta làm việc không phải để riêng cá nhân mình hưởng tiếng tốt, mà đó là tiếng tốt chung cho cả thiền viện. Điều cốt yếu của chúng ta là sự tu, công tác từ thiện chỉ là phương tiện tạo duyên lành. Cho nên phải luôn luôn làm trong đạo

đức, bằng tình thương chân thật, chứ đừng làm vì bản ngã tự kiêu tự đắc. Người nào thấu suốt được như vậy thì làm Phật sự mới lâu bền.

Dù làm ngành nào ban nào, mỗi người cũng đều phải đặt hết tâm trí của mình vào đó. Nếu làm mà gượng gạo, không hết lòng thì không nên làm. Muốn việc làm đạt kết quả tốt thì khi rảnh rỗi nhớ nghiên cứu sách thuốc, để hiểu thêm về những cây thuốc mới được y học phát hiện. Làm sao càng làm càng kinh nghiệm, càng giỏi mới được. Thầy thuốc có kinh nghiệm giỏi thì việc điều trị bệnh nhân ngày càng tiến bộ, cứu được nhiều người. Nên nhớ, mục đích của Tuệ Tĩnh Đường là cứu người, chứ không phải làm để lấy tiếng hay vì lợi dưỡng, hoặc được cấp bằng khen.

Khi khám chữa bệnh cần phải tập trung, gặp người quen đến khám bệnh cũng không nên nói chuyện nhiều. Bình đẳng với tất cả mọi người, đừng để bệnh nhân so bì, nghĩ rằng mình chiếu cố người này nhiều, người kia ít, rồi sanh ra bất mãn. Những người đi khám bệnh, ai cũng nôn nóng mong được về sớm. Nếu người lấy số 1, số 2 mà không được châm cứu, còn người lấy số 6, số 7 lại được châm trước thì làm sao không bực mình. Khi bực mình họ phản ảnh lại, tự nhiên mình mang tiếng không tốt. Bởi vậy nên tất cả tụi con làm việc phải theo đúng trật tự, để giữ uy tín cho Tuệ Tĩnh Đường.

Nơi đây là chỗ mà Sư ông đã cố gắng tạo mọi điều kiện tốt, để làm việc thiện cho có quy củ nề nếp, trật tự ngăn nắp, vệ sinh... đều sạch sẽ. Chúng ta làm việc này không phải lợi dụng từ thiện để dụ dỗ thiên hạ, mà làm từ thiện bằng tâm chân thật của mình. Như vậy, việc làm này chính là làm vì mọi người, mà đã vì mọi người thì phải công bằng, chứ không nên bất công.

Khi chúng ta làm vừa lòng người này, tự nhiên sẽ mất lòng người kia; thành ra chúng ta làm từ thiện mà gây bực bội cho người khác. Đó là sự bất công. Nhiều khi vì nghèo mà họ không biết đi đâu, nên ráng nhịn chịu đến với mình. Nhưng vô tình chúng ta đã gieo trong tâm họ ác cảm, không vui. Từ đó mọi người đôn đãi nhau, làm ảnh hưởng uy tín của Tuệ Tĩnh Đường.

Người tu lúc nào cũng để sự công bằng lên trên, sống cho có đạo đức. Tất cả phải nên hết sức cẩn thận. Dứt khoát đừng để xảy ra những vấn đề đáng tiếc. Bất cứ khía cạnh nào chúng ta cũng phải khéo léo chu toàn. Chúng ta nói, thành lập Tuệ Tĩnh Đường là vì lòng thương người. Từ bi thì phải bình đẳng, nếu thiên vị thì không phải từ bi, mà đó là ái kiến. Làm việc tốt phải tốt trọn vẹn, đừng để nó tốt giữa chừng, sau này hối hận không kịp.

Tất cả tụi con trong công tác nào cũng nhớ ráng làm cho tròn thì uy tín Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu mới bền vững lâu dài. Ngày nay Sư ông còn có mặt nên nhắc tới nhắc lui cho nghe, nếu mai kia Sư ông nghỉ không làm nữa thì ai nhắc nhở tụi con! Nếu không nghe theo lời dạy, chỉ làm theo ý riêng của

mình, đó là tự mình phá hoại công đức, còn mang tiếng không tốt cho đoàn thể nữa.

Nếu ước tính chi phí của Tuệ Tĩnh Đường trong một năm, chúng ta thật khó kham nổi. Nhưng nhờ vào lòng chân thành của tất cả mọi người, từ trên đến dưới đều hết lòng ủng hộ, lo cho người bệnh. Thế nên tuy chi phí rất nhiều mà sự cung ứng vẫn luôn đầy đủ không thiếu.

Khi lập Tuệ Tĩnh Đường, tâm huyết của Sư ông là muốn tạo phương tiện cho người bệnh vui bớt đau khổ. Chúng ta không cần người ta đăng báo hay tán thán mình, nhưng chính lương tâm của người thầy thuốc, chúng ta cần phải phục vụ đắc lực. Sư ông nói để tất cả thấy được việc của mình làm là đúng nghĩa, đúng với chánh pháp. Không vì cầu danh cầu lợi, chỉ cầu cho người bệnh được chóng lành, được an ổn, đó là tâm hạnh của người xuất gia. Ngày nào Sư ông còn khỏe mạnh, bảo đảm Sư ông lo cho mấy đứa con không thiếu phương tiện để làm, trừ lúc Sư ông mệt thì không biết sao, nhưng hiện tại thì tụi con hãy làm hết sức mình đừng toan tính. Như vậy mới không uổng phí công sức của đại chúng đã gánh vác công tác, dành thời giờ cho mình tạo duyên lành. Đồng thời cũng xứng đáng với tấm lòng của các Phật tử đã đóng góp cho Tuệ Tĩnh Đường, giúp thiền viện làm công tác xã hội được hoàn mỹ, đem lợi lạc đến cho đồng bào.

Nghĩ lại xem, nếu cộng hết từ đầu năm đến cuối năm thì mấy đứa con điều trị được bao nhiêu bệnh nhân? Khoảng mấy ngàn người. Người có bệnh đến mình điều trị, họ hết bệnh mà không tốn kém bao nhiêu. Một năm mình giúp được bao người bớt bệnh bớt khổ, như vậy cũng đáng mừng rồi. Dù biết rằng có thân là có bệnh, việc cứu giúp đó chỉ là tạm thời, hiện tại thấy mạnh khỏe rồi nhưng mai kia cũng sẽ đau bệnh lại. Tuy nhiên chúng ta vẫn đem hết lòng mà điều trị, hầu xoa dịu phần nào nỗi đau cho những người bệnh. Luôn luôn tận tâm tận lực, đó là trách nhiệm của người làm thầy thuốc.

Điều trị thân bệnh chỉ là cứu người tạm thời, còn muốn cứu được trọn vẹn thì sao? Là tự mình phải cố gắng tu giải thoát cho chính mình, rồi đem sự tu tập đó dạy lại cho mọi người. Tự cứu mình và cứu người thì việc làm mới được trọn vẹn. Tụi con có hai trách nhiệm rất lớn: Một là giúp cho người đời vui bớt đau khổ. Hai là tự cứu mình hết khổ muôn đời. Như vậy mới đúng ý nghĩa cứu khổ của đạo Phật. Mục đích của đạo Phật là làm sao để mình và người không còn sanh tử nữa, chứ không phải ở chỗ chỉ cứu giúp tạm thời mà thôi. Giải thoát sanh tử đó mới là cứu cánh.

Chúng ta thử nhìn lại thời đức Phật có dạy đệ tử đi châm cứu, hốt thuốc hay không? Không có. Phật chỉ dạy tu chứng A-la-hán, tự mình giải thoát rồi sau mới giải thoát cho người. Nhưng với hoàn cảnh bây giờ, chúng ta phải làm

thể nào để vừa tu tập vừa phù hợp với sinh hoạt của xã hội, để dân chúng thấy rằng người tu không phải là kẻ ăn không ngồi rồi. Bởi thế nên chúng ta phải làm việc lợi ích giúp cho người đời.

Muốn người chung quanh không chê cười biếm nhẽ mình thì tụi con phải cố gắng phục vụ. Mỗi năm số lượng bệnh nhân đến khám cao hơn, chúng tôi công tác mình làm được tốt cho nên quần chúng mới tin nhiệm tìm tới. Chúng ta thành lập Tuệ Tĩnh Đường không phải là bày ra làm lấy có, hay để mình nổi danh. Vì vậy Sư ông mong rằng mỗi năm Tuệ Tĩnh Đường điều trị được nhiều người lành bệnh hơn, công tác càng ngày càng tốt hơn. Có thể chúng ta mới thật sự giúp người bớt khổ, không hổ thẹn với đời.

Vừa rồi, có phái đoàn của Bệnh viện Định Quán đến Trúc Lâm. Ông Giám đốc Bệnh viện nói, lúc trước tháp tùng đoàn của Thứ trưởng Bộ Y Tế đến thăm Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu, thấy tổ chức rất ngăn nắp và chu đáo ông rất hoan hỷ, sau đó có hướng dẫn các vị trong Bệnh viện Định Quán tới để học hỏi. Nghe nói tất cả sinh hoạt và điều hành công việc Tuệ Tĩnh Đường đều do Sư ông sắp đặt, nên ông tìm lên tận Thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt.

Ông trình bày:

- Chúng tôi lên đây không phải để xin Thầy giúp đỡ về tài chánh, cũng không phải nhờ Thầy quảng cáo, mà chỉ có một thỉnh nguyện. Đó là khi nào Thầy có việc đi ngang qua Định Quán, xin ghé qua Tịnh xá Bửu Long. Vì ở đây đang mở Tuệ Tĩnh Đường nhưng tổ chức chưa tốt, nhờ Thầy hoan hỷ hướng dẫn sắp xếp giùm, để hoạt động nơi này được trật tự như ở Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu.

Qua sự quan tâm của các cấp lãnh đạo trong ngành Y, cho thấy Tuệ Tĩnh Đường của chúng ta tuy không lớn lắm nhưng có đường lối tổ chức rõ ràng, cơ sở khang trang sạch sẽ, làm việc trật tự ngăn nắp. Việc điều trị tốt, bệnh nhân đến đây chữa bệnh kết quả khả quan. Do đó tạo được tiếng vang trong xã hội, được nhiều người chú ý tìm đến với tâm hoan hỷ. Vì vậy, Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu không phải quan trọng mà trở thành quan trọng.

Tuy được mọi người quý mến nhưng chúng ta không nên tự mãn, mà cần phải cố gắng nhiều hơn nữa. Máy dĩa con phải hiểu, thành công này là do sự tận tâm và lòng nhiệt tình trong công việc của mình, nên bước đầu có được kết quả đôi chút như thế. Song lâu dài, về mặt trị liệu chúng ta cần phải nghiên cứu sâu hơn, để việc điều trị càng ngày càng đạt kết quả tốt. Về phần tổ chức thì các vị có trách nhiệm trong Ban điều hành phải luôn quan tâm, sắp xếp, gìn giữ sao cho Tuệ Tĩnh Đường lúc nào cũng khang trang, sạch sẽ ngăn nắp.

Việc cung cấp nguồn thuốc để đáp ứng cho nhu cầu điều trị vô cùng quan trọng. Điểm đặc biệt ở đây là chúng ta có vườn thuốc ngay trước sân Tuệ Tĩnh

Đường, còn các nơi khác thì phòng hốt thuốc và vườn thuốc cách nhau rất xa. Thế nên ban trồng thuốc phải lưu tâm, trồng theo từng chủng loại, cây thuốc loại cao thì trồng theo cao, thấp trồng theo thấp, làm sao nhìn vào vườn thuốc giống như một vườn hoa. Những cây thuốc hay, hoặc người ta cho loại nào mới thì mình cố gắng trồng cho có kết quả. Giả sử có những loại tuy phòng thuốc ít dùng, nhưng người dân cần xài thì cũng trồng để giúp cho dân.

Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiêu toàn là ni, không có chư tăng, cho nên từ việc ngoài vườn thuốc cho đến phơi thuốc, chặt thuốc, sao thuốc v.v... mấy đứa con đều phải tập làm hết. Tự mình đảm đang tất cả mọi việc, việc nào quá sức mới nhờ người làm phụ, còn trong khả năng vừa sức thì gắng làm, như vậy mới đúng tinh thần làm việc thiện. Nếu báo cáo mọi việc do mình đảm trách, mà trên thực tế toàn mượn người vào làm thì đó chỉ là nói suông mà thôi. Chúng ta phải nhớ, mình làm từ thiện là vì muốn giúp đỡ cho người, chứ không phải vì danh hoặc được người tán dương.

Ngày xưa khi lập Tuệ Tĩnh Đường, Sư ông có xin bác sĩ Thời đang làm Giám đốc Bệnh viện Long Thành, dùng vài thứ thuốc tây để giải quyết cấp thời cho bệnh nhân. Nhưng ông thẳng thắn từ chối, vì e rằng người ta thường hay treo đầu dê bán thịt chó, nên ông không dám cho. Điều này cho thấy lúc đó mình chưa đủ uy tín để người tin. Do vậy các vị làm việc phải hết sức cẩn thận.

Ở đây chúng ta có những thứ thuốc do Phật tử gửi về ủng hộ, nếu bệnh nhân nào cần điều trị thuốc tây thì cứ cho họ đem về uống chứ đừng bán. Các loại thuốc đông y phải mua vào để điều trị thì mình chia lại cho người bệnh với giá gốc. Làm việc nào ra việc ấy, đừng để người ta hiểu lầm, tưởng là của Phật tử gửi về cho mà mình đem bán, không hay. Mục đích của chúng ta làm là để giúp đỡ cho đồng bào, chứ không vì cầu danh cầu lợi. Thế nên tùy theo khả năng của mình đến đâu làm đến đó, làm được bao nhiêu thì tốt bấy nhiêu.

Trên đường tu tuy chúng ta chưa giải thoát sanh tử, nhưng cũng làm được chút việc lợi ích cho xã hội, vậy là tốt. Thế nên tụi con mỗi đứa phải nhiệt tình, nghiên cứu chuyên môn kỹ càng, để công tác mình làm ngày một hoàn hảo hơn, kết quả hơn. Đó là sự mong mỏi của Sư ông, tụi con nên cố gắng.

HÒA THƯỢNG DẠY TUỆ TĨNH ĐƯỜNG LINH CHIẾU - Năm 2001

Qua báo cáo cho thấy công tác Tuệ Tĩnh Đường ngày càng tiến bộ và hiệu quả nhiều hơn. Mỗi tháng Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu điều trị trung bình khoảng bốn ngàn bệnh nhân, có tháng lên tới con số bốn ngàn tám trăm người bệnh đến điều trị. Số lượng này rất lớn, chiếm gần một phần tư dân số của xã. Vậy là người dân xung quanh Thiền viện, đa phần khi bệnh có đến điều trị tại đây.

Trong số những người đến điều trị bệnh, giả sử tính bình quân mỗi tháng có ba mươi người hết bệnh, tức là ba mươi người được hết khổ, vậy là cứ mỗi ngày thì có một người bớt khổ. Bệnh nhân đến để trị bệnh, tức là có kết duyên với chùa. Người ta sớm lành bệnh thì đó cũng là duyên tốt của mình, mình đã gieo duyên tốt thì quả tốt nhất định sẽ đến.

Sư ông nhận thấy Ban thuốc nam vì thiếu phương tiện đi lấy thuốc nên thuốc bị thiếu, vậy thì chúng ta phải mua thêm cho đủ thuốc, để việc điều trị không bị trở ngại. Đồng thời Sư ông cũng có vài lời nhắc nhở thêm.

Chúng ta làm thầy thuốc, lại là thầy thuốc của người nghèo, nên dễ có nhiều điều nản chí. Người dân nghèo ăn mặc không được thơm mát, không thơm tho. Vì vậy khi tiếp xúc để trị bệnh tụi con phải khéo léo, không nên tỏ vẻ khó chịu khiến người ta mặc cảm. Gặp trường hợp bệnh không được sạch sẽ, nhớ đừng để bệnh nhân nghĩ rằng mình khinh thường họ nên mình đeo khẩu trang bịt mũi lại.

Dù bất cứ hoàn cảnh nào, tụi con cũng phải giữ thái độ bình thường, không được đối với bệnh nhân này khác, bệnh nhân kia khác. Người thì mình thông thả hỏi han vui vẻ, kẻ thì mình tỏ ra khó chịu. Như vậy không tốt. Bởi vì chúng ta là người tu, tức là người chan rải tình thương của lòng từ bi thì phải có sự hy sinh. Miễn sao người bệnh được phần lợi ích, còn bản thân thiệt thòi một chút cũng không sao. Tụi con đừng nản chí cũng không tỏ vẻ bất bình, như vậy phước báu của tụi con ngày càng tăng trưởng, bằng không ắt sẽ bị tổn giảm công đức.

Người có thân bệnh thường khó tính và không được vui vẻ. Nhất là những bệnh nhân nghèo, hoàn cảnh của họ thiếu thốn đủ thứ. Vừa thiếu ăn thiếu mặc lại thêm bệnh hoạn, quá nhiều cái khổ đến với họ. Nghèo đã khổ, lại thêm bệnh tật, khổ chồng chất khổ. Nếu mình không giúp được họ, thật là điều đáng buồn. Cho nên chúng ta cần hiểu mà thông cảm, giúp họ qua cơn bệnh khổ.

Nếu có tiền đem cho vài chục ngàn hay vài trăm ngàn, tiêu xài ít bữa cũng hết. Còn chúng ta giúp họ được khỏe mạnh thì họ có thể làm ra cơm ra gạo, có tiền chi tiêu cho cả gia đình được sống vui vẻ. Tuy chúng ta không trực tiếp giúp đỡ về mặt vật chất trong đời sống, nhưng chính khi giúp họ lành bệnh là đã làm người ta bớt khổ nhiều rồi.

Mặc dù chúng ta không trực tiếp cho ai tiền bạc, nhưng việc làm này lại có giá trị thiết thực vô cùng. Ở thế gian có gia đình, nhiều lắm cũng chỉ lo được năm mười người mà thôi, đã thế còn chưa chắc chắn con cháu có hiếu cả đời. Nếu thiếu phước, con cháu lớn lên lêu lổng, bỏ nhà đi hoang rồi rầu khổ với nó.

Chúng ta chỉ biết làm tròn bổn phận điều trị cho người được lành bệnh là đã đạt được mục tiêu rồi, đừng đòi hỏi người khác phải cảm ơn mình. Người ta cảm ơn cũng tốt, không cảm ơn cũng tốt. Không nên nghĩ rằng, người này mất lịch sự quá, mình lo săn sóc cho họ mà họ không một lời cảm ơn, cũng không tỏ lòng biết ơn. Nếu khởi nghĩ như thế thì sẽ sanh tâm chán ngán không vui.

Làm sao chúng ta vừa tu được, mà cũng vừa làm lợi ích cho mọi người. Trên thực tế chúng ta có thể làm lợi ích chung cho mọi người, mà việc tu của mình cũng không bị ảnh hưởng. Dù người không biết, họ phê bình tu là tiêu cực ích kỷ, chỉ biết lo cho bản thân mà thôi. Chúng ta nghe vậy cũng vẫn ngồi yên tu, mà không thấy hổ thẹn cũng không thấy buồn, vì mình đã biết rõ việc làm của mình, không lãng phí một đời tu hành vô ích.

Đối với người bệnh, chúng ta không cần tìm ở họ sự nhã nhặn, lễ phép. Vì chính bản thân mình cũng vậy, lúc có bệnh thì bực bội, cau có đủ thứ. Bệnh nhân ở vùng sâu, quê mùa ít học nên không biết phép lịch sự là việc bình thường. Chúng ta cần thông cảm và giúp đỡ họ nhiều hơn. Thầy thuốc phải có tâm bao dung và nhẫn nại, nếu thiếu những đức tính này thì không thể phục vụ lâu bền, việc điều trị cũng không hiệu quả.

Tất cả những vị làm Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu, luôn luôn ghi nhớ chúng ta là thầy thuốc miền quê cho nên phải gần gũi, nghĩ đến người bệnh khổ mà chan rải tình thương, đối xử chu đáo và bình đẳng. Như vậy mới đủ tư cách thầy thuốc, mới xứng đáng là một tu sĩ Phật giáo ra làm việc xã hội, khiến cho đạo Phật càng được quý trọng.

Sư ông mong tất cả tận tâm tận lực, vừa làm vừa nghiên cứu thêm. Mỗi đứa lãnh trách nhiệm theo khả năng của mình, phải cố gắng làm tròn bổn phận. Người châm cứu cần nắm vững chuyên môn huyết đạo, người điều trị thuốc thang phải hiểu rành rẽ dược tính của thuốc, người lãnh phần trồng thuốc thì ráng nghiên cứu tìm thêm các chủng loại thuốc... Vườn thuốc vừa đầy đủ vừa

tươi đẹp như một vườn hoa, đừng để chỗ này cây khô, chỗ kia cây chết, chỗ nào không có thắm mỹ.

Người ta có bệnh khổ nên cần tìm đến mình, chúng ta trị bệnh giúp họ với bớt đau khổ, bằng cử chỉ thân thiện, nói năng hiền hòa để an ủi họ. Nếu người bệnh tới mà mình lộ vẻ không vui, cư xử không tốt, huynh đệ không hòa thuận... làm người bệnh bức bối thêm thì việc điều trị không lợi ích gì. Dù cho mấy đứa con điều trị hay, nhưng có thái độ không tốt cũng làm giảm uy tín của mình rồi. Vì vậy tất cả các ban cần gắng nhớ tu tập trong lúc làm việc, nhiệt tình lo cho công tác được chu đáo vuông tròn.

Mỗi ngày làm việc ở Tuệ Tĩnh Đường, tiếp xúc không biết bao nhiêu bệnh nhân, mấy đứa con mới thấm thía lời dạy chí lý của đức Phật, cuộc đời là đau khổ. Khi chúng kiến nỗi khổ của nhiều người, chúng ta không còn tham luyến thân mình, không còn bị mê hoặc bởi ngũ dục nữa. Cho nên làm thầy thuốc chính là cơ hội tốt để ứng dụng tu. Nhận thức rõ ràng hiện trạng của thân, thấy bệnh khổ trước mắt mà quán chiếu thân mình cũng vậy. Lây đó làm kinh nghiệm để rắng tu.

Điều trị cho lành bệnh là giúp người bớt khổ, nhưng chỉ là bớt khổ tạm thời. Bởi hết bệnh về nhà, nếu lại tiếp tục tạo nghiệp thì cũng gây ra tội khổ nữa. Cho nên bên cạnh việc giúp giảm đau khổ về thân bệnh ngay hiện tại, chúng ta cũng khéo khuyên bảo bệnh nhân đạo lý. Nhờ nghe hiểu mà họ thức tỉnh, biết hướng tâm tu tập hạnh lành, đó là chúng ta cứu khổ tương lai. Nếu chỉ lo điều trị thân bệnh, tức là giúp người bớt quả khổ hiện tại, mà không giúp họ tạo nhân tốt cho mai kia, đó là chúng ta cứu họ chỉ một thời gian ngắn thôi, tới lúc bỏ xác thân này ra đi mờ mịt thì chúng ta cũng không sao cứu giúp được. Vì vậy muốn cứu giúp người được lâu dài thì phải làm sao cho tương lai của họ tươi sáng hơn. Nghĩa là chúng ta cần đem đạo đến với người bệnh, giúp họ hiểu đạo thì mới gọi là cứu giúp hoàn toàn.

Do đó, làm thầy thuốc tụi con cũng phải rắng tu, chịu khó nghiên cứu sâu Phật pháp. Làm sao để chính mình thấm nhuần đạo lý, có niềm vui trong đạo rồi đem ra nhắc nhở mọi người, biến lời nói của mình thành thực tế sống động. Mỗi khi tiếp xúc với bệnh nhân, gặp trường hợp nào có thể nói chuyện được thì tụi con đem lời Phật dạy nhắc nhở, để họ chừa bỏ những nghiệp ác, tránh xa điều tội lỗi.

Nhân việc xem mạch cho thuốc mà chúng ta có thể làm được hai phần: một là cứu khổ hiện tại, hai là cứu khổ tương lai. Những người nhiều đau khổ, chúng ta nói đạo lý họ dễ nghe hơn, còn người đang vui mà khuyên tu thì họ khó nghe. Tụi con làm được như lời Sư ông dạy, kết quả còn hơn người đi giảng pháp nữa. Bởi giảng pháp nếu vui thì họ nghe, không vui thì bỏ đi. Với

kẻ đang khổ, mình giải khổ bằng cách giải thích nguyên nhân gây khổ, khiến cho họ thấm nhuần đạo lý thì họ hết khổ, đó là cái hay. Được như vậy là tụi con làm tròn bổn phận của người tu, vừa là lương y vừa là pháp sư, sống đúng theo tinh thần đạo lý của đạo Phật.

Mục đích của Sư ông muốn tụi con làm là để gieo duyên với chúng sanh, đem chánh pháp truyền bá đến tận những người đau khổ, giúp họ dần dần hiểu đạo lý mà được an vui. Mỗi người tu chúng ta đều mong muốn thực hiện bản nguyện lợi sanh, vừa tu vừa làm lợi ích cho mọi người. Điều này mang ý nghĩa rất hay, nhưng không phải dễ thực hiện. Bởi có nhiều người muốn mà không làm được, trong khi ở đây chúng ta thực hiện được, thật là một phước duyên lớn của chúng ta.

Ban đầu, Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu mỗi tháng tiếp đón khoảng một ngàn bệnh nhân, hiện nay đã lên đến bốn năm ngàn người. Bệnh nhân đến đây mỗi ngày một đông, chứng tỏ việc điều trị tại Tuệ Tĩnh Đường này có kết quả, nên người bệnh mới tin tưởng tìm đến trị liệu. Bệnh nhân đến điều trị càng nhiều thì phí tổn càng lớn, tụi con làm việc nhọc nhằn nên phải hao phí sức lực hơn. Mặt khác, bệnh nhiều thì thuốc phải dồi dào để đủ cung cấp, có những thứ thuốc chúng ta không có nên phải mua. Chi phí cao thì tài chánh hụt. Nhưng đây là phần Sư ông lo, hụt bao nhiêu thì ráng bù bấy nhiêu. Bởi đó là cơ hội tốt để làm Phật sự. Những Phật tử giúp đỡ để Sư ông lo cho tăng ni, lo cho mọi người, nên Sư ông tự thấy mình có bổn phận phải làm cho tròn.

Như vậy, Sư ông cùng quý thầy và tụi con đồng cộng tác làm việc, giúp đỡ những người thiếu phương tiện điều trị ở những nơi khác. Bệnh nhân tin tưởng nơi đây, chúng ta không phụ lòng họ. Vừa ra công vừa ra của giúp người bệnh được lành. Đây chính là trách nhiệm của Sư ông và tất cả mấy đứa con. Điều quan trọng là dù bệnh nhân đông bao nhiêu thì tất cả tụi con cũng phải làm việc trong tinh thần vui vẻ, không nên lộ nét mệt mỏi. Vì đây là cơ hội tốt cho chúng ta, có người bệnh thì mình mới hết thuốc điều trị cho họ, cũng như có người xin thì mình mới cho được, chứ không ai xin lấy đâu mà cho. Bệnh nhân được lành bệnh thì đây là công quả của tất cả chúng ta.

Phật sự của Tuệ Tĩnh Đường này càng tăng thì chúng ta có hai cái vui: Thứ nhất là chúng ta đã gieo được niềm tin với người bệnh, từ một con số rất nhỏ, rất ít mà bây giờ tiến lên rất lớn, rất nhiều. Thứ hai, chúng ta có cơ hội làm những điều phước đức, mỗi ngày còn thêm một ít phước. Nhờ trị bệnh cho người mà phước đức của mình mỗi ngày mỗi tăng. Như vậy, bệnh nhân càng đông, sở phí càng nặng thì chúng ta càng thấy vui vì đã làm được nhiều điều tốt cho mọi người.

Tóm lại, từ Sư ông cho đến quý thầy của tụi con và ni chúng ở Thiền viện Linh Chiếu này, tất cả cùng nhau hợp tác làm việc đạo đức. Đây là việc làm hết sức cụ thể. Cứ hàng tháng có bao nhiêu người hết bệnh là chúng ta đã đem lại sự an ổn cho bao gia đình. Cho nên tất cả phải cùng chung lo, người việc này người việc nọ để hoàn thành tốt công tác mà mình được phân công.

Sư ông nhắc lại cho tất cả nhớ, mỗi người khi làm được việc gì thì phải giữ thái độ khiêm nhường, không nên có tâm tự cao. Đừng thấy mình là người ban ơn, bệnh nhân là kẻ nhận ơn, rồi coi thường mọi người. Trong kinh Phật dạy, người bố thí thấy người nhận thí như là ân nhân của mình, nhờ có người nhận mà người cho mới bố thí được, nếu không có người xin thì làm sao hành hạnh bố thí?

Lúc Sư ông đi Mỹ thuyết giảng, Phật tử ai cũng vui mừng quý mến. Sư ông đặt câu hỏi với Phật tử: “Tại sao Thầy sang Mỹ?” Phật tử ở bên đó trả lời không được, Sư ông nói: Vì Thầy thiếu nợ. Bởi lúc Phật tử ở trong nước, cúng dường giúp đỡ cho Thầy lo cho tăng ni. Bây giờ Phật tử ra nước ngoài, nợ đó làm sao Thầy trả hết được? Vì vậy Thầy sang nước ngoài giảng dạy là để trả nợ cũ, chứ không phải hảo tâm gì hết.

Sư ông tay không, chẳng có gì hết. Vậy mà trải qua thời gian ngắn Sư ông làm được bao nhiêu việc, chính là nhờ có tâm khiêm nhường, biết quý trọng mọi người. Thế nên khi muốn thực hiện điều gì, Phật tử xa gần đều thương và hết lòng giúp đỡ. Những người mang tâm ngạo mạn, dù rất có tài cũng không làm được gì ra trò. Tất cả tụi con phải tập đức tính hạ thấp mình và quý trọng người chung quanh. Được như lời Sư ông nhắc thì công tác Tuệ Tĩnh Đường này sẽ bền bỉ lâu dài, đồng thời phước đức của tụi con mỗi ngày mỗi tăng thêm.

Chúng ta từ thiện giúp đỡ đồng bào là làm tròn bổn phận đối với xã hội, nhưng việc tu hành vẫn là việc chánh, không thể lơ là. Người tu phải làm hai việc, bên ngoài thì tạo phước như bắc cầu, bồi lộ, cho người thuốc men v.v... gọi là làm thiện. Bên trong thì ráng tu cho trí tuệ sáng suốt, lòng từ bi ngày càng rộng mở. Đó là phước huệ lưỡng toàn, còn lệch một bên thì sự tu thuộc về tiêu cực, phiến diện, chưa đủ.

Nếu chỉ tu cho tiến về mặt nội tâm mà không giúp ai, không làm lợi người, tức là có huệ mà thiếu phước. Còn một bề làm thiện tích phước mà không lo tu, tức là có phước mà thiếu huệ. Sư ông thành lập Tuệ Tĩnh Đường, chính là nhằm tạo điều kiện lo cho mọi người. Tuy chúng ta không bắc cầu, bồi lộ... nhưng cho thuốc giúp người được giảm bệnh, đây cũng là một việc từ thiện lớn.

Muốn được đầy đủ đức hạnh thì khi gặp những bệnh nhân khó tính, ưa nhân nhó nói này nói nọ, tội con cần tu tập nhẫn nhục. Từ bi phải đi đôi với nhẫn nhục, không thể tách rời riêng được. Những đấng làm công tác Tuệ Tĩnh Đường thấy như thiệt thòi hơn các huynh đệ, vì không có thời giờ để học hành nhiều, lại phải nhẫn nhục với người bệnh, nhưng đó chính là duyên lành khiến cho tội con tu hành mau tiến, giúp cho sự tu thực tế hơn. Bình thường không ai đụng chạm tới mình, không ai làm mình bực bội thì chúng ta cũng đâu biết được sức tu của mình.

Nội bộ huynh đệ cùng làm việc chung với nhau, trong tinh thần hòa hợp. Phải biết kính thương nhường nhịn, không nên chống đối, cùng hợp tác để làm việc đạo đức, lẽ nào lại không thương nhau. Mỗi khi gặp việc không vui, phải nghĩ rằng mình đã là người tu, tại sao lại còn hờn giận nhau. Đối với người ngoài mình còn thương, huống nữa là huynh đệ trong Thiền viện mà lại không thương sao!

Do đó khi làm việc, đối với huynh đệ phải hòa thuận hoan hỷ, đối với người bệnh phải nhẫn nhịn, đừng buồn giận. Nói gì làm gì cũng nhỏ nhẹ, đừng bao giờ có lời qua tiếng lại, hoặc tỏ thái độ bực bội cau có, quát tháo trước bệnh nhân, khiến họ cười chê, sao mấy cô tu mà không hiền lành. Là những người đại diện cho thiền viện ra để giao tiếp với dân, phải nhớ giữ uy tín cho thiền viện, tránh đừng để người ngoài phê bình, làm giá trị của người tu bị giảm đi, khiến cho bệnh nhân mất lòng tin vào đạo Phật.

Sư ông mong rằng, càng làm việc từ thiện thì tâm tu hành của tội con càng mạnh, càng trong sạch. Không vì lý do giúp đỡ người rồi sanh cao mạn. Làm việc thiện, phục vụ cho người bệnh mà tu cũng như đang tụng kinh. Khi tụng kinh, nếu có phiền não dấy lên thì tội con phải bỏ liền, không để phiền não kéo lôi. Cũng vậy, khi làm việc thiện nếu bất chợt có niệm bực bội dấy lên thì buông liền, không nuôi dưỡng nó.

Tuệ Tĩnh Đường của chúng ta, mỗi năm chỉ báo cáo cho biết sự hoạt động ra sao, chứ không có khen thưởng tiền bạc gì hết. Người đời cuối năm phải thưởng cái này, cái kia... nhưng ở đây Sư ông thưởng ba ngày sám hối, cho có phước. Bởi khi làm việc, huynh đệ có lúc vui buồn với nhau, có lúc cũng bực bội với người bệnh. Vậy thì bây giờ rảnh rang, phải lạy Phật sám hối cho tiêu nghiệp, để huynh đệ cùng cảm thông, hoan hỷ thì phúc đức mới được trọn vẹn. Như vậy thì hiện tại sự tu hành của tội con sẽ có kết quả tốt đẹp, mai kia đủ duyên phước sẽ làm được nhiều Phật sự lớn lao hơn.

Sư ông cố gắng tạo điều kiện tốt rồi, bổn phận của mấy đấng con là phải làm sao cho mọi người tin tưởng, quý kính chùa chiền, quý kính Phật pháp. Sư ông còn có mặt thì tùy khả năng tới đâu, Sư ông làm tới đó. Sư ông đã cố gắng

tạo lập cơ sở nhà cửa nghiêm trang, phần còn lại là của tụi con, mấy đứa phải làm cho tròn bổn phận. Đây là điều hết sức cần thiết mà Sư ông mong mỏi ở tất cả tụi con.

HÒA THƯỢNG DẠY TUỆ TĨNH ĐƯỜNG LINH CHIẾU - Năm 2002

Sư ông có đôi lời tha thiết nhắc nhở tụi con, hàng con và hàng cháu cùng gắng ghi nhớ. Chúng ta luôn nỗ lực tu hành nhưng đối với việc từ thiện cũng phải tận tâm, làm hết khả năng của mình, không mệt mỏi không chán nản... Sư ông nói những điều thiết thực cho tụi con thấy, nếu chúng ta quên thân lo làm việc Tam bảo, giúp đỡ người với tâm hoan hỷ thì phước đức của mình không thể lường được, còn kẻ chỉ lo riêng cho bản thân mình thì làm sao có phước.

Tại sao người tu chúng ta không tự túc tự lo cho bản thân mình, mà phải sống nương vào thí chủ? Bởi vì có hai điều bất lợi: Một là lo theo việc làm quá nên quên tu hoặc không có thời giờ để tu. Hai là mình ỷ làm ra tiền nên mặt tình muốn làm gì thì làm.

Tại sao Phật dạy người xuất gia phải thọ nhận của thí chủ để nuôi sống thân mạng của mình? Là để chúng ta thấy có bốn phận mà cố gắng nỗ lực tu. Tụi con nghĩ coi, Sư ông không làm kinh tế tự túc, nhưng mấy đứa con ở thiền viện có đói bữa nào không hay ngày càng sung túc hơn. Sư ông kinh nghiệm từ bản thân mình, nên dù ở bất cứ trường hợp nào cũng đặt việc tu lên trên. Chúng ta tu hành nghiêm túc, Phật tử mới tin tưởng ủng hộ, còn không thì đâu ai tìm tới.

Như hiện nay chúng ta đã có nhiều thiền viện, mỗi thiền viện đều có số chúng ở tu học không phải ít, nhưng không có nơi nào thiếu gạo ăn, cũng không chỗ nào nhà cửa bị mưa dột khổ sở. Đó chính là nhờ vào sức gia trì của Tam bảo, nhờ chư vị Hộ pháp ủng hộ. Ngày xưa Sư ông còn dạy học ở trường, mỗi tháng được mấy trăm tiền lương, còn bây giờ không đi dạy nữa, không có đồng xu con nào hết, vậy mà vẫn đủ để lo cho tăng ni tu học. Cho nên tụi con phải tin tưởng, nếu chúng ta tu hành đúng chánh pháp thì Tam bảo luôn luôn gia hộ, Hộ pháp cũng không bỏ chúng ta.

Tụi con còn nhỏ cứ lo ở yên một chỗ cho thật bền, mai kia tu hành vững vàng rồi thì phước báu cũng đầy đủ theo. Sau này quý thầy của tụi con già yếu, mấy vị lớn rồi cũng ra làm Phật sự thì chừng đó mấy đứa nhỏ phải tấn lên để gánh vác Tam bảo. Chúng ta làm Phật sự theo nhu cầu cần thiết, chứ tụi con đừng muốn lãnh thêm cơ sở mới. Lãnh thêm một cơ sở mới, tức là phải đưa một số người đi. Cử người trung bình thì làm Phật sự không có kết quả tốt, còn đưa người giỏi đi hết thì thiền viện làm sao đủ người để giữ gìn gìn giữ mới! Chỗ này mình làm chưa xong, mà còn muốn thêm chỗ khác làm gì! Nhận lãnh nơi vắng vẻ tức nhiên phải có người lớn, còn chúng nhỏ mà ở chỗ vắng vẻ thì

không thể an tâm được. Hiện giờ tụi con học chưa xong, tu chưa đủ cần phải để tâm cố gắng tu học.

Người tu có đức hạnh, tự nhiên có người mời thỉnh. Điều đáng lo là mình tu không ra gì, không có đức hạnh. Đừng lo lắng, cứ lo tu và làm việc phước thiện cho đồng bào. Làm tròn hai điều này thì không sợ thiếu gạo ăn. Làm sao ngày nay người ta tốt với mình, ngày mai họ vẫn tốt không thay đổi, như thế mới được. Tụi con thấy, Sư ông làm được những việc ngoài sự mong mỏi của mình. Chỉ tính nội khu Thường Chiếu này thôi đã bao nhiêu người, rồi Linh Chiếu, Viên Chiếu, Huệ Chiếu, Phổ Chiếu, Chơn Không, Trúc Lâm v.v... cho đến các thiền viện khác trong nước và ngoài nước. Như vậy, làm sao Sư ông có tiền để làm Phật sự và lo cho tăng ni, nhưng Sư ông vẫn lo được, nên người ta đồn Sư ông giàu.

Nếu chúng ta không lo tu hành đàng hoàng, không có đức hạnh tốt, mà cứ ngồi lo tính làm ăn mãi thì có được như bây giờ không? Càng lo tính chạy ngược chạy xuôi thì đầu óc càng rối không tu được. Không tu được tức nhiên đạo đức bị tổn giảm, đi xuống hồi nào không hay. Rốt cuộc làm gì cũng không kết quả, như người trồng cây mà không có trái. Việc chính của tụi con hiện tại là làm sao cho Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu ngày càng phát triển, điều trị bệnh nhân đạt kết quả tốt.

Tụi con phải nhớ, đây là việc làm chung cho cả thiền viện, chứ không phải việc riêng cá nhân. Bởi đồng bào đến đây điều trị được lành bệnh thì họ mang ơn thiền viện Linh Chiếu, mà mang ơn Linh Chiếu thì tự nhiên người ta có thiện cảm với tất cả các thiền viện. Không những thế, điều này còn đem lại tiếng tốt chung cho cả Phật giáo chúng ta. Cho nên việc làm của tụi con là sợi dây gắn kết từ cá nhân, gia đình, chùa chiền và xã hội. Vì vậy tụi con phải luôn nhiệt tình và tận tâm trong công tác của mình.